

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

**DẠY HỌC TÁC PHẨM KHÍ NHẠC CỦA NHẠC SĨ  
ĐỖ HỒNG QUÂN CHO SINH VIÊN NGÀNH  
SƯ PHẠM ÂM NHẠC**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ  
LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC ÂM NHẠC  
KHOÁ: 3 (2016 - 2019)**

**Hà Nội, 2023**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT TRUNG ƯƠNG**

**DẠY HỌC TÁC PHẨM KHÍ NHẠC CỦA NHẠC SĨ  
ĐỖ HỒNG QUÂN CHO SINH VIÊN NGÀNH  
SƯ PHẠM ÂM NHẠC**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ**

**Chuyên ngành: Lý luận và Phương pháp dạy học Âm nhạc**

**Mã số: 9140111**

**Hà Nội, 2023**

## **LỜI CAM ĐOAN**

Tác giả xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của chính tác giả. Các kết quả nghiên cứu và những kết luận trong luận án là trung thực, không sao chép từ bất kỳ nguồn nào và dưới bất kỳ hình thức nào. Việc tham khảo các nguồn tài liệu đã được thực hiện trích dẫn và ghi nguồn tài liệu tham khảo đúng quy định.

*Hà Nội, ngày      tháng      năm 2023*

**Tác giả**

## **DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT**

ANVN	: Âm nhạc Việt Nam
SPAN	: Đại học Sư phạm Âm nhạc
DHSP	: Đại học Sư phạm
VHTT& DL	: Văn hoá Thể thao và Du lịch
GS	: Giáo sư
GV	: Giảng viên
HS	: Học sinh
HVANQGVN	: Học viện âm nhạc Quốc gia Việt Nam
Nxb	: Nhà xuất bản
PGS	: Phó giáo sư
PPDH	: Phương pháp dạy học
Phân tích tác phẩm	: Phân tích tác phẩm
TC	: Trung Cấp
THPT	: Trung học phổ thông
TS	: Tiến sĩ
TW	: Trung ương
VHTT	: Văn hoá thể thao

## MỤC LỤC

MỞ ĐẦU .....	6
Chương 1: TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DẠY HỌC TÁC PHẨM KHÍ NHẠC .....	17
CỦA NHẠC SĨ ĐỖ HỒNG QUÂN.....	17
1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu .....	17
1.1.1. Các công trình nghiên cứu về tác phẩm khí nhạc Việt Nam.....	17
1.1.2. Những nghiên cứu liên quan đến nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.....	19
1.1.3. Những nghiên cứu liên quan đến dạy học và phương pháp dạy học âm nhạc.....	23
1.1.4. Đánh giá tình hình nghiên cứu.....	32
1.2. Cơ sở lý luận về dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân..	35
1.2.1. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến đề tài .....	35
1.2.2. Các thành tố của quá trình dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên Sư phạm âm nhạc.....	48
Tiểu kết chương 1 .....	55
Chương 2: ĐẶC ĐIỂM TRONG TÁC PHẨM KHÍ NHẠC CỦA NHẠC SĨ ĐỖ HỒNG QUÂN.....	57
2.1. Vài nét về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân .....	57
2.2. Tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân .....	59
2.3. Những đặc điểm chính trong tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.....	61
2.3.1. Hình thức, cấu trúc tác phẩm .....	61
2.3.2. Cách xây dựng chủ đề .....	68
2.3.3. Phối khí .....	83
2.4. Vai trò và ý nghĩa việc dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong một số môn kiến thức âm nhạc cho sinh viên Sư phạm âm nhạc.....	88

Tiểu kết chương 2 .....	93
Chương 3: THỰC TRẠNG DẠY HỌC TÁC PHẨM KHÍ NHẠC CỦA NHẠC SĨ ĐỖ HỒNG QUÂN .....	95
3.1. Khái quát về địa bàn khảo sát.....	95
3.1.1. Vài nét về trường ĐHSP Nghệ thuật TW và khoa Sư phạm Âm nhạc	95
3.1.2. Vài nét về trường Đại học Sư phạm Hà Nội và khoa Nghệ thuật	98
3.1.3. Vài nét về trường Đại học Văn hoá Thể thao và Du lịch Thanh Hoá	100
3.1.4. Đặc điểm của sinh viên Đại học Sư phạm âm nhạc.....	103
3.2. Nội dung chương trình đào tạo ngành Đại học Sư phạm âm nhạc và nội dung chương trình dạy học tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong một số môn học .....	105
3.2.1. Nội dung chương trình đào tạo ngành Đại học Sư phạm âm nhạc	105
3.2.2. Nội dung chương trình dạy học tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong một số môn học .....	108
3.3. Thực trạng dạy và học các tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong một số môn kiến thức âm nhạc cơ bản .....	112
3.3.1. Tình hình dạy của giảng viên.....	114
3.3.2. Khảo sát về nhận thức vai trò của dạy học tác phẩm khí nhạc Việt Nam .....	117
3.3.2. Khảo sát thực trạng học tác phẩm khí nhạc Việt Nam của sinh viên	121
3.3.3. Đánh giá thực trạng dạy học một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên Sư phạm Âm nhạc.....	128
Tiểu kết chương 3 .....	130

Chương 4: BIỆN PHÁP DẠY HỌC TÁC PHẨM KHÍ NHẠC CỦA NHẠC SĨ ĐỖ HỒNG QUÂN CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM ÂM NHẠC.....	132
4.1. Nguyên tắc đề xuất.....	132
4.1.1. Đảm bảo tính mục tiêu .....	133
4.1.2. Đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ .....	134
4.1.3. Đảm bảo tính kế thừa, phát triển và khả thi .....	135
4.2. Biện pháp dạy tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên Đại học Sư phạm âm nhạc.....	135
4.2.1. Đề xuất lựa chọn một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân vào nội dung một số môn học .....	135
4.2.2. Phương pháp dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong một số môn học .....	139
4.2.3. Sử dụng phương pháp tích cực trong dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.....	144
4.2.4. Phát triển năng lực cảm thụ âm nhạc cho sinh viên .....	149
4.2.5. Dạy học về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân dưới dạng bài giảng chuyên đề	150
4.2.6. Một số biện pháp khác.....	152
4.3. Thực nghiệm sư phạm .....	155
4.3.1. Mục đích thực nghiệm sư phạm.....	155
4.3.2. Đối tượng, thời gian và địa điểm thực nghiệm sư phạm .....	156
4.3.3. Nội dung và hình thức thực nghiệm.....	156
4.3.4. Tiến hành thực nghiệm.....	159
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ .....	167
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	171

## DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Biên chế dàn nhạc trong 4 tác phẩm giao hưởng .....	83
Bảng 2.2: Biên chế dàn nhạc trong Sắc xuân.....	84
Bảng 3.1. Kết quả khảo sát ý kiến của GV với môn Phân tích tác phẩm .....	118
Bảng 3.2. Kết quả khảo sát ý kiến của GV với môn Âm nhạc Việt Nam/Lịch sử âm nhạc Việt Nam .....	118
Bảng 3.2a: Trường ĐHSP Nghệ thuật TW .....	122
Bảng 3.2b: Trường ĐHSP Hà Nội .....	122
Bảng 3.2c: Trường Đại học VH TT&DL Thanh Hoá .....	123
Bảng 3.3a: Trường ĐHSP Nghệ thuật TW .....	124
Bảng 3.3b: Tại trường ĐHSP Hà Nội .....	124
Bảng 3.3c: Tại trường Đại học VH TT&DL Thanh Hoá.....	125
Bảng 3.4a: Tại ĐHSP Nghệ thuật TW .....	125
Bảng 3.4b: Tại <b>ĐHSP Hà Nội</b> .....	126
Bảng 3.4c: Tại Đại học văn hoá thể thao và du lịch Thanh Hoá .....	127
Bảng 4.1: Sơ đồ chương 1 giao hưởng Rhapsodie Việt Nam.....	140
Bảng 4.2: Phần A của Nocture Tiếng vọng.....	142
Bảng 4.3: Sơ đồ chương 2 của giao hưởng Trỗi một .....	142



## MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Trải qua nhiều giai đoạn hình thành và phát triển, đến nay nền khí nhạc Việt Nam đã có những đóng góp đáng kể cho kho tàng âm nhạc nước nhà cả về số lượng và chất lượng tác phẩm. Đội ngũ nhạc sĩ sáng tác ngày càng lớn mạnh với nhiều tên tuổi tiêu biểu như Nguyễn Văn Thương, Nguyễn Văn Nam, Hoàng Việt, Nguyễn Đình Tấn, Đàm Linh, Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Đình Phúc, Nguyễn Thị Nhung... Các nhạc sĩ Việt Nam đã học tập, tiếp thu kỹ thuật sáng tác của châu Âu đồng thời có những sáng tạo, kết hợp với sử dụng chất liệu âm nhạc dân gian để tạo nên những tác phẩm khí nhạc mang bản sắc dân tộc.

Trong đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp nói chung và SPAN nói riêng, việc sử dụng các tác phẩm khí nhạc làm tư liệu dạy học là rất cần thiết. Các tác phẩm khí nhạc đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành năng lực âm nhạc, đồng thời, góp phần giáo dục thẩm mỹ âm nhạc cho người học. Đối với đào tạo ngành SPAN, SV sau khi ra trường chủ yếu sẽ là những người làm công tác giáo dục âm nhạc. Bên cạnh những kiến thức, kỹ năng chung về âm nhạc, cần thiết cũng cần thêm các kiến thức về âm nhạc Việt Nam và các sáng tác khí nhạc của các nhạc sĩ Việt Nam. Theo *Chương trình giáo dục phổ thông mới* (32/2018/TT-BGDĐT) của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành, môn âm nhạc lần đầu tiên được đưa vào chương trình học của cấp học THPT. Ở cấp học này, bộ môn âm nhạc không còn là môn bắt buộc như các cấp học trước, mà trở thành môn lựa chọn theo nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp. Trong chương trình học còn có phân tích hợp lý thuyết và thưởng thức âm nhạc, phần học này có đề cập đến lịch sử âm nhạc thế giới và lịch sử âm nhạc Việt Nam. Không chỉ ở THPT mà ngay cả ở THCS cũng có những nội dung giới thiệu tác phẩm khí nhạc nước ngoài và Việt Nam. Như vậy, để đáp ứng được việc dạy học tại các trường phổ thông, chương trình học cho SV ngành SPAN cũng cần có những kiến thức

chuyên sâu về âm nhạc chuyên nghiệp trong đó có phân tích, cảm thụ tác phẩm khí nhạc Việt Nam.

Những nhạc sĩ viết khí nhạc trưởng thành sau năm 1975 có thể kể đến một số tên tuổi như Trần Trọng Hùng, Nguyễn Cường, Đặng Hữu Phúc, Đỗ Hồng Quân... Trong đó, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân là người hoạt động âm nhạc trên nhiều lĩnh vực và có những đóng góp đáng kể cho nền âm nhạc Việt Nam. Ông vừa là nhạc sĩ, nhà chỉ huy, tham gia giảng dạy và nhiều hoạt động xã hội khác. Các sáng tác khí nhạc là mảng thành công nhất của ông, nhạc sĩ có nhiều tác phẩm ở các thể loại khác nhau: độc tấu, tam tấu, tứ tấu, hòa tấu âm nhạc giao hưởng, viết cho dàn nhạc dân tộc, nhạc cho vũ kịch... Các tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân thể hiện bút pháp tiếp thu những hình thức và thể loại âm nhạc phương Tây khá mẫu mực và có sự sáng tạo trên cơ sở ngôn ngữ của âm nhạc truyền thống Việt Nam. Mặc dù mang tính học thuật nhưng ngôn ngữ âm nhạc của ông lại rất gần gũi, dễ hiểu và để lại dấu ấn trong lòng thính giả. Khi được tiếp cận với các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, bên cạnh các kiến thức khuôn mẫu của âm nhạc châu Âu, SV được bổ sung thêm các nội dung về hình thức, thể loại, về sự kết hợp linh hoạt giữa các yếu tố sáng tác theo khuôn khổ âm nhạc phương Tây và chất liệu âm nhạc truyền thống, về cách xây dựng chủ đề dựa trên chất liệu âm nhạc dân tộc..., về những giá trị nghệ thuật của âm nhạc Việt Nam. Thêm vào đó, SV còn hiểu biết phong phú hơn về văn học, thơ ca, về thẩm mỹ âm nhạc. Những kiến thức và tư tưởng SV lĩnh hội trong quá trình học tập tại trường sẽ được các em truyền dạy lại cho các thế hệ học sinh phổ thông, không chỉ đáp ứng được yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 của Bộ GDĐT đề ra mà đặc biệt còn thực hiện được nhiệm vụ lan toả rộng hơn về truyền thống âm nhạc dân tộc Việt Nam, về tình yêu quê hương, đất nước.

Từ những yếu tố trên, có thể thấy, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân xứng đáng được lựa chọn để giới thiệu về lớp nhạc sĩ Việt Nam sau năm 1975 cùng với một số

nhạc sĩ tiêu biểu khác trong dạy học Đại học SPAN. Sử dụng những sáng tác khí nhạc của ông cùng với một số tác phẩm khí nhạc Việt Nam của các nhạc sĩ khác sẽ làm nguồn tư liệu dạy học phong phú, làm dẫn chứng phân tích rất phù hợp trong việc khẳng định sự tiếp thu ngôn ngữ âm nhạc phương Tây kết hợp sử dụng ngôn ngữ của âm nhạc truyền thống của các nhạc sĩ Việt Nam hiện đại.

Tuy vậy thực tế cho thấy rằng, các tác phẩm khí nhạc Việt Nam nói chung, của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân nói riêng ít được sử dụng trong chương trình dạy học cho SV ngành SPAN, nếu có thì chỉ ở dạng điểm qua. Nguyên nhân chủ yếu là do tài liệu nghiên cứu về dạy học các tác phẩm khí nhạc Việt Nam còn chưa nhiều, nhất là những nghiên cứu chuyên sâu về các tác phẩm khí nhạc về chân dung một nhạc sĩ Việt Nam cụ thể theo hướng lý luận dạy học, phân tích đặc điểm tác phẩm, PPDH tác phẩm là gần như không có. Như vậy, GV dạy học SPAN không có điểm tựa để xây dựng bài giảng. Ngoài ra, còn có sự nhận thức chưa thật đúng đắn của GV giảng dạy SPAN. Chương trình dạy học các môn của ngành Đại học SPAN có một số môn không quy định cụ thể dạy tác phẩm nào. Chẳng hạn, môn Âm nhạc Việt Nam chỉ quy định theo từng giai đoạn; môn Phân tích tác phẩm cũng chỉ yêu cầu dạy những hình thức, thể loại cần thiết. Lựa chọn dạy tác phẩm khí nhạc nào, giới thiệu về một nhạc sĩ nào của Việt Nam hoàn toàn do GV tự quyết định, một số GV có nhận thức là không dạy cụ thể về tác phẩm khí nhạc Việt Nam cũng không ảnh hưởng nhiều lắm với SV Đại học SPAN, dẫn tới GV sử dụng dẫn chứng âm nhạc châu Âu nhiều hơn bởi tính khuôn mẫu của các tác phẩm này.

Từ những lý do nêu trên, mong muốn cho SV Đại học SPAN được học các tác phẩm khí nhạc Việt Nam nhiều hơn, các GV dạy SPAN có thêm tài liệu dạy học, NCS lựa chọn đề tài: ***“Dạy học một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên Sư phạm âm nhạc”*** cho Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lý luận và Phương pháp dạy học âm nhạc.

## **2. Mục đích nghiên cứu**

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn dạy học các tác phẩm khí nhạc Việt Nam cho SV ngành SPAN, tác giả Luận án đề xuất các biện pháp dạy học một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, góp phần nâng cao chất lượng dạy học, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo Đại học SPAN.

### **3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu**

#### **3.1. Khách thể nghiên cứu**

Quá trình dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho SV ngành SPAN.

#### **3.2. Đối tượng nghiên cứu**

Các biện pháp, phương pháp dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho SV Đại học SPAN.

### **4. Giả thuyết khoa học**

Nếu đánh giá đúng được thực trạng, đề xuất được các biện pháp, phương pháp dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân phù hợp với khả năng của SV chuyên ngành Sư phạm âm nhạc thì sẽ góp phần nâng cao chất lượng dạy và học một số môn kiến thức âm nhạc cho SV ngành SPAN.

### **5. Nhiệm vụ nghiên cứu**

(1) Tổng quan tình hình nghiên cứu, hệ thống hoá những vấn đề lý luận liên quan đến đề tài cho sinh viên ngành SPAN.

(2) Tìm hiểu về đặc điểm sáng tác khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.

(3) Khảo sát để nắm rõ thực trạng dạy học tác phẩm khí nhạc Việt Nam cho sinh viên đại học Sư phạm Âm nhạc hiện nay.

(4) Đề xuất các biện pháp dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân thông qua các môn như: Âm nhạc Việt Nam, phân tích tác phẩm... cho sinh viên đại học Sư phạm Âm nhạc ở Việt Nam hiện nay.

### **6. Câu hỏi nghiên cứu**

(1) Dạy học các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân thông qua một số môn kiến thức âm nhạc cơ bản cho sinh viên ngành đại học Sư phạm Âm nhạc ở Việt Nam hiện nay được dựa trên cơ sở lý luận nào và đặt ra yêu cầu gì cho đội ngũ giảng viên dạy các bộ môn?

(2) Đặc điểm sáng tác khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân như thế nào?

(3) Thực trạng dạy học các tác phẩm khí nhạc Việt Nam nói chung và của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên Sư phạm Âm nhạc hiện nay như thế nào?

(4) Quá trình tổ chức dạy học và các biện pháp nào để nâng cao hiệu quả sử dụng tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong dạy học cho sinh viên Sư phạm Âm nhạc ở Việt Nam hiện nay?

## **7. Phạm vi nghiên cứu**

### **7.1. Phạm vi về nội dung**

Nghiên cứu tập trung nội dung về biện pháp dạy học một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân thông qua dạy học 2 môn kiến thức âm nhạc cơ bản là Phân tích tác phẩm và Âm nhạc Việt Nam cho SV Đại học SPAN. Trong nội dung nghiên cứu thực trạng ở chương 3 và biện pháp dạy học một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân ở chương 4, Luận án tập trung chủ yếu vào biện pháp sử dụng tác phẩm hoặc một chương/một phần của tác phẩm và PPDH các tác phẩm đó.

Các tác phẩm khí nhạc được đề xuất trong luận án để GV có thể lựa chọn dạy học cho SV Đại học SPAN trên cơ sở từ một số tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân sáng tác từ năm 1979 (thời kỳ đầu sáng tác) đến năm 2010 đó là: *Tứ tấu đàn dây* (1979), *Rhapsodie Việt Nam* (1981), *Nocture Tiếng Vọng* (1994), *Trở một* (2007), *Sắc xuân* (2007), *Tổ khúc giao hưởng Dáng rồng lên* (2010). Đây là những tác phẩm sáng tác tiêu biểu của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, phù hợp với chương trình đào tạo sinh viên đại học Sư phạm âm nhạc. Giúp sinh viên nâng cao về kiến thức chuyên môn, về sự kết hợp giữa yếu tố truyền

thống kết hợp với các khuôn mẫu âm nhạc phương tây trong các tác phẩm khí nhạc Việt Nam.

Nghiên cứu và đề xuất hệ thống biện pháp dạy học một số tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân thông qua các môn kiến thức cơ bản cho sinh viên đại học Sư phạm âm nhạc hiện nay.

### ***7.2. Phạm vi về địa bàn nghiên cứu***

Luận án nghiên cứu thực trạng dạy học một số môn kiến thức âm nhạc cơ bản, sau đó, áp dụng giảng dạy (thực nghiệm) một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho SV Đại học SPAN tại trường ĐHSP Nghệ thuật TW. Bên cạnh đó, chúng tôi có nghiên cứu thêm 2 trường ĐHSP Hà Nội và Đại học Văn hoá Thể thao và Du lịch Thanh Hoá để có sự so sánh đồng thời có những nhận định chính xác hơn về thực trạng dạy học.

### ***7.3. Phạm vi đối tượng khảo sát***

Khảo sát trên các khách thể là GV dạy bộ môn kiến thức cơ bản, SV đại học của các cơ sở đào tạo ngành SPAN.

### ***7.4. Phạm vi thời gian nghiên cứu***

Sử dụng số liệu khảo sát thực trạng từ năm 2019 đến nay. Các tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân được nghiên cứu thuộc giai đoạn từ sau năm 1975.

## **8. Phương pháp tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

### ***8.1. Phương pháp tiếp cận***

- *Tiếp cận hệ thống cấu trúc*: Xem xét hoạt động dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho SV Đại học SPAN trong mối quan hệ tương tác với các nội dung như: Yếu tố khách quan về năng lực nhận thức, năng lực học tập, môi trường sống... và các yếu tố chủ quan của cơ sở đào tạo đó là cơ sở vật chất, phương pháp dạy học của GV, năng lực của đội ngũ GV.

- *Tiếp cận lịch sử âm nhạc và logic*: Tìm hiểu và hệ thống quá trình hình thành và phát triển nền khí nhạc Việt Nam trên cơ sở đó nghiên cứu dạy học

tác phẩm khí nhạc cho sinh viên đại học Sư phạm âm nhạc. (Trên cơ sở các công trình nghiên cứu của các tác giả khác được sử dụng trong đào tạo ngành Sư phạm âm nhạc theo tiến trình lịch sử).

- *Tiếp cận thực tiễn dạy học*: Tiếp cận thực tiễn hoạt động dạy học một số môn kiến thức âm nhạc như: Âm nhạc Việt Nam/Lịch sử âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm là xuất phát từ thực tiễn hoạt động dạy và học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân của GV và SV Đại học SPAN để định hướng đề xuất biện pháp dạy học.

- *Tiếp cận thành tố dạy học*: Tiếp cận thực tiễn hoạt động dạy học một số các môn kiến thức âm nhạc cho SV Đại học SPAN. Luận án sẽ nghiên cứu tập trung vào các thành tố của quá trình dạy học các môn kiến thức âm nhạc cơ bản cho SV Đại học SPAN là mục tiêu, hình thức tổ chức, nội dung, phương pháp, đặc điểm đối tượng người học...

- *Tiếp cận hệ thống lý thuyết âm nhạc*: Các hệ thống lý thuyết, cấu trúc, hình thức, thể loại, hoà thanh phức điệu, thang âm điệu thức của âm nhạc phương Tây, âm nhạc Việt Nam.

- *Tiếp cận lý luận dạy học và dạy học âm nhạc*: Các hệ thống lý thuyết về dạy học, PPDH bao gồm truyền thống và hiện đại; các PPDH âm nhạc mang tính đặc thù của dạy học kiến thức âm nhạc cơ bản nói chung, dạy học khí nhạc nói riêng trong đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp và SPAN.

- *Tiếp cận năng lực người học*: Là hệ thống lý thuyết, lấy quan điểm dạy học phát huy tính tích cực chủ động chiếm lĩnh kiến thức để hình thành năng lực của người học.

- *Tiếp cận nghiên cứu liên ngành*: NCS triển khai đề tài theo hai hướng là âm nhạc học và giáo dục học. Chúng tôi sẽ phân tích bút pháp sáng tác qua một số tác phẩm khí nhạc (giai đoạn từ 1979-2010) của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Sau đó, từ những kết phân tích trên, sẽ nghiên cứu về sự vận dụng các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong việc dạy học 2 môn Âm

nhạc Việt Nam/ Lịch sử Âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm trong đào tạo Đại học SPAN ở các trường ĐHSP Nghệ thuật TW, ĐHSP Hà Nội và Đại học Văn hoá Thể thao và Du lịch Thanh Hoá.

## **8.2. Phương pháp nghiên cứu**

### **8.2.1. Nhóm các phương pháp nghiên cứu lý thuyết**

- *Phương pháp phân tích*: Sử dụng phương pháp này để phân tích các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, tìm ra những đặc điểm chủ yếu và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Ngoài ra còn phân tích các tài liệu liên quan, các nội dung về thực trạng dạy học; phân tích các biện pháp được đề xuất và phương pháp dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân thông qua một số môn kiến thức âm nhạc phù hợp cho SV Đại học SPAN.

- *Phương pháp tổng hợp*: Phương pháp tổng hợp được sử dụng trong luận án để hệ thống hoá các tài liệu nghiên cứu lý luận và tư liệu thực tế, tổng hợp đặc điểm các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, các vấn đề chủ yếu về thực trạng dạy học các tác phẩm khí nhạc Việt Nam nói chung, của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân nói riêng cho SV Đại học SPAN và tổng hợp các vấn đề mang tính cốt lõi trong các biện pháp, phương pháp được đề xuất cũng như những kết luận trong toàn bộ luận án.

- *Phương pháp sưu tầm, thu thập tài liệu*: NCS thực hiện thu thập tổng phổ của một tác phẩm khí nhạc cũng như tất cả những tài liệu có liên quan đến đề tài.

- *Phương pháp so sánh*: Phương pháp so sánh dùng để so sánh những đặc điểm sáng tác trong một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để vận dụng vào công tác giảng dạy cho SV Đại học SPAN; so sánh các PPDH và các đề xuất biện pháp dạy học được thực hiện.

- *Phương pháp cụ thể hoá*: Các vấn đề được phân tích diễn giải trong luận án được đi kèm sử dụng phương pháp cụ thể hoá với dẫn chứng, ví dụ âm nhạc, các số liệu... để chứng minh cho luận điểm mà luận án đưa ra.



- *Phương pháp khái quát*: Sau quá trình nghiên cứu, phân tích, hệ thống các tài liệu thu thập được, các vấn đề diễn ra trong thực trạng dạy học luận án sử dụng phương pháp này để đưa ra những kết luận mang tính khái quát làm cơ sở lý luận và thực tiễn cho đề tài. Bên cạnh đó, khái quát những vấn đề mang tính chủ yếu trong các biện pháp được đề xuất.

#### 8.2.2. Nhóm các phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- *Phương pháp phỏng vấn*: thực hiện phỏng vấn nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để hiểu hơn về nội dung tác phẩm. Thực hiện phỏng vấn lãnh đạo khoa, quản lý bộ môn, giảng viên... để thấy được quan điểm về việc dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho SV Đại học SPAN.

- *Phương pháp điều tra, khảo sát*: Sử dụng phương pháp điều tra khảo sát để khảo sát tình hình thực tế dạy học các tác phẩm khí nhạc Việt Nam nói chung và dạy học các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân nói riêng cho SV Đại học SPAN bằng cách tham gia dự giờ, khảo sát ý kiến và có những trao đổi trực tiếp với các GV tham gia giảng dạy một số bộ môn kiến thức âm nhạc. Bên cạnh đó, thấy được những mặt thuận lợi và khó khăn trong quá trình dạy học, từ đó đề xuất các biện pháp dạy học phù hợp với tình hình thực tế tại từng trường.

- *Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động giáo dục*: Phương pháp này được sử dụng để nghiên cứu về chương trình đào tạo, đề cương chi tiết của ngành Sư phạm âm nhạc của từng Trường, điều này giúp chúng tôi nắm được mục tiêu và nội dung dạy học, thời lượng, phương pháp, quy mô, hình thức tổ chức dạy học...; nghiên cứu giáo án lên lớp, tập bài giảng của GV khi thực hiện dạy học các tác phẩm khí nhạc và kết quả học tập của SV Đại học SPAN.

- *Phương pháp tổng kết kinh nghiệm giáo dục*: Chúng tôi kế thừa kinh nghiệm của các chuyên gia, các nhà sư phạm, nhà nghiên cứu trong lĩnh vực giảng dạy các tác phẩm khí nhạc Việt Nam thông qua việc nghiên cứu, phân tích tài liệu, trao đổi và phỏng vấn... Ngoài ra, chúng tôi còn tổng kết được các

kinh nghiệm giảng dạy của các GV thông qua điều tra khảo sát, phỏng vấn, phiếu hỏi.

- *Phương pháp thực nghiệm sư phạm*: Chúng tôi sử dụng phương pháp này để kiểm chứng tính khoa học, tính khả thi của các biện pháp mà luận án đã đề xuất.

- *Phương pháp thống kê toán học*: Đây là phương pháp để xử lý số liệu kết quả sau khi khảo sát và tiến hành thực nghiệm.

## **8. Đóng góp mới của luận án**

### **8.1. Về mặt lý luận**

Những nghiên cứu về dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong một số môn kiến thức âm nhạc cơ bản của luận án góp phần bổ sung thêm về lý luận dạy học tác phẩm khí nhạc Việt Nam, làm sáng tỏ các thành tố của quá trình dạy học tác phẩm khí nhạc cho SV Đại học SPAN.

### **8.2. Về thực tiễn**

Thông qua việc khảo sát, phân tích thực trạng dạy học các môn kiến thức âm nhạc cơ bản (Âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm) cho SV Đại học SPAN tại các trường (thuộc phạm vi nghiên cứu của đề tài) để xác định được những thuận lợi và những mặt hạn chế. Từ đó, Luận án đề xuất biện pháp sử dụng vào chương trình giảng dạy và PPDH tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để góp phần giúp SV hiểu rõ hơn về thành tựu âm nhạc nước nhà và sự kết hợp những yếu tố có trong âm nhạc phương Tây và âm nhạc truyền thống (thông qua các nghiên cứu phân tích tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân).

Kết quả nghiên cứu có tính ứng dụng về mặt lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực đào tạo SV Đại học SPAN. Có thể làm tài liệu tham khảo cho GV và SV trong quá trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

## **9. Cấu trúc luận án**

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo và Phụ lục, Luận án

được trình bày thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu và cơ sở lý luận về dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên ngành Sư phạm âm nhạc

Chương 2: Đặc điểm trong các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân

Chương 3: Thực trạng dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân

Chương 4: Biện pháp dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên Đại học Sư phạm âm nhạc

# Chương 1

## TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DẠY HỌC TÁC PHẨM KHÍ NHẠC CỦA NHẠC SĨ ĐỖ HỒNG QUÂN

### 1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Âm nhạc Việt Nam nói chung và các tác phẩm khí nhạc Việt Nam là một trong những đề tài nhận được sự quan tâm và tìm hiểu của nhiều nhà nghiên cứu. Những tài liệu được thu thập và nghiên cứu trong luận án bao gồm: sách, tổng phổ, từ điển âm nhạc, tài liệu giảng dạy và luận văn viết về những vấn đề liên quan đến các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân và một số nhạc sĩ khác... Dưới đây luận án xin được điểm qua những công trình tiêu biểu.

#### *1.1.1. Các công trình nghiên cứu về tác phẩm khí nhạc Việt Nam*

Công trình *Âm nhạc mới Việt Nam tiến trình và thành tựu* (2000) của nhiều tác giả [46], ở chương XIX, nội dung có đề cập đến việc sử dụng chất liệu xây dựng chủ đề mang âm hưởng âm nhạc dân tộc từ bước khởi đầu trong sáng tác tác phẩm thính phòng giao hưởng Việt Nam. Ngoài ra, nhóm tác giả còn chỉ ra chủ đề âm nhạc được hình thành từ một nét dân ca, một giai điệu ca khúc quen thuộc từ nhân tố đặc trưng của một làn điệu dân ca từng vùng, hoặc từ những quãng và tiết tấu điển hình nói chung qua thang âm, điệu thức của người Việt Nam.

Luận án tiến sĩ nghệ thuật học *Giao hưởng Việt Nam - một tiến trình lịch sử* của Nguyễn Thế Tuấn (2006) đã viết về tiến trình hình thành của âm nhạc thính phòng giao hưởng Việt Nam, cũng như xem xét giao hưởng Việt Nam trong mối quan hệ tổng thể với các lĩnh vực khác như: Xã hội học, Văn hoá học, Mỹ học... Thêm vào đó, tác giả còn đề cập đến sự hình thành giao hưởng Việt Nam qua các giai đoạn lịch sử đất nước, cũng làm rõ việc tìm hiểu yếu tố cấu thành dòng âm nhạc giao hưởng hoặc phân tích các đặc điểm, ngôn ngữ

trong các tác phẩm giao hưởng Việt Nam [73].

Luận án tiến sĩ Văn hoá học *Nghiên cứu ảnh hưởng của âm nhạc dân gian trong tác phẩm khí nhạc mới Việt Nam thế kỷ XX* của Trịnh Hoài Thu (2010), tác giả đã đưa nhận định về về sự khởi nguồn của khí nhạc Việt Nam. Thêm vào đó, tác giả có viết về khí nhạc (nhất là âm nhạc thính phòng - giao hưởng Việt Nam) mặc dù cũng có tiền đề từ những năm 40 (thế kỷ XX), nhưng cuối những năm 50 (thế kỷ XX) mới thực sự hình thành. Thêm vào đó, tác giả có diễn giải về khí nhạc mới đã phát triển trong mối liên quan với các loại hình khác dựa trên nền tảng của dòng âm nhạc dân gian truyền thống. Sở dĩ nền khí nhạc mới Việt Nam ra đời muộn hơn so với thanh nhạc vì nó cần có những yếu tố như: khả năng của các nhà soạn nhạc, của các nghệ sĩ biểu diễn, khả năng thưởng thức của công chúng và nhà hát hay những nơi có thể biểu diễn khí nhạc. Và yếu tố quan trọng nhất trong đó yếu tố quan trọng đầu tiên là khả năng của các nhà soạn nhạc, bởi lẽ họ chính là những người sáng tạo ra tác phẩm. Trong công trình này, tác giả đã phác thảo diện mạo khí nhạc mới Việt Nam thế kỷ XX từ năm 1954 - 2000 song hành với quá trình lịch sử của nước nhà dưới góc nhìn của văn hoá học [66].

Luận án tiến sĩ Âm nhạc học (2017) của Vũ Tú Cầu có tên *Thủ pháp hoà âm trong giao hưởng Việt Nam sau năm 1975* đã nghiên cứu về các tác phẩm âm nhạc giao hưởng ở các thể loại: liên khúc giao hưởng, tổ khúc giao hưởng, concerto, các tác phẩm ở thể loại một chương như thơ giao hưởng, ouverture, rhapsodie, ballade... của một số nhạc sĩ được lựa chọn theo tiêu chí là: Các tác phẩm đã được sáng tác trong giai đoạn sau năm 1975; các tác phẩm đã được phổ biến, in ấn và công diễn; Các tác phẩm đã được giải thưởng trong các kỳ thi trong nước và quốc tế. Trong đó, ở chương I, tác giả có nêu lên khái quát về tác phẩm giao hưởng sáng tác sau năm 1975 [7].

Luận án tiến sĩ Âm nhạc học (2017) của Lã Minh Tâm có tên *Hình thức ba đoạn phức trong các tác phẩm khí nhạc Việt Nam*. Trong luận án này tác giả

đi sâu vào nghiên cứu những tác phẩm khí nhạc thuộc hình thức ba đoạn phức viết cho các nhạc cụ phương Tây, bao gồm các tiểu phẩm độc lập, các chương nhạc trong những tác phẩm nhiều chương cho dàn nhạc giao hưởng điển tấu đã được công chúng đón nhận được nhận giải thưởng ở trong và ngoài nước cũng như được sử dụng làm giáo trình giảng dạy trong nhà trường, đại diện cho nền khí nhạc Việt Nam từ những năm 1960 đến năm 2017 [64].

### ***1.1.2. Những nghiên cứu liên quan đến nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân***

#### ***1.1.2.1. Nhóm sách và tài liệu***

Đỗ Hồng Quân là một nhạc sĩ tiêu biểu và có rất nhiều đóng góp lớn cho nền âm nhạc Việt Nam nói chung và thính phòng/giao hưởng nói riêng, có nhiều tài liệu ghi chép lại tiểu sử, con đường sự nghiệp của ông.

Cuốn *Tổng tập âm nhạc Việt Nam tác giả và tác phẩm* (2010) tập 1 của tác giả Phạm Tú Hương đã viết về chân dung nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Tác giả nhận định rằng Đỗ Hồng Quân là một nhạc sĩ tài năng, hoạt động trên nhiều lĩnh vực và đặc biệt là lĩnh vực sáng tác khí nhạc. Ông có nhiều tác phẩm thành công và luôn nhận được sự tán thưởng của những người yêu âm nhạc với những tìm tòi sáng tạo trong ngôn ngữ âm nhạc cũng như các thủ pháp sáng tác [23].

Cuốn *Từ điển âm nhạc* (Nxb Hà Nội) của tác giả Vũ Tự Lân đã tóm tắt ngắn gọn tiểu sử, nêu tên một vài tác phẩm nổi tiếng của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân như: *Rhapsodie Việt Nam*, giao hưởng *Trở một*, giao hưởng *Dáng rồng lên*, *Tứ tấu đàn dây*... [27]. Những nội dung đó giúp ích cho NCS có thêm tư liệu về sự nghiệp của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.

Công trình nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thị Nhung: *Âm nhạc thính phòng/giao hưởng Việt Nam* (sách đã dẫn) cũng có đề cập tới tác phẩm *Rapshodie Việt Nam* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Ở chương II - *Hình thức và thể loại*, mục 2 - *Tác phẩm giao hưởng* gồm nhiều phần, tác giả đã viết về hai tác phẩm giao hưởng *Không đề* của Đàm Linh và bản *Rhapsodie giao hưởng nam* của Đỗ Hồng Quân là những tác phẩm có cấu trúc nhiều phần, mỗi phần

được xây dựng trên các chủ đề âm nhạc khác nhau để thể hiện các hình tượng riêng biệt. Âm nhạc được trình bày liên tục không ngưng nghỉ nhưng vẫn có tính chất của một liên khúc. Tác giả đã chú trọng về việc phân tích sơ lược cấu trúc của tác phẩm. Mục đích chính của phần này chính là để chứng minh sự đa dạng trong cấu trúc của các tác phẩm giao hưởng Việt Nam, vì vậy tác giả không chỉ tập trung vào các tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, mà thay vào đó đã lựa chọn nhiều tác phẩm cùng thể loại và cùng cấu trúc để phân tích và so sánh ở mức độ khái quát [56].

Trong cuốn sách *Âm nhạc mới Việt Nam tiến trình và thành tựu* (sách đã dẫn) có đề cập một số tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân thời kỳ sau 1975 [46]. Phần *Âm nhạc thính phòng*, từ trang 803 đến 806 có đề cập và phân tích tác phẩm *Chủ đề và biến tấu* cho piano của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Nội dung tuy chỉ trong 4 trang của cuốn sách nhưng đã phân tích cấu trúc và tóm tắt các biến khúc trong tác phẩm về hình tượng, cách phát triển... Trong phần *Âm nhạc giao hưởng* sau năm 1975 của cuốn sách, từ trang 833 đến 837 giới thiệu bản *Rhapsodie Việt Nam* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Nội dung viết cho biết ông hoàn thành tác phẩm năm 1981 và chỉnh lý năm 1985, tác phẩm này được “công diễn đầu tiên ở Mátxcova, ở Tasken năm 1985 nhân ngày Văn hóa Việt Nam tại Liên Xô. Từ năm 1995, Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam trình diễn nhiều lần” [46, tr.833]. Tương tự như bản *Chủ đề và biến tấu*, bản *Rhapsodie Việt Nam* được sách giới thiệu khái quát nhưng thấy rõ cấu trúc cũng như xây dựng chủ đề, hình tượng và tính chất âm nhạc, sự tham gia của dàn nhạc của từng phần trong tác phẩm. Ngoài ra, trong phần *Hòa tấu (concerto) cho nhạc cụ và dàn nhạc*, từ trang 862 đến 865 còn giới thiệu 1 tác phẩm khí nhạc nữa của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân là bản *Hòa tấu* viết cho violon và dàn nhạc. Mặc dù chỉ nêu tóm tắt đặc điểm chính 3 chương của tác phẩm nhưng những vấn đề cốt lõi về cấu trúc, chủ đề, hình tượng, diễn biến âm nhạc trong từng chương của tác phẩm *Hòa tấu* được mô tả khá rõ nét.

Có thể nói, những vấn đề được viết về tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong cuốn sách *Âm nhạc mới Việt Nam tiến trình và thành tựu* giúp cho chúng tôi hiểu thêm về tác phẩm và có những chỗ dựa khi phân tích đặc điểm các tác phẩm khí nhạc của ông.

#### 1.1.2.2. Nhóm luận án, luận văn

Có một số luận án Tiến sĩ và luận văn Thạc sĩ nghiên cứu về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân như:

Luận án tiến sĩ Âm nhạc học (2023) của Nguyễn Anh Việt với tên *Ảnh hưởng của âm nhạc phương Tây trong các tác phẩm viết cho nhạc cụ dân tộc của các nhạc sĩ Việt Nam* trong công trình nghiên cứu này, tác giả đã tập trung tìm ra những ảnh hưởng từ âm nhạc phương Tây trong bút pháp sáng tác cho nhạc cụ dân tộc của các nhạc sĩ Việt Nam như : hình thức, hòa âm, phối khí và kỹ thuật diễn tấu... Nghiên cứu một số tác phẩm mới viết cho nhạc cụ dân tộc để thấy công lao đóng góp, sự tìm tòi sáng tạo của nhiều nhạc sĩ Việt Nam trong thời gian qua đối với nền nghệ thuật âm nhạc Việt Nam. Tổng hợp những sáng tác mới viết cho nhạc cụ dân tộc trong 5 tập *Hòa tấu dàn nhạc dân tộc đương đại* của các nhạc sĩ Việt Nam theo dòng thời gian (trong đó tập 5 có tác phẩm hoà tấu dàn nhạc dân tộc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân) [82].

Luận văn thạc sĩ âm nhạc học của Trương Quỳnh Thư với đề tài *Vận dụng cách viết giao hưởng nhiều chương của Phương Tây trong giao hưởng nhiều chương của Việt Nam* [67]. Ở đây, trong “phần a - cách xây dựng chủ đề dựa trên những nét đặc trưng về quãng, về nhóm âm trong thang âm người Việt” tác giả đã nhắc đến Rapsodie Việt Nam của Đỗ Hồng Quân. Trong mục “2.1.2. Xây dựng chủ đề dựa trên âm điệu tiết tấu đặc trưng trong các làn điệu dân ca”, tác giả cũng tiếp tục nhắc đến tác phẩm *Rhapsodie Việt Nam*. Ở đây, tác giả chỉ ra một vài nét giai điệu mang âm hưởng của điệu Lý và Chèo có trong tác phẩm. Tuy nhiên những nét giai điệu đó lại được viết theo ngôn ngữ của âm nhạc thế kỷ XX. Như vậy, trong phần nghiên cứu của luận văn trên, tác giả đã



chỉ ra được âm hưởng và chất liệu âm nhạc dân gian có trong một vài chủ đề của tác phẩm *Rhapsodie Việt Nam* (nhưng phần phân tích tác giả không đi sâu vào phân tích cấu trúc, câu đoạn, thủ pháp phối khí....) Qua đó, cũng làm rõ hơn việc linh hoạt sử dụng các tinh hoa của âm nhạc truyền thống vào tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.

Luận văn thạc sĩ nghệ thuật học - 2010 với tên đề tài *Hình thức Rondo trong một số tác phẩm khí nhạc Việt Nam* của Đồng Lan Anh [1], trong đó mục đích của tác giả hướng đến là phân tích hình thức Rondo, do vậy luận văn đã chọn phân tích chương cuối có hình thức Rondo của tác phẩm *Rhapsodie Việt Nam* và hoà tấu 95 của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.

Luận văn thạc sĩ của Nguyễn Thu Trang với đề tài *Đặc điểm âm nhạc trong bốn tác phẩm giao hưởng giai đoạn 1995-2010 của Đỗ Hồng Quân* cũng giới thiệu sơ lược về tác giả [70]. Trong nội dung của luận văn còn đưa ra nhận định các tác phẩm viết cho khí nhạc là mảng sáng tác đa dạng, phong phú và thành công nhất của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Từ những năm đầu mới làm quen với lĩnh vực sáng tác âm nhạc, nhạc sĩ đã chủ yếu hướng về các sáng tác cho các nhạc cụ. Ở mảng này, ông sáng tác với nhiều thể loại khác nhau: từ những tác phẩm độc tấu, tam tấu, tứ tấu, hoà tấu đến các tác phẩm cho dàn nhạc giao hưởng, dàn nhạc dân tộc, nhạc cho vũ kịch... Ở mỗi thể loại nhạc sĩ đều có những tác phẩm thành công, để lại dấu ấn trong lòng thính giả. Tuy nhiên, nổi bật lên trong lĩnh vực sáng tác khí nhạc là những tác phẩm viết cho dàn nhạc giao hưởng.

Luận văn thạc sĩ nghệ thuật học, chuyên ngành: giảng dạy chuyên ngành Đàn bầu năm 2016 có tên: *Đưa hai tác phẩm viết cho đàn Bầu với dàn nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân vào chương trình giảng dạy bậc Đại học tại Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam* của Lê Thuỳ Linh [29]. Trong đề tài nghiên cứu trên, tác giả có đề cập đến hai concerto của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đó là *Đối thoại* và *Sắc xuân*. Tuy nhiên, với giới hạn khuôn khổ một luận văn thạc sĩ

và chuyên ngành giảng dạy Đàn bầu, tác giả đã chỉ đi sâu vào những kỹ thuật chơi đàn và thực trạng dạy môn đàn bầu tại Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam.

Luận văn thạc sĩ của Nguyễn Thu Trang với đề tài *Đặc điểm âm nhạc trong bốn tác phẩm giao hưởng giai đoạn 1995-2010 của Đỗ Hồng Quân* [70], tác giả đã chọn 4 tác phẩm giao hưởng: *Mở đất*, *Trở một*, *Dáng rồng lên*, nocture *Tiếng vọng*. Ở phần nghiên cứu này, tác giả đã tập trung vào phân tích từng tác phẩm trên phương diện âm nhạc học. Tác giả nhận thấy một đặc điểm chung là sự kết hợp hài hoà giữa phong cách cổ điển, lãng mạn châu Âu với ngôn ngữ mới mẻ, hiện đại của âm nhạc thế giới thế kỷ XX và âm hưởng mang đậm nét dân tộc để tạo nên một tổng thể thống nhất mang hơi thở thời đại, mang tâm hồn Việt Nam.

### ***1.1.3. Những nghiên cứu liên quan đến dạy học và phương pháp dạy học âm nhạc***

#### ***1.1.3.1. Các sách viết về phương pháp dạy học***

Về phương pháp dạy học nói chung có thể nói có rất nhiều công trình, sách nghiên cứu, trong khuôn khổ của Luận án Tiến sĩ, NCS chỉ nêu một số sách được xuất bản trong vài năm gần đây như:

Cuốn sách *Lí luận và phương pháp dạy học* (Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, 2020) của tác giả Trần Khánh Đức [14] có đề cập đến phương pháp dạy học là tổng hợp các cách thức làm việc của giáo viên và học sinh. Trong quá trình thực hiện các cách thức đó, giáo viên giữ vai trò chủ đạo, học sinh giữ vai trò tích cực, chủ động chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng và thái độ ở bài học hay môn học. Sau đó tác giả có trình bày thêm về định nghĩa chung nhất về PPDH là những con đường, cách thức tiến hành hoạt động dạy học. Do đó, PPDH được hiểu là cách thức tiến hành hoạt động nghề nghiệp mà nhà giáo thiết kế và thực hiện dựa trên cơ sở khoa học cũng như kinh nghiệm nghề nghiệp để tác động trực tiếp đến người học và hoạt động của người học trong quá trình giáo

dục nhằm gây ảnh hưởng thuận lợi và hỗ trợ cho việc học theo mục đích hay nguyên tắc dạy học đã quy định hoặc mong muốn.

Cuốn *Lí luận dạy học hiện đại (2021)* của Bernd Meier, Nguyễn Văn Cường [10] đã đưa ra khái niệm về những lí thuyết giáo dục cổ điển và chỉ ra bốn đặc trưng chung của giáo dục cho đến nay vẫn được coi là nghĩa vụ: Giáo dục nhằm trang bị khả năng tự quyết hợp lí; Giáo dục được thực hiện trong khuôn khổ của các điều kiện lịch sử - xã hội - văn hoá; Mỗi người chỉ có thể tiếp thu giáo dục cho chính mình; Quá trình giáo dục diễn ra trong một cộng đồng. Ngoài ra, tác giả cũng giải thích rõ hơn về khái niệm giáo dục đó là dựa trên các lí thuyết giáo dục cổ điển và triết học khai sáng.

Cuốn *Năng lực dạy học của giảng viên đại học sư phạm* (Nxb khoa học và kỹ thuật năm 2019) do Trần Thị Tuyết Oanh chủ biên [60] đã đưa ra khái niệm về năng lực dạy học (điều kiện cần) của giảng viên ngành sư phạm. Đó là năng lực cơ bản trong hệ thống năng lực của giảng viên, có tác động trực tiếp và mạnh mẽ đến năng lực nghề nghiệp của sinh viên. Tiếp đó, tác giả của cuốn sách cũng nêu cụ thể những nội dung trong năng lực dạy học ở bối cảnh của xã hội hiện đại, năng lực dạy học của giảng viên đại học nói chung, năng lực dạy học của các giảng viên đại học sư phạm nói riêng được hiểu với một phạm vi rộng hơn, nó không chỉ thể hiện trong việc truyền thụ tri thức trên giảng đường mà ngày càng được mở rộng ở nội dung và phạm vi thực hiện chúng như: Truyền đạt kiến thức cho người học trong giờ học trên giảng đường, trong phòng thí nghiệm, nơi thực hành, học từ xa, trong các buổi hội thảo, thảo luận; Giám sát sinh viên ngoài giờ học trên giảng đường, tư vấn về học thuật, nghề nghiệp, cuộc sống; tư vấn về các đề tài tiểu luận, luận văn, luận án, đề tài nghiên cứu khoa học; Giám sát sinh viên trong hoạt động nghiên cứu thực hành, thực tập sư phạm; Thiết kế chương trình môn học, tài liệu tự học; các hoạt động phát triển chuyên môn.

#### *1.1.3.2. Các sách, công trình và bài viết về phương pháp dạy học âm nhạc*

Về phương pháp dạy học âm nhạc, có thể kể đến một số sách và tài liệu

sau:

*Phương pháp dạy học âm nhạc* của Ngô Thị Nam (2001), Nxb Giáo dục, dùng cho đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP [44]. Sách viết về PPDH âm nhạc cho học sinh THCS, có chương I viết về một số vấn đề chung như: Ý nghĩa, vai trò của giáo dục âm nhạc đối với HS; đặc điểm khả năng âm nhạc của HS THCS; giới thiệu chương trình, SGK Âm nhạc các lớp THCS. Chương II viết về đặc điểm các bài hát trong chương trình THCS trên các phương diện: thể loại, cấu trúc, hình thức, nội dung chủ đề. Các chương sau đi sâu vào các phương pháp, cách thức dạy học cụ thể cho các phân môn Hát, Âm nhạc thường thức, Tập đọc nhạc... ở trường THCS (là các phân môn của môn Âm nhạc ở phổ thông theo chương trình 2006). Tuy nhiên, cuốn sách không đề cập đến lý luận chung về PPDH và PPDH Âm nhạc.

Cuốn *Phương pháp dạy học âm nhạc* của Hoàng Long, Hoàng Lân (2005), Nxb ĐHSP [36] cũng là tài liệu về PPDH âm nhạc cho HS THCS, cơ bản cũng có nội dung như sách của tác giả Ngô Thị Nam song có thêm một số nội dung khác như: Các nguyên tắc dạy học, giới thiệu hệ thống các PPDH truyền thống và PPDH đặc thù môn Âm nhạc như phương pháp trình bày tác phẩm... Đây là cuốn tài liệu được nhiều trường có đào tạo sư phạm âm nhạc (cả Đại học và Cao đẳng) sử dụng để dạy môn PPDH Âm nhạc bởi có trình tự khá logic với chương trình môn PPDH Âm nhạc của nhiều trường. Tuy nhiên, sách chủ yếu được soạn theo mô hình dạy học truyền thống là dạy học theo trang bị kiến thức, lý luận về PPDH chỉ nêu rất sơ giản, toàn tài liệu dày 177 trang nhưng chỉ có 8 trang giới thiệu về phương pháp và không đề cập đến các PPDH tích cực.

*Phương pháp dạy học âm nhạc ở trường Tiểu học và THCS* của Lê Anh Tuấn (2010), Nxb ĐHSP [74], cuốn sách này viết về phương pháp dạy học cho học sinh Tiểu học và THCS. Nội dung về cơ bản cũng có phần chính là các PPDH Hát, Âm nhạc thường thức, Tập đọc nhạc, Nhạc lý (là các phân môn của môn Âm nhạc ở phổ thông theo chương trình 2006); nguyên tắc dạy học âm

nhạc; cách thức tổ chức giờ dạy học âm nhạc... Cuốn sách này có lòng ghép nêu thêm một số PPDH tích cực, giới thiệu một số PPDH của một số nhà sư phạm âm nhạc trên thế giới có yếu tố tích cực như của *Carl Orff, Dalcroze*. Tuy vậy, các PPDH tích cực cũng không được giới thiệu thành mục và mang tính hệ thống mà chỉ lòng ghép trong các hoạt động cụ thể như dạy hát, thường thức âm nhạc...

Nhìn chung, các sách về PPDH Âm nhạc nêu trên chỉ viết về PPDH cho học sinh phổ thông mà không viết cho sinh viên sư phạm âm nhạc. Tuy vậy, các sách đó cần thiết cho chúng tôi tham khảo về các PPDH, tiến trình một bài dạy, các kỹ thuật dạy học...

Nghiên cứu về PPDH âm nhạc cho SV đại học có một số đề tài cấp Bộ, Luận án Tiến sĩ và rất nhiều Luận văn Thạc sĩ. Có thể kể tới một số đề tài cấp Bộ và Luận án Tiến sĩ sau:

*Nghiên cứu nội dung và phương pháp dạy học mới cho sinh viên Sư phạm Âm nhạc đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông ở Việt Nam*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ do nhóm giảng viên Trường ĐHSP Nghệ thuật TW thực hiện, Nguyễn Thị Tố Mai làm chủ nhiệm. Đề tài được nghiệm thu tháng 12 năm 2019 [39]. Đề tài có độ dài 144 trang, được chia làm 3 chương. Chương 1: Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận của đề tài, chương 2: Thực trạng trang bị phương pháp dạy học cho SV trong đào tạo ĐHSP Âm nhạc, chương 3: Xây dựng nội dung và PPDH phát triển năng lực cho SV ĐHSP Âm nhạc. Đề tài nghiên cứu để xây dựng nội dung và một số PPDH mới theo hướng phát triển năng lực, chủ yếu cho môn Phương pháp dạy học âm nhạc, ngoài ra có đề cập đến đổi mới Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và Thực tập sư phạm cho SV ngành ĐHSP Âm nhạc. Trong nội dung nghiên cứu có nhiều khảo sát liên quan chủ yếu đến sử dụng PPDH của một số môn học, trong đó có cả các môn Kiến thức âm nhạc như Lịch sử âm nhạc, Phân tích tác phẩm... Tuy không nghiên cứu trực tiếp vào PPDH các tác phẩm khí nhạc nhưng những cách tiếp cận của đề

tài, các PPDH được phân tích, lý giải tổng kết trong đề tài, thực trạng dạy học cho SV ĐHSP Âm nhạc ở một số trường có đào tạo ĐHSP Âm nhạc như ĐHSP Nghệ thuật TW, Khoa Nghệ thuật Trường ĐHSP Hà Nội, Tổ Bộ môn Nghệ thuật Khoa Tâm lý Giáo dục Trường ĐHSP Đại học Đà Nẵng là những nội dung rất cần thiết cho luận án của chúng tôi tham khảo.

Sau khi nghiệm thu đề tài cấp Bộ *Nghiên cứu nội dung và phương pháp dạy học mới cho sinh viên Sư phạm Âm nhạc đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông ở Việt Nam*, sản phẩm của đề tài đã được chuyển giao cho Khoa Sư phạm Âm nhạc của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW vào năm 2020. Tác giả Nguyễn Thị Tố Mai đã chỉnh sửa, bổ sung và in thành cuốn tài liệu *Phương pháp dạy học âm nhạc theo phát triển năng lực* [40]. Tài liệu có độ dài 192 trang và cũng được chia làm 3 chương nhưng để đáp ứng soạn theo nội dung chương trình môn Phương pháp dạy học âm nhạc của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW nên các chương có khác với đề tài cấp Bộ. Chương 1: Vai trò của giáo dục âm nhạc cho học sinh phổ thông, chương 2: Chương trình giáo dục âm nhạc cho học sinh phổ thông năm 2018, chương 3: Hệ thống các phương pháp dạy học âm nhạc. Hiện nay, đây là tài liệu được sử dụng trong giảng dạy môn Phương pháp dạy học âm nhạc cho sinh viên Đại học sư phạm Âm nhạc Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. Các nội dung trong cuốn tài liệu này rất cần thiết cho chúng tôi khi phân tích các biện pháp PPDH các môn kiến thức âm nhạc cho SV ĐHSP Âm nhạc vì các PPDH âm nhạc nói chung là bản lẻ cho các môn học dù là kiến thức âm nhạc hay thực hành âm nhạc.

Về dạy học các môn kiến thức âm nhạc cho SV Đại học có luận án *Bổ sung một số đặc điểm hòa âm thế kỷ XX vào chương trình giảng dạy tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam* của Nguyễn Thị Loan năm 2019, là Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Âm nhạc học của Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam [30]. Luận án gồm 3 chương với độ dài 148 trang, nội dung đã đi sâu khảo sát về dạy hòa âm thế kỷ XX ở một số nước trên thế giới, khảo sát nội dung chương

trình môn Hòa âm được giảng dạy tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam. Từ đó, NCS đã đúc kết, vận dụng vào trong luận án để phân tích so sánh và đưa ra đề xuất xây dựng nội dung dạy học hòa âm thế kỷ XX trong chương trình đào tạo cho SV đại học. Phần *Khái quát về hòa âm thế kỷ XX* ở chương 2 được trình bày rất kỹ lưỡng: từ các dạng điệu thức, các dạng hợp âm/chồng âm cho tới các thủ pháp hòa âm thường gặp. Qua đó, cho thấy diện mạo khá đầy đủ các phong cách hòa âm thế kỷ XX của nhiều trường phái âm nhạc tiêu biểu và được chứng minh bằng cách sử dụng hòa âm của các nhạc sĩ nổi tiếng trên thế giới và cả của một số nhạc sĩ hiện đại Việt Nam. Mặc dù không đi sâu nghiên cứu về PPDH hòa âm nhưng những vấn đề được nghiên cứu trong luận án cần thiết để chúng tôi tham khảo và có cái nhìn chung về nghiên cứu dạy học các môn kiến thức âm nhạc cho SV đại học ở Việt Nam, phần nào đó có liên quan đến đề tài của chúng tôi.

Gần đây có một số luận án tiến sĩ cũng nghiên cứu khá sâu về PPDH cho SV Đại học và ĐHSP Âm nhạc như:

*Dạy học hát Chèo và Quan họ cho sinh viên Đại học Sư phạm Âm nhạc* của Đặng Thị Lan, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và PPDH Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW năm 2020 [26]. Luận án gồm 4 chương với độ dài 175 trang, chương 1: Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận của dạy học hát chèo, quan họ cho sinh viên ĐHSP Âm nhạc, chương 2: Đặc điểm kĩ thuật hát chèo và hát quan họ, chương 3: Thực trạng dạy học hát chèo và hát quan họ cho sinh viên ĐHSP Âm nhạc tại trường ĐHSP Nghệ thuật TW, chương 4: Phương pháp dạy học hát chèo và hát quan họ cho sinh viên ĐHSP Âm nhạc. Luận án đã nghiên cứu tổng quan về dạy học hát Chèo và hát Quan họ; giải thích một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến đề tài; tìm hiểu cơ sở lí thuyết về dạy học hát dân ca nói chung và dạy học hát Chèo, hát Quan họ nói riêng; tìm hiểu một số đặc điểm của Chèo, Quan họ như: âm nhạc, lời ca, đặc điểm kĩ thuật hát của Chèo và Quan họ; khảo sát thực trạng dạy học hát Chèo và hát Quan

họ cho SV ĐHSP Âm nhạc tại Trường ĐHSP Nghệ thuật TW; đề xuất các PPDH hát Chèo, hát Quan họ cho SV ĐHSP Âm nhạc ở Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. Các nghiên cứu sâu về đặc điểm kỹ thuật hát của chèo và quan họ như hát liền hơi, nhấn, luyến, vang, rền, nền, nảy..., các khái niệm liên quan đến âm nhạc cổ truyền Việt Nam và đặc biệt là các nghiên cứu về thực trạng, các đề xuất về PPDH cho SV ĐHSP Âm nhạc rất cần thiết cho đề tài của chúng tôi tham khảo.

*Giảng dạy các ca khúc mang âm hưởng dân ca miền Trung trong đào tạo Thanh nhạc tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam* của Lê Thị Thơ, bảo vệ tháng 10 năm 2022, là Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Âm nhạc học của Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam [65]. Luận án gồm 3 chương với độ dài 147 trang, chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn, chương 2: Đặc điểm thanh nhạc của các ca khúc mang âm hưởng dân ca miền Trung, chương 3: Giải pháp giảng dạy và thực nghiệm. Luận án đã tổng hợp được một số đặc điểm âm nhạc của một số làn điệu dân ca miền Trung và đặc điểm kỹ thuật thanh nhạc của ca khúc mang âm hưởng dân ca miền Trung tập trung vào một số vùng miền là Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh, Bình Trị Thiên và Nam Trung Bộ. Luận án nghiên cứu thực trạng dạy học ca khúc mang âm hưởng dân ca miền Trung cho sinh viên Đại học Thanh nhạc tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, những ưu điểm và một số bất cập, tồn tại. Đặc biệt chú ý đến vấn đề phát âm trong tiếng Việt, xử lý kỹ thuật đóng âm sao cho mềm mại và chú ý thể hiện phong cách vùng miền trong khi hát. Luận án đưa ra được một số giải pháp mang tính khả thi trong giảng dạy kỹ thuật thanh nhạc kết hợp cách hát ca khúc mang âm hưởng dân ca miền Trung kết hợp với kỹ thuật thanh nhạc phương Tây trong các vấn đề cụ thể như: sử dụng hơi thở, khẩu hình, kỹ thuật hát legato, non legato, staccato, rung láy của phương Tây kết hợp với cách hát liền tiếng, luyến láy, tròn vành rõ chữ của Việt Nam.

Ngoài ra, còn có một số luận án Tiến sĩ khác về dạy học thanh nhạc như: *Dạy học hát ca khúc trữ tình của Franz Schubert cho sinh viên Đại học Thanh*



*nhạc ở Việt Nam* của Đỗ Hương Giang, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và PPDH Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW năm 2022 [15]; *Dạy học hát Aria của W.A.Mozart cho sinh viên thanh nhạc giọng soprano Trường ĐHSP Nghệ thuật TW* của Đào Thị Khánh Chi, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và PPDH Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW bảo vệ tháng 2 năm 2023 [9]... Nội dung các luận án tiến sĩ nêu trên nghiên cứu không liên quan trực tiếp đến dạy học các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân song các PPDH được đề cập, cách phân tích tác phẩm của một nhạc sĩ, cách nghiên cứu thực trạng dạy học cũng là cần thiết để chúng tôi tham khảo cho đề tài của mình.

Bên cạnh các đề tài NCKH, luận án Tiến sĩ, có một số bài viết bàn về dạy học kiến thức âm nhạc cho SV Đại học được đăng trong các báo và kỷ yếu hội thảo khoa học như:

Hội thảo Quốc tế “*Đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trong thế kỉ XXI và một số vấn đề về âm nhạc dân tộc học*” năm 2011 có bài viết *Chức năng, nhiệm vụ của giảng viên dạy các môn kiến thức âm nhạc trong quá trình đào tạo tài năng* của tác giả Nguyễn Trọng Ánh [2], nội dung viết về nhiệm vụ của các giảng viên môn kiến thức âm nhạc, trong lĩnh vực giáo dục âm nhạc chuyên nghiệp, được xác định là truyền dạy kiến thức và rèn luyện một số kỹ năng cơ bản về cách đọc nhạc và nghe nhạc. Qua đó, họ cùng với các nhà chuyên môn tham gia vào quá trình phát triển năng lực âm nhạc cho học sinh. Năng lực âm nhạc được thể hiện chủ yếu trên kiến thức âm nhạc và kỹ năng thực hành nghề nghiệp. hai tiêu chí này luôn đi song hành và phải được coi trọng như nhau. Thực tế cho thấy, kiến thức âm nhạc là nền tảng cho sự phát triển kỹ năng thực hành (và ngược lại). Như vậy, việc trau dồi thêm cho học sinh, sinh viên theo học âm nhạc chuyên nghiệp những kiến thức như tác giả bài viết đề cập trên là điều rất cần thiết. Đây có thể coi như một trong những điều kiện tiên quyết để phát triển năng lực của người học. Sau đó, tác giả của bài viết cũng đưa ra 5 vấn đề cũng chính là những nhiệm vụ cụ thể đặt ra với các giảng viên dạy môn

kiến thức âm nhạc, trong đó nhiệm vụ số 4 là tăng cường vốn tai nghe tác phẩm cho học sinh, sinh viên (đặc biệt là các tác phẩm có tính đặc thù nghề nghiệp) theo các các chủ điểm: Trường phái, phong cách, tác giả, các đặc điểm sáng tác về thể loại, hình thức, hoà thanh, phức điệu, phối dàn nhạc... cùng các nhân tố âm nhạc khác để từ đó có thể phát triển trình độ thẩm mỹ và nuôi dưỡng tâm hồn âm nhạc. Nhiệm vụ của các giáo viên môn kiến thức âm nhạc được xác định là truyền dạy kiến thức và rèn luyện một số kỹ năng cơ bản về cách đọc nhạc và nghe nhạc. Trong bài viết này, tác giả đã làm rõ hơn chức năng và nhiệm vụ cụ thể của giảng viên dạy các môn kiến thức âm nhạc.

Trong tập 3 cuốn *Kỷ yếu Giáo dục âm nhạc - Music education* của Học viện âm nhạc quốc gia Việt Nam có một số bài viết liên quan đến đề tài đào tạo các môn kiến thức âm nhạc như:

- Bài tham luận *Đổi mới chương trình đào tạo các môn kiến thức âm nhạc tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam* của tác giả Nguyễn Phúc Linh [28] đưa ra vai trò của khối kiến thức âm nhạc trong hệ thống đào tạo chuyên ngành tại Học viện âm nhạc Quốc gia Việt Nam. Sau đó, bài viết đưa ra những đề xuất để đổi mới chương trình đào tạo các môn kiến thức âm nhạc như: Đổi mới mục tiêu đào tạo, nội dung, chi tiết học phần; Hệ thống các môn học bắt buộc và tự chọn; Vấn đề về thời lượng cho từng môn học; Vấn đề kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo.

- Bài *Đổi mới dạy và học môn lịch sử âm nhạc phương Tây* của Nguyễn Đại Đồng [13]. Bài viết đã khẳng định được tầm quan trọng của bộ môn lịch sử âm nhạc nói riêng và khối các môn kiến thức âm nhạc đối với những sinh viên theo học mọi chuyên ngành về âm nhạc. Môn lịch sử âm nhạc phương Tây, chúng ta vẫn quan niệm là một trong những môn hỗ trợ đắc lực bậc nhất cho các môn chuyên ngành, bởi giới các môn lý thuyết, người học sẽ đạt mức thông thạo và kỹ năng xử lý nhanh tình huống. Người chơi đàn, người biểu diễn cũng như người lý luận cần những điều bản chất hơn, những nhận biết

tinh táo để định hướng cảm xúc - môn Lịch sử âm nhạc đem đến những kiến thức gợi mở, những điều ẩn chứa đằng sau nốt nhạc mang tính bản chất đó [13].

Tất cả các sách, tài liệu, công trình NCKH, luận án, luận văn, bài viết nêu trong phần tổng quan đều có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến đề tài của chúng tôi, là những tài liệu quý để chúng tôi tham khảo trong quá trình hoàn thành luận án.

#### ***1.1.4. Đánh giá tình hình nghiên cứu***

##### ***1.1.4.1. Những vấn đề đã được nghiên cứu***

Sau khi nghiên cứu các bài viết, cuốn sách, giáo trình, tài liệu giảng dạy và các luận văn, luận án đã bảo vệ ở phần trên, chúng tôi nhận thấy rằng kết quả của những công trình nghiên cứu khoa học trước đây sẽ là nguồn tư liệu hết sức quý báu có tính chất nền tảng. Đó cũng chính là cơ sở lý luận khoa học giúp NCS triển khai thực hiện luận án.

- *Nhóm tài liệu về thuật ngữ âm nhạc, sự hình thành phát triển âm nhạc thánh phòng - giao hưởng Việt Nam.*

Nền âm nhạc Việt Nam được phát triển có định hướng, toàn diện, đồng đều giữa các khâu: sáng tác, biểu diễn, nghiên cứu và đào tạo. Qua quá trình nghiên cứu, chúng cũng tìm hiểu được một số cuốn sách và luận án viết về âm nhạc thánh phòng giao hưởng Việt Nam, với đặc điểm chung là đều liệt kê một số mốc lịch sử hình thành, gắn với đó là các tác giả, tác phẩm tương ứng của từng thời điểm, tuy nhiên trong mỗi hướng nghiên cứu lại khác nhau.

Thông qua các nghiên cứu, có thể thấy được nền âm nhạc Việt Nam đã tồn tại cùng với chiều dài lịch sử của đất nước, trong đó có khí nhạc Việt Nam đã được du nhập theo một hệ thống khác hoàn toàn mới mẻ về cả cấu trúc, hình thức, ngôn ngữ âm nhạc... Đặc điểm chung ở các công trình nghiên cứu kể trên là đều có sự bao quát và sơ lược về quá trình lịch sử, đó cũng là điểm khác biệt với nghiên cứu của chúng tôi. Trong luận án của chúng tôi, cũng có

đề cập đến các giai đoạn hình thành phát triển của âm nhạc thính phòng giao hưởng trong nền âm nhạc mới Việt Nam, nhưng ở đây chúng tôi đi sâu các đặc điểm trong biểu diễn, sáng tác và đào tạo.

• *Nhóm tài liệu về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân*

Trong sự nghiệp sáng tác của mình, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đã có một khối lượng tác phẩm khí nhạc khá phong phú ở nhiều thể loại khác nhau, đặc biệt là các sáng tác giao hưởng. Đã có một số công trình nghiên cứu, khoá luận đại học, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ nghệ thuật học hay một số bài báo đề cập và tìm hiểu về cuộc đời hoạt động âm nhạc cũng như tìm hiểu về những tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Với đề tài nghiên cứu này, chúng tôi không phải là những người đầu tiên đề cập đến.

Có thể nhận thấy, đặc điểm chung trong các công trình viết về tác giả Đỗ Hồng Quân và các tác phẩm của ông được đề cập đến với tính sơ lược, khái quát. Ngoài các sách chuyên khảo còn có các khoá luận đại học, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ cũng nhiều đề tài chọn lựa tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để phân tích. Có thể thấy, khi các nghiên cứu trên đã lựa chọn tác phẩm khí nhạc của Đỗ Hồng Quân để tìm hiểu, phân tích phần nào làm rõ hơn đặc điểm sáng tác của nhạc sĩ. Ngoài ra, còn khẳng định rằng, các tác phẩm của ông mang tính học thuật cao, luôn bám chắc khuôn mẫu giao hưởng phương Tây, nhưng vẫn có khéo léo đưa vào đó những chất liệu âm nhạc dân gian Việt Nam.

\* *Nhóm tài liệu liên quan đến phương pháp dạy học âm nhạc*

- Đề cập cụ thể đến lí luận dạy học, phương pháp dạy học và năng lực dạy học nói chung có thể nói là có khá nhiều sách như đã đề cập mà tiêu biểu là: *Lí luận dạy học hiện đại của Bernd Meier*, Nguyễn Văn Cường; *Lý luận và phương pháp dạy học của Trần Khánh Đức*; *Năng lực dạy học của giảng viên đại học sư phạm của Trần Thị Tuyết Oanh* (chủ biên); *Hiệu quả giảng dạy của giảng viên lý luận và thực tiễn của Dương Minh Quang* (chủ biên). Tuy các

cuốn sách trên nghiên cứu những vấn đề chung, không riêng về giảng viên dạy các môn âm nhạc, nhưng lại giúp NCS có cái nhìn tổng thể hơn về giáo dục tại các trường đại học, cao đẳng ở nước ta.

- Về PPDH âm nhạc có 2 mảng: dạy học cho phổ thông và dạy học cho Đại học. Nghiên cứu PPDH cho phổ thông có một số sách được sử dụng trong đào tạo sư phạm âm nhạc, trong đó có phân tích cụ thể các PPDH âm nhạc. Nghiên cứu PPDH cho SV Đại học hoặc ĐHSP chủ yếu là các đề tài NCKH và các luận án Tiến sĩ, Luận văn thạc sĩ mà ít có các sách được in và lưu hành rộng rãi. Nhìn chung, các công trình đó nghiên cứu sâu về PPDH cho một môn học, một lĩnh vực như hòa âm, thanh nhạc, hát dân ca... Các nội dung nghiên cứu tuy không liên quan trực tiếp về dạy học các tác phẩm khí nhạc như đề tài của chúng tôi nhưng có liên quan gián tiếp, trong đó có PPDH, nghiên cứu thực trạng dạy học cho SV Đại học ở một số cơ sở đào tạo mà đề tài của chúng tôi nghiên cứu.

#### *1.1.4.2. Những vấn đề còn chưa nghiên cứu*

Qua tìm hiểu tổng quan nghiên cứu cho thấy:

Đã có những nghiên cứu về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, đặc biệt cuốn Âm nhạc mới Việt Nam tiến trình và thành tựu còn phân tích đặc điểm khá sâu về 3 tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ nhưng tất cả các công trình nghiên cứu về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đều không đề cập đến tính ứng dụng của các giá trị nghệ thuật đó vào công tác đào tạo hay giảng dạy âm nhạc.

Về mảng dạy học âm nhạc và PPDH âm nhạc có thể nói là có một số đề tài, luận án Tiến sĩ, luận văn Thạc sĩ, bài báo nhưng nghiên cứu về dạy học ở nhiều lĩnh vực âm nhạc như dạy thanh nhạc, nhạc cụ, dạy hòa âm, hát dân ca... cho SV sư phạm âm nhạc nhưng hầu như chưa thấy dạy học tác phẩm khí nhạc nói chung và tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân nói riêng cả cho đối tượng học âm nhạc chuyên ngành lẫn sư phạm âm nhạc. Đây chính là

khoảng trống để NCS nghiên cứu. Có thể nói đề tài *Dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên sư phạm âm nhạc* của NCS không trùng lặp với các đề tài đã nghiên cứu.

#### *1.1.4.3. Hướng nghiên cứu của luận án*

Hướng nghiên cứu của chúng tôi sẽ tập trung vào những vấn đề sau và đây cũng là điểm mới của luận án:

*Thứ nhất:* Luận án sẽ nghiên cứu khái quát về thực trạng dạy học các môn kiến thức âm nhạc cơ bản như: Lịch sử âm nhạc Việt Nam, phân tích tác phẩm, hoà thanh, phối khí, giới thiệu nhạc cụ... trong đào tạo sinh viên ngành Sư phạm âm nhạc tại trường Đại học Sư phạm nghệ thuật TW.

*Thứ hai:* Luận án sẽ nghiên cứu về quá trình hình thành phát triển nền khí nhạc Việt Nam và làm rõ một số thuật ngữ về thể loại.

*Thứ ba:* Luận án sẽ nghiên cứu về thủ pháp sáng tác một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân

*Thứ tư:* Luận án sẽ nghiên cứu về sự vận dụng kết quả phân tích về thủ pháp sáng tác trong tác phẩm thính phòng giao hưởng của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong việc dạy học các môn kiến thức âm nhạc cơ bản như: Lịch sử âm nhạc Việt Nam, phân tích tác phẩm, hoà thanh, phối khí, giới thiệu nhạc cụ... trong đào tạo sinh viên ngành Sư phạm âm nhạc tại trường Đại học Sư phạm nghệ thuật TW.

## **1.2. Cơ sở lý luận về dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân**

### ***1.2.1. Một số khái niệm, thuật ngữ liên quan đến đề tài***

Các khái niệm, thuật ngữ luôn là nền tảng lý thuyết cho quá trình nghiên cứu, giúp nhiệm vụ nghiên cứu được định hướng rõ ràng và thuận lợi. Vậy nên, việc tìm hiểu về các khái niệm là nhiệm vụ cần thiết để thực hiện công trình nghiên cứu một cách khoa học. Dựa trên cơ sở đó, có thể đưa ra những luận điểm thích hợp với mục đích nghiên cứu.

### 1.2.1.1. *Dạy học*

Từ khi xã hội loài người mới hình thành, thế hệ trước đã biết, giáo dục, biết truyền dạy cho thế hệ sau những kinh nghiệm, vốn sống, để thế hệ sau có thể tồn tại, đồng thời phát triển cao hơn. Nói cách khác, giáo dục có một vai trò rất quan trọng trong sự phát triển xã hội loài người. Thời kỳ hiện đại ngày nay, hầu hết các quốc gia đều lấy giáo dục là động lực cho sự phát triển, những quốc gia văn minh, có nền kinh tế và dân trí cao đều chú trọng giáo dục. Quá trình giáo dục được thực hiện bằng nhiều con đường và chủ yếu là con đường dạy học.

Vậy dạy học là gì? Có rất nhiều sách, nhiều công trình định nghĩa về dạy học.

*Từ điển tiếng Việt* do Hoàng Phê chủ biên có viết: dạy là “truyền lại tri thức hoặc kỹ năng một cách ít nhiều có hệ thống, có phương pháp” [61, tr.236], học là “thu nhận kiến thức, luyện tập kỹ năng do người khác truyền lại” [61, tr.437]. Với cách chia tách 2 khái niệm, *Từ điển tiếng Việt* đã nêu được một phần nhiệm vụ của người dạy là truyền lại tri thức và người học là thu nhận kiến thức và luyện tập. Tuy vậy, với quan niệm dạy học hiện đại thì người thầy không chỉ có nhiệm vụ truyền lại tri thức và người học không đơn thuần là thu nhận kiến thức. Cách hiểu này dẫn tới sự thụ động của người học và chưa thấy hết vai trò của người dạy cũng như chưa thấy rõ sự tương tác giữa người dạy và người học bởi dạy học là một quá trình gồm hai hoạt động dạy và học gắn bó mật thiết với nhau, giữa thầy và trò phải có sự tương tác.

Trong cuốn *Giáo dục học*, khái niệm dạy học của các tác giả Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt có viết: “Dạy học là một quá trình trong đó, dưới tác động chủ đạo tổ chức, điều khiển, lãnh đạo của thầy, HS tự giác, tích cực tự tổ chức, tự điều khiển hoạt động nhận thức, nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ dạy học” [51, tr.55].

Cùng có quan niệm giống với các tác giả Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt, trong cuốn *Những vấn đề chung của giáo dục học* của Phan Thanh Long (chủ biên), Lê Trảng Định viết về dạy học như sau:

Dạy học là hoạt động thống nhất giữa người dạy (giáo viên) và người học (học sinh) nhằm đạt được các nhiệm vụ dạy học. Trong hoạt động này người giáo viên giữ vai trò là người tổ chức, định hướng, gợi mở, cung cấp, chỉ dẫn, điều khiển những điều cần thiết về mục tiêu, nội dung, phương pháp học tập phù hợp với người học. Người học tích cực, chủ động, sáng tạo tiến hành các hoạt động nhận thức, học tập những điều đã được cung cấp sao cho phù hợp với năng lực, sở trường và điều kiện riêng của mình để đạt được mục tiêu và những yêu cầu của chương trình đã quy định [37, tr.42].

Qua 2 ý kiến trên ta thấy các tác giả đều khẳng định hoạt động dạy của người dạy mang tính chủ đạo, hoạt động học của người học là hoạt động tự giác, chủ động, tự điều khiển hoạt động nhận thức - học tập của mình nhằm thu nhận, xử lý và biến đổi thông tin bên ngoài thành tri thức của bản thân.

Như vậy, dạy học là con đường của giáo dục với mục đích giúp cho người học chiếm lĩnh được những kiến thức, những giá trị của các thế hệ trước để lại. Tuy nhiên, không chỉ có vậy, mục đích của dạy học còn cao hơn thế, là hướng tới để người học có thể tạo ra những cái mới, đáp ứng được những vấn đề cuộc sống ngày càng phát triển của bản thân, của cộng đồng và toàn thể nhân loại. Vì thế, mục tiêu của dạy học là giúp cho HS có năng lực hành động, không chỉ để chiếm lĩnh được các giá trị văn hóa mà nhân loại đã đạt được mà còn có thể tiếp tục sáng tạo các giá trị mới, góp phần cho sự phát triển ngày càng cao của xã hội.

Từ những ý kiến trên, chúng tôi rút ra khái niệm *dạy học* như sau:

Dạy học là một quá trình thống nhất, được phối hợp giữa hai hoạt động: hoạt động dạy của thầy và hoạt động học của trò. Trong dạy học, người thầy có



vai trò truyền đạt kiến thức, tổ chức, hướng dẫn quá trình dạy học còn người học chủ động, tích cực điều khiển hoạt động nhận thức. Từ đó, giúp cho người học chiếm lĩnh được các giá trị mà nhân loại đã đạt được và tiếp tục sáng tạo các giá trị mới, góp phần cho sự phát triển xã hội.

#### 1.2.1.2. Phương pháp

“Thuật ngữ phương pháp bắt nguồn từ tiếng Hy Lạp “methodos” có nghĩa là con đường, cách thức để đi tới chân lý, để đạt tới mục đích” [3, tr.112]. Một cách ngắn gọn, khái niệm của người Hy Lạp cho thấy bản chất cốt lõi của thuật ngữ phương pháp.

*Từ điển tiếng Việt* viết khái niệm về phương pháp tương tự với người Hy Lạp nhưng cụ thể hơn: 1. “cách thức nhận thức, nghiên cứu hiện tượng của tự nhiên và đời sống xã hội”; 2. “hệ thống các cách sử dụng để tiến hành một hoạt động nào đó” [61; tr.766]. Như vậy, cốt lõi của phương pháp ở đây là “hệ thống các cách sử dụng”, nói đến hệ thống là phải nói đến sự sắp xếp, sự gắn bó của các cách sử dụng để đi tới mục đích.

Sách *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb Đại học sư phạm Hà Nội, 2020 của Phó Đức Hòa viết về khái niệm phương pháp như sau: “Phương pháp là cách thức, là con đường của tổ hợp các hoạt động nhằm thực hiện mục đích đề ra” [17; tr.30]. Trong khái niệm này, phương pháp được khẳng định là một tổ hợp cách sử dụng để tiến hành hoạt động, điều đó nói lên tính liên kết, gắn bó thống nhất của các hoạt động là một yếu tố không thể thiếu.

Từ những ý kiến nêu trên, NCS rút ra khái niệm: *Phương pháp là con đường, là phương tiện để đạt tới mục tiêu trong một hoạt động, là hệ thống (tổ hợp) các cách thức sử dụng được sắp xếp theo một trật tự có tính logic để tiến hành hoạt động đó.*

#### 1.2.1.3. Phương pháp dạy học

Trong *Lý luận dạy học Đại học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội năm 2000 của Lưu Xuân Mới có viết: “PPDH có vai trò quan trọng và có tính chất quyết định đối với chất lượng dạy học” [43; tr.151]. Có thể nói, trong dạy học, PPDH được

hầu hết các nhà sư phạm, các giáo viên, các nhà quản lý quan tâm bởi đó là yếu tố quan trọng quyết định chất lượng dạy học.

Khái niệm PPDH được hai tác giả Brend Meier - Nguyễn Văn Cường trong cuốn *Lý luận dạy học hiện đại - cơ sở đổi mới mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học sư phạm năm 2022 viết như sau: “PPDH là những hình thức và cách thức hoạt động của GV và HS trong những môi trường dạy học được tổ chức, nhằm lĩnh hội tri thức, kỹ năng, thái độ, phát triển năng lực và phẩm chất”. [10; tr.99]. Theo định nghĩa này, PPDH được hiểu là cách thức hoạt động của GV và HS

Đồng ý kiến như trên, tác giả Trần Thị Tuyết Oanh trong cuốn *Giáo trình giáo dục học* có viết: “Phương pháp dạy học là sự kết hợp hữu cơ, biện chứng giữa phương pháp dạy của GV và phương pháp học của HS, phương pháp dạy đóng vai trò chủ đạo, phương pháp học có tính độc lập tương đối, chịu sự chi phối của phương pháp dạy, song nó cũng ảnh hưởng trở lại phương pháp dạy” [60, tr.204]. Khái niệm của tác giả Trần Thị Tuyết Oanh còn cho thấy sự tương tác qua lại và bổ trợ lẫn nhau giữa cách thức hoạt động của GV với HS.

Phương pháp dạy học được phân loại theo tùy từng đặc điểm, tính chất của quá trình dạy học đó là: Dựa theo các hoạt động nhận thức của người học gồm PPDH giải thích, minh họa, tái hiện, giới thiệu vấn đề tìm kiếm từng phần...; Dựa theo nguồn gốc thông tin từ người học gồm PPDH sử dụng ngôn ngữ, trực quan, thực hành...; Dựa theo lý thuyết dạy học truyền thống gồm PPDH thuyết trình, vấn đáp trực quan, củng cố kiểm tra...; Dựa theo các yếu tố bên trong và bên ngoài gồm PPDH thuyết trình, đàm thoại, hướng dẫn, làm mẫu, ngoài ra còn có những phương pháp theo cấu trúc hoạt động nhận thức của người học như phân tích, quy nạp, phát triển lịch sử...; dựa theo đặc điểm của hoạt động dạy học có PPDH thông báo, thu nhận, giải thích, tái hiện, thiết kế, thực hành...

Qua các ý kiến trên, NCS sử dụng khái niệm: “Phương pháp dạy học là tổ hợp cách thức hoạt động, là một hệ thống những hành động có mục đích của

GV, được thiết kế trên cơ sở khoa học và kinh nghiệm dạy học, nhằm tổ chức hoạt động nhận thức và thực hành của HS, được tiến hành dưới vai trò chủ đạo của thầy, nhằm đạt được mục tiêu dạy học” [40, tr.27].

#### *1.2.1.4. Dạy học tác phẩm khí nhạc, dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân*

##### *- Dạy học tác phẩm khí nhạc:*

Trước khi tìm hiểu dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, xin được giải thích sơ qua về thuật ngữ khí nhạc. Các tác phẩm âm nhạc được chia thành 2 lĩnh vực chính: Khí nhạc và thanh nhạc. Thanh nhạc là những tác phẩm nhạc hát dành cho giọng người thể hiện. Khí nhạc là một thuật ngữ có nguồn gốc Hán - Việt, theo nghĩa thuần Việt thì đó là nhạc đàn. Trong *Từ điển tiếng Việt* giải thích khí nhạc là “1. âm nhạc do nhạc khí phát ra, phân biệt với thanh nhạc; 2. nhạc sáng tác cho một loại nhạc khí hoặc cho một dàn nhạc” [60, tr.481]. Theo *Từ điển âm nhạc* của Vũ Tự Lân, Nxb Hà Nội 2015, khí nhạc là: “âm nhạc dành cho sự diễn tấu bằng nhạc cụ. Khí nhạc có thể có dạng độc tấu (có phần đệm hoặc không), tốp tấu thính phòng hoặc dàn nhạc” [27, tr.193].

Luận án *sử dụng thuật ngữ khí nhạc (còn gọi là nhạc đàn) với ý nghĩa là những tác phẩm âm nhạc không lời được viết cho nhạc cụ diễn tấu*. Như vậy, tìm hiểu tác phẩm thuộc các thể loại khí nhạc sẽ khó hơn các thể loại thanh nhạc bởi thanh nhạc có lời ca. Hình tượng âm nhạc được thông qua ngữ nghĩa của lời ca sẽ dễ hiểu hơn. Hình tượng trong tác phẩm khí nhạc thuộc nhóm biểu hiện, không mô tả rõ ràng như ngôn ngữ tạo hình. Người nghe cảm nhận hình tượng âm nhạc thông qua giai điệu, nhịp điệu, tính chất âm nhạc, cường độ... của tác phẩm. Vì thế, thưởng thức tác phẩm, đặc biệt phân tích, tìm hiểu tác phẩm khí nhạc đòi hỏi có một trình độ âm nhạc nhất định. Đối với người học chuyên nghiệp cần có những kiến thức về lý thuyết âm nhạc, hòa thanh, điệu thức, cấu trúc, cách xây dựng giai điệu, tiết tấu, phối khí... Với SV Đại học SPAN có thể yêu cầu hiểu biết về khí nhạc không cao như chuyên ngành Lý luận, Sáng tác, Chỉ huy song cũng cần có những kiến thức chuyên sâu về cấu

trúc và ngôn ngữ âm nhạc để tiếp nhận các tác phẩm khí nhạc.

Qua những vấn đề trên cho thấy, *dạy học tác phẩm khí nhạc* cho SV Đại học SPAN phải gắn vào *đặc trưng ngôn ngữ* của khí nhạc, phải dựa vào các yếu tố cấu trúc, điệu thức, hòa thanh, giai điệu, phối khí, sử dụng kỹ thuật nhạc cụ... để hiểu biết tác phẩm khí nhạc.

Từ khái niệm dạy học và khí nhạc, chúng tôi sử dụng khái niệm dạy học tác phẩm khí nhạc trong luận án với ý nghĩa như sau:

Dạy học tác phẩm khí nhạc là một quá trình của dạy học âm nhạc, trong đó có sự phối hợp giữa hoạt động dạy của thầy (GV) và hoạt động học của trò (SV). GV truyền đạt, phân tích, tổ chức, hướng dẫn SV chủ động, tích cực điều khiển hoạt động nhận thức về các tác phẩm khí nhạc, là những tác phẩm âm nhạc không lời do nhạc cụ diễn tấu. Từ đó, SV có năng lực nhận biết, cảm thụ hoặc phân tích được đặc điểm ngôn ngữ, giá trị nghệ thuật của tác phẩm khí nhạc hoặc một chương hay một phần tác phẩm khí nhạc có hình thức lớn.

- *Dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân:*

Từ khái niệm dạy học tác phẩm khí nhạc, chúng tôi sử dụng *dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân* với ý nghĩa tương tự như trên nhưng cụ thể trong luận án này là *biện pháp sử dụng tác phẩm khí nhạc hoặc một chương hay một phần tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân và đưa ra PPDH các tác phẩm đó cho SV ĐHSP Âm nhạc qua 2 môn Phân tích tác phẩm và Âm nhạc Việt Nam*. Từ đó, SV có năng lực nhận biết, cảm thụ hoặc phân tích được đặc điểm ngôn ngữ, giá trị nghệ thuật của tác phẩm, bồi đắp cho SV kiến thức về khí nhạc Việt Nam.

#### 1.2.1.5. Thể loại âm nhạc

Cuốn *Thể loại âm nhạc* của nhiều tác giả người Nga do Lan Hương dịch có viết về thể loại như sau: “Thể loại (tiếng Pháp genre có nghĩa là chủng, loại, giống) là loại hình nhất định của sáng tác nghệ thuật gắn liền với thực tiễn lịch sử đã sản sinh ra nó, với đời sống sinh hoạt bằng một phương thức nhất định”

[20, tr.6]. Về khái niệm thể loại âm nhạc, cuốn sách đưa ví dụ cụ thể hơn: “là khái niệm chỉ các loại hình tác phẩm khác nhau của nghệ thuật âm nhạc, chẳng hạn như bài ca lao động, bài hát ru, rô-măng-xơ, vũ khúc, hành khúc, prê-luýt, u-véc-tuya” [20, tr.6]. Trong cách giải thích về thể loại âm nhạc nêu trên chúng ta nhận thấy lõi của khái niệm là những tác phẩm có cùng chung một phương thức thể hiện nào đó. Tuy vậy, chúng tôi thấy cụm từ loại hình thường lớn hơn thể loại.

*Từ điển tiếng Việt* giải thích thể loại là “hình thức sáng tác văn học, nghệ thuật, phân chia theo phương thức phản ánh hiện thực, vận dụng ngôn ngữ.v.v.” [61, tr.900]. Cách giải thích này cho thấy rõ hơn về thể loại, được phân chia theo phương thức phản ánh hoặc vận dụng ngôn ngữ.

*Từ điển âm nhạc* của Vũ Tự Lân giải thích khá sâu về thuật ngữ thể loại âm nhạc là: “Những biến thể của các tác phẩm âm nhạc đã định hình trong lịch sử, thường được xác định bằng những dấu hiệu khác nhau: bằng tính chất chủ đề, những phương tiện biểu hiện, thành phần biểu diễn” [27, tr.350]. Ông dẫn chứng một số thể loại âm nhạc như giao hưởng, opera, thính phòng, ca khúc... Ngoài ra, tác giả còn lý giải thêm trong thể loại có thể chia thành các thể loại khác nhau, chẳng hạn trong âm nhạc giao hưởng có thể loại giao hưởng, giao hưởng thơ, tổ khúc hay trong opera có thể loại trữ tình hoặc hài hước. Chúng tôi đồng quan điểm với dẫn giải về thể loại âm nhạc được phân chia theo phương tiện biểu hiện, thành phần biểu diễn, tuy vậy chưa nhất quán với quan điểm thể loại âm nhạc là “những biến thể của các tác phẩm âm nhạc”.

Từ những ý kiến của nhiều nhà nghiên cứu, chúng tôi quan niệm: *Thể loại âm nhạc để chỉ những tác phẩm âm nhạc thuộc một kiểu/dạng có đặc điểm chung nào đó về phương tiện biểu hiện hay tính chất âm nhạc hoặc thành phần biểu diễn...* Chẳng hạn, thể loại ca khúc hành khúc có đặc điểm chung về tính chất âm nhạc là mang tính nhịp đi, khỏe khoắn, nghị lực; thể loại tổ khúc có đặc điểm là về kết cấu tác phẩm (phương tiện biểu hiện) là gồm nhiều khúc nhạc liên kết với nhau theo một trình tự nào đó; thể loại ouverture có đặc điểm

chung về phương tiện biểu hiện là khúc mở màn cho một vở opera hay một vở kịch;...

#### 1.2.1.6. *Thể loại giao hưởng, âm nhạc giao hưởng*

- *Thể loại giao hưởng:*

Tên gọi “giao hưởng - symphonie bắt nguồn từ ngôn ngữ Hy Lạp - có nghĩa là hòa hợp âm hưởng. Sau này "giao hưởng" được dùng để đặt cho các tác phẩm viết cho dàn nhạc giao hưởng. Thể loại âm nhạc này bắt đầu hình thành từ những năm 30 thế kỷ XVIII, khi các khúc dạo đầu (ouverture) trong các vở opera ngày càng phát triển và mang tính độc lập. Từ đó giao hưởng như một thể loại âm nhạc độc lập đã ra đời.

*Thể loại giao hưởng (symphonie) hay còn gọi là “liên khúc giao hưởng” là thuật ngữ chỉ các tác phẩm được viết cho dàn nhạc giao hưởng diễn tấu, có cấu trúc liên khúc sonata gồm nhiều chương trong đó có ít nhất 1 chương được viết ở hình thức sonata.*

“Dàn nhạc giao hưởng là sự kết hợp muôn màu, muôn vẻ các loại âm sắc khác nhau. Âm thanh của bản giao hưởng vang lên khi mạnh mẽ, khi tương phản tột độ, khi hài hòa tới mức tuyệt vời” [38, tr.87-88]. Dàn nhạc giao hưởng gồm có 4 bộ: Bộ dây, bộ đồng, bộ gỗ và bộ gõ. Bộ dây có violon, viola, cello, contrabass; bộ đồng có kèn cor, trompette, trombone, tuba; bộ gỗ có flote, hautbois, clarinette, basson; bộ gõ có timbales, tambourine, cymbale, xylophone, triangle, celesta... Mỗi bộ lại gồm những nhạc khí khác nhau nhưng cùng họ. Cũng có khi dàn nhạc được trình diễn kết hợp với giọng hát của người (solo, hợp xướng...). Toàn bộ dàn nhạc được trình diễn dưới sự chỉ huy của nhạc trưởng.

Tác phẩm giao hưởng gồm các chương tương phản với nhau; giao hưởng chuẩn mực của trường phái cổ điển Viên là 4 chương, đôi khi có giao hưởng 3 chương hoặc 5 chương, đến thời kỳ lãng mạn có giao hưởng 2 chương và giao hưởng 1 chương (được gọi là thể loại giao hưởng thơ). Mỗi chương của

giao hưởng có thể sánh với một màn của một vở nhạc kịch hay một chương của một cuốn tiểu thuyết. Các chương nhạc của thể loại giao hưởng đều có hình thức hoàn chỉnh, từng chương phản ánh một khía cạnh của chủ đề tư tưởng toàn tác phẩm nhưng có mối liên hệ chặt chẽ trong một ý đồ chung.

Chương một thường được viết ở nhịp độ nhanh, cấu trúc ở hình thức sonata, diễn tả những hình tượng tương phản, đối chọi với nhau mang tính phát triển mãnh liệt, dồn dập, diễn biến kịch tính căng thẳng như miêu tả con người hoặc một tập thể quần chúng trong một cuộc đấu tranh hoặc trong sự nghiệp sáng tạo.

Chương hai là chương chậm, thường là tính chất trữ tình, dành cho những tư duy về cuộc đời, số phận, tình yêu hoặc ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên.

Chương ba là chương có nhịp độ nhanh, là chương Menuet (xây dựng trên tiết tấu của các điệu nhảy phong tục, nhịp 3) hoặc là chương Scherzo thể hiện tính linh hoạt, vui tươi, dí dỏm.

Chương bốn là chương kết thường có nhịp độ rất nhanh. Âm nhạc có tính khái quát, tổng kết, khẳng định lại các hình tượng đã xây dựng ở các chương nhạc trước.

- *Âm nhạc giao hưởng*

*Âm nhạc giao hưởng là thuật ngữ để chỉ các tác phẩm được viết cho dàn nhạc giao hưởng diễn tấu.*

*Âm nhạc giao hưởng* bao gồm nhiều thể loại: thể loại giao hưởng (liên khúc giao hưởng nhiều chương), tổ khúc giao hưởng, ouverture, thơ giao hưởng và cả những khúc rhapsody, fantasie... Cấu trúc các tác phẩm thuộc âm nhạc giao hưởng như nêu trên không có quy định chung cho tất cả mà theo đặc điểm của từng thể loại, chẳng hạn thơ giao hưởng chỉ có cấu trúc 1 chương và nội dung được xây dựng từ một chủ đề của bài thơ nào đó.

Như vậy, âm nhạc giao hưởng rộng hơn thể loại giao hưởng, trong âm nhạc giao hưởng có thể loại này. Luận án của chúng tôi nghiên cứu về dạy học

các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, trong đó một số tác phẩm của ông thuộc âm nhạc giao hưởng.

Âm nhạc giao hưởng thường được biểu diễn trong phòng hòa nhạc lớn, cho một dàn nhạc lớn. Đó là một trong những thể loại âm nhạc thuộc nghệ thuật đỉnh cao.

#### 1.2.1.7. Âm nhạc thính phòng

*Âm nhạc thính phòng là thuật ngữ chỉ các loại nhạc để biểu diễn trong phạm vi không gian nhỏ, khác với nhạc giao hưởng, nhạc sân khấu (opera, oratoria, cantata) biểu diễn các không gian hòa nhạc lớn.* Như vậy, âm nhạc thính phòng được phân chia theo tiêu chí phương thức trình diễn.

Thuật ngữ *thính phòng* theo ngôn ngữ La tinh xuất phát từ chữ camera (căn phòng), loại âm nhạc này “được hình thành từ thời Trung cổ nhưng mãi đến cuối thời đại Phục hưng mới được khẳng định rõ ý nghĩa... Trước kia, âm nhạc thính phòng chỉ được trình diễn ở các buổi hòa nhạc trong phạm vi gia đình” [100]. Từ đây đã hình thành nên các hình thức thức chơi nhạc thường là độc tấu hoặc vài ba nhạc công chơi các nhạc cụ đủ để biểu diễn trong phạm vi nhỏ và liên kết với nhau thành nhóm nhạc thính phòng.

Âm nhạc thính phòng phát triển mạnh vào cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XVIII, đặc biệt trong sự nghiệp của các nhạc sĩ người Ý. Thể loại cao nhất của khí nhạc thính phòng ở thời kỳ này là sonata da camera (sonata cổ, có nguồn gốc từ tổ khúc nhạc múa) [100] gồm nhiều chương tương phản về nhịp độ và tính chất âm nhạc nhưng giữa các chương chưa có gắn kết chặt chẽ với nhau về nội dung như sonata của thời kỳ cổ điển sau đó, thể loại này là tiền thân của sonata cổ điển. Nửa sau thế kỷ XVIII, thời kỳ của trường phái âm nhạc cổ điển, các nhạc sĩ J. Haydn, W.A. Mozart, L.V. Beethoven đã sáng tác nhiều thể loại âm nhạc thính phòng dành cho độc tấu, song tấu, tam tấu, tứ tấu, ngũ tấu... và đã hoàn thiện cho thể loại sonata, một thể loại đỉnh cao của âm nhạc thính phòng.

#### 1.2.1.8. Thể loại rhapsodie, thể loại nocturne

- *Thể loại rhapsodie:*



Tên gọi rhapsodie “có gốc từ tiếng Hy Lạp cổ đại. Xưa kia, người ta gọi các ca sĩ dân gian là ráp-xô-đi đây là tên gọi các ca sĩ dân gian, những người biểu diễn các truyện sử thi, anh hùng ca” [20; tr.78]. Rhapsodie có đặc điểm là mang tính phóng tác, “gồm các phần tương phản xen kẽ nhau, cấu trúc tự do, chủ yếu dựa trên các chủ đề dân ca, dân vũ” [38, tr.217].

Như vậy, *rhapsodie* là thể loại khí nhạc mang tính phóng tác, được viết dựa trên các chủ đề dân ca, dân vũ, cấu trúc tự do gồm nhiều phần tương phản xen kẽ nhau như tính sử thi, trữ tình hay anh hùng, kịch tính hoặc hội hè, tung bừng, phấn khởi. Thể loại này được xuất hiện và phổ biến trong các sáng tác của các nhà soạn nhạc thời kỳ lãng mạn thế kỉ XIX, đặc biệt nổi bật với 19 bản *Rhapsodie Hungaria* và 1 bản *Rhapsodie Tây Ban Nha* của nhạc sĩ F. Liszt, là những tác phẩm được nhạc sĩ viết theo phong cách cải biên và phóng tác dựa trên những chủ đề ca múa dân gian Hungaria và Digan.

- *Thể loại nocturne:*

Nocturne (dạ khúc), “có nghĩa là khúc nhạc ban đêm. Ở thế kỉ XVIII, tên gọi đó để chỉ những tác phẩm liên khúc mang tính chất giải trí nhẹ nhàng, viết cho hợp tấu dây và kèn hơi biểu diễn ngoài trời trong các lễ nghênh tiếp” [20, tr.69]. “Sang thế kỉ XIX, nocturne là tác phẩm một chương không lớn lắm, có đặc điểm trữ tình, thể hiện sự ước mơ, yên tĩnh, gợi những hình tượng về đêm” [38, tr.208].

Như vậy, có thể khái niệm: *Nocturne* (dịch sang tiếng Việt là dạ khúc), là khúc nhạc gợi hình tượng về đêm, tính chất yên tĩnh, trữ tình hoặc ước mơ, thơ mộng; có hình thức nhỏ hoặc cấu trúc một chương không lớn lắm.

Nhạc sĩ người Ba Lan, Frederic Chopin đã đưa thể loại nocturne lên đỉnh cao, 21 nocturne của ông phong phú về hình tượng âm nhạc, nội dung sâu sắc và kĩ thuật piano tuyệt vời.

#### 1.2.1.9. *Thang âm, làn điệu*

Luận án của chúng tôi nghiên cứu về dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, trong một số tác phẩm của ông có viết cho nhạc cụ dân tộc hoặc

sử dụng chất liệu âm nhạc dân tộc Việt Nam. Vì thế, ở phần này xin được giải thích một vài thuật ngữ liên quan đến âm nhạc dân tộc cổ truyền.

- *Thang âm:*

Một làn điệu dân ca, một bài bản âm nhạc cổ truyền Việt Nam được viết ở một điệu thức nào đó, điệu thức ấy được biểu thị bằng thang âm. Nếu không gắn với một bài bản cụ thể thì thang âm là sự sắp xếp các âm theo thứ tự từ thấp đến cao hoặc từ cao xuống thấp. Tuy vậy, khi bàn về thang âm của một bài bản bao giờ cũng có mối liên quan đến điệu thức, thường dùng thang âm để biểu thị điệu thức của bài bản. Như vậy, định nghĩa *thang âm của một bài bản* là sự sắp xếp các âm theo thứ tự từ thấp đến cao hoặc từ cao xuống thấp là chưa đủ mà phải đề cập đến thang âm được bắt đầu từ âm nào, cấu tạo của thang âm trong bài bản ra sao.

Chúng tôi quan niệm: *Thang âm của một bài bản là sự sắp xếp các bậc âm trong bài bản theo thứ tự từ thấp đến cao hoặc từ cao xuống thấp trong phạm vi một quãng tám, với âm bắt đầu là âm ổn định nhất. Ở những bài bản chỉ có 2 hoặc 3 âm, không rõ điệu thức thì âm bắt đầu của thang âm sẽ là âm thấp nhất của bài bản.*

- *Làn điệu:*

Trong cuốn *Âm nhạc cổ truyền Việt Nam* của Nguyễn Thụy Loan (2006), Nxb ĐHSP năm 2006, có nêu khái niệm làn điệu như sau:

Cách gọi truyền thống của người Việt để chỉ loại cấu trúc giai điệu bán ổn định, trong đó có những “phần cứng” (không thay đổi) và những “phần mềm” (có thể thay đổi). Phần cứng giúp cho người nghe nhận diện được giai điệu thuộc làn điệu nào, còn phần mềm với những thay đổi đa dạng khiến cho những dị bản của cùng một giai điệu rất khác nhau, thậm chí có khi khó nhận ra, nhất là với những người được đào tạo theo kiểu âm nhạc phương Tây chưa quen với âm nhạc cổ truyền [35, tr.248].

Có thể thấy, khái niệm này chỉ ra một yếu tố cơ bản của làn điệu là trong giai điệu của những bài bản cùng làn điệu có “phần cứng” không thay đổi hay nói cách khác là giống nhau, còn phần mềm có sự thay đổi nghĩa là khác nhau.

Đồng quan điểm với tác giả Nguyễn Thụy Loan, chúng tôi cho rằng *làn điệu để chỉ những bài bản có tên và lời ca (với bài hát) khác nhau nhưng giai điệu có những nét tương đồng giống nhau*. Ví dụ như làn điệu *Trống quân*, *Hát Ví*, *Hát Giặm*, các làn điệu *Cờn*, *Dọc*, *Xá* trong Châu Văn... có nhiều bài bản khác nhau nhưng hát lên vẫn có nét giống nhau mà ta hay gọi sự giống nhau đó là lòng bản, còn các bài bản khác nhau chính là những dị bản.

### ***1.2.2. Các thành tố của quá trình dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên Sư phạm âm nhạc***

Quá trình dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên Sư phạm âm nhạc gồm nhiều thành tố. Dưới đây, chúng tôi trình bày các thành tố dưới dạng là cơ sở lý thuyết của luận án.

#### ***1.2.2.1. Mục tiêu dạy học***

Chương trình đào tạo ngành Sư phạm âm nhạc ở nước ta chủ yếu là đào tạo các giáo viên sau này ra trường có thể đảm nhiệm giảng dạy âm nhạc ở các trường phổ thông hoặc các cơ sở có dạy học âm nhạc. Luận án nghiên cứu dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên Sư phạm âm nhạc dựa trên mục tiêu dạy học của chương trình ngành Sư phạm âm nhạc và chương trình chi tiết của các môn học liên quan đến dạy học khí nhạc chẳng hạn như Phân tích tác phẩm, Âm nhạc Việt Nam/Lịch sử âm nhạc Việt Nam... Chuẩn đầu ra và mục tiêu dạy học của chương trình đào tạo và chương trình chi tiết các môn học có liên quan nêu trên sẽ là cơ sở để luận án đưa ra các phương pháp, biện pháp dạy học các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên Sư phạm âm nhạc. Dưới đây xin được dẫn chứng mục tiêu của chương trình ngành Sư phạm âm nhạc (năm 2021) Trường ĐHSP Nghệ thuật TW:

Đào tạo cử nhân Sư phạm Âm nhạc có trình độ lý luận và thực hành để dạy học âm nhạc ở các cấp học phổ thông, các trường sư phạm, các trường văn hoá - nghệ thuật và các cơ sở đào tạo nghệ thuật, góp phần giáo dục thẩm mỹ cho học sinh, sinh viên đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo trong nước và hội nhập quốc tế. Đồng thời, có thể tự học, học tiếp lên bậc cao hơn để hoàn thiện và nâng cao năng lực làm việc. [PL7, tr.225].

Dưới đây là mục tiêu của HP2 môn Phân tích tác phẩm của ngành Sư phạm âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW có nêu mục tiêu về dạy học các tác phẩm khí nhạc (bao gồm cả Việt Nam và nước ngoài) [PL7, tr.225].

Về kiến thức: Môn Phân tích tác phẩm nhằm trang bị cho SV có năng lực phân tích được “Các hình thức lớn trong âm nhạc như: *Ba đoạn phức, Rondo, Biến tấu, Sonate*. Việc sử dụng các phương tiện diễn tả của âm nhạc trong các tác phẩm khí nhạc”. Về kỹ năng, SV ngoài khả năng “phân tích được cấu trúc của các hình thức ba đoạn phức, rondo, biến tấu, sonate mà còn phân tích được “hình tượng, tính chất âm nhạc trong các phẩm ở hình thức lớn” [PL7, tr.225]. Như vậy, đào tạo Sư phạm âm nhạc sau này SV ra trường không chỉ là giáo viên dạy học âm nhạc cho HS phổ thông mà còn có thể công tác ở các trường sư phạm, trường văn hoá - nghệ thuật và các cơ sở đào tạo nghệ thuật. Cho nên, chương trình đào tạo, mục tiêu, nội dung của các môn học cần có những kiến thức mang tính nâng cao, chẳng hạn như dạy học các tác phẩm khí nhạc của nước ngoài và Việt Nam (trong đó người dạy có thể sử dụng một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân) về hình thức, thể loại, hiểu biết âm nhạc...

#### 1.2.2.2. Nội dung dạy học

Trong dạy học Sư phạm âm nhạc bậc Đại học có nội dung dạy học các tác phẩm khí nhạc của nước ngoài và Việt Nam.

Với môn Phân tích tác phẩm, để SV nắm bắt và phân tích được các hình thức từ 1 đoạn đến 3 đoạn đơn, ngoài việc phân tích ca khúc, chương trình đưa ra yêu cầu SV phân tích tác phẩm khí nhạc; các hình thức 3 đoạn phức, rondo, biến tấu, sonate là những hình thức chủ yếu được sử dụng trong các tác phẩm khí nhạc nên việc dạy học phân tích qua tác phẩm khí nhạc là bắt buộc.

Với môn Âm nhạc Việt Nam hay Lịch sử âm nhạc Việt Nam thì việc giới thiệu các nhạc sĩ Việt Nam là một nội dung của phần âm nhạc mới, khoảng từ 1930 đến nay. Giai đoạn sau năm 1975 có những nhạc sĩ được cuốn Âm nhạc Việt Nam tiến trình và những thành tựu ghi nhận có những đóng góp cho Lịch sử âm nhạc Việt Nam trong đó có nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân (đã nêu khá chi tiết ở phần Tổng quan). Nội dung môn học không quy định cụ thể GV lựa chọn nhạc sĩ nào, do đó, trong quá trình dạy môn Âm nhạc Việt Nam, GV có thể lựa chọn giới thiệu vài nét về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân và một số tác phẩm khí nhạc nổi tiếng của ông là đúng với nội dung chương trình của môn học.

Nội dung dạy học các môn có liên quan đến tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân sẽ là cơ sở, căn cứ để luận án xây dựng các biện pháp cho phù hợp với đối tượng SV ngành SPAN (chúng tôi sẽ trình bày cụ thể nội dung này ở chương 4 của Luận án).

#### *1.2.2.3. Hình thức tổ chức dạy học*

Hình thức tổ chức dạy học các môn liên quan đến tác phẩm khí nhạc trong đó có tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân tùy thuộc vào mục tiêu đào tạo của mỗi cơ sở đào tạo. Tuy nhiên, với đặc điểm của nội dung và mục tiêu dạy học ngành ĐHSP Âm nhạc thì hình thức chủ yếu là dạy học tập thể... Những PPDH sẽ tương ứng theo hình thức tập thể. Xác định được hình thức tổ chức dạy học tác phẩm khí nhạc cho SV Đại học SPAN là cơ sở để luận

án xây dựng những biện pháp mang tính khoa học và phù hợp với đối tượng người học.

#### *1.2.2.4. Năng lực của người dạy và người học*

Năng lực người dạy và người học là các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho ngành Đại học SPAN.

*Năng lực của người dạy:* Đảm nhiệm công việc dạy các môn liên quan đến các tác phẩm khí nhạc cho ngành Đại học SPAN là những GV có trình độ lý luận âm nhạc chuyên sâu và trình độ sư phạm. Họ được đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp tại các cơ sở như Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh..., có bằng Cao học chuyên nghiệp âm nhạc và chứng chỉ về sư phạm hoặc Cao học SPAN trở lên; biết vận dụng các PPDH bộ môn như dùng lời, hướng dẫn thực hành luyện tập, kiểm tra đánh giá, trực quan, khám phá, phát hiện, giải quyết vấn đề... Trên cơ sở đặc điểm đối tượng người dạy, luận án đề ra những biện pháp dạy học một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho SV ngành Đại học SPAN.

*Đối tượng người học:* là SV Đại học sư phạm Âm nhạc. Cơ sở lý thuyết của dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho SV Đại học sư phạm Âm nhạc được dựa trên các đặc điểm về yếu tố tâm sinh lý như: lứa tuổi, tầm vóc, đặc điểm khả năng tiếp thu kiến thức âm nhạc, cảm nhận âm nhạc; đặc điểm về xúc cảm, tình cảm, khả năng tư duy, trí tuệ, khả năng ghi nhớ...

Đặc điểm của SV - người học là một cơ sở quan trọng trong quá trình nghiên cứu biện pháp dạy học. Đặc điểm của SV Đại học SPAN ở các cơ sở đào tạo nhìn chung đều chưa qua trường lớp đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp nào mà được tuyển thẳng vào Đại học SPAN nên tiếp thu kiến thức về khí nhạc là không dễ dàng. Tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lý của SV Đại học sư phạm Âm nhạc để có những PPDH phù hợp khi dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.

#### 1.2.2.5. Phương pháp dạy học tác phẩm khí nhạc

Trên đây là những vấn đề mang tính cơ sở lý thuyết của dạy học tác phẩm khí nhạc cho SV Đại học SPAN dựa vào mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, đặc điểm người dạy, người học. Các PPDH tác phẩm khí nhạc cũng là một thành tố của quá trình dạy học, góp phần quyết định chất lượng dạy học. PPDH tác phẩm khí nhạc trong đào tạo ngành SPAN có một số đặc điểm sau:

##### *a. Phương pháp dạy học cơ bản chung cho các môn trong sư phạm:*

Được phân chia thành hai nhóm chính là nhóm PPDH truyền thống và nhóm PPDH hiện đại.

\* Nhóm PPDH truyền thống: Các PPDH truyền thống thường được sử dụng trong dạy học các môn mang tính lý thuyết như Phân tích tác phẩm, Âm nhạc Việt Nam là:

*Phương pháp dùng lời:* là phương pháp phổ biến và được sử dụng rộng rãi ở tất cả các môn học. Phương pháp này có vai trò quan trọng, được sử dụng nhiều trong các môn học mang tính lý thuyết như nêu trên.

*Phương pháp trực quan:* là phương pháp sử dụng các phương tiện trực quan hay còn gọi giáo cụ trực quan như tranh, ảnh, đồ vật, file âm thanh (mp3), video... để người học được nhìn thấy trực tiếp hoặc một số phương tiện dạy học như máy tính, máy chiếu, nhạc cụ, phương tiện kỹ thuật hỗ trợ cho giờ dạy... Trong dạy học các môn mang tính lý thuyết như Phân tích tác phẩm, Âm nhạc Việt Nam, việc sử dụng tranh, ảnh, đặc biệt là video hình ảnh, file âm thanh mp3, băng, đĩa nhạc để cho SV xem, nghe tác phẩm khí nhạc là rất cần thiết, gần như không thể thiếu, mang lại hiệu quả cao cho giờ dạy. Nếu không có những phương tiện này, giờ dạy bị coi là dạy chay, thiếu thuyết phục, khí nhạc không có lời, SV khó hình dung khi nhìn tổng phổ, chỉ có thể cảm nhận được qua nghe bằng âm thanh. Thông qua nghe, nhìn, SV hiểu kiến thức, đồng thời, tạo sự hấp dẫn cho giờ học. Việc sử dụng máy chiếu cho các bài giảng điện tử với các môn học mang tính lý thuyết cũng là một đặc trưng cần chú ý.

*Phương pháp hướng dẫn thực hành luyện tập:* đây là phương pháp được sử dụng nhiều trong dạy học nhiều môn âm nhạc mang tính thực hành như Thanh nhạc, Nhạc cụ, Xướng âm, Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp... Với các môn mang tính lý thuyết như Phân tích tác phẩm, Hòa âm, Lý thuyết âm nhạc cơ bản... cũng có sử dụng phương pháp này khi cho SV làm bài tập phân tích, phối hòa âm, nhận biết kiến thức nhạc lý trong tác phẩm âm nhạc... Dạy học tác phẩm khí nhạc có môn Phân tích tác phẩm liên quan nhiều đến phương pháp này. Ngoài ra, hướng dẫn luyện tập nghe nhạc cũng có thể thuộc phương pháp này và được sử dụng nhiều cả trong Phân tích tác phẩm và Âm nhạc Việt Nam.

\* Nhóm PPDH hiện đại: là những phương pháp thời kỳ hiện đại sử dụng nhiều, các phương pháp này chú trọng phát huy tính tích cực của người học nên còn được gọi là PPDH tích cực. Một số PPDH hiện đại - dạy học tích cực thường được sử dụng trong dạy học như: dạy học theo dự án, dạy học phát hiện vấn đề, dạy học giải quyết vấn đề... Dạy học tác phẩm khí nhạc nói chung, của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân nói riêng nhìn chung có thể sử dụng nhiều PPDH hiện đại.

*b. Phương pháp mang tính đặc thù riêng trong dạy học tác phẩm khí nhạc:*

Nhìn chung, PPDH các tác phẩm khí nhạc chủ yếu là những phương pháp chung trong sư phạm như nêu ở trên. Tuy vậy, đối với dạy học khí nhạc có một vài nét đặc thù. Đó là dạy lý thuyết, giới thiệu, thuyết trình thường đi kèm với minh họa bằng hình ảnh trực quan hoặc âm thanh. Vì thế, để đạt chuẩn, GV thường cho SV vừa nghe vừa xem bản phổ/tổng phổ của tác phẩm, nhất là môn Phân tích tác phẩm không xem bản phổ không thể phân tích được. Vì thế, hướng dẫn SV xem tổng phổ/bản phổ kết hợp nghe nhạc cũng là một phương pháp có những điểm cần được rút ra đặc trưng mang tính khoa học để trở thành cách thực hiện tối ưu.



Mặt khác, dạy học tác phẩm khí nhạc có đặc điểm hình tượng âm nhạc có tính trừu tượng hơn nhạc có lời, nhiều tác phẩm dài nên khó tiếp thu, nhất là đối với trình độ SV Đại học SPAN. Do đó, sử dụng PPDH, lựa chọn tác phẩm, trích đoạn tác phẩm sao cho phù hợp với đối tượng SV là điều cần được tính đến. Ngoài ra, do kiến thức âm nhạc chuyên sâu của SV Đại học SPAN không như các SV chuyên ngành lý luận âm nhạc nên việc hướng dẫn nghe nhạc, xem tổng phổ sẽ phải kỹ lưỡng hơn nghe ca khúc, với các tác phẩm nhiều phần, nhiều chương GV phải chuẩn bị trước và hướng dẫn SV nhận biết.

#### *1.2.2.6. Phương pháp dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân*

Các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân được sử dụng để dạy cho SV Đại học SPAN về cơ bản không khác khi dạy về nhạc sĩ khác vì thế, các PPDH để vận dụng trong dạy học chủ yếu là phương pháp dùng lời, sử dụng phương tiện dạy học, trực quan... Bên cạnh đó, với đặc thù là dạy học mang tính lý thuyết nên áp dụng các PPDH hiện đại như giải quyết vấn đề, phát hiện, dạy học dự án... sẽ phát huy tính tích cực của SV.

Tuy vậy, ngôn ngữ âm nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân không theo khuôn mẫu cổ điển, trong đó có sự kết hợp giữa ngôn ngữ âm nhạc phương Tây với âm nhạc truyền thống Việt Nam. Nắm được đặc điểm này trong sáng tác khí nhạc của nhạc sĩ để có những PPDH phù hợp với đối tượng SV Đại học SPAN. Vì thế, việc cho SV tìm hiểu về tác phẩm, tác giả kết hợp với phương pháp đặc thù là nhìn bản phổ, tổng phổ là rất cần thiết. Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân chỉ là một trong những nhạc sĩ có đóng góp cho âm nhạc Việt Nam từ sau 1975, dạy học về nhạc sĩ Việt Nam không được quy định bắt buộc cụ thể GV phải dạy nhạc sĩ nào cho nên GV có thể chọn lựa nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để dạy. Với thời lượng các môn học không nhiều, nội dung dạy học lại đa dạng nên dạy về một nhạc sĩ như Đỗ Hồng Quân cần cho SV nghiên cứu ở nhà nhiều hơn, giao bài tập, cho học theo phương pháp dự án, thảo luận hay chuyên đề học tập...

#### *1.2.2.7. Điều kiện, phương tiện dạy học*

Phương tiện dạy học hỗ trợ rất nhiều quá trình dạy học, giúp GV thực hiện bài dạy và SV tiếp thu kiến thức một cách thuận lợi. Đối với dạy học tác phẩm khí nhạc nói chung và dạy của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân nói riêng, phòng học cần được trang bị những phương tiện thiết yếu phục vụ cho giảng dạy như đàn piano, loa, đài, màn hình projector... Nếu không có những phương tiện nêu trên, các bài dạy sẽ giảm hiệu quả ít nhất là 50%, chỉ thuần túy lý thuyết suông. Tác phẩm khí nhạc phải được vang lên thì SV mới có thể nhận biết được.

Số lượng SV trong mỗi lớp cũng cần có sự phù hợp. Với lớp dạy Phân tích tác phẩm chỉ khoảng 25-30 SV thì GV mới có điều kiện hướng dẫn bài tập cho SV một cách kỹ lưỡng. Với lớp dạy Âm nhạc Việt Nam thì có thể nhiều SV hơn 30-40 SV.

Trên đây, luận án trình bày các thành tố dạy học tác phẩm khí nhạc nói chung và dạy của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân nói riêng. Các thành tố dạy học nêu trên là những vấn đề mang tính cơ sở lý thuyết của luận án, sẽ định hướng PPDH tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho SV Đại học SPAN phù hợp với mục tiêu, yêu cầu đào tạo.

### ***Tiểu kết chương 1***

Âm nhạc giao hưởng - thính phòng Việt Nam từng bước trưởng thành theo tiến trình lịch sử. Các nhạc sĩ sáng tác khí nhạc Việt Nam đã vận dụng nhuần nhuyễn các thủ pháp sáng tác châu Âu với việc khai thác chất liệu âm nhạc dân tộc.

Việc dạy học các tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong đó có tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên ĐHSP Âm nhạc là cần thiết. Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân không chỉ là một nhạc sĩ, ông còn là chỉ huy dàn nhạc, chủ tịch hội nhạc sĩ Việt Nam, nhà giáo ưu tú với những đóng góp lớn trong sự nghiệp đào tạo ra nhiều thế hệ nhạc sĩ sau này... Việc sử dụng các tác phẩm của ông để dạy học một số môn kiến thức âm nhạc như: âm nhạc Việt Nam, phân tích tác phẩm, giới thiệu nhạc cụ, hoà thanh... cho sinh viên ĐHSP âm nhạc góp phần

bổ sung học liệu của các môn học thêm phần phong phú, sinh viên còn biết thêm được chân dung của một nhạc sĩ có nhiều đóng góp lớn trong nền âm nhạc Việt nam, giúp sinh viên có thêm kiến thức về âm nhạc dân tộc, cấu trúc, hình thức, thể loại, hoà thanh và các loại nhạc cụ cũng như tính năng của chúng... nâng cao thẩm mỹ âm nhạc của sinh viên, sinh viên sẽ trau dồi, vận dụng được kiến thức đã học vào công việc giáo dục âm nhạc sau này.

Chương 1 đi sâu vào tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận, đây chính là cơ sở để xây dựng những lập luận, lý luận cho việc nghiên cứu về việc dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong một số các môn kiến thức âm nhạc cho sinh viên ngành ĐHSP âm nhạc. Từ đó, trong các chương sau chúng tôi sẽ đưa ra hệ thống các nội dung, chỉ ra những đặc điểm trong bút pháp sáng tác của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân thông qua một số tác phẩm khí nhạc tiêu biểu và biện pháp dạy học để góp phần nâng cao chất lượng dạy học cho sinh viên ĐHSP âm nhạc.

## Chương 2

### ĐẶC ĐIỂM TRONG TÁC PHẨM KHÍ NHẠC CỦA NHẠC SĨ ĐỖ HỒNG QUÂN

#### 2.1. Vài nét về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân

Trong mục này, chúng tôi xin trình bày về tiểu sử, quá trình hoạt động âm nhạc và một tác phẩm khí nhạc tiêu biểu của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân dựa trên những tư liệu do chính nhạc sĩ cung cấp, kết hợp với tài liệu NCS thu thập và những thông tin tìm hiểu được tại Hội nhạc sĩ Việt Nam.

Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân là một trong số những nhạc sĩ trưởng thành sau năm 1975, ông hoạt động trên nhiều lĩnh vực (sáng tác, chỉ huy, dạy học) và lĩnh vực đặc biệt chú trọng là sáng tác khí nhạc. Ông sinh năm 1956 tại Hà Nội, trong một gia đình có truyền thống âm nhạc. Năm 7 tuổi, Đỗ Hồng Quân thi đỗ vào hệ sơ cấp môn đàn piano của trường Âm nhạc Việt Nam (nay là Học viện âm nhạc quốc gia Việt Nam). Năm lên 10 tuổi ông đã có một sáng tác đầu tiên có tên là *Tre* được phổ thơ của Trần Đăng khoa. Năm 1972, ông bắt đầu theo học chuyên ngành sáng tác. Người thầy dạy sáng tác đầu tiên của Đỗ Hồng Quân là nhạc sĩ Thế Bảo. Vào thời gian tiếp cận với bộ môn sáng tác, Đỗ Hồng Quân đã có những tác phẩm: *Tổ khúc cánh cò đi đón cơn mưa* viết cho đàn piano, Tam tấu cho clarinette, cello và piano có tiêu đề *Hội xuân trên đỉnh núi*.

Năm 1975, Đỗ Hồng Quân được cử sang Liên Xô (cũ) để học tập, sau đó, thi và đỗ vào khoa Sáng tác của Nhạc viện Tchaikovsky. Năm 1981, ông tốt nghiệp xuất sắc chương trình đại học sáng tác tại Nhạc viện. Sau đó, ông đã tiếp tục học chương trình nghiên cứu sinh trong 3 năm cũng tại nhạc viện Tchaikovsky. Trong thời gian này, song song với việc học sáng tác nhạc sĩ còn học thêm chuyên ngành chỉ huy dàn nhạc giao hưởng dưới sự hướng dẫn của giáo sư L. Nicolaep. Năm 1985, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đã hoàn thiện chương trình nghiên cứu sinh với bản *Concerto cho violon và dàn nhạc*. Giữa năm 1991, ông nhận được học bổng tu nghiệp sáng tác trong một năm tại Nhạc viện

Paris. Năm 1994, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân chuyển về Nhạc viện Hà Nội làm công tác đào tạo. Với trách nhiệm là Phó chủ nhiệm khoa Lý luận - Sáng tác - Chỉ huy, nhạc sĩ đã góp phần đào tạo nhiều nhạc sĩ trẻ.

Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đã có những đóng góp rất hiệu quả trong lĩnh vực đào tạo. Được đào tạo chính quy và đa ngành (piano - sáng tác - chỉ huy). Với chuyên ngành sáng tác, ông kiên định với phương pháp đào tạo chính quy. Có rất nhiều nhạc sĩ trưởng thành dưới sự dẫn dắt của thầy Quân như: Nghiêm Bá Hồng, Vũ Thảo, Vũ Thiết, Lương Minh, Trần Nhật Dương, Đỗ Bảo, Nguyễn Đức Hoà, Phạm Minh Thành, Đặng Tuệ Nguyên... Ngoài ra, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân còn phụ trách các lớp dạy phối khí. Đặc biệt, trên cương vị người chỉ huy dàn nhạc, bên cạnh việc tham gia dàn dựng và chỉ huy trong một số chương trình biểu diễn của các dàn nhạc như: Dàn nhạc Giao hưởng Việt Nam, Dàn nhạc Nhạc viện Hà Nội, Dàn nhạc Giao hưởng thành phố Hồ Chí Minh hay Dàn nhạc Nhà hát Nhạc- vũ kịch Việt Nam. Bằng những kinh nghiệm khi làm việc với dàn nhạc thầy Quân vừa dàn dựng vừa góp ý giúp tác giả sửa chữa, bổ sung những chỗ còn thiếu sót giúp góp phần cho các buổi biểu diễn tốt nghiệp thành công.

Bên cạnh lĩnh vực sáng tác, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân còn tham gia chuyển soạn và phối khí cho dàn nhạc giao hưởng nhiều tác phẩm của các nhạc sĩ như Văn Cao, Nguyễn Xuân Khoát, Đỗ Nhuận...

Ngoài hoạt động âm nhạc, nhạc sĩ còn rất tích cực trong các hoạt động đoàn thể chính trị, xã hội. Ông đã từng là Trưởng ban biên tập âm nhạc tại Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam (năm 2000); Phó tổng thư ký Hội nhạc sĩ Việt Nam và đại biểu Quốc hội khoá XI (khoá 2000-2005), Chủ tịch Hội nhạc sĩ Việt Nam (từ năm 2005-2020), hiện nay nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đang giữ chức chủ tịch Liên hiệp các hội văn học nghệ thuật Việt Nam và ông cũng đang tham

gia giảng dạy các học viên cao học chuyên ngành sáng tác tại học viện âm nhạc quốc gia Việt Nam.

## **2.2. Tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân**

Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân luôn thể hiện một phong cách sáng tác khác biệt, khẳng định ngôn ngữ riêng của mình. Ông là nhạc sĩ Việt Nam kế thừa tinh hoa của dòng âm nhạc kinh điển bác học, đồng thời kết hợp với những yếu tố mang đậm âm hưởng âm nhạc dân gian để tác phẩm luôn mang bản sắc dân tộc. Những sáng tác của ông thường giàu hình ảnh đưa người nghe đến một cảm nhận chân thực nhất. Ông sáng tác ở nhiều thể loại âm nhạc như lĩnh vực cho thanh nhạc gồm các ca khúc, hợp xướng...; lĩnh vực cho khí nhạc gồm giao hưởng, thính phòng với các tiểu phẩm, hoà tấu concerto... hay như hoà tấu các nhạc cụ dân tộc... Dưới đây là những giới thiệu sơ lược về tác phẩm theo trình tự thời gian.

Năm 1979, khi nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đang học năm thứ 3 tại Nhạc viện Tchaikovsky, ông đã sáng tác *Tứ tấu đàn dây*. Tác giả đã linh hoạt trong cách khai thác tính năng của các nhạc cụ thuộc bộ dây như: violon, viola, cello để xây dựng những chủ đề mang màu sắc Việt Nam. Tác phẩm đã để lại ấn tượng tốt trong lòng người nghe ngay sau lần biểu diễn đầu tiên, do nhóm tứ tấu dây của nhạc viện Tchaikovsky trình tấu. Năm 1980, tác phẩm lại tiếp tục được trình diễn bởi nhóm tứ tấu dây Moscow, sau đó, *Tứ tấu đàn dây* nhiều lần được biểu diễn trong và ngoài nước. Ở Việt Nam, nhóm tứ tấu của các nghệ sĩ Trần Thị Mơ (cello), Ngô Hoàng Linh (violon 1); Hoàng Lan (violon 2) và Thu Nga (viola) đã biểu diễn và thu âm tác phẩm.

Năm 1981, Đỗ Hồng Quân tốt nghiệp xuất sắc chương trình đại học sáng tác tại nhạc viện. Tác phẩm báo cáo tốt nghiệp của ông lúc bấy giờ là bản *Rhapsodie Việt Nam* (tác phẩm đã đạt giải nhì cuộc thi sáng tác của các nhạc sĩ trẻ toàn Liên Xô cũng trong năm 1981). Đến năm 1985, tác phẩm *Rhapsodie Việt Nam* được chỉnh lý, sau đó được công diễn ở Moscow, Tasken nhân Ngày Văn

hoá Việt Nam tại Liên Xô. Từ năm 1995 cho tới nay, tác phẩm được dàn nhạc giao hưởng Việt Nam trình diễn nhiều lần.

Năm 1994, trong thời gian cộng tác tại Nhạc viện Hà Nội, ông đã hoàn thành một số tác phẩm trong đó có *Nocture Tiếng vọng* (viết cho dàn nhạc giao hưởng). Đây là tác phẩm viết theo thể loại Nocture giao hưởng (Nocture symphonic). Bản giao hưởng này được ra đời xuất phát từ sự xúc động sâu sắc của nhạc sĩ với bài thơ “Kính tặng các bà mẹ Việt Nam anh hùng” của nhà thơ Trương Quang Đước: “*Một nếp nhà tranh bên sông vắng/ Một chiếc thuyền nan chở đầy trăng/ Ai đó chờ ai trong im ắng/ Đã mấy xuân rồi, dứt chiến tranh*”.

Đây là một tác phẩm miêu tả hình ảnh thiên nhiên và những xúc cảm riêng của nhạc sĩ khi nhìn lại quá khứ tàn khốc, biệt li do chiến tranh mang lại. Đồng thời, qua đó tác giả gửi gắm sự tôn vinh, ngợi ca và tình cảm thiêng liêng, sâu nặng đến các bà mẹ Việt Nam anh hùng. Cũng chính vì vậy, tác phẩm mang âm hưởng trữ tình, lắng mạn, sâu lắng. *Nocture Tiếng vọng* đã được giải thưởng của hội Nhạc sĩ Việt Nam và giải thưởng của Tổng cục chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam năm 1995 cho những tác phẩm xuất sắc viết về đề tài chiến tranh.

Đến năm 2007, một tác phẩm thành công được ra đời đó là *Trở một*. Ngay từ việc đặt tiêu đề là *Trở một* có thể thấy được ý đồ của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong việc đưa chất liệu Chèo vào âm nhạc giao hưởng. Thông thường, các làn điệu Chèo sẽ được chia thành các trỏ, mỗi trỏ sẽ có một chức năng, nhiệm vụ và nội dung riêng (thường được chia thành: trỏ mở đầu, trỏ thân, trỏ nhắc lại, trỏ kết...), giữa các trỏ được liên kết với nhau bằng câu lưu không do nhạc cụ thể hiện. Trong tác phẩm này, dễ dàng thấy được sự triển khai lối kết cấu dựa trên tính tự do và liên tục của nhiều đoạn, câu như ở các trỏ trong Chèo. Tác phẩm này đã được dàn nhạc Nipponica của Nhật Bản biểu diễn và đoạt giải nhất về tác phẩm giao hưởng của Hội nhạc sĩ Việt Nam năm 2009.

Cũng trong năm 2007, theo yêu cầu của dàn nhạc châu Á, nhạc sĩ đã sáng tác một tác phẩm có tên *Sắc xuân*. Đây là tác phẩm có quy mô lớn, thuộc thể

loại Concerto cho đàn bầu, mang nhiều màu sắc âm nhạc các vùng miền khác nhau. Tác giả đã khai thác tính năng phức tạp của đàn bầu và các nhạc cụ mang âm sắc gần giống với các nhạc cụ của dân tộc Việt Nam, để thể hiện chất liệu âm nhạc truyền thống như: Chèo, Nhã nhạc, Quan họ Bắc Ninh, Hát xoan... Khi nghe Sắc Xuân người nghe như được sống trong không khí tươi vui, nô nức của ngày hội mùa xuân. Tác phẩm đã được biểu diễn lần đầu tiên do nghệ sĩ đàn bầu Hoàng Anh Tú biểu diễn với dàn nhạc dân tộc của Singapore.

Tổ khúc giao hưởng (Suite symphonic) *Dáng rồng lên* được nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân sáng tác nhân dịp kỷ niệm 1000 năm ngày vua Lý Thái Tổ rời đô từ Hoa Lư về Thăng Long (1000 năm Thăng Long - Hà Nội). Bản giao hưởng như một bức kí hoạ sống động theo dòng chảy lịch sử vẽ nên một Thăng Long - Hà Nội với dấu ấn từ cội nguồn xa xưa đến hiện tại. Tác phẩm được hoàn thành vào tháng 5/ 2010 và được lần đầu được trình diễn vào tháng 6/2010 tại Nhà hát lớn Hà Nội. Đây là một dấu ấn sáng tạo trong sự nghiệp sáng tác của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân nói riêng cũng như trong lịch sử giao hưởng Việt Nam.

### **2.3. Những đặc điểm chính trong tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân**

Trong phần này, chúng tôi lựa chọn một số tác phẩm viết cho khí nhạc tiêu biểu của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để phân tích. Qua đó, làm rõ những đặc trưng trong bút pháp sáng tác của ông. Để mang đến thành công cho một tác phẩm âm nhạc cần phải có sự kết hợp của rất nhiều yếu tố. Ngoài việc trình bày cấu trúc của mỗi tác phẩm, thì chất liệu xây dựng chủ đề, thủ pháp hoà thanh, phức điệu và phối khí đã thể hiện được ngôn ngữ riêng cũng như phong cách sáng tác của mỗi tác giả. Sau đó, chúng tôi sẽ thực hiện ứng dụng các kết quả phân tích này để đưa vào việc dạy học số môn kiến thức âm nhạc cho SV Sư phạm âm nhạc.

#### **2.3.1. Hình thức, cấu trúc tác phẩm**



### 2.3.1.1. Tác phẩm viết cho dàn nhạc giao hưởng

Tác phẩm giao hưởng *Rhapsodie Việt Nam* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân gồm 4 phần được diễn tấu liên tục không ngừng nghỉ. Tác phẩm có tính cấu trúc của liên khúc vì trong mỗi phần đều có hình thức riêng, độc lập và thống nhất về mặt ý tưởng cũng như nội dung nghệ thuật. (Sơ đồ cấu trúc tham khảo phụ lục 1.1, tr.185)

Phần 1: Allegro, maestoso (Nhanh, trang nghiêm); âm nhạc của phần này mang tính chất kịch tính, căng thẳng.

Cấu trúc của phần 1 gồm 3 phần có tái hiện đó là: Mở đầu - a - b - a'. Mở đầu gồm 6 nhịp, bè kèn cor và trombone chơi chủ đề giai điệu. Âm nhạc của phần 1 có tính tương phản cao, nếu như ở hai đoạn trình bày a và a' là nối tiếp sự kịch tính của phần mở đầu, thì đoạn giữa b, âm nhạc lại có tính tự sự, suy tư.

Phần 2: Allegro marcato, molto energio; âm nhạc chuyển động không ngừng kiểu toccata, phần nhạc này thể hiện hình tượng mang tính kiên định, dứt khoát và sôi động. Cấu trúc của phần này cũng là cấu trúc 3 phần có tái hiện được sắp xếp như sau: A - B - Nối - A' - Coda. Tính tương phản trong âm nhạc ở phần 2 không quá cao. Đến Coda, tổng hợp chất liệu của phần nhạc, linh hoạt với thủ pháp tăng dần về tiết tấu và nhịp điệu.

Phần 3: Andante (chậm thông thả); âm nhạc của phần này mang tính êm dịu, trữ tình, được viết ở hình thức 3 đoạn có tái hiện bao gồm mở đầu - a - nối - b - a'.

Phần 4: Vivace (rất nhanh); Âm nhạc của phần này mang tính chất rộn ràng, vui tươi, nhộn nhịp với cấu trúc gồm mở đầu - A - B - C (đoạn chen)- A (gắn với cấu trúc của hình thức Rondo).

Tác phẩm Nocture giao hưởng *Tiếng vọng* gồm có phần mở đầu, coda và bốn phần chính là A B C'A (Sơ đồ cấu trúc tham khảo phụ lục 1.2, tr.187).

Phần mở đầu: Largo (rất chậm) có tên là *Cảnh đêm trăng* được chia thành 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 (nhịp 1- 21) giai điệu chính do bộ dây diễn tấu; Giai đoạn 2 (nhịp 21-30) có campanelli, piccolo và flote chơi giai điệu chính, song hành với đó là piano đệm.

Phần A: Adagio (rất chậm) mang tiêu đề *Trăng tình yêu*. Phần nhạc này có cấu trúc 3 đoạn đơn dạng tương phản (a - b - a'). *Đoạn a* (nhịp 31 - 50) giọng As-dur gồm 2 giai đoạn: giai đoạn 1 (nhịp 31 - 39) giai điệu chủ đề do Cello diễn tấu kết hợp với âm hình rải của bè clarinette mang lại tính uyển chuyển, trữ tình. Kết đoạn ở S - K64 - D/As-dur (phụ lục 4.3, tr. 199).

Giai đoạn 2 (nhịp 39 - 50) có cello chơi giai điệu chính, các nhạc cụ khác của dàn dây, kết hợp với kèn cor và bộ đồng đệm. *Đoạn b* (nhịp 51 - 64) giọng a moll: capanelli chơi giai điệu và bè Piano đệm. *Đoạn a'* (nhịp 65 - 79) tái hiện rút gọn có thay đổi, được viết ở giọng A - dur, tạo tính tương phản rõ rệt với đoạn b cả về mặt điệu tính cũng như tính chất âm nhạc, giai điệu do flote, hautbois, clarinette, violon, viola chơi, bộ đồng và bộ gõ đệm.

Phần B: Allegretto pesante (khá nhanh), mang tiêu đề *Tiếng vọng chiến trường xưa*. Phần này được chia thành 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 (nhịp 80 - 109) ; Giai đoạn 2 (nhịp 109 - 133).

Phần C: Adantino soustenuto (chậm, thông thả), mang tiêu đề *Khúc tưởng niệm*. Phần này được chia thành 2 giai đoạn: Giai đoạn 1 (nhịp 134 - 182): giai điệu chính của chủ đề ban đầu tác giả sử dụng clarinette và bộ dây, sau đó là bộ đồng tham gia. Giai đoạn 2 (nhịp 182 - 242) âm nhạc dần lắng xuống để đưa tác phẩm về phần tái hiện

Phần A': Adagio (rất chậm) (nhịp 216 - 242) tái hiện rút gọn lại phần A, chỉ tái hiện lại đoạn a có chủ đề chính, không tái hiện đoạn b.

Phần coda: Lagro (rất chậm) (nhịp 243 - 261) có tiêu đề *Mẹ Việt Nam - Tượng đài thế kỷ*. Phần nhạc này nhắc lại chủ đề của phần mở đầu, tổng hợp chất liệu âm nhạc của cả bài.

Tác phẩm giao hưởng *Trở một* được chia thành những phần sau: Phần mở đầu - Phần trình bày (A) - Phần giữa (B) - phần tái hiện (A') - Coda. (Sơ đồ cấu trúc tham khảo phụ lục 1.3, tr. 188)

Phần mở đầu: Vivace (rất nhanh) (Nhịp 1-12), tác giả khai thác tính năng của hai nhạc cụ gõ để chơi phần mở đầu đó là Mõ và Trống để theo tiết tấu nhanh đây là cách mở đầu đặc trưng của phần mở đầu trong các làn điệu chèo.

Phần trình bày gồm: Phần A (Allegro Moderato) được chia thành ba giai đoạn. Giai đoạn 1 (Nhịp 13 - 35) có chức năng giới thiệu chất liệu âm nhạc; Giai đoạn 2 (Nhịp 36 - 53) chất liệu âm nhạc chính được nhắc lại rồi phát triển; Giai đoạn 3 (Nhịp 54 - 78)

Phần giữa (B) có khuôn khổ lớn, được chia thành 3 giai đoạn. Giai đoạn 1 (Nhịp 78 - 127): Adagio (rất chậm) và Andantino, dolce (chậm thông thả, dịu dàng). Giai đoạn 2 (Nhịp 128 - 252) - tốc độ Adagio (rất chậm) Giai đoạn 3 (Nhịp 252 - 278): Moderato (vừa phải).

Phần tái hiện (A') (Nhịp 278 - 351): Agitato (xao xuyến), phần nhạc này tái hiện có rút gọn của phần trình bày.

Coda (Nhịp 325 - 351), tổng hợp lại chất liệu chủ đề và âm hưởng kết chói lọi, rực rỡ.

Tổ khúc giao hưởng (Suite symphonic) *Dáng rồng lên* gồm 4 chương nhạc có tiêu đề cụ thể. Chương I - Cội nguồn; Chương 2 - Dòng sông hát; Chương 3 - Thần tốc; Chương 4 - Rước. (Sơ đồ cấu trúc phụ lục 1.4 tr.189).

Chương I - Cội nguồn: Moderato (vừa phải), khắc hoạ lại thuở xưa, miền châu thổ sông Hồng trước khi trở thành kinh đô của Đại Việt. Chương nhạc này có cấu trúc 3 phần chính là phần trình bày (A), phần phát triển (B), phần tái hiện (A') và 7 nhịp mở đầu. Chương nhạc này cấu trúc có tính sonata.

Mở đầu (Nhịp 1 - 7): giai điệu chính của phần mở đầu lần lượt từ bè cello đến kèn cor tạo nên âm thanh thể hiện sự hiền hoà tươi sáng.

Phần trình bày (A) (Nhịp 8 - 42): gồm 2 chủ đề chính. Chủ đề 1 (Nhịp 8 - 30), giai điệu chủ đề do bộ dây đảm nhiệm dưới phần đệm của bộ gõ tạo nên những âm hưởng êm đềm, hiền hoà. Chủ đề 2 (nhịp 30 - 42), tác giả khai thác kỹ thuật pizzicato của bộ dây, staccato của bộ gõ, sau đó là sự lần lượt tham gia của các bộ nhạc cụ tạo nên một không gian âm nhạc có tính chất mạnh mẽ.

Phần phát triển (B') (Nhịp 43 - 63): phát triển 2 chủ đề chính, được chia thành 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 (Nhịp 43 - 53), âm hưởng của chủ đề được phát triển ở giai đoạn này khá rõ nét, diễn tả sự bình yên của cuộc sống của con người ở vùng đất châu thổ sông Hồng. Giai đoạn 2 (Nhịp 54 - 63) phát triển tính chất mạnh mẽ, như diễn tả hào khí của người dân Âu Lạc trong cuộc khởi nghĩa.

Phần tái hiện (A') (Nhịp 64 - 78): tái hiện lại phần trình bày, nhưng thay đổi vị trí chủ đề, tái hiện chủ đề 2 trước.

Chương II - Dòng sông hát: Andante (chậm, thông thả), gồm 2 phần với phần 1 (nhịp 1 - 13), phần 2 (nhịp 14 - 50). Chương nhạc diễn tả về dòng sông Hồng chảy nặng phù sa, gắn bó với mỗi con người đất Thăng Long - Hà Nội từ bao đời nay.

Phần 1 (Nhịp 1 - 13) sử dụng riêng bộ gõ để diễn tấu, giai điệu giàu chất hát. Phần 2 (Nhịp 14 - 50) ngoài bộ gõ, sử dụng thêm bộ đồng và dây, để diễn tả sự hiền hoà của dòng sông Hồng.

Chương III (Nhịp 1 - 68) - Thần tốc: Allegro (nhanh), được viết ở hình thức đoạn nhạc không phân câu, với motif âm nhạc được phát triển liên tục. Chương nhạc khắc hoạ hình ảnh vị vua anh hùng Quang Trung - Nguyễn Huệ cùng quân sĩ thần tốc công phá 29 vạn quân Thanh xâm lược, giải phóng thành Thăng Long vào mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789).

Chương IV - Rước: Allegretto (khá nhanh), được chia thành 3 phần với phần 1 (Nhịp 1 - 36), phần 2 (Nhịp 36 - 86), phần 3 (Nhịp 86 - 123). Tác giả

viết chương nhạc này với ý tưởng xuất phát từ trò chơi Rồng rắn lên mây của tuổi thơ. Âm nhạc như đang được “rước” từ quá khứ đến hiện tại theo dòng chảy của thời gian.

Phần 1 (Nhịp 1 - 36) là sự kết hợp của âm thanh trầm ấm của các nhạc cụ basson, clarinette, cello, contrebasse để giới thiệu, miêu tả của đám rước, diễn tả màu sắc của quá khứ. Phần này mang tính chất mở đầu chương nhạc.

Phần 2 (Nhịp 36 - 86) xuất hiện nhiều chất liệu âm nhạc, ngoài ra, sự tham gia của tất cả các bộ nhạc cụ trong dàn nhạc đã đưa âm nhạc ở phần này lên đến cao trào. Chức năng của phần này tương đương với phần phát triển của chương nhạc

Phần 3 (Nhịp 86 - 123) âm hưởng kết hoành tráng, tổng hợp chất liệu của cả bài. Phần này có chức năng là phần kết của chương nhạc.

Như vậy, qua phân tích cấu trúc 4 bản giao hưởng trên, có thể thấy rằng, mỗi tác phẩm giao hưởng của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đều có tiêu đề cụ thể, có tác phẩm tác giả còn đặt tiêu đề riêng cho mỗi chương. Điều này sẽ tạo nên sự đồng cảm giữa khán thính giả và nhạc sĩ, người nghe sẽ dễ dàng tiếp cận, hình dung, nắm bắt được hình tượng và nội dung của tác phẩm.

#### 2.3.1.2. Tác phẩm thính phòng

Tác phẩm *Tứ tấu đàn dây* gồm 4 chương nhạc: Chương I, Andante (chậm, thông thả); Chương II, Scherzo (có tính chất vũ khúc); chương III, Adagio (rất chậm); Chương IV, Presto (rất nhanh) (Sơ đồ cấu phụ lục 1.5, tr.190).

Chương 1: Andante (chậm, thông thả) có cấu trúc ba đoạn đơn có tái hiện a b a1 nối tiếp a2 và kết bổ sung. Đoạn a (Nhịp 1 đến 13) có tính chất khoan thai, da diết. Cấu trúc khá rõ ràng, cân đối, hình thức đoạn đơn với hai câu nhắc lại có thay đổi. Đoạn b (Nhịp 13 đến 25) là đoạn nhạc không phân câu phát triển dựa trên nét nhạc ngắn ở bè violon 1. Đoạn a1 (Nhịp 26 đến 37) là sự tái hiện có thay đổi. Phần kết bổ sung (Nhịp 66 đến 77) một lần nữa nhấn mạnh

giai điệu chủ đề. Chương II, Schezo (có tính chất vũ khúc) được chia thành 3 phần. Phần 1 (Nhịp 1 đến 23) gồm 3 giai đoạn: Giai đoạn 1 (Nhịp 1 đến 5); Giai đoạn 2 (Nhịp 6 đến 11); Giai đoạn 3 (Nhịp 12 đến 23). Phần 2 (Nhịp 24 đến 43), phần nhạc này âm nhạc liên tục, liền mạch, không chia giai đoạn. Phần 3 (Nhịp 44 đến 61) được chia thành 2 giai đoạn: giai đoạn 1 (Nhịp 44 đến 51); Giai đoạn 2 (Nhịp 52 đến 61) mô phỏng lại chủ đề phần 1.

Chương III: Adagio (rất chậm), gồm 4 giai đoạn. Giai đoạn 1 (Nhịp 1 đến 13), trong giai đoạn này, giai điệu chưa được hình thành rõ ràng. Giai đoạn 2 (Nhịp 14 đến 27) có giai điệu chủ đề rõ ràng, giai điệu chủ đề có âm hưởng của bài Inh lả ời, dân ca Tây Bắc. Giai đoạn 3 (Nhịp 28 đến 42) mô phỏng lại giai điệu của giai đoạn 2, từ ô nhịp 34 đến 42, tiết tấu cũng như giai điệu được lặp lại nhiều lần để đưa chương nhạc về giai đoạn kết. Giai đoạn 4 (Nhịp 43 đến 56) mô phỏng giai đoạn 1 tạo âm hưởng kết trọn vẹn cho cả chương III.

Chương IV: Presto (rất nhanh), được chia thành 3 phần. Phần 1 gồm 3 giai đoạn, giai đoạn 1 (Nhịp 1 đến 9); Giai đoạn 2 (Nhịp 10 đến 25) (15); Giai đoạn 3 (Nhịp 26 đến 36) (16). Phần 2 gồm: giai đoạn 1 (Nhịp 37 đến 41); Giai đoạn 2 (Nhịp 42 đến 49). Phần 3 gồm: giai đoạn 1 (Nhịp 50 - 60); Giai đoạn 2 (Nhịp 61 đến 71); Giai đoạn 3: (Nhịp 72 đến 76).

#### 2.3.1.3. Tác phẩm hoà tấu nhạc cụ dân tộc

- Tác phẩm *Sắc xuân* được chia thành 6 phần: phần 1 (Nhịp 1 - 44); phần 2 (Nhịp 45 - 103); phần 3 (Nhịp 104 - 177); phần 4 (Nhịp 178 - 210); phần 5 (Nhịp 211 - 322); phần 6 (Nhịp 323 - 370) (Sơ đồ cấu trúc tham khảo phụ lục 1.6; tr.191).

*Phần 1* (Nhịp 1 - 44): Moderato (vừa phải) được chia thành 3 giai đoạn và kết. Giai đoạn 1 (nhịp 1 - 10); Giai đoạn 2 (Nhịp 10 - 26).

*Phần 2* (Nhịp 45 - 103): Allegro Moderato (nhanh, vừa phải) tính chất âm nhạc thay đổi so với phần 1, được chia thành 3 giai đoạn và đều được phát

triển trên thang âm của điệu Rê vũ. Giai đoạn 1 (Nhịp 45 - 67); Giai đoạn 2 (Nhịp 68 - 88); Giai đoạn 3 (Nhịp 89 - 103).

*Phần 3* (Nhịp 104 - 177): gồm 3 giai đoạn và kết. Giai đoạn 1 (Nhịp 104 - 120); Giai đoạn 2 (Nhịp 121 - 151); Giai đoạn 3 (Nhịp 152 - 169); Kết (Nhịp 170 - 177).

*Phần 4* (Nhịp 178 - 210): Andante (chậm, thông thả) gồm 3 giai đoạn. Giai đoạn 1 (Nhịp 178 - 186); Giai đoạn 2 (Nhịp 187 - 199); Giai đoạn 3 (200 - 210).

*Phần 5* (211 - 322): Allegro Moderato (nhANH, vừa phải), gồm thành 6 giai đoạn. Giai đoạn 1 (Nhịp 211 - 232) chủ đề xuất hiện sau đó được hoA lại ở bè Gaohu và Erhu (Nhị 1 và nhị 2); Giai đoạn 2 (Nhịp 233 - 254) mô phỏng lại tiết tấu của giai đoạn trước; Giai đoạn 3 (Nhịp 255 - 276); Giai đoạn 4 (Nhịp 277 - 288) quay lại chất điệu chủ đề 1; Giai đoạn 5 (Nhịp 289 - 315); Giai đoạn 6 (Nhịp 316 - 322).

*Phần 6* (Nhịp 323 - 365): gồm thành 3 giai đoạn và kết: Giai đoạn 1 (Nhịp 323 - 333); Giai đoạn 2 (Nhịp 334 - 345); Giai đoạn 3 (Nhịp 346 - 365); Kết (365 - 370).

### **2.3.2. Cách xây dựng chủ đề**

Chủ đề âm nhạc có thể được coi như là nền tảng chính của sự phát triển trong một tác phẩm âm nhạc. Ở phần này, chúng tôi sẽ nghiên cứu về cách xây dựng và phát triển chủ đề trong các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, để thấy được sự khai thác các chất liệu để chủ đề một cách phong phú trong các sáng tác của ông.

Với kho tàng chất liệu âm nhạc truyền thống Việt Nam rất phong phú, việc khai thác các chất liệu này để xây dựng ngôn ngữ âm nhạc cho tác phẩm của mình luôn được các nhạc sĩ Việt Nam chú trọng. Khi đưa âm nhạc truyền thống vào tác phẩm khí nhạc mới, các tác giả sẽ có cách vận dụng, xử lý và sáng tạo các tiết tấu, thang âm, điệu thức... khác nhau để tạo ra những nét đặc

trung, bản sắc nghệ thuật riêng trong mỗi tác phẩm. Đỗ Hồng Quân là nhạc sĩ đi theo lối sáng tác đó, trong mỗi tác phẩm khí nhạc của ông đều có yếu tố âm nhạc dân gian truyền thống và đó đã trở thành nguyên tắc thẩm mỹ trong sáng tác của ông cũng như nhiều nhạc sĩ Việt Nam khác.

Trong quá trình phân tích điệu thức 5 âm trong các sáng tác của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, chúng tôi nhận thấy, nhạc sĩ sử dụng các điệu thức như: Bắc, Nam, Huỳnh, Nao, Pha (tương ứng điệu Cung, Thương, Giốc, Chủy, Vũ của Trung Hoa). Các dạng điệu thức trên thường được sử dụng trong chèo, tuồng, ca trù... Ngoài ra, ông còn sử dụng những điệu thức đặc trưng của Việt Nam như điệu Oán, thang âm Tây Nguyên... (tham khảo phụ lục 8, tr. 257).

#### 2.3.2.1. Xây dựng chủ đề sử dụng các nét giai điệu của làn điệu dân ca

Từ bao đời nay, những làn điệu dân ca luôn là nơi để gửi gắm những tâm tư, tình cảm và phản ánh sâu sắc nhất đời sống tinh thần của mỗi người dân. Âm hưởng của những điệu dân ca luôn mang nét đặc trưng của mỗi dân tộc và vùng miền. Các bài dân ca vốn đã là những giai điệu đẹp, quen thuộc, gần gũi dễ hiểu đối với người nghe đồng thời cũng là nguồn cảm hứng sáng tạo cho nhiều nhạc sĩ. Chính vì vậy, khi những tác phẩm khí nhạc được các nhạc sĩ khai thác và sáng tạo thông qua các bài dân ca sẽ làm cho những tác phẩm đó trở nên thân thuộc hơn với thính giả.

Trong các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, chủ đề âm nhạc cũng được hình thành từ những chất liệu quý báu đó. Ông khai thác bằng cách sử dụng motif từ những làn điệu dân ca mang tính chất như dẫn đề vào một mạch cảm xúc. Có thể thấy rằng, 6 tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân mà NCS chọn lựa phân tích sử dụng thiên về dân ca Bắc bộ và Nam bộ.

Lấy ý tưởng từ bài *Lý ngựa ô* - dân ca Nam bộ, tác giả đã xây dựng chủ đề trong concerto cho đàn bầu *Sắc xuân*. Giai điệu chủ đề biến tấu từ câu “...Anh đưa nàng về dinh” này được xuất hiện ở dạng biến tấu trong giai đoạn



1 của phần 6, ô nhịp 330 - 331, do bè Gaohu (Nhị 1) diễn tấu., mô phỏng lại giai điệu chủ đề chính của tác phẩm.

Ví dụ: Nhịp 330 - 334 *Sắc xuân*



(Đối chiếu với bản gốc, trích đoạn *Lý ngựa ô* - Dân ca Nam bộ - ký âm: Nguyễn Hữu Ba - mục 2.1 phụ lục 2.1; tr.194).

Ngoài ra, bài dân ca còn trong chương III của tổ khúc giao hưởng *Dáng rồng lên*, ô nhịp 31 - 33, giai điệu chủ đề chơi xuất phát từ câu đầu tiên “*Khóp con ngựa ngựa ô...*”. Giai điệu chính ban đầu do các bè nhạc cụ thuộc bộ gõ và đồng kết hợp diễn tấu đó là Piccolo, Flote, Hautbois và Trombe (in B) chơi, sau đó là sự đối đáp của bè Clarinette in B, Clarinette bass, Basson và tromboni (phụ lục 4.4; tr. 199). (Đối chiếu với bản gốc, trích đoạn *Lý ngựa ô* - Dân ca Nam bộ - ký âm: Nguyễn Hữu Bảo - tham khảo phụ lục 2.2; tr. 194).

Để phát triển chất liệu chủ đề ở phần tiếp theo, trong nhịp 38 - 42, tác giả lại sử dụng tiếp câu tiếp theo của bài *Lý ngựa ô* dựa theo đường nét giai điệu của câu “*Anh tra khóp bạc, lục lạc đồng đen...*”. Phần giai điệu có tính rộn ràng, kịch tính do bè violon 1 và violon 2 chơi, kết hợp với tiết tấu đảo phách ở bè đệm (bè viola và cello) cùng sự góp mặt của bộ gõ lại càng làm tăng thêm sự sôi động, gấp gáp. Tất cả như để diễn tả hình ảnh cuộc hành quân thần tốc đánh đuổi giặc ngoại xâm giải phóng thành Thăng Long của vua Quang Trung cùng quân các quân sĩ. (phụ lục 4.5; tr.200) (Đối chiếu với bản gốc, trích đoạn *Lý ngựa ô* - Dân ca Nam bộ - ký âm: Nguyễn Hữu Ba - phụ lục 2.3; tr. 194).

Cũng với chất liệu dân ca Nam bộ, trong phần 2, ô nhịp 129 - 131 giao hưởng *Rhapsodie Việt Nam*, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đã xây dựng chủ đề dựa trên bài *Lý chiều chiều* âm hưởng của chủ đề mang tính trữ tình. (Nhịp 129 -

131, *Rhapsodie Việt Nam*) (Đối chiếu với bản gốc, trích đoạn *Lý chiều chiều*, dân ca Nam bộ, ký âm: Trần Kiết Tường - tham khảo phụ lục 2.4; tr.194).

Ngoài các làn điệu dân ca Nam bộ, chủ đề trong các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân còn được xây dựng từ âm hưởng hoặc lấy nguyên gốc của dân ca Quan họ Bắc Ninh. Ở tác phẩm *Sắc xuân*, ô nhịp 200 - 205 thuộc phần 4 của bài, xuất hiện một nét giai điệu tha thiết, được lấy âm hưởng từ bài dân ca *Xe chỉ luân kim* do 2 sao là Bangdi và Qudi diễn tấu. (tham khảo phụ lục 4.6; tr. 200) (Đối chiếu với bản gốc, trích đoạn *Xe chỉ luân kim* - dân ca quan họ Bắc Ninh, ký âm: Lâm Minh Đức - tham khảo phụ lục 2.5; tr.195).

Trong tác phẩm *Trở một*, ở phần B ô nhịp 95 - 108, tác giả đã sử dụng nguyên gốc nét giai điệu của bài dân ca *Ba mươi sáu thứ chim* để xây dựng chủ đề. Nét giai điệu này do kèn Hautbois đảm nhiệm diễn tấu, tạo nên một âm thanh rất trong trẻo, giàu tình cảm. (tham khảo phụ lục 4.7; tr. 202) (Đối chiếu với bản gốc, trích đoạn *Ba sáu thứ chim* - dân ca Quan họ Bắc Ninh, ký âm: Xuân Khải - tham khảo phụ lục 2.6; tr.195).

Lời hát dân ca đối đáp, giao duyên - Hát Trống quân phổ biến vùng đồng bằng Bắc bộ và trung du (từ Thanh Hoá trở ra). Trong chương II ô nhịp 25 -31 của tác phẩm *Từ tấu đàn dây*, Đỗ Hồng Quân đã xây dựng chủ đề do bè violon 1 diễn tấu dựa trên âm hưởng của làn điệu hát Trống quân nên mang đến tính chất âm nhạc dí dỏm, vui nhộn. (tham khảo phụ lục 4.8, tr. 200).

Sau đó, ở chương III ô nhịp 15 -20, tác giả khai thác âm hưởng của bài *Inh lả ơi*, dân ca Thái, nét giai điệu trong trẻo được chơi trên bè viola. (tham khảo phụ lục 4.9, tr. 200).

Trong *Rhapsodie Việt Nam* chủ đề cũng được tác giả phát triển từ các chất liệu âm nhạc của dân tộc thiểu số. Ở phần 3, chủ đề A giai điệu được xây dựng từ những bước nhảy quãng 7, quãng 8 đi xuống kết hợp với bước nhảy quãng 3 đi lên, đây là nét đặc trưng trong dân ca của người Mông. Giai điệu chủ đề này do Hautbois I chơi, tạo nên một âm thanh trữ tình vọng lại giữa núi rừng,

gắn với những làn điệu để giao lưu tình cảm của người dân tộc Mông. (tham khảo phụ lục 4.10; tr.201).

Tiếp đến, làn điệu của dân tộc Mông lại tiếp tục sử dụng để phát triển chủ đề mở đầu A trong phần 4. Ở đây, tác giả đã sử dụng âm điệu và tiết tấu trong điệu múa tập thể của dân tộc Mông, tính chất âm nhạc mang tính vũ khúc, linh hoạt, vui tươi (tham khảo phụ lục 4.11; tr.201).

Để thể hiện sự phong phú đa dạng về mặt khai thác yếu tố âm nhạc dân gian (thông qua quãng, tiết tấu, âm điệu) của nhiều vùng miền khác nhau trong việc phát triển chất liệu chủ đề ở *Rhapsodie Việt Nam*. Đỗ Hồng Quân một lần nữa lại sử dụng bộ gõ (Timbales) để mang lại âm hưởng dân ca Êđê đến cho người nghe trong chủ đề C của phần 4 (tham khảo phụ lục 4.12; tr.201).

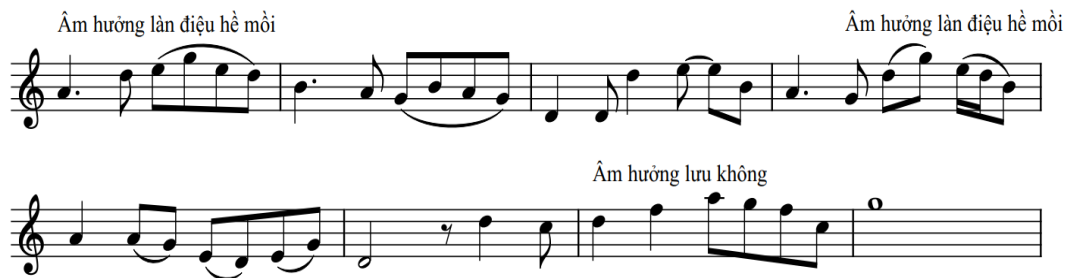
Đặc biệt hơn nữa, tác giả còn đưa đồng dao vào trong tác phẩm, như ở chủ đề mở đầu ở chương IV trong giao hưởng *Dáng rồng lên*, lấy cảm xúc từ trò chơi dân gian thời thơ ấu rồng rắn lên mây, tác giả đã viết lại motif mô phỏng lại lời trong bài đồng dao đó. “*Rồng rắn lên mây, có cây lúc lắc, có nhà điểm mây, thầy thuốc có nhà hay không*”. Giai điệu chủ đề được hình thành từ sự kết hợp của quãng 2 trưởng và trục quãng 4 đúng, quãng 5 đúng khiến người nghe thấy gần hơn với ngôn ngữ trong thơ. Chủ đề ban đầu do kèn basson chơi ở âm khu trầm, sau đó chủ đề lần lượt được nhắc lại ở bè hautbois, rồi đến bè Flote cuối cùng là bè piccolo, ở mỗi lần nhắc lại đưa lên âm khu cao hơn. Âm nhạc ở đây như diễn tả miền ký ức từ xưa vọng lại, một không gian âm nhạc đi từ quá khứ đến hiện tại. (tham khảo phụ lục 4.13; tr.201).

Có thể thấy rằng, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đã rất linh hoạt và sáng tạo trong việc sử dụng các chất liệu làn điệu dân ca các vùng miền để xây dựng chủ đề âm nhạc. Điều này khiến các tác phẩm khí nhạc của ông giàu tính dân tộc và đến gần với thính giả hơn.

#### 2.3.2.2. Xây dựng chủ đề dựa trên các làn điệu chèo.

Các làn điệu chèo từ lâu đã quen thuộc, gắn bó với người dân đất Việt. Trong mỗi làn điệu chèo đều xuất hiện câu lưu không (có thể được chơi một lần hoặc lặp lại nhiều lần tùy vào từng bài). Trong bài *Sắc xuân*, từ ô nhịp 29 - 36, chủ đề là sự kết hợp của lưu không và âm hưởng của làn điệu hề mồi (đây là làn điệu đặc trưng trong nghệ thuật chèo). Sự kết hợp độc đáo này cùng với đàn bầu diễn tấu làn dưới phần đệm của bộ dây, tạo nên giai điệu chính của chủ đề một không gian hoạt náo, vui tươi của mùa xuân.

Ví dụ 2: nhịp 29-36, *Sắc xuân*



Hay như trong tác phẩm *Trở một*, ngay phần đầu tiên, chủ đề do bộ dây diễn tấu, motif được xây dựng và phát triển từ nét giai điệu mang âm hưởng của chèo đó - nét giai điệu của lưu không. (tham khảo phụ lục 4.14; tr.201)

Ngoài ra, ở *Trở một*, tác giả còn khai thác âm hưởng của điệu lối lơ mang tính tự sự và điệu xẩm xoan với tính chất trong sáng, trữ tình. (tham khảo phụ lục 4.15; tr. 202) (tham khảo phụ lục 4.16; tr. 202).

### 2.3.2.3. Xây dựng chủ đề dựa trên chất liệu nhã nhạc cung đình Huế.

Trong hoà tấu nhạc cung đình Huế, ta thường gặp nhóm liên khúc *Lưu thủy* và *Kim tiền*, *Xuân phong long hổ*. Đây là những bản nhạc lễ thường được chơi trong lúc có lễ dâng hương, dâng rượu, lễ cúng tế trong cung đình hay đám rước ngoài đường... Ở nhịp 71 - 80 của chương IV tổ khúc giao hưởng *Dáng rồng lên* chủ đề được xây dựng từ chất liệu bài *Lưu thủy* và *Kim tiền*. Giai điệu chính do trompette in B diễn tấu kết hợp với âm hưởng của nét nhạc *Lưu thủy* và *Kim tiền*, tác giả như diễn tả một đám rước đi vượt không gian và thời gian, đi từ quá khứ đến hiện tại, để mang lịch sử hào hùng đến với ngày hôm nay, khẳng

định một niềm tin vững chắc, tươi đẹp trước một Thăng Long - Hà Nội ngàn năm văn hiến (tham khảo phụ lục 4.17, tr. 202).

Trong tác phẩm *Sắc xuân*, từ ô nhịp 170 - 175 để diễn tả những âm thanh ngày xuân tươi đẹp, vui nhộn, với tiết cổ truyền, tác giả cũng sử dụng âm hưởng của *Xuân phong long hổ* để diễn đạt. Giai điệu của điệu này được chơi trên bè Zonghu, trên nền bè đệm của Cello và Contrebasse, sau đó có bè Gaohu và Erhu (Nhị 1 - Nhị 2) tham gia diễn tấu cùng. Không gian ngày xuân được nhạc sĩ diễn tả rất rõ nét. (tham khảo phụ lục 4.18, tr. 202).

#### 2.3.2.4. Sử dụng các thang âm - điệu thức dân tộc.

Đỗ Hồng Quân trải qua nhiều giai đoạn sáng tác, mỗi tác phẩm khí nhạc của ông đều có cách trình bày về mặt cấu trúc, hình thức, thể loại, ngôn ngữ âm nhạc... Nhưng nét đặc trưng xuyên suốt trong các sáng tác của ông đó là sự chú trọng về cách đổi mới và khai thác đặc tính của âm nhạc dân tộc một cách triệt để, tạo nên giá trị độc đáo đặc trưng cho âm nhạc dân tộc. Thang âm, điệu thức là một yếu tố rất quan trọng để tạo nên tính dân tộc cho tác phẩm. Vì vậy, bên cạnh việc sử dụng những làn điệu dân ca, làn điệu âm nhạc truyền thống, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cũng vận dụng nhiều thang âm, điệu thức để xây dựng chủ đề. Theo nghiên cứu và tổng hợp tác phẩm khí nhạc của Đỗ Hồng Quân, NCS nhận thấy rằng nhạc sĩ đã vận dụng rất đa dạng thang 3 âm; 4 âm và 5 âm.

Nhạc sĩ đã xây dựng chủ đề trên cơ sở thang 3 âm trong phần 2 chương II tác phẩm *Tứ tấu đàn dây*, với thành phần chính dựa trên trục quãng 2 trưởng, 4 đúng và 5 đúng kết hợp cùng bè trầm do Violloncello chơi trì tục nốt pha thăng, tạo nên một âm hưởng gần giống với điệu trống quân. Chương IV tổ khúc giao hưởng *Dáng rồng lên*, để xây dựng chủ đề từ bài đồng dao *Rồng rắn lên mây*, tác giả cũng đã sử dụng thang 3 âm dựa trên trục quãng 4 đúng, 5 đúng. Để phù hợp với chuyển động ngữ điệu của bài đồng dao tác giả sử dụng kỹ thuật staccato ở bè Basson, nhấn vào nốt ngân dài.

Giai đoạn 3 chương III tác phẩm *Tứ tấu đàn dây* từ ô nhịp 28 - 31, đề mô phỏng lại chủ đề âm nhạc mang âm hưởng Tây bắc, tác giả đã sử dụng thang 4 âm trên bè violon 1 dựa trên những trục các nốt b - c - es - f, cùng với đó là bè violon 2 và viola đi âm nền trì tục tạo nên tính chất nhịp nhàng trong các điệu múa xoè của người Thái vùng Tây bắc (tham khảo phụ lục 4.19; tr. 202).

Cũng sử dụng thang 4 âm, trong chủ đề 1 ô nhịp 10 -13 chương I bản giao hưởng *Dáng rồng lên*, nhạc sĩ xây dựng chủ đề từ thang âm các nốt đó là g - a - c - d. Giai điệu chủ đề do kèn Hautbois diễn tấu, bao gồm quãng trưởng, quãng 3 thứ xen kẽ các bước nhảy quãng 4 đúng. Tính chất âm nhạc tha thiết, trữ tình diễn tả một Thăng Long xưa hiền hoà, bình yên (tham khảo phụ lục 4.20; tr. 202).

Chủ đề mở đầu chương III của *Rhapsodie Việt Nam* cũng sử dụng thang 4 âm theo thang âm a - c - d - e, giai điệu chủ đề do kèn hautbois diễn tấu, mô phỏng âm thanh khèn bè của người dân tộc miền núi các tỉnh phía Bắc (tham khảo phụ lục 4.21; tr. 203).

Các nhạc sĩ Việt Nam luôn khai thác và vận dụng nhuần nhuyễn hệ thống ngũ cung thuộc kho tàng âm nhạc truyền thống Việt Nam. Qua quá trình phân tích các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, NCS thấy rằng, phần lớn chủ đề của các tác phẩm đều được xây dựng trên thang 5 âm dân tộc Việt.

Tiếp nối chủ đề mở đầu chương III của *Rhapsodie Việt Nam*, giai điệu chủ đề vẫn do kèn hautbois chơi, hơn thế nữa phát triển tiếp nhưng thang 5 âm theo điệu Si giáng Nam (b - des - es - f - as). Giai điệu chủ đề vẫn tiếp tục mô phỏng tiếng khèn bè, tác giả đã thể hiện phần âm nhạc của chủ đề mang tính mộc mạc, chân thành và nhấn mạnh bản sắc riêng trong ngôn ngữ âm nhạc dân tộc.

Trong tác phẩm *Tứ tấu đàn dây*, chủ đề chương I tác giả đã sử dụng thang 5 âm theo điệu Pha thăng Nam (fis - a - h - cis - e) để mở đầu. Giai điệu chủ đề do bè violon 1 diễn tấu, bên cạnh các bước đi quãng 2 trưởng là những bước nhảy quãng 4 tạo nên tính chất trữ tình(tham khảo phụ lục 4.22; tr. 203).

Ở chất liệu chủ đề của phần 5 (nhịp 277 - 280) trong *Sắc xuân* tác giả sử dụng thang 5 âm theo điệu Rê Nam (d - f - g - a - c), giai điệu của chủ đề là quãng 2 trưởng kết hợp với quãng 4 đúng. Thêm vào đó, giai điệu chủ đề do đàn bầu chơi kết hợp bộ tạo nên âm hưởng trữ tình, tình cảm (tham khảo phụ lục 4.23; tr. 203).

Chủ đề của chương I, tổ khúc giao hưởng *Dáng rồng lên*, ở nhịp 30 - 37, giai điệu của chủ đề được xây dựng trên điệu Mi Nam (e - g - a - a - h) do violon 1 và violon 2 trình bày (tham khảo phụ lục 4.24; tr. 203).

Ngoài ra, giao hưởng *Tiếng vọng* trong chương I, chủ đề cũng được xây dựng trên điệu thức Mi Nam (nhịp 21 - 23). Giai điệu do Flote và Campaneli diễn tấu trên nền bè đệm piano tạo ra những âm thanh giàu tính trữ tình, lãng mạn (tham khảo phụ lục 4.26; tr. 204).

Giao hưởng *Trở một* có chủ đề mở đầu do bộ dây diễn tấu và được viết ở được viết ở điệu thức Rê Nam (d - f - g - a) ở nhịp 13 - 15 (tham khảo phụ lục 4.14; tr. 201).

Tiếp đến, ở giai đoạn 1 của phần B - phần phát triển, chủ đề được phát triển qua 3 ba điệu thức cùng âm Đô đó là: Nhịp 108 - 111 nét giai điệu do violon 1 và violon 2 trình bày trên điệu thức Đô Bắc (c - d - f - g - a); Nhịp 112 - 115 giai điệu vẫn do violon 1 và violon 2 trình bày nhưng trên điệu Đô Huỳnh (c - d - e - g - a).

Ví dụ 3: Nhịp 108 - 115, *Trở một*



(So sánh đối chiếu với điệu Đô Bắc, Đô Huỳnh - tham khảo phụ lục 2.7; tr.195).

Thêm vào đó, từ nhịp 255 - 260 chủ đề âm nhạc ở đây được xây dựng trên âm hưởng của làn điệu chèo *Lời lơ* và được viết ở điệu thức La Nam ( a - c - d - e - g). Trong giai đoạn 2, phần B của giao hưởng *Trở một*, giai điệu chủ đề chính do kèn Clarinette diễn tấu và hình thành trên điệu Si Nam (h - d - e - fis - a).

Nhìn chung, các chủ đề được xây dựng trong tác phẩm khí nhạc của Đỗ Hồng Quân thường được xây dựng theo điệu thức 5 âm dân tộc và đặc biệt là điệu Nam. - thang âm phổ biến trong các bài dân ca Việt Nam.

*Hệ thống điệu thức năm âm được sử dụng trong tác phẩm:* Trong các sáng tác của mình, có một yếu tố được coi như nguyên tắc thẩm mỹ của Đỗ Hồng Quân đó là sự quan tâm và chú trọng tới đó là màu sắc dân tộc. Vậy nên, để tạo ra một ngôn ngữ đậm đà bản sắc dân tộc, nhạc sĩ luôn tìm cách để khai thác được chất liệu âm nhạc Việt Nam thông qua hệ thống thang âm điệu thức dân tộc. Ở mục này, NCS sẽ nghiên cứu rõ hơn về cách sử dụng và vận hành của các điệu thức năm âm được tác giả sử dụng trong toàn bộ tác phẩm (không chỉ riêng trong cách xây dựng chủ đề như mục 2.2.1.1)

*a. Giai điệu của tác phẩm được xây dựng từ điệu thức năm âm,*

Ở nhóm tác phẩm khí nhạc được lựa chọn phân tích, các tác phẩm đều được nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân sử dụng điệu thức năm âm nhưng dưới nhiều cách thức khác nhau, đa dạng và phong phú. Trong phần này, để tránh trùng lặp NCS sẽ không nhắc lại việc phân tích các điệu thức năm âm có trong chủ đề âm nhạc như ở mục 2.3.2.4 thay vào đó, chúng tôi sẽ tiếp tục chỉ ra những giai điệu trong bài có sử dụng điệu thức năm âm.

*Tứ tấu đàn dây* là một trong những tác phẩm ra đời thuộc thời kỳ đầu sáng tác của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân (khi nhạc sĩ học năm 3 chuyên ngành sáng tác tại nhạc viện Tchaikovsky). Ngay từ giai đoạn sáng tác này, tác giả đã có cách thức thể hiện điệu thức 5 âm trong tác phẩm khá linh hoạt. Trong giai đoạn 3 chương II, điệu thức năm âm được tác giả sử dụng ở hai bè đó là viola và cello



điệu Son Huỳnh (g - a - h - e -f) và điệu si Nao (h - cis - e - f - a). Kết hợp với đó ở bè violon 1 và violon 2 là quãng 2 trưởng đi song song, điều này đã tạo nên điểm nhấn cho tác phẩm. (khảo phụ lục 4.39; tr. 207) (đối chiếu với điệu son Huỳnh và si Nao - tham khảo phụ lục 3.1; tr. 197)

Cũng trong giai đoạn đó, từ ô nhịp 31 - 32, ở bè violon 2 xuất hiện nét giai điệu ở bè violon 2 được viết ở điệu Đô Nam (c- es - f - g - b), bè violon chơi âm nền tri túc còn bè viola và cello chơi nét giai điệu thuộc thang 3 âm (cis - e - fis).

Ví dụ 8 nhịp 31 - 32, *Tứ tấu đàn dây*



(Đối chiếu điều độ Nam - tham khảo phụ lục 3.2; tr.197)

Trong tác phẩm *Sắc xuân*, từ nhịp 227 - 230, cả phần bè giai điệu do nhạc cụ độc tấu - đàn bầu diễn tấu và bè đệm đều cùng sử dụng điệu Đô Huỳnh (c - d - e - g - a). giai điệu chính của nét nhạc ở bè độc tấu là sự kết hợp của quãng 2 trưởng và 3 thứ, âm nhạc ở đây mang nhiều tính tươi vui của dân ca vùng đồng bằng Bắc bộ.

Ví dụ 9: nhịp 227 - 230, *Sắc xuân*



(Đối chiếu với điều đô Huỳnh - tham khảo phụ lục 3.3; tr.200)

Giao hưởng *Trở một* có màu sắc dân tộc rõ nét do lối sử dụng điệu thức năm âm rất đặc trưng. (tham khảo phụ lục 4.30; tr. 207) (Đối chiếu với điệu son Nao - tham khảo phụ lục 3.4; tr.200).

Ở đoạn hai (nhịp 46 - 50) trong phần trình bày, giai điệu chính được tác giả viết trên điệu thức son Nao, do bè violon 1 và violon 2 diễn tấu. Ngoài ra, vẫn ở phần A - phần trình bày nhưng trong giai đoạn 3 nhịp 70 - 75, tác giả còn kết hợp hai thang năm âm để trình bày giai điệu. Từ nhịp 70-73, Nét giai điệu do bè

Violon 1 và violon 2 trình bày, được xây dựng từ điệu son Huỳnh (g - a - h - d - e), từ nhịp 73 - 75 là điệu Si Oán biến thể h - d - e - fis - gis (Đối chiếu với điệu son Huỳnh và Si oán biến thể - tham khảo phụ lục 3.5; tr. 200).

Trong phần trình bày (nhịp 25 - 29) chương I, tổ khúc giao hưởng *Dáng rồng lên*, giai điệu chính do kèn Hautbois đảm nhiệm và được hình thành từ điệu thức năm âm Si Bắc (h - cis - e - fis - gis). Bè đệm gồm kèn cor và bộ dây diễn tấu để hỗ trợ giai điệu chính và giữ vai trò làm phần nền hoà thanh.

Ví dụ 10: nhịp 25 - 29, chương I - *Dáng rồng lên*



(Đối chiếu với điệu Si bắc - tham khảo phụ lục 3.6; tr.197)

Vẫn trong *Dáng rồng lên*, ở phần 2 (nhịp 44 - 48) chương IV, kèn Hautbois lại tiếp tục đảm nhiệm một giai điệu trên điệu thức son Huỳnh (g- a- h - d - e) (tham khảo phụ lục 4.31; tr. 205) (Đối chiếu với điệu son Huỳnh - tham khảo phụ lục 3.7; tr. 198).

#### *b. Sử dụng kết hợp các điệu thức 5 âm*

Đầu tiên phải đề cập đến sự kết hợp giữa giai điệu và bè đệm đều được chơi trên điệu thức 5 âm. Ở nhịp 10 - 14, trong bài *Sắc xuân*, giai điệu chính do đàn bầu diễn tấu trên nền điệu Rê Nam (d - f - g- a - c). Còn bè đệm thuộc bộ gảy (Yangqin, Gaoyin), bộ dây (Gaohu, Erhu, Zhonghu, Cello, Contrebasse) giữ chức năng đệm vẫn trên nền điệu Rê Nam, có vai trò khẳng định và củng cố điệu thức. (tham khảo phụ lục 4.32; tr. 205) (Đối chiếu với điệu Rê nam - tham khảo phụ lục 3.10; tr. 198).

Giai đoạn 2 trong phần B của giao hưởng *Trở một*, ở nhịp 202 - 206, được hình thành chuyển tiếp qua hai điệu thức là rê Nao (d - e -g - a - c) và Si Nam (h - d - e - fis - a). Bộ gõ đảm nhiệm vai trò chơi giai điệu chính, bè đệm là bộ dây với tiết tấu móc kép có chức năng hỗ trợ bè giai điệu và khẳng định điệu

thức của giai đoạn này. (nhịp 202 - 206, *Trở một* - tham khảo phụ lục 4.33; tr.205) (đối chiếu với điệu rê Nao và si Nam - tham khảo phụ lục 3.8, tr. 198).

Tiếp đến, nhịp 266 - 271 trong tác phẩm *Trở một*, bộ gõ cùng cello và contrebasse chơi trên điệu la Nam (a - c - d - e - g). Các bè là những nét giai điệu đi độc lập, tuy nhiên đều phát triển trên trục thang âm của điệu thức. (tham khảo phụ lục 4.34; tr. 209). (Đối chiếu với điệu la Nam - tham khảo phụ lục 3.9, tr.198).

Nhìn chung, điệu thức năm âm được Đỗ Hồng Quân rất chú trọng và tiến hành một cách phong phú, đa dạng ở các tác phẩm. Với nhiều cách phát triển khác nhau như phát triển độc lập hoặc kết hợp điệu thức năm âm với các bè, sử dụng nhiều đa điệu ngũ cung... khiến tính dân tộc trong các sáng tác của nhạc sĩ rất rõ nét.

Bên cạnh đó, tác giả còn sử dụng hợp âm chồng quãng, nhưng do các kết quả phân tích này không nằm trong phạm vi nội dung giảng dạy SV SPAN, nên chúng tôi đưa phần này sang phụ lục để tham khảo thêm.

#### 2.3.2.5. Sử dụng các chất liệu từ ca khúc

Song song với việc khai thác chất liệu truyền thống trong xây dựng chủ đề âm nhạc, Đỗ Hồng Quân còn sử dụng những nét giai điệu hoặc âm hưởng của những ca khúc đương đại. Trong phần 2 của *Sắc xuân* từ ô nhịp 45 - 48, chủ đề được lấy từ chất liệu giai điệu bài *Tết miền Tây* của nhạc sĩ Cao Minh Thu. Nét giai điệu được đàn bầu diễn tấu, kết hợp với đó là các nhạc cụ bangdi, quidi (sáo trúc), zongyin suona (kèn xô na), cello, contrebasse cùng chơi giai điệu đó trên nhiều âm khu khác nhau, bộ gõ mô phỏng tiết tấu chủ đề. Tác giả đã thể hiện được một không khí mùa xuân với tết cổ truyền rộn ràng, vui tươi của miền Nam bộ.

Ví dụ 4: nhịp 45 - 48, *Sắc xuân*



(Đối chiếu với bản gốc, trích đoạn Tết miền tây, sáng tác: Cao Minh Thu - tham khảo phụ lục 2.9; tr.195)

Cũng trong bài *Sắc xuân* câu 3 của phần 3, ô nhịp 165-168, chủ đề được xây dựng nét giai điệu mang âm hưởng bài *Hành quân xa* của nhạc sĩ Huy Du, biến tấu từ câu nhạc “*Vai vác nặng ta đã đổ mồ hôi*”. Kết hợp với đó là chủ đề do đàn bầu diễn tấu cùng các bè đệm mang đến tính chất khoẻ khoắn, đầy sức sống.,

Ví dụ 5: nhịp 165-168, *Sắc xuân*



(Đối chiếu với bản gốc, trích đoạn *Hành quân xa* của nhạc sĩ Huy Du - tham khảo phụ lục 2.8; tr.195).

Tổ khúc giao hưởng *Dáng rồng lên*, ở chương II nhịp 14 - 23, ban đầu tác giả đã xây dựng chủ đề lấy chất liệu từ ca khúc *Du kích sông Thao* của nhạc sĩ Đỗ Nhuận biến tấu từ câu “*Hồng Hà mênh mông trôi cát tới chân làng quê*”. Giai điệu chủ đề do bè violon 1 và violon 2 diễn tấu với kỹ thuật legato giúp âm nhạc trở nên đầy cảm xúc, mang tính chất trữ tình, dằn trải. (tham khảo phụ lục 4.25; tr. 202, ví dụ Đối chiếu với bản gốc, trích đoạn *Du kích sông Thao* của nhạc sĩ Đỗ Nhuận - tham khảo phụ lục 2.10; tr.196).

Tiếp theo đó, để phát triển và đẩy chương nhạc lên cao trào trong chương II của *Dáng rồng lên*, ở nhịp 36 - 42 tác giả lại một lần nữa sử dụng chất liệu của bài hát *Du kích sông Thao* ở câu “*Hồng Hà reo, du kích về đây ngăn quân thù như nước phù sa đang pha hoà dòng sông Lô*”.

Ví dụ 6: nhịp 36 - 42, *Dáng rồng lên*



(Đối chiếu với bản gốc, trích đoạn *Du kích sông Thao* của nhạc sĩ Đỗ Nhuận - tham khảo phụ lục 2.11; tr.196).

Đối lập với tính trữ tình trong các đường nét giai điệu chủ đề chương II, ở phần coda chương IV (nhịp 108 - 115), chủ đề mang tính chất tươi sáng, hào hùng, được hình thành từ chất liệu của ca khúc *Người Hà Nội* của nhạc sĩ Nguyễn Đình Thi. Giai điệu chính do trompettete diễn tấu, mô phỏng từ câu “*Đây Hồ Gươm - Hồng Hà - Hồ Tây*”, so với ca khúc gốc tác giả đã đảo thứ tự hai câu nhạc và về mặt tiết tấu phóng to trường độ. Nhạc sĩ sử dụng âm hưởng của ca khúc *Người Hà Nội*, như đưa thính giả đến với quá khứ hào hùng của Thăng Long - Hà Nội ngàn năm văn hiến, mang đến một âm hưởng kết huy hoàng cho cả tác phẩm.

Ví dụ 7: nhịp 108 - 115, *Dáng rồng lên*



(Đối chiếu với bản gốc, trích đoạn *Người Hà Nội* của nhạc sĩ Nguyễn Đình Thi- tham khảo phụ lục 2.12; tr.196).

Có thể thấy, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đã rất linh hoạt trong việc khai thác chất liệu âm nhạc truyền thống để xây dựng chủ đề âm nhạc. Ông đã sử dụng các bài dân ca, bài đồng dao, có khi lại sử dụng âm hưởng của chèo, nhạc cung đình Huế... Thang âm điệu thức của dân tộc cũng được chú trọng và là nguồn chất liệu dồi dào được nhạc sĩ sử dụng. Chủ đề các tác phẩm đa dạng dựa trên thang 3 âm, 4 âm, 5 âm với cách thức cũng đa dạng. Bên cạnh sử dụng các yếu tố âm nhạc truyền thống, tác giả còn sử dụng âm hưởng hoặc lấy giai điệu của

những ca khúc Việt Nam đương đại để tạo nên làn gió mới mà vẫn giàu tính dân tộc.

### 2.3.3. Phối khí

Bên cạnh giai điệu, tiết tấu, cường độ, âm sắc, hòa thanh, phức điệu... thì phối khí cũng là thứ ngôn ngữ góp phần quyết định, để khắc họa mọi hình tượng âm nhạc có trong tác phẩm một cách sinh động với nhiều cung bậc cảm xúc nhất. Thủ pháp phối khí đóng vai trò quan trọng trong việc tạo nên những màu sắc, cung bậc cảm xúc khác nhau của âm thanh để qua đó diễn tả không gian, thời gian, diễn biến, tâm lý, tình cảm... của những tiêu đề hình tượng có trong tác phẩm.

#### 2.3.3.1. Biên chế dàn nhạc

Trong bốn tác phẩm giao hưởng NCS lựa chọn phân tích và nghiên cứu (*Rhapsodie Việt Nam*, *Tiếng vọng*, *Dáng rồng lên*, *Trở một*) sử dụng biên chế của dàn nhạc giao hưởng với những thành phần như sau:

**Bảng 2.1: Biên chế dàn nhạc trong 4 tác phẩm giao hưởng**

	<b>Rhapsodie Việt Nam</b>	<b>Tiếng Vọng</b>	<b>Dáng rồng Lên</b>	<b>Trở một</b>
<b>Bộ Gỗ</b>	Piccolo, 2 Flauti, 2 Oboi, 2 Clarinetti (B), 2 Fagotti,	Piccolo, 2 Flauti, 2 Oboi, 2 Clarinetti (B), 2 Fagotti,	Piccolo, 2 Flauti, 2 Oboi, 2 Clarinetti (B), 2 Fagotti,	2 Flauti, 2 Oboi, 2 Clarinetti (B), 2 Fagotti,
<b>Bộ Đồng</b>	4 Corni (F), 3 Trombe (B), 3 Tromboni, Tuba	4 Corni (F), 3 Trombe (B), 3 Tromboni, 3 Tuba	4 Corni (F), Trombe (B), 2 Tromboni, Tuba	4 Corni (F), 2 Trombe (B), 2 Tromboni, Tuba
<b>Bộ Gỗ</b>	Timpani, Triangolo, Tamburo, Tamburino, Cataneto (Phách), 4 Tomtomi, Piatto, Grand cassa, Tam tam, Silofono	Timpani, Piatto, campaneli Grand cassa, Tam tam, Silofono	Timpani, piati, piatto, campaneli, Silofono Grand cassa, Tam tam. Triangolo	Timpani, Mỏ và phách (nhạc cụ gỗ Việt Nam), Trống đế (trống nhỏ, nhạc cụ Việt Nam), tamburo, tamburino, 3 Tom – tomi, piati, piatto, campaneli Grand cassa, Tam tam,
<b>Bộ Dây</b>	Violini I, Violini II, viole violoncelli, contrabassi	Violini I, Violini II, viole violoncelli, contrabassi	Violini I, Violini II, viole violoncelli, contrabassi	Violini I, Violini II, viole violoncelli, contrabassi
<b>Mở rộng</b>		Piano		

Cả bốn tác phẩm đều sử dụng biên chế dàn nhạc lớn với đầy đủ bốn bộ nhạc cụ. Trong đó, các nhạc cụ gỗ được sử dụng với số lượng và thành phần đa dạng, đặc biệt là trong giao hưởng *Trở một*. Tác giả đã thêm vào một số nhạc cụ gỗ Việt Nam để thể hiện những chủ đề có chất liệu truyền thống. Với biên

chế như trên, tác giả có thể xây dựng nên tác phẩm với âm hưởng dày rộng và âm sắc phong phú.

Tiếp theo, là đến hai tác phẩm *Sắc xuân* và *Tứ tấu đàn dây*. Nếu như *Tứ tấu đàn dây*, tác giả khai thác triệt để tính năng của bộ dây gồm những nhạc cụ Violon 1 + 2, viola và contrebasse thì *Sắc xuân* lại mang một màu sắc hoàn toàn khác, biên chế dàn nhạc của tác phẩm như sau:

**Bảng 2.2: Biên chế dàn nhạc trong *Sắc xuân***

	Sắc xuân
Nhạc cụ độc tấu	Đàn bầu
Bộ hơi	Bangdi (tương đương sáo mèo), Qudi (tương đương sáo trúc), Xindi (sáo), Zhongyin suona (kèn sona)
Bộ Gảy	Yanggin (tam thập lục), Gaojin Ruan (tương đương đàn tứ cao, phím bấm to hơn), pipa (đàn tỳ bà), konghou (gần giống đàn harp)
Bộ dây	Gaohu (đàn hồ cao), Erhu (đàn nhị), Zonghu (đàn hồ trung), violoncelli, contrebass

*Sắc xuân* là tác phẩm độc tấu đàn bầu và dàn nhạc dân tộc, với nhạc cụ độc tấu là đàn bầu. Các nhạc cụ dân tộc trong dàn nhạc dân tộc được sắp xếp, cũng như mô phỏng gần với dàn nhạc giao hưởng phương tây. Đặc biệt hơn nữa, trong bộ dây, ngoài các nhạc cụ dân tộc, tác giả còn thêm vào hai nhạc cụ là cello và contrebasse. Đây có thể được coi là sự kết hợp rất linh hoạt giữa âm nhạc truyền thống và phương tây để tạo nên những âm hưởng mang tính truyền thống nhưng cũng mang màu sắc đương đại.

Có thể thấy, ở mỗi thể loại tác giả sẽ có cách sử dụng các thể loại nhạc cụ khác nhau. Trong *Tứ tấu đàn dây*, đã dùng các nhạc cụ thuộc bộ dây (violon, viola, cello) để truyền tải nội dung tác phẩm. Ở *Sắc xuân*, tác giả ngoài việc khai thác tính năng của đàn bầu, còn là sự kết hợp độc đáo giữa các loại nhạc cụ trung hoa với các nhạc cụ phương tây. Còn trong bốn tác phẩm giao hưởng, ta thấy rằng có nhiều sự tương đồng trong biên chế dàn nhạc như số lượng nhạc cụ bộ đồng và bộ gõ. Thành phần bộ gõ trong có sự mở rộng âm vực bằng việc sử dụng thêm các nhạc cụ như clarinette basso, contrafagotto, clarinette piccolo

nhằm khai thác những màu sắc âm thanh và âm hưởng lớn hơn cho tác phẩm.

### 2.3.3.2. *Hiệu quả phối khí trong tác phẩm*

Trong các tác phẩm chúng tôi phân tích ở trên, ta thấy rằng nhạc sĩ sử dụng phối khí với sự chú trọng về hiệu quả âm thanh hơn qua đó để xây dựng hình tượng âm nhạc. Sau đây, NCS xin được trình bày những vấn đề nổi bật trong nghệ thuật phối khí được tác giả sử dụng trong các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân mà chúng tôi đã chọn lựa trong đề tài nghiên cứu của mình. Qua phân tích, chúng tôi nhận thấy trong các tác phẩm trên, nghệ thuật phối khí đạt được các hiệu quả nổi bật là: thể hiện tính chất âm nhạc của chủ đề và thể hiện màu sắc âm nhạc dân gian.

Nghệ thuật phối khí thể hiện tính chất âm nhạc của chủ đề, trong các tác phẩm được phân tích ở đây, nghệ thuật phối khí đóng vai trò quan trọng trong việc khắc họa tính chất của các chủ đề âm nhạc. Hiệu quả này đạt được nhờ các cách sử dụng nhạc cụ sáng tạo của nhạc sĩ. Ở các tác phẩm của mình, Đỗ Hồng Quân luôn rất tỉ mỉ trong việc lựa chọn các nhạc cụ diễn tấu giai điệu. Giai điệu chủ đề có thể được diễn tấu bởi một nhạc cụ solo hoặc kết hợp các nhạc cụ cùng bộ. Các nhạc cụ được lựa chọn thường có âm sắc phù hợp với tính chất của chủ đề.

Như trong tác phẩm *Sắc xuân*, tác giả đã khai thác tính năng của cây đàn bầu - đây là nhạc cụ cổ truyền độc đáo và đặc trưng của Việt Nam. Đây cũng là một tác phẩm có qui mô lớn, mang nhiều màu sắc âm nhạc vùng miền khác nhau, có thể kể đến các chất liệu âm nhạc như: Dân ca đồng bằng Bắc bộ, Chèo, Quan họ Bắc Ninh... Cùng với đó là sự góp mặt của các nhạc cụ thuộc các bộ hơi, bộ gảy, bộ gõ, bộ dây đi song hành giúp nổi bật lên giai điệu chính chủ đề.

Bộ dây luôn có tính đồng nhất cao và hài hòa về mặt âm sắc. Chính vì vậy, trong *Tứ tấu đàn dây*, tác giả đã khai thác rất nhiều kỹ thuật của đàn dây để tạo nên những âm hưởng chủ đề đầy kịch tính. Như trong giai đoạn 2 chương II, cùng một lúc ở bè viola sử dụng kỹ thuật glissando (vuốt) và pizzicato (búng



dây), trong khi đó, ở bè violon 1 và violon 2 xuất hiện một loạt kí hiệu tiết tấu với cách diễn tấu là sử dụng tay để vỗ vào mặt đàn thay cho nhạc cụ bộ gõ.

Vẫn khai thác tính năng của bộ dây, trong giao hưởng *Tiếng vọng*, ở chủ đề mở đầu của tác phẩm, tác giả đã sử dụng cello và contrebasse để thể hiện âm hưởng trầm mặc, buồn thương. (tham khảo ví dụ lấy số ví dụ trang 12 - 13, phần cấu trúc). Tiếp đó, đến phần A với chủ đề Trăng tình yêu, được diễn tấu bởi cello mang đến những âm thanh giàu cảm xúc, tha thiết, trữ tình. Đến phần C - khúc tưởng niệm, bộ dây cùng song hành với kèn clarinette để chơi giai điệu chủ đề diễn tả những cảm xúc khắc khoải, suy tư của tác giả khi tưởng nhớ về những kỉ niệm, những sự mất mát đau thương do chiến tranh để lại.

Trong *Dáng rồng lên* để diễn tả sự vắng vẻ, heo hút tại thời điểm khởi nguyên của vùng đất Thăng Long xưa, trong giai điệu mở đầu tác phẩm, tác giả đã sử dụng cello cùng kĩ thuật divisi. Vẫn trong chương I, ở phần trình bày A - Cội nguồn, có chủ đề 2 được diễn tấu bởi bộ dây, mang đến âm hưởng tha thiết, trữ tình.

Bộ dây còn được mang một vị trí chủ đạo hơn nữa ở tác phẩm *Trở một*. Có thể thấy, ngoài chủ đề được lấy từ chất liệu bài dân ca *Ba mươi sáu thứ chim* được diễn tấu từ hautbois, các chủ đề còn lại thường do bộ dây đảm nhiệm (được sử dụng nhiều nhất là violon). Cũng được diễn tấu rất linh hoạt trong cả tác phẩm, đó là ở *Rhapsodie Việt Nam*, bộ dây được sử dụng trên cả bè giai điệu và bè đệm để khắc hoạ những chủ đề mang yếu tố truyền thống.

Đặc biệt hơn phải kể đến *Sắc xuân*, trong biên chế dàn nhạc gồm các nhạc cụ truyền thống, ở bộ dây vẫn có sự góp mặt gần như xuyên suốt cả tác phẩm của Cello và contrebasse. Hai nhạc cụ phương Tây này đã tạo hỗ trợ dàn nhạc dân tộc về mặt hoà thanh, tạo nên những âm hưởng rất độc đáo và truyền cảm.

Ngoài chơi giai điệu chủ đề, bộ dây cũng được sử dụng linh hoạt trong

việc tạo màu sắc hoà thanh và giữ phần nền hỗ trợ cho giai điệu chính. Với âm sắc đồng nhất và các kĩ thuật diễn tấu phong phú, khi đảm nhiệm chức năng trên bộ dây diễn tấu thực hiện hiệu quả rất tốt.

Trong tác phẩm *Rhapsodie Việt Nam*, *Tiếng Vọng*, *Dáng rồng lên*, *Trở một* bộ gõ có sự mở rộng âm vực bằng việc sử dụng thêm các nhạc cụ như clarinette bass, fagot, piccolo nhằm khai thác những màu sắc âm thanh và âm hưởng lớn hơn cho tác phẩm. Các nhạc cụ thuộc bộ gõ với tính chất êm ái, ảm áp, để thể hiện hiệu quả những nét nhạc nội tâm. Kèn hautbois đảm nhiệm vai trò diễn tấu một số chủ đề rất hiệu quả như: chủ đề 1 chương III *Rhapsodie Việt Nam*; Chủ đề *Ba mươi sáu thứ chim* trong giao hưởng *Trở một*; Chủ đề 1 trong giao hưởng *Dáng rồng lên*.

Thêm vào đó, flote cũng được sử dụng để diễn tấu chủ đề như trong chủ đề 2 chương III *Rhapsodie Việt Nam*. flote đã diễn tả điệu nhảy của người Mông giữa núi rừng Tây bắc. (tham khảo ví dụ lấy chất liệu Mông) Ngoài ra, các nhạc cụ bộ gõ còn kết hợp với nhau hoặc kết hợp với các nhạc cụ thuộc bộ khác để tạo nên những màu sắc đa dạng, phong phú hơn (Chủ đề 1 trong phần A giao hưởng *Tiếng vọng*).

Cũng giống như bộ dây, bộ gõ với âm sắc êm ái, ảm áp, kĩ thuật sử dụng nhạc cụ linh hoạt phong phú cũng có thể đảm nhiệm chơi giai điệu hoặc tạo màu hoà thanh cho tác phẩm.

Bộ đồng với âm thanh vang sáng, âm sắc đồng nhất luôn là sự lựa chọn của những nét nhạc có tính chất hùng tráng, mạnh mẽ. Nhìn chung, trong các tác phẩm chúng tôi lựa chọn phân tích, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đã sử dụng một vài nhạc cụ thuộc bộ đồng để tham gia diễn tấu chủ đề phổ biến nhất là trumpet. Thông thường, trong dàn nhạc giao hưởng trumpet thường giữ nốt vang ở bè hoà thanh theo chiều cột dọc hoặc tham gia vào những đoạn tutti. Nhưng ở đây, trumpet đã tham gia chơi solo ở những chủ đề (như:

chương I (nhịp 15-19), chương III (nhịp 31-33- chủ đề *Lý ngựa ô*).

Bộ gõ trong các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân mà chúng tôi phân tích ở trên đóng một vai trò quan trọng, mang tính miêu tả khá cao, hiệu quả âm thanh rất đặc sắc. Bộ gõ được sử dụng hết sức phong phú và linh hoạt. Bộ gõ dân tộc trong *Sắc xuân* gồm cymbales, phách và trống lớn cũng mang đến cho tác phẩm nhiều màu sắc âm nhạc truyền thống Việt Nam. Thêm vào đó, bộ gõ cùng các bộ nhạc cụ khác đã hỗ trợ nhạc cụ độc tấu, diễn tả mùa xuân đang đến trên mọi miền tổ quốc.

Đối với 4 tác phẩm giao hưởng, ngoài việc sử dụng các nhạc cụ gõ có mặt trong dàn nhạc thông thường hay gặp ở dàn nhạc, tác giả còn bổ sung thêm một số nhạc cụ gõ phương Tây mà thường rất ít khi xuất hiện trong dàn nhạc như bonghi, tom tom, bongos, campane, cantanet. (như trong *Rhapsodie Việt Nam*, nhịp 377 - 394 là màn trình diễn kỹ thuật rất độc đáo của trống). Ngoài ra tác giả còn sử dụng nhiều nhạc cụ gõ dân tộc như Trống đế, thanh phách trong giao hưởng *Trở một*, 6 nhịp đầu tác giả chỉ sử dụng riêng mõ và trống đế chơi với cường độ âm thanh lớn dần, đây cũng là cách mở đầu thường thấy trong các làn điệu chèo. Tác giả đã khai thác các tính năng của bộ gõ - bộ nhạc cụ thường được coi là chủ chốt trong Chèo - để tạo nên những âm hưởng mang đậm màu sắc của Chèo. (Ở giao hưởng *Dáng rồng lên*, bộ gõ cũng được tác giả sử dụng rất hiệu quả và sống động).

#### **2.4. Vai trò và ý nghĩa việc dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong một số môn kiến thức âm nhạc cho sinh viên Sư phạm âm nhạc**

Trong tập Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế (2011) có bài viết về *Đào tạo ngành sư phạm âm nhạc thế kỷ XXI* của tác giả Phạm Lê Hoà. Trong đó, tác giả bài viết có khẳng định thế kỷ XXI là thời đại của công nghệ thông tin trong xu thế hội nhập của các nền văn hoá, chính vì vậy giá trị của âm nhạc truyền thống càng giữ vai trò quan trọng và không thể thiếu được trong sự phát triển của nền

âm nhạc đương đại Việt Nam. Ngoài ra, tác giả còn chỉ ra rằng trong công tác đào tạo SPAN, thông qua hệ thống bài giảng, cần chú trọng đến việc giáo dục cho SV được làm quen, nhận thấy được cái hay cái đẹp của nghệ thuật âm nhạc truyền thống, hiểu biết và có thái độ trân trọng âm nhạc của đất nước dân tộc Việt Nam và khẳng định rằng cần có nền tảng vững chắc là âm nhạc truyền thống trước khi các thầy cô giáo tương lai tìm hiểu và nghiên cứu các tri thức khác của tinh hoa nghệ thuật thế giới và giới thiệu lại những điều đó cho nhiều thế hệ học sinh, SV.

Từ những lập luận trên, có thể thấy rằng việc vai trò của nghệ thuật âm nhạc truyền thống rất quan trọng đối với công tác đào tạo chuyên ngành SPAN. Đối với đào tạo ngành sư phạm âm nhạc, SV sau khi ra trường chủ yếu sẽ là những người làm công tác giáo dục âm nhạc. Bên cạnh những kiến thức, kỹ năng chung về âm nhạc, cần thiết củng cố các kiến thức về âm nhạc Việt Nam nói chung, sáng tác khí nhạc của các nhạc sĩ Việt Nam nói riêng. Những kiến thức này giúp SV hiểu sâu hơn về quá trình phát triển của âm nhạc chuyên nghiệp bậc học ở Việt Nam, những thành tựu đã đạt được trên cơ sở tiếp thu phương pháp, kỹ thuật sáng tác của nước ngoài và sự kết hợp hài hoà giữa các yếu tố âm nhạc truyền thống với những khuôn khổ từ âm nhạc phương Tây.

Như đã phân tích, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân là một trong số những nhạc sĩ trưởng thành sau năm 1975. Ông là một nhạc sĩ có tài năng, là người hoạt động âm nhạc trên nhiều lĩnh vực. Ở lĩnh vực sáng tác, nhạc sĩ đã có nhiều tác phẩm thành công và luôn nhận được sự yêu mến của những người yêu âm nhạc với những tìm tòi, sáng tạo trong ngôn ngữ âm nhạc cũng như các thủ pháp sáng tác. Trong sự nghiệp của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, các tác phẩm viết cho khí nhạc là mảng sáng tác đa dạng, phong phú và thành công nhất. Âm nhạc của Đỗ Hồng Quân là sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các chất liệu được khai thác từ nền âm nhạc truyền thống vô cùng phong phú của Việt Nam, với các kỹ thuật sáng tác tiếp thu từ nền âm nhạc phương Tây.

Trong chương trình dạy học cho SV ĐHSP Âm nhạc có nội dung dạy các môn kiến thức âm nhạc như: Lịch sử âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm... có liên quan nhiều đến dạy học các tác phẩm khí nhạc giao hưởng thính phòng, GV được lựa chọn các tác phẩm khí nhạc của các nhạc sĩ Việt Nam và có thể chọn tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để dạy cho SV.

Môn Lịch sử âm nhạc Việt Nam/Âm nhạc Việt Nam giới thiệu tiến trình lịch sử, các giai đoạn thời kỳ, trong đó có thời kỳ tiếp thu âm nhạc phương Tây phát triển nền khí nhạc thính phòng, giao hưởng. Khi dạy học về khí nhạc mới Việt Nam sau năm 1975, bên cạnh việc giới thiệu tên tuổi của các nhạc sĩ sáng tác khí nhạc nổi bật như Chu Minh, Nguyễn Văn Quý, Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Đình Phúc, Phúc Linh... là những nhạc sĩ đã nổi tiếng từ những giai đoạn trước, cần thiết giới thiệu và cho SV nghe chủ đề trong một số tác phẩm khí nhạc của các nhạc sĩ mới nổi lên như Trần Trọng Hùng, Đặng Hữu Phúc, Nguyễn Cường, Đỗ Hồng Quân... Lựa chọn tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân như *Dáng rồng lên* để thấy được tác giả Việt Nam đã kết hợp thủ pháp sáng tác phương Tây với khai thác chất liệu dân gian như thế nào qua sử dụng quãng của bài đồng dao *Rồng rắn lên mây*, SV quen thuộc với bài đồng dao này nên đưa vào cho nghe phù hợp với khả năng của sinh viên đại học SPAN sẽ tạo hiệu quả tốt cho bài dạy.

Môn Phân tích tác phẩm có nội dung phân tích một số tác phẩm khí nhạc và giới thiệu một số thể loại âm nhạc như sonate, giao hưởng, opera, các thể loại tiểu phẩm... Khi học môn này, bên cạnh những thể loại mẫu mực của các nhạc sĩ trên thế giới, việc giới thiệu một số tác phẩm của các nhạc sĩ Việt Nam thời kỳ trước 1975 và sau 1975 (trong đó có tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân) sẽ làm phong phú nội dung dạy học, giúp SV hiểu thêm về nền khí nhạc Việt Nam. Chẳng hạn, khi dạy về hình thức 3 đoạn dạng tương phản GV có thể chọn giới thiệu cho SV tác phẩm *Nocture Tiếng vọng* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, cho SV nghe phần A trong tác phẩm đó để SV nhận diện được tác phẩm khí nhạc Việt Nam đã sử dụng hình thức đó như thế nào.

Mục tiêu của đào tạo ĐHSP Âm nhạc là SV ra trường chủ yếu dạy học âm nhạc ở phổ thông, từ Tiểu học đến THPT. Nội dung dạy học âm nhạc ở phổ thông có nhiều phân môn: Hát, Nhạc cụ thể hiện tiết tấu, Nhạc cụ thể hiện giai điệu, Lí thuyết âm nhạc, Đọc nhạc, Thường thức âm nhạc, Nghe nhạc. Các kiến thức âm nhạc ở phổ thông thường rất sơ giản, đặc biệt là ở bậc Tiểu học nhưng sang bậc THCS, đặc biệt là THPT thì kiến thức khá rộng. Thực tế hiện nay khi tìm hiểu SGK của bậc THCS và đặc biệt là THPT viết theo chương trình 2018, chúng tôi thấy một số bộ SGK viết phần Thường thức âm nhạc, Nghe nhạc có không ít nội dung giới thiệu tác phẩm khí nhạc của nước ngoài như *Sóng Đa nuyp* của Johans Strauss (SGK Âm nhạc 6 bộ Kết nối tri thức với cuộc sống), chương 1 Giao hưởng số 5 của Beethoven (SGK Âm nhạc 7 bộ Chân trời sáng tạo), tác phẩm của Việt Nam như *Cung đàn đất nước* viết cho đàn bầu của Xuân Khải (SGK Âm nhạc 6 bộ Chân trời sáng tạo)... Ở THPT còn giới thiệu chuyên đề về một số thời kỳ Lịch sử âm nhạc thế giới, giới thiệu sâu về một số thể loại nhạc đàn... Nếu SV học ĐHSP Âm nhạc không được trang bị kiến thức sâu và rộng hơn, nâng cao hơn chương trình âm nhạc phổ thông thì sau này khi ra trường sẽ khó đáp ứng được dạy học ở phổ thông.

Mặt khác, dạy học âm nhạc ở phổ thông không chỉ dạy những nội dung có trong SGK mà giáo viên cần mở rộng kiến thức cho học sinh trong những bài dạy âm nhạc thường thức như một số thể loại nhạc đàn, giới thiệu nhạc sĩ Việt Nam, nhạc cụ phương Tây và nhạc cụ dân tộc. Không chỉ hiểu biết về nhạc sĩ và các thể loại âm nhạc nước ngoài mà SV Đại học SPAN cần có hiểu biết về các nhạc sĩ Việt Nam, khí nhạc Việt Nam. Những nội dung viết trong SGK thường rất súc tích, ngắn gọn, không giải thích nhiều nên khi gặp những nội dung như vậy, nếu GV được trang bị kiến thức ở trường Đại học thì sẽ dễ dàng hiểu nội dung bài mà mình cần dạy. Nếu không, sẽ chỉ là người nói lại kiến thức của SGK một cách máy móc mà không hiểu gì. Chẳng hạn, khi dạy về nhạc sĩ F. Chopin, phần nghe nhạc có tác phẩm Nocturne số 20, giáo viên không biết, không hiểu thể loại nocturne sẽ không mở rộng được kiến thức.

Đào tạo Đại học SPAN không chỉ có mục tiêu SV ra trường giảng dạy âm nhạc ở các trường phổ thông mà còn có thể giảng dạy ở các trường nghệ thuật, các trường Đại học có dạy học âm nhạc (không chuyên). Vì vậy, sử dụng tác phẩm khí nhạc của Đỗ Hồng Quân để làm nguồn tài liệu trong số các tác phẩm khí nhạc của các nhạc sĩ Việt Nam sẽ rất hữu ích trong dạy học cho SV đại học SPAN, làm phong phú nguồn học liệu học tập của một số môn kiến thức âm nhạc như Âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm... và SV hiểu thêm về các nhạc sĩ Việt Nam hiện đại.

Ngoài ra, bên cạnh trang bị kiến thức về các nhạc sĩ Việt Nam, hiểu biết về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân - một nhạc sĩ tiêu biểu và có nhiều đóng góp lớn cho nền âm nhạc Việt Nam chính là trang bị cho sinh viên những kiến thức về sự phát triển của khí nhạc và âm nhạc thính phòng, giao hưởng Việt Nam nói chung. Đó cũng là chuẩn bị để cho sinh viên ngành sư phạm âm nhạc khi ra trường có vốn kiến thức có thể giới thiệu được các tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong nhà trường phổ thông và các cơ sở đào tạo nghệ thuật một cách vững vàng hơn.

Một vấn đề hết sức quan trọng nữa là bên cạnh mục đích của đào tạo đại học là đào tạo nghề thì một mục đích cần phải có là giáo dục cho SV tình yêu và lòng tự hào về truyền thống âm nhạc Việt Nam. Đó cũng chính là một trong những mục tiêu căn bản của giáo dục đại học mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. SV Đại học, đặc biệt là SV sư phạm sau này ra trường để đi dạy thế hệ trẻ phải là những người có tinh thần dân tộc, biết trân trọng và gìn giữ truyền thống dân tộc. Có kiến thức, hiểu biết về nền âm nhạc Việt Nam trong đó có khí nhạc là một trong yếu tố giúp cho SV tăng thêm sự trân trọng với nền âm nhạc dân tộc của đất nước mình. Ở phần Mở đầu đã nêu, hiện nay, trong đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp nói chung, SPAN nói riêng, có một thực tế dù muốn hay không cũng phải công nhận rằng, ngoại trừ các SV được học ngành âm nhạc truyền thống, các SV học các ngành khác được dạy về âm nhạc phương Tây nhiều hơn âm nhạc Việt Nam, do đó nhiều SV hiểu biết âm nhạc phương Tây hơn âm nhạc

Việt Nam. Thiết nghĩ, điều này cần được các nhà quản lý, các nhà sư phạm âm nhạc quan tâm hơn nữa để có sự thay đổi. Việc tăng cường sử dụng tác phẩm khí nhạc của các nhạc sĩ Việt Nam trong đó có nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để dạy cho SV Đại học SPAN chính là góp phần bồi đắp cho SV tình yêu và biết trân trọng giá trị của âm nhạc Việt Nam, cũng là thực hiện sứ mạng đào tạo đại học mà Đảng và Bộ Giáo dục Đào tạo đề ra.

### ***Tiểu kết chương 2***

Qua việc tìm hiểu và phân tích các thủ pháp sáng tác tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, chúng tôi nhận thấy trong mỗi tác phẩm của ông đều có màu sắc riêng, mang tính ngẫu hứng cao. Trên từng phương diện, chúng tôi có một số những nhận xét như sau về những tác phẩm khí nhạc mà chúng tôi lựa chọn trong đề tài:

Về cấu trúc tác phẩm, các tác phẩm và một số chương nhạc được nhạc sĩ đặt tiêu đề riêng. Điều này giúp cho người nghe dễ tiếp cận, nắm rõ hình tượng và nội dung dễ dàng hơn, tạo nên sự đồng cảm giữa tác giả và thính giả.

Về chất liệu xây dựng chủ đề, tác giả đã sử dụng chất liệu khá phong phú, khai thác từ chất liệu âm nhạc truyền thống (dân ca các vùng miền, đồng dao, các làn điệu chèo hoặc nhạc cung đình Huế). Các quãng như quãng 4, quãng 5 đặc trưng của dân tộc cũng được sử dụng khá phổ biến. Nguồn chất liệu dồi dào được khai thác từ thang âm - điệu thức được xây dựng từ thang 3 - 4 - 5 âm cũng được triển khai khá rộng, dưới nhiều cách thức linh hoạt khác nhau. Đôi lúc, còn có sự kết hợp các điệu thức cùng dạng thức - khác chủ âm. Ngoài ra, tác giả còn lấy chất liệu từ các ca khúc đương đại trên hệ thống điệu thức 12 âm.

Về thủ pháp phối khí ở mỗi thể loại tác giả sẽ có cách sử dụng các thể loại nhạc cụ khác nhau. Nhạc sĩ sử dụng phối khí với sự chú trọng về hiệu quả âm thanh hơn qua đó để xây dựng hình tượng âm nhạc, nghệ thuật phối khí đạt được các hiệu quả nổi bật là: thể hiện tính chất âm nhạc của chủ đề và thể hiện màu sắc âm nhạc dân tộc. (*Tên các nhạc cụ trong DNGH trong luận án thống*



*nhất viết bằng tiếng Pháp)*

Chương 2 chúng tôi tập trung phân tích về thủ pháp sáng tác như xây dựng chủ đề, hoà thanh... (Ngoài những đặc điểm sáng tác nói trên, chúng tôi còn cũng phân tích về cách sử dụng chông quãng, thủ pháp hoà thanh, phức điệu... trong các sáng tác của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, nhằm làm rõ hơn những nét đặc trưng trong các tác phẩm của ông. Tuy nhiên, với thời lượng và chương trình học của ngành SPAN, những phân tích này vượt phạm vi chương trình, nên chúng tôi đưa vào phần Phụ lục 9 để tham khảo). Đặc điểm chung xuyên suốt trong các tác phẩm đó là sự kết hợp rất linh hoạt giữa ngôn ngữ âm nhạc phương Tây và âm hưởng mang đậm nét dân tộc. Những sáng tác của ông mang tính nghệ thuật sâu sắc và luôn để lại những dấu ấn trong lòng khán giả. Hơn thế nữa, các tác phẩm đó đã tiếp bước học hỏi trong lĩnh vực sáng tác, cũng như giáo dục âm nhạc cho các thế hệ sau, nâng cao giá trị nghệ thuật âm nhạc Việt Nam trên bước đường khẳng định mình với âm nhạc thế giới. Bên cạnh đó, NCS còn chỉ ra vai trò và ý nghĩa việc dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên ĐHSP âm nhạc. Từ những kết quả nghiên cứu của chương 2, chúng tôi sẽ áp dụng vào quá trình thực nghiệm dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên SPAN ở các chương tiếp theo.

### **Chương 3**

## THỰC TRẠNG DẠY HỌC TÁC PHẨM KHÍ NHẠC CỦA NHẠC SĨ ĐỖ HỒNG QUÂN

### 3.1. Khái quát về địa bàn khảo sát

Trước tiên, chúng tôi sẽ nêu ra một số tìm hiểu khái quát chung về một số cơ sở đào tạo ngành Sư phạm âm nhạc cụ thể là tại trường ĐHSP nghệ thuật TW, ĐHSP Hà Nội, ĐH văn hoá thể thao và du lịch Thanh Hoá.

#### **3.1.1. Vài nét về trường ĐHSP Nghệ thuật TW và khoa Sư phạm Âm nhạc**

##### *3.1.1.1. Trường Đại học Sư phạm nghệ thuật Trung ương*

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW có quá trình xây dựng, phát triển - trưởng thành có bề dày lịch sử hơn 50 năm với nhiều thành tích nổi bật, ngày càng khẳng định được vị trí của mình trong lĩnh vực giáo dục nghệ thuật tại Việt Nam. Đây chính là chiếc nôi đào tạo ra nhiều thế hệ giáo viên dạy các môn nghệ thuật trên cả nước. Trường được thành lập tháng 11/1970 với tên gọi là trường Sư phạm thể dục - nhạc họa TW. Đến 11/1985 trường được tách ra thành Trường CĐSP Nhạc Họa TW và trường ĐHSP Thể dục TW1. Đến ngày 25/5/2006 trường được thủ tướng chính phủ ký quyết định nâng cấp để trở thành trường ĐHSP Nghệ thuật TW và mở ra nhiều chuyên ngành về lĩnh vực quản lý văn hoá, nghệ thuật khác nhau.

Hiện nay, cơ cấu tổ chức của trường ngoài Đảng uỷ, hội đồng trường, ban giám hiệu, công đoàn và đoàn thanh niên, trường được hoạt động động bởi 6 cơ quan phòng ban, 8 khoa chuyên môn và 5 đơn vị nghiên cứu ứng dụng thông tin. Trong đó 8 khoa chuyên môn đều đào tạo ở trình độ đại học và sau đại học gồm: Khoa Sư phạm Mĩ Thuật, Khoa Sư phạm Âm nhạc, Khoa Piano thanh nhạc; Khoa Thiết kế đồ họa; Khoa Thiết kế thời trang và Công nghệ may, Khoa Giáo dục đại cương; Khoa sau đại học đào tạo 4 mã ngành trình độ thạc sĩ (gồm: Lí luận và PPDH âm nhạc, Lí luận và PPDH bộ môn mĩ thuật, quản lý văn hoá, mĩ thuật ứng dụng) và 2 mã ngành trình độ tiến sĩ là (Lí luận và PPDH âm nhạc, quản lý văn hoá).

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW có đội ngũ GV giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề, tận tâm trong việc giảng dạy và hỗ trợ SV. Toàn bộ GV đạt trình độ từ thạc sĩ trở lên, hơn 30 GV học hàm, học vị cao (như GS, PGS, TS) đáp ứng được yêu cầu phát triển về đào tạo của nhà trường. Trong những năm gần đây, nhà trường ngày càng có nhiều sự thay đổi mạnh mẽ về mặt cơ sở vật chất; về mở rộng giao lưu hợp tác với nhiều tổ chức của các Quốc gia trường đại học, cơ sở giáo dục đào tạo về văn hoá nghệ thuật: Bộ Giáo dục và Thể thao - CHDCND Lào, dự án Voyage - Liên minh Châu Âu, tập đoàn Sachsische Lehmbaugruppe - CHLB Đức, Đại học BYU - Hoa Kỳ, Đại học Moscow - Liên bang Nga, Học viện Mỹ thuật Frosinone - Italia. Ngoài ra, trường ngày càng thu hút nhiều thí sinh tham gia thi tuyển ở các chuyên ngành khác nhau. Đây là ngôi trường - cơ sở đào tạo uy tín bồi dưỡng nhiều thế hệ giáo viên nghệ thuật, tổng phụ trách năng động; cán bộ văn hóa, nghệ thuật, nhà thiết kế thời trang, kinh doanh thời trang, thiết kế đồ họa, họa sĩ, cán bộ phong trào, cán bộ quản lý văn hóa nghệ thuật... cho cả nước và đang từng bước tiến lên hội nhập quốc tế.

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW luôn không ngừng nỗ lực hoàn thiện và phát huy thế mạnh của truyền thống 50 năm xây dựng - trưởng thành trên mọi phương diện, để luôn xứng danh là một cơ sở giáo dục nghệ thuật hàng đầu của ngành giáo dục Việt Nam.

### *3.1.1.2. Khoa Sư phạm Âm nhạc của trường Đại học sư phạm Nghệ thuật Trung ương*

Khoa Sư phạm Âm nhạc là khoa truyền thống, song hành cùng hơn 50 năm lịch sử phát triển của trường ĐHSP Nghệ thuật TW. Khoa Sư phạm Âm nhạc có 2 tổ chuyên môn đó là tổ kiến thức âm nhạc (với 23 GV) và tổ nhạc cụ (19 GV). Hiện nay khoa đang đào tạo chuyên ngành Sư phạm âm nhạc ở trình độ đại học chính quy với 1094 SV đang theo học, hơn 500 SV đại học liên thông (từ trung cấp, cao đẳng lên đại học), sau đại học và đào tạo liên kết với

các cơ sở giáo dục khác.

Theo chương trình giáo dục phổ thông mới năm 2018 của Bộ GD-ĐT, môn Nghệ thuật gồm Âm nhạc và Mĩ thuật, được triển khai dạy ở cả ba cấp học: Tiểu học, THCS, THPT (Lần đầu tiên bộ môn Nghệ thuật được đưa vào chương trình học của bậc học THPT). Nhưng thực trạng gặp tồn tại nhiều trở ngại vì đội ngũ giáo viên có số lượng mất cân bằng giữa bậc THPT và các cấp còn lại, nên tình trạng thiếu giáo viên được dự báo là dễ xảy ra. Để đáp ứng yêu cầu chương trình giáo dục phổ thông mới vừa là trách nhiệm, vừa là cơ hội đặt ra cho ban giám hiệu, GV, cán bộ khoa Sư phạm Âm nhạc của trường ĐHSP nghệ thuật TW.

Khoa Sư phạm Âm nhạc của trường ĐHSP Nghệ thuật TW có đội ngũ GV chuyên môn cao, có thâm niên trong nghề, luôn nhiệt tình, tâm huyết. Bên cạnh nhiệm vụ giảng dạy, khoa Sư phạm Âm nhạc cũng thường xuyên triển khai việc biên soạn tài liệu giảng dạy, giáo trình các môn học để phục vụ công tác giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học. Có nhiều cơ sở đào tạo âm nhạc trong toàn quốc tham khảo, sử dụng những tài liệu, giáo trình do khoa Sư phạm Âm nhạc biên soạn làm tài liệu dạy học.

Ngoài ra, về thực tiễn các hoạt động âm nhạc của các giảng viên và sinh viên trong khoa Sư phạm Âm nhạc rất sôi nổi, đa dạng và phong phú. Đối với việc học tập trên lớp, kết thúc học phần, sinh viên luôn được biểu diễn để thể hiện các kĩ năng được lĩnh hội trong quá trình tham gia học tập như các môn: hoà tấu, múa, hát dân ca, nhạc cụ, hát hợp xướng, dàn dựng tổng hợp... Bên cạnh đó, khoa Sư phạm Âm nhạc thường xuyên tổ chức các hoạt động với mục đích thực hành nghề nghiệp như: Cuộc thi Hợp xướng NUAЕ, dàn dựng các chương trình biểu diễn nghệ thuật lớn phục vụ nhiều sự kiện trọng đại cho đất nước (Đại lễ Phật đản Liên hiệp quốc Vesak năm 2019, chương trình “Bài ca không quên”, đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ X - năm 2020... ). Thêm vào đó GV và SV của khoa cũng luôn được tiếp cận học hỏi với nhiều

các nghệ sĩ tên tuổi trong lĩnh vực âm nhạc trong nước và quốc tế thông qua các khoa học ngắn hạn về các kỹ thuật mới thuộc chuyên môn.

Song hành với sự phát triển không ngừng nghỉ với bề dày truyền thống hơn 50 năm của trường ĐHSP Nghệ thuật TW, khoa Sư phạm Âm nhạc đã từng bước vững vàng trên con đường giáo dục nghệ thuật. Mọi thế hệ sinh viên khi tốt nghiệp ra trường không chỉ trở thành đội ngũ giáo viên nòng cốt tại các trường phổ thông, mà còn luôn sẵn sàng hội nhập ở mọi phương diện trong lĩnh vực nghệ thuật theo xu thế phát triển của xã hội. Khoa Sư phạm Âm nhạc của trường ĐHSP Nghệ thuật TW luôn nỗ lực không ngừng nghỉ, phấn đấu để xứng đáng với vị thế hàng đầu trong sự nghiệp giáo dục âm nhạc phổ thông ở Việt Nam.

### ***3.1.2. Vài nét về trường Đại học Sư phạm Hà Nội và khoa Nghệ thuật***

#### ***3.1.2.1. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội***

Trường ĐHSP Hà Nội được hình thành từ năm 1951, cho đến nay đã hơn 70 năm chặng đường xây dựng và phát triển. Ban đầu trường có tên là Trường Sư phạm Cao cấp sau đó đổi tên thành Trường ĐHSP Hà Nội 1, tiếp theo là Trường ĐHSP-ĐHQG Hà Nội và đến nay là Trường ĐHSP Hà Nội. Đây là ngôi trường có nhiều đóng góp lớn làm rạng danh nền giáo dục nước nhà. Trường đào tạo rất nhiều các giáo viên, chuyên gia về lĩnh vực giáo dục, nhà thơ, nhà văn nổi tiếng, có những người sau khi ra trường trở thành những nhà chính trị có tầm nhìn - uy tín, Nhiều giảng viên của Trường là những chuyên gia đầu ngành có uy tín trong nước, trong khu vực và trên thế giới. Có nhiều tên tuổi đã cống hiến và trưởng thành từ mái trường này như giáo sư Đặng Thai Mai, Đào Duy Anh, Nguyễn Lân, nhà văn Nguyễn Khoa Điềm, nhà thơ Phạm Tiến Duật... Cho đến hiện nay, Trường đã có 70 GV được phong học hàm Giáo sư, hơn 350 Phó Giáo sư, 33 Nhà giáo Nhân dân và 118 Nhà giáo Ưu tú.

Cơ cấu tổ chức của trường ngoài Đảng uỷ, hội đồng trường, ban giám hiệu, công đoàn và đoàn thanh niên, trường được hoạt động động bởi 17 cơ quan

phòng ban (như: phòng hành chính đối ngoại, phòng tổ chức, phòng sau đại học...); 25 khoa chuyên môn; 5 đơn vị nghiên cứu trong đó có 2 viện nghiên cứu và 3 trường thực hành.

Trường ĐHSP Hà Nội là ngôi trường đào tạo ra nhiều giáo viên, chuyên gia xuất sắc có những đóng tích cực và quan trọng cho các chương trình nghiên cứu, hợp tác đào tạo đại học và sau đại học mang chất lượng cao. Trường luôn giữ vững vị trí là trường đại học trọng điểm quốc gia và khu vực, với tầm nhìn chiến lược đến năm 2030, trường sẽ có những kết quả vượt trội trong nghiên cứu khoa học công nghệ, đặc biệt là khoa học giáo dục, đào tạo giáo viên chất lượng cao ở tầm quốc gia và quốc tế.

### *3.1.2.2. Khoa nghệ thuật trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

Khoa Nghệ thuật của trường ĐHSP Hà Nội khoa chuyên ngành đầu tiên đào tạo cử nhân sư phạm Âm nhạc - Mỹ thuật trong hệ thống các trường sư phạm của cả nước. Với hơn 20 năm xây dựng và phát triển. Khoa Nghệ thuật đang đảm nhận việc giảng dạy môn nghệ thuật cho tất cả các khoa của trường ĐHSP Hà Nội. Trong những năm gần đây. Khoa Nghệ thuật đã có những bước trưởng thành vượt bậc, trở thành đơn vị đào tạo cử nhân Sư phạm âm nhạc và cử nhân Sư phạm mỹ thuật có uy tín trong cả nước.

Ngành SPAN của khoa Nghệ thuật, trường ĐHSP Hà Nội xác định thực hiện chương trình đào tạo ngành SPAN với mục tiêu để tạo điều kiện thuận lợi cho những sinh viên học giỏi và đam mê âm nhạc có điều kiện phát triển, đi sâu vào giảng dạy và nghiên cứu trong lĩnh vực âm nhạc. Ngoài ra, chương trình học còn nổi bật lên tiêu chí là phát triển *phẩm chất và năng lực* của người học, *lấy công tác đào tạo giáo viên chất lượng cao* đáp ứng được yêu cầu của Chương trình giáo dục phổ thông môn Giáo dục âm nhạc 2018 làm trọng tâm. Ngoài ra, chương trình học của ngành còn giúp SV có khả năng thích ứng thực hiện nhiều công việc khác nhau trong lĩnh vực Âm nhạc như: Biểu diễn thanh nhạc, nhạc cụ, dàn dựng chương trình... bên cạnh khả năng giảng dạy Âm nhạc

tại các cơ sở đào tạo. Để tiếp cận những kiến thức đa chiều, có lợi cho chuyên môn, nghiệp vụ có các học phần tự chọn giúp sinh viên có nhiều cơ hội hơn trong việc mà sinh viên quan tâm. Sinh viên tốt nghiệp có năng lực âm nhạc và học tập tốt sẽ có nhiều cơ hội tiếp tục học tập và nghiên cứu chuyên môn Âm nhạc ở các bậc học cao hơn.

Trang thiết bị cũng như phòng học được trang bị đầy đủ hiện đại. Trường có trang bị Piano; phòng học múa chuyên dụng theo tiêu chuẩn ngành; sân khấu thực hành biểu diễn; các thiết bị âm thanh phục vụ thực hành và biểu diễn nghệ thuật. Các phòng học chuyên ngành, chuyên biệt cho sư phạm Âm nhạc như phòng học cách âm hiện đại. Ngoài thư viện lớn của nhà trường, khoa có phòng đọc với các sách, tư liệu chuyên ngành phục vụ học tập và nghiên cứu, các tạp chí chuyên ngành thường kỳ đáp ứng việc cập nhật thông tin mới. Tính đến thời điểm hiện tại, số lượng sinh viên toàn khoa là 300 sinh viên, trong đó, riêng sinh viên ngành SPAN là 210 sinh viên.

### ***3.1.3. Vài nét về trường Đại học Văn hoá Thể thao và Du lịch Thanh Hoá***

#### ***3.1.3.1. Trường Đại học Văn hoá Thể thao và Du lịch Thanh Hoá***

Trường Đại học Văn hoá Thể thao và Du lịch Thanh Hoá được thành lập từ năm 1967 với tên sơ cấp Văn hóa Nghệ thuật thuộc Ty Văn hóa Thông tin Thanh Hóa. Ở thời điểm này, nhà trường được giao nhiệm vụ đào tạo các lớp sơ cấp diễn viên với các khóa đào tạo ngắn hạn như: Diễn viên Chèo, Tuồng, Vẽ thông tin cổ động đồng thời mở lớp sơ cấp Thư viện và trung cấp Văn hóa quần chúng, trung cấp đạo diễn và thời gian học tập đối với HS là 12 tháng, chỉ riêng lớp Âm nhạc là được học 18 tháng. Chương trình học được thống nhất chung cho tất cả các lớp học dựa trên sự tham khảo của một số trường văn hóa nghệ thuật, thời lượng dạy lý thuyết chỉ đạt ở mức độ cần thiết để dành phần lớn thời gian cho học thực hành, sau khi ra trường các em được phân công về các công ty, xí nghiệp và các đoàn nghệ thuật. Trong những ngày mới thành lập Trường, đội ngũ cán bộ GV công nhân viên luôn nỗ lực

giảng dạy học tập để xây dựng đội ngũ cán bộ GV để làm đề án nâng cấp trường lên trung học Văn hóa Nghệ thuật.

Nhà trường chính thức được nâng cấp lên thành Trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật Thanh Hóa vào ngày 26 tháng 1 năm 1978. Đây là giai đoạn nhà trường gặp nhiều khó khăn kể cả cơ sở vật chất đến nguồn năng lực. Nhà trường có 24 cán bộ cơ hữu trong đó gồm 10 cán bộ quản lý và 15 GV trong đó những GV có trình đại học chỉ có 40 % GV ở các môn lý luận chính trị và văn hóa lịch sử, GV âm nhạc chuyên ngành chỉ ở trình độ trung cấp. Trong giai đoạn này, bên cạnh việc đào tạo diễn viên cung cấp cho toàn tỉnh nhà trường còn được mở thêm mã ngành GV Âm nhạc, Mỹ thuật phổ thông cho sở GD và ĐT tỉnh với hai hệ đào tạo TC và Cao đẳng với những mã ngành sau: Hệ Trung cấp gồm có: TC Thanh nhạc, Nhạc cụ (phương Tây; Organ - Guitare. Dân tộc; Đàn tranh, Tam thập lục, Nguyệt, Nhị, Sáo), TC diễn viên có (Chèo, Tuồng, Cải lương, Kịch nói, Đạo diễn, Múa), Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật, Bảo tàng, Thư viện, Phát hành sách, Biên tập thông tin, Nhiếp ảnh, Quản lý VH TT. Hệ Cao đẳng gồm có: CĐ Sư phạm Mỹ thuật, Sư phạm Âm nhạc, ĐH tại chức Âm nhạc, Quản lý VH TT.

Từ năm 1993, quy mô đào tạo của nhà trường được mở rộng hơn với nhiều hình thức khác nhau, số lượng cán bộ giảng viên nhà trường đã tăng lên trên 60 người, đội ngũ cán bộ cũng được điều chỉnh phù hợp với quy mô của nhà trường. Đến tháng 8 năm 2004, nhà trường Trung học Văn hóa Nghệ thuật được ký quyết định thành trường Cao đẳng Văn Hóa - Nghệ thuật Thanh Hóa, những mã ngành đào tạo diễn viên hệ trung cấp chuyên nghiệp như: Thanh nhạc, Nhạc cụ và diễn viên sân khấu,... vẫn được phát triển mạnh mẽ, bên cạnh nhiệm vụ đào tạo GV âm nhạc và Mỹ thuật phổ thông.

Năm 2011 nhà trường chính thức nhận quyết định của chính phủ nâng cấp trường lên Đại học văn hoá thể thao và du lịch Thanh Hóa theo Quyết



định số 1221/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ và được mở rộng nhiều mã ngành khác nhau, bên cạnh đó nhà trường còn nâng cao chất lượng đào tạo cùng với quá trình hội nhập phát triển giao lưu văn hóa với nhiều địa phương trong cả nước cũng như hợp tác quốc tế. Cán bộ GV nhà trường hiện gồm có 351 người trong đó 220 cán bộ cơ hữu và 131 cán bộ thỉnh giảng. Trình độ cán bộ GV cơ hữu của nhà trường hiện có hầu hết có trình độ Ths, TS trong đó 02 cán bộ quản lý có học hàm PGS, và một số cán bộ GV đang theo học Ths và NCS ở các cơ sở đào tạo có uy tín trong cả nước nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng nhu cầu giáo dục âm nhạc cho cả nước nói chung và tỉnh nhà nói riêng.

### *3.1.3.2. Khoa Âm nhạc*

Khoa Âm nhạc và ngành Sư phạm âm nhạc được hình thành cùng quá trình phát triển nhà trường. Lúc đầu, trường chỉ với hai khoa: khoa Mỹ thuật và khoa Âm nhạc. Từ năm 1986 đến 2004, khoa có nhiệm vụ đào tạo chuyên ngành Sư phạm Âm nhạc phổ thông, đáp ứng nhu cầu giáo dục thẩm mỹ cho HS ở các trường phổ thông trong toàn tỉnh. Từ năm 2004, bên cạnh hai chuyên ngành Thanh nhạc và Nhạc cụ phương Tây, khoa đào tạo thêm một chuyên ngành là Nhạc cụ truyền thống. Đến tháng 5/2022, ngành Sư phạm âm nhạc chính thức sát nhập vào khoa Âm nhạc. Hiện nay khoa đang đào tạo các ngành gồm: Đại học Thanh nhạc, Đại học Sư phạm âm nhạc, Trung cấp năng khiếu Thanh nhạc, Trung cấp năng khiếu Nhạc cụ.

Đội ngũ cán bộ GV của khoa có 20 người, các GV chủ yếu được tốt nghiệp Đại học chuyên ngành tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam. GV thường được nhà trường cử đi học tập, tập huấn nhằm nâng cao năng lực, chuyên môn nghiệp vụ ở những cơ sở đào tạo có uy tín về nghệ thuật như: Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW và cả ở nước ngoài như Ba Lan... Bên cạnh công tác giảng dạy, trường và khoa còn tổ chức nhiều chương trình biểu diễn nâng cao khả năng của giảng viên và

HS - SV. Đặc biệt, năm 2013, khoa Âm nhạc đã thực hiện chương trình giao lưu với đoàn nhạc nước ngoài: nhóm Ngũ tấu nhạc Jazz “Five Play”, thực hiện chương trình “Nước Nga - Tình yêu và nỗi nhớ”... Cùng với các hoạt động đào tạo thường xuyên, công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế, của khoa Âm nhạc đều có Hội đồng chuyên môn khoa học và nghiên cứu kỹ nhằm phát huy và nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường. Một trong những hoạt động góp phần không nhỏ vào thành công của khoa Âm nhạc ngày hôm nay, đó chính là sự cọ xát, học tập, trau dồi kinh nghiệm, rèn luyện kỹ năng... của thầy và trò trong khoa cũng như thông qua các hoạt động thường niên của khoa: Tổ chức các cuộc thi âm nhạc. Kết nối thị trường sử dụng sau đào tạo: Với các đoàn Nghệ thuật chuyên nghiệp, các phòng Văn hoá, Trung tâm văn hoá cấp huyện, thị xã, thành phố... Hiện tại, 20 cán bộ GV của khoa ở 2 tổ bộ môn đó là: Sư phạm âm nhạc và Thanh nhạc, nhạc cụ, trong đó ngành Sư phạm âm nhạc có tổng số 4 năm là 89 SV.

#### ***3.1.4. Đặc điểm của sinh viên Đại học Sư phạm âm nhạc***

SV Đại học SPAN được tuyển sinh theo quy định chung của giáo dục đại học, sau khi tốt nghiệp cấp học THPT, các em được tuyển qua kỳ thi đại học với 2 môn năng khiếu âm nhạc và môn Văn (riêng môn Văn xét tuyển kết quả của 3 năm học THPT cộng với kết quả kỳ thi tốt nghiệp phổ thông). SV đại học thường có độ tuổi từ 18 trở lên, đã trưởng thành về mặt tâm, sinh lý, thi vào đại học theo nguyện vọng, lựa chọn nghề nghiệp của mình. Vậy nên, các em sẽ có định hướng, quyết tâm, cũng như sự yêu thích cho ngành học được chọn lựa. Quá trình 12 năm học phổ thông đã bồi dưỡng cho các em những nền tảng kiến thức và trình độ nhất định. Nói tiếp điều này, ở trình độ đại học, các em sẽ được nâng cao hơn về tư duy lý luận, khả năng chiếm lĩnh kiến thức nhiều hơn ở bậc học trước. Bên cạnh đó, SV còn có được khả năng độc lập, sáng tạo, bảo vệ chính kiến, phản biện ý kiến trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.

Các thí sinh đăng kí vào ngành Đại học SPAN thường đến từ nhiều vùng miền khác nhau, từ những vùng sâu vùng xa, nông thôn cho tới thành phố... Những em đến từ khu vực thành phố thường có điều kiện tiếp cận âm nhạc sớm hơn các em ở vùng miền khác thông qua các câu lạc bộ nghệ thuật, phương tiện thông tin đại chúng... Vì vậy, môi trường và điều kiện làm quen với âm nhạc là không đồng đều, có sự chênh lệch về năng khiếu cũng như khả năng nhận thức là điều không thể tránh. Tuy nhiên, ở độ tuổi từ 18 trở lên - đây là độ tuổi có thể lực và trí tuệ đang ở thời điểm tốt nhất để lĩnh hội, tiếp thu những kiến thức lý luận cũng như chuyên ngành.

Có thể thấy, hầu hết SV Đại học SPAN của ba trường ĐHSP Nghệ thuật TW, ĐHSP Hà Nội, Đại học VHTT&DL Thanh Hoá đều đáp ứng được yêu cầu đào tạo giáo viên âm nhạc. Giữa các môn lý thuyết chung và các môn âm nhạc thì SV Đại học SPAN có nhiều thuận lợi hơn trong học tập các môn âm nhạc. Bởi vì, khi thi tuyển đầu vào tiêu chí tuyển sinh chú trọng vào các môn năng khiếu, môn văn hoá chỉ có môn Văn xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp, nên khả năng học các môn văn hoá của SV Đại học SPAN sẽ hạn chế hơn so với các ngành khác. Đối với các môn âm nhạc các em có năng khiếu nên học thuận lợi hơn, yêu thích và đầu tư nhiều thời gian học hơn.

Trước thực tế yếu tố vùng miền, nền tảng kiến thức, điều kiện năng lực âm nhạc của SV Đại học SPAN là không đồng đều, việc sử dụng các tác phẩm khí nhạc nói chung trong quá trình dạy học gặp nhiều trở ngại. Bởi các tác phẩm khí nhạc thường mang tính trừu tượng cao, muốn nghe hiểu, cũng như vận dụng được vào các môn học cần các em SV phải có kiến thức về âm nhạc. Nhưng cũng chính vì thế, các tác phẩm khí nhạc Việt Nam với những hình tượng, chất liệu âm nhạc gần gũi, thân quen sẽ giúp SV tiếp cận kiến thức dễ dàng hơn.

## **3.2. Nội dung chương trình đào tạo ngành Đại học Sư phạm âm nhạc và nội dung chương trình dạy học tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong một số môn học**

### ***3.2.1. Nội dung chương trình đào tạo ngành Đại học Sư phạm âm nhạc***

Trong các chương trình đào tạo Đại học SPAN nói chung thường có các khối kiến thức như: kiến thức đại cương, kiến thức chung của nhóm ngành, kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành, kiến thức nghiệp vụ sư phạm.

Các khối kiến thức này cung cấp các phẩm chất, kiến thức, kỹ năng về nghề nghiệp sư phạm nói chung và sư phạm âm nhạc nói riêng. Đồng thời hình thành năng lực tư duy nghiên cứu, giải quyết các vấn đề trong nghề nghiệp và cuộc sống; năng lực phát triển nghề nghiệp trong tương lai.

#### **\* Khối kiến thức đại cương**

Gồm các môn lý luận chính trị theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho lĩnh vực khoa học giáo dục như Triết học, Kinh tế chính trị, Pháp luật, Tin học, Ngoại ngữ... Giúp SV vận dụng được những kiến thức chung để giải quyết các vấn đề của cuộc sống, học tập và lao động nghề nghiệp.

Kiến thức đại cương cũng góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất và năng lực nghề nghiệp của giáo viên trong tương lai.

#### **\* Khối kiến thức chung của nhóm ngành**

Gồm các môn học cần thiết cho khối ngành sư phạm như Tâm lý học, Tiếng Việt thực hành, Phương pháp nghiên cứu khoa học... Giúp SV có được những kiến thức, kỹ năng bổ trợ cho học tập chuyên ngành trong khóa học; vận dụng được các kiến thức về tâm lý học để hình thành các kỹ năng trong phương pháp sư phạm; vận dụng được kiến thức về lịch sử văn minh thế giới, nghệ thuật học, mỹ học, văn hóa Việt Nam trong lĩnh vực dạy học, giáo dục âm nhạc.

#### **\* Khối kiến thức cơ sở ngành**

Gồm các môn Lý thuyết âm nhạc, Lịch sử âm nhạc, Tiếng Anh chuyên ngành, Tin học chuyên ngành... là các môn bổ trợ, cung cấp các kiến thức nền

tảng cho SV Âm nhạc nói chung. Trên cơ sở nắm vững kiến thức âm nhạc cơ bản để vận dụng vào học tập, nghiên cứu và thực hiện được các nhiệm vụ giáo dục âm nhạc ở trường phổ thông; Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng của công nghệ giáo dục hiện đại đáp ứng yêu cầu dạy học âm nhạc trong bối cảnh đổi mới toàn diện giáo dục đào tạo ở nước ta.

**\* Khối kiến thức chuyên ngành**

Gồm các môn Ký xướng âm, Hòa thanh, Phân tích tác phẩm, Thanh nhạc, Keyboard/Guitar, Hợp xướng, Dàn dựng chương trình âm nhạc tổng hợp... là các môn mang tính thực hành chuyên ngành. Giúp SV có được các kỹ năng cơ bản về thể hiện âm nhạc ở các hoạt động ca hát, biểu diễn nhạc cụ; có kiến thức và kỹ năng trong việc đánh giá các tác phẩm âm nhạc; dàn dựng và tổ chức biểu diễn các chương trình âm nhạc trong môi trường giáo dục và cộng đồng; qua đó đáp ứng được các hoạt động truyền thông về giáo dục âm nhạc cho thế hệ trẻ, góp phần hoàn thiện nhân cách học sinh.

**\* Khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm**

Gồm các môn cơ sở như Giáo dục học, Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, Phương pháp dạy học âm nhạc, Thực tập sư phạm. Đây là các môn học cung cấp các kiến thức nền tảng về khoa học giáo dục và kỹ thuật dạy học. Thông qua nội dung dạy học của mỗi môn học/học phần, SV hình thành được quan điểm đúng đắn về giáo dục, kỹ năng sư phạm cần thiết cho nghề nghiệp; có được kiến thức, kỹ năng về phương pháp dạy học âm nhạc để vận dụng vào thực tiễn tại trường phổ thông.

**\* Khối kiến thức thực tập sư phạm và tốt nghiệp**

Qua các học phần thực tập sư phạm, SV được tiếp xúc với môi trường giáo dục phổ thông, có được những đánh giá mọi mặt về đối tượng giáo dục; vận dụng các kiến thức, kỹ năng có được trong quá trình học tập vào thực tiễn nghề nghiệp; thực hành xây dựng kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục theo các quy

định hiện hành; củng cố và hoàn thiện các kỹ năng dạy học âm nhạc của bản thân.

Bên cạnh việc vận dụng và phát triển các kỹ năng nghề nghiệp, qua các hoạt động thực tập sư phạm, SV được tiếp cận với các giải pháp giáo dục mang tính xã hội, trong đó có cả giáo dục đại trà và giáo dục chuyên biệt.

***\* Điểm tương đồng và khác biệt trong đào tạo các môn kiến thức chuyên ngành của một số cơ sở đào tạo Đại học Sư phạm âm nhạc***

Trường ĐHSP Nghệ thuật TW có tổng số tín chỉ SV cần thực hiện là 139 tín chỉ, trong đó khối kiến thức chuyên ngành là 45 tín chỉ gồm 39 tín chỉ bắt buộc và 06 tín chỉ tự chọn.

Trường ĐHSP Hà Nội có tổng số tín chỉ SV cần thực hiện là 136 tín chỉ, trong đó khối kiến thức chuyên ngành là 60 tín chỉ gồm 40 tín chỉ bắt buộc và 20 tín chỉ tự chọn.

Trường Đại học VHTT&DL Thanh Hoá có tổng số tín chỉ SV cần thực hiện là 120 tín chỉ, trong đó khối kiến thức chuyên ngành là 44 tín chỉ. Để thuận tiện cho việc so sánh về khung đào tạo cho khối kiến thức chuyên ngành của 3 đơn vị đào tạo mã ngành SPAN, chúng tôi có bảng thống kê một số môn học chuyên ngành bắt buộc như sau: (Bảng 3.1: So sánh khung đào tạo khối chuyên ngành của ĐHSP Nghệ thuật TW, ĐHSP Hà Nội, Đại học VHTT&DL Thanh Hoá - Tham khảo phụ lục).

Qua tìm hiểu có thể thấy, về khung chương trình đào tạo Đại học SPAN tại cả 3 cơ sở trên, về cơ bản khối kiến thức chuyên ngành có nhiều điểm tương đồng và đều tập trung đào tạo phát triển kiến thức âm nhạc cho SV một cách toàn diện nhất. Có một số học phần môn học đều được áp dụng như Lý thuyết âm nhạc, lịch sử âm nhạc phương Tây, Phân tích tác phẩm, Thanh nhạc, nhạc cụ (mỗi trường triển khai loại nhạc cụ khác nhau để dạy, tuy nhiên có điểm tương đồng là đều sử dụng Keyboard) Hát hợp xướng, Chỉ huy hợp xướng. Bên cạnh đó, mỗi trường lại phát huy thế mạnh riêng trong việc đào tạo cho SV

ngành Sư phạm âm nhạc, hướng tới mục tiêu là đạt được chất lượng đào tạo cao nhất và đáp ứng được nhu cầu của xã hội.

### ***3.2.2. Nội dung chương trình dạy học tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong một số môn học***

Các tác phẩm khí nhạc nói chung, khí nhạc Việt Nam nói riêng thường được sử dụng để dạy trong nội dung một số môn học như: Phân tích tác phẩm, Lịch sử âm nhạc Việt Nam/Âm nhạc Việt Nam, Giới thiệu nhạc cụ, Phức điệu, Nhạc cụ (Piano, Đàn phím điện tử)... Trong phạm vi của luận án, chúng tôi chỉ đề cập tới 2 môn Phân tích tác phẩm, Lịch sử âm nhạc Việt Nam/Âm nhạc Việt Nam tại 3 cơ sở đào tạo đã nêu là Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, ĐHSP Hà Nội, Đại học VHTT & DL Thanh Hoá, trong đó chủ yếu đi sâu vào chương trình của Trường ĐHSP Nghệ thuật TW. Theo chương trình đào tạo Đại học SPAN, các môn học này sẽ được dạy vào năm thứ 2, thứ 3; lúc này SV đã được trang bị các kiến thức về lý thuyết âm nhạc cơ bản và một số môn liên quan từ các kì học trước nên có thể tiếp thu được.

#### ***3.2.2.1. Môn Phân tích tác phẩm***

Trong các môn chuyên ngành, Phân tích tác phẩm là môn học với mục tiêu trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về phân tích một tác phẩm âm nhạc (ca khúc, khí nhạc...) để thấy được cái hay, cái đẹp, giá trị nội dung cũng như giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Đây là môn học cần nhiều kiến thức đã tích lũy được của các môn học trước đó, sử dụng nhiều tư liệu nghe nhìn nhất. Các tư liệu bản nhạc không chỉ để thưởng thức mà để nghiên cứu. Việc phân tích đi vào các phương diện như đặc điểm cấu trúc, điệu thức; phương pháp xây dựng tác phẩm về hòa thanh, giai điệu, tiết tấu...; các chất liệu âm nhạc (dân gian hay phương Tây...) trong xây dựng chủ đề. Qua việc học tập và rèn luyện phân tích, người học có thể sẽ đạt đến kỹ năng nhìn vào bản phổ âm nhạc có thể hiểu được giá trị nghệ thuật hay ý đồ xây dựng tác phẩm của tác giả. Đây là môn học phức tạp, đòi hỏi người học phải thông qua nhiều hình

thức học tập, rèn luyện, không chỉ học tập trên văn bản, bản phổ mà phải được nghiên cứu qua dữ liệu âm thanh/hình ảnh.

*a. Chương trình môn phân tích tác phẩm của trường ĐHSP Nghệ thuật TW:*

SV được học môn học này trong 2 học phần tương ứng 5 tín chỉ. Cụ thể với các học phần như sau:

*Học phần Phân tích tác phẩm 1:* gồm 2 tín chỉ, SV được cung cấp, trang bị kiến thức và kỹ năng về phân tích tác phẩm âm nhạc bao gồm nội dung: Nguyên tắc phân tích các phương tiện biểu hiện âm nhạc; Nguyên tắc xây dựng tác phẩm âm nhạc; Nguyên tắc cấu trúc trong tác phẩm âm nhạc; Các hình thức âm nhạc một đoạn đơn, hai đoạn đơn. Với nội dung của học phần thứ nhất, SV thực hành các kỹ năng phân tích tác phẩm ở những hình thức nhỏ, nhận biết các nguyên tắc xây dựng tác phẩm cũng như cấu trúc tác phẩm âm nhạc. Trong nội dung học này, SV thường được phân tích ca khúc thiếu nhi, phần nhạc sẽ gắn liền với lời bài hát, vậy nên ở giai đoạn đầu thực hiện kỹ năng phân tích tác phẩm SV sẽ dễ dàng nhận ra câu nhạc, đoạn nhạc hơn. Tuy nhiên, theo chúng tôi, sau khi phân tích ca khúc, nên tăng dần độ khó bằng việc phân tích một số tác phẩm khí nhạc viết cho piano, violon, dàn nhạc giao hưởng...

*Học phần Phân tích tác phẩm 2:* gồm 3 tín chỉ, học phần này gồm những nội dung sau: Hình thức ba đoạn đơn; Hình thức ba đoạn phức; Hình thức rondo; Hình thức biến tấu; Giới thiệu hình thức sonate; Phương pháp viết tiểu luận phân tích nhiều tác phẩm cùng một chủ đề, cùng của một tác giả hoặc cùng thể loại; Giới thiệu trường ca, tổ khúc; Giới thiệu các thể loại giao hưởng, sonate, concerto, opera, oratorio, ballet. Với học phần này, SV được cung cấp những kiến thức cơ bản về hình thức ba đoạn đơn và các hình thức lớn (Ba đoạn phức, Rondo, Biến tấu, Sonate).

*b. Chương trình môn phân tích tác phẩm của trường ĐHSP Hà Nội và Đại học VHTT&DL Thanh Hoá:*



Tại Trường ĐHSP Hà Nội môn Phân tích tác phẩm cũng được chia thành 2 học phần nhưng chỉ có 4 tín chỉ. Học phần phân tích tác phẩm 1 - 2 tín chỉ, nội dung của học phần này giúp SV hiểu và nắm được những cấu trúc âm nhạc khác nhau như một đoạn đơn, hai đoạn đơn, ba đoạn đơn, các thủ pháp phát triển âm nhạc, các phong cách, bút pháp, thể loại và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Trong học phần phân tích tác phẩm 2, nội dung tập trung vào việc nhận biết và phân tích tác phẩm ở hình thức lớn hơn như ba đoạn phức, rondo, sonata, biến tấu... Tuy nhiên, cũng cùng với tình trạng như ở ĐHSP Nghệ thuật TW, các tác phẩm lựa chọn phân tích là những tác phẩm khí nhạc phương Tây.

Tại Trường Đại học VHTT&DL Thanh Hoá, môn Phân tích tác phẩm tại chỉ được dạy trong 1 học phần gồm 3 tín chỉ. **Bổ sung thêm nội dung môn này**

*\*Nhận xét về nội dung chương trình của 3 trường: **Bổ sung vì chưa có nội dung nhận xét***

Như vậy trong 3 trường, thời lượng học môn học này tại trường Đại học VHTT&DL Thanh Hoá là ít nhất. Với nội dung học tương đương với ĐHSP Nghệ thuật TW, ĐHSP Hà Nội nhưng do thời lượng ít hơn, nên đối với SV việc tự thực hành phân tích là cần thiết hơn. Các tác phẩm Việt Nam được lựa chọn để SV thực hành phân tích, nghe và nhận biết là các ca khúc, hoặc tác phẩm khí nhạc phương Tây.

#### 3.2.2.2. Môn Âm nhạc Việt Nam/ Lịch sử âm nhạc Việt Nam

Âm nhạc Việt Nam (hay Lịch sử âm nhạc Việt Nam) là môn học trong chương trình đào tạo SPAN của ba trường ĐHSP Nghệ thuật TW, ĐHSP Hà Nội, Đại học VHTT&DL Thanh Hoá. Đây là môn học quan trọng có tính chất nền tảng, cung cấp cho sinh viên kiến thức, sự hiểu biết về quá trình hình thành và phát triển của lịch sử âm nhạc Việt Nam trải dài từ thời kỳ nguyên thủy cho đến ngày nay.

*a. Chương trình môn Âm nhạc Việt Nam của trường ĐHSP Nghệ thuật TW:*

Trong chương trình đào tạo Đại học SPAN của trường ĐHSP Nghệ thuật TW môn học được học trong 1 học phần tương đương với 3 tín chỉ (56 tiết thực dạy) với nội dung chính như sau:

- Nội dung 1: Âm nhạc Việt Nam từ thời kì đầu đến thế kỉ XIX, nội dung học này đề cập về sự phát triển âm nhạc qua từng thời kì: Âm nhạc thời đại Hùng vương, Âm nhạc thời kỳ Bắc thuộc và chống Bắc thuộc, Âm nhạc thời Lý - Trần, Âm nhạc thời Lê, Âm nhạc thời Nguyễn.

- Nội dung 2: Sơ lược diễn trình lịch sử của các thể loại “Âm nhạc mới” Việt Nam (ca khúc, nhạc sân khấu, khí nhạc tiếp thu âm nhạc châu Âu...) từ đầu thế kỷ XX đến nay: Âm nhạc Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến trước cách mạng tháng 8/1945, Âm nhạc Việt Nam giai đoạn 1945 - 1954, Âm nhạc Việt Nam giai đoạn 1954 - 1975, Âm nhạc Việt Nam giai đoạn sau 1975.

*b. Chương trình môn Âm nhạc Việt Nam của trường ĐHSP Hà Nội và Đại học VHNT&DL Thanh Hoá:*

Trong chương trình đào tạo ngành Đại học SPAN của trường ĐHSP Hà Nội, môn Âm nhạc Việt Nam được học trong 1 học phần với 2 tín chỉ. Như vậy, thời lượng môn học này của trường ĐHSP Hà Nội ít hơn 1 tín chỉ so với trường ĐHSP Nghệ thuật TW. Nội dung học được chia thành 3 phần chính, nội dung chủ yếu là trang bị cho SV những kiến thức khái quát về lịch sử âm nhạc Việt Nam từ thời kì dựng nước đến Cách mạng tháng 8 năm 1945 và từ giai đoạn xây dựng đất nước năm 1975 đến nay. Về nội dung học có nhiều tương đồng với ĐHSP Nghệ thuật TW, với thời lượng 2 tín chỉ (tương đương 1 học phần), nội dung giảng dạy được sắp xếp như sau:

- Nội dung 1: Âm nhạc xây dựng trong buổi đầu dựng nước và giữ nước
- Nội dung 2: Âm nhạc trong thời kì xây dựng quốc gia phong kiến tự chủ và bảo vệ đất nước chống những cuộc xâm lăng của phong kiến phương Bắc.

Nội dung 3: Âm nhạc trong cuộc đưng độ với những cuộc xâm lăng của phương Tây và bắt đầu dành độc lập, xây dựng chủ nghĩa xã hội (từ giữa thế kỉ XIX đến nay).

Tại trường Đại học VHTT&DL Thanh Hoá, môn học có tên là Lịch sử âm nhạc Việt Nam. Từ năm học 2022-2023 trở về trước, lịch sử âm nhạc Việt Nam được tích hợp với lịch sử âm nhạc phương Đông, đến năm học 2023-2024, tách riêng thành môn Lịch sử âm nhạc Việt Nam và được dạy trong 3 tín chỉ (tương đương 1 học phần). Nội dung học tương đồng với 2 trường ĐHSP Nghệ thuật TW và ĐHSP Hà Nội.

### **3.3. Thực trạng dạy và học các tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong một số môn kiến thức âm nhạc cơ bản**

Trong nội dung này, chúng tôi nghiên cứu thực trạng dạy học tác phẩm khí nhạc Việt Nam thông qua các môn học như Phân tích tác phẩm, Âm nhạc Việt Nam...

Chúng tôi có tiến hành khảo sát và phỏng vấn một số GV giảng dạy một số bộ môn kiến thức âm nhạc cơ bản tại khoa SPAN trường ĐHSP Nghệ thuật TW, khoa Nghệ thuật trường ĐHSP Hà Nội, khoa Âm nhạc trường Đại học VHTT&DL Thanh Hoá. Từ đó, rút ra kết luận chính xác về thực trạng dạy và học các tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong đào tạo ngành Đại học SPAN tại các trường nêu trên.

#### *\* Mục đích khảo sát*

Khảo sát để thấy được thực trạng dạy học một số tác phẩm khí nhạc Việt Nam cho SV Đại học SPAN PPDH, năng lực, sự yêu thích của SV. Từ đó có cơ sở thực tiễn cho các biện pháp dạy học một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong luận án.

#### *\* Đối tượng khảo sát*

GV và SV Đại học SPAN tại trường ĐHSP Nghệ thuật TW, ĐHSP Hà Nội, Đại học VHTT & DL Thanh Hoá. Chúng tôi tiến hành khảo sát tại một số lớp học phần môn Phân tích tác phẩm, Âm nhạc Việt Nam.

Tại trường ĐHSP Nghệ thuật TW, chúng tôi tiến hành thực hiện khảo sát trên hai lớp học phần 22.01 của giảng viên N.T.T.T và 22.05 của giảng viên L.H.P, tổng số là 76 sinh viên; Môn Phân tích tác phẩm NCS đã làm việc với lớp học phần 22.01 và 22.05 của giảng viên T.T.T.H, tổng số là 86 sinh viên. Như vậy, chúng tôi tiến hành khảo sát 162 sinh viên ngành SPAN và 21 GV tổ kiến thức âm nhạc tại ĐHSP nghệ thuật TW.

Tại trường ĐHSP Hà Nội chúng tôi tiến hành khảo sát sinh viên 5 lớp ở các khoá K70; k71; k72 ngành Sư phạm âm nhạc của khoa nghệ thuật. Số lượng Sinh viên từng lớp như sau: k70 có 29 SV; k71 có 55 SV (gồm 2 lớp); k72 có 20 SV. Tổng số SV khảo sát là 163 SV và 9 GV tổ kiến thức âm nhạc.

Tại trường đại học VHTT&DL Thanh Hoá, chúng tôi tiến hành thực hiện khảo sát sinh viên ngành đại học Sư phạm Âm nhạc của khoa âm nhạc. Số lượng sinh viên của từng năm gồm: Năm thứ nhất có 43 SV; Năm thứ 2 có 31SV; Năm 3 có 7 SV; Năm 4 có 10 SV. Tổng số SV 4 năm là 91 SV và 6 GV tổ kiến thức âm nhạc.

#### *\* Nội dung khảo sát*

Chúng tôi đã đưa ra một số phiếu hỏi cho các đối tượng được khảo sát gồm các vấn đề liên quan đến sự hiểu biết, cảm nhận, mức độ tiếp cận của SV về các tác phẩm khí nhạc nói chung và các tác phẩm khí nhạc Việt Nam nói riêng. Bên cạnh đó, còn tìm hiểu sự quan tâm của các em trong việc quan sát các tư liệu dạy học - là những video minh họa cho bài học.

Ngoài ra, chúng tôi tiến hành phỏng vấn một số GV dạy các môn Phân tích tác phẩm, Âm nhạc Việt Nam để hiểu hơn về thực trạng.

#### *\* Phương pháp khảo sát*

Chúng tôi sử dụng các phương pháp khảo sát như: Phương pháp Anket, phương pháp quan sát và phương pháp phỏng vấn. Để từ đó thu được những

kết quả khách quan và chuẩn xác. Cụ thể đối với từng phương pháp chúng tôi tiến hành như sau:

- *Phương pháp Anket*: Qua các bảng hỏi có thể tìm hiểu về thực trạng của vấn đề trên diện rộng một cách dễ dàng và nhanh chóng để từ đó tiến hành khái quát hoá đồng thời đưa ra được những kết luận chính xác.

*Phương pháp phỏng vấn*: Chúng tôi đã tiến hành trao đổi với một số GV để thấy được quan điểm của họ khi sử dụng tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong quá trình dạy học (môn Âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm). Ngoài ra, hiểu rõ được những thuận lợi và khó khăn khi sử dụng những tác phẩm này.

### **3.3.1. Tình hình dạy của giảng viên**

#### **3.3.1.1. Trong môn Phân tích tác phẩm**

Nhìn chung với môn Phân tích tác phẩm, ở cả 3 trường, GV cho SV thực hành phân tích các đặc điểm về cấu trúc tác phẩm, các thủ pháp phát triển cơ bản, ngôn ngữ âm nhạc trong các ca khúc Việt Nam hoặc nước ngoài, với khí nhạc có cho phân tích các tác phẩm tiêu biểu của âm nhạc châu Âu thời kỳ cổ điển, lãng mạn có hình thức khuôn mẫu ở hình thức nhỏ hoặc nhận diện cấu trúc, thể loại qua các trích đoạn tác phẩm ở hình thức lớn. Như thế SV dễ nhận biết và dễ tiếp thu. Thực tế các tác phẩm âm nhạc rất đa dạng, phong phú, không chỉ khí nhạc mà ngay cả ca khúc cũng như vậy, có rất nhiều tác phẩm không theo khuôn mẫu như được tổng kết qua lý thuyết. Vì thế, chỉ dạy những tác phẩm theo khuôn mẫu thì khi thực tế gặp tác phẩm không theo mẫu SV sẽ không phân tích được.

Các GV gần như không cho SV phân tích tác phẩm khí nhạc Việt Nam, một vài GV có sử dụng thêm giáo trình Phân tích tác phẩm của PGS.TS Nguyễn Thị Nhung thì có nêu tên một vài tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong sách như một số tác phẩm viết ở hình thức 3 đoạn đơn là *Hoa thơm bướm lượn* viết cho piano của Phạm Văn Chừng, *Trò chơi trẻ em* cho piano của Nguyễn Văn Nam. Hoặc khi dạy nhận diện thể loại thì có giới thiệu tên tác phẩm khí nhạc Việt Nam như giao hưởng *Quê hương* của Hoàng Việt, thơ

giao hưởng Tháng Tám lịch sử của Doãn Nho... trong bài học về thể giao hưởng hoặc tên một vài tác phẩm khác nhưng không cho nghe hay nhận diện về hình thức tác phẩm. Vì thế, SV gần như không có ấn tượng gì về tác phẩm các tác phẩm khí nhạc Việt Nam. Từ đó cũng có thể thấy, các GV cũng không không dạy tác phẩm nào của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.

Tìm hiểu về sử dụng tài liệu giảng dạy phân tích tác phẩm chúng tôi thấy ở cả 3 trường, GV sử dụng các sách như: *Giáo trình Phân tích tác phẩm âm nhạc* của Phạm Lê Hòa; *Giáo trình Phân tích tác phẩm âm nhạc* của Đào Ngọc Dung, *Giáo trình Phân tích tác phẩm âm nhạc* của Nguyễn Thị Nhung; *Thể loại âm nhạc* của Nguyễn Thị Nhung. Trong *giáo trình Phân tích tác phẩm âm nhạc* của Phạm Lê Hòa và Đào Ngọc Dung chủ yếu là các dẫn chứng khí nhạc phương Tây, các tác phẩm Việt Nam đa phần là ca khúc. Đó cũng là một vấn đề mà GV bị hạn chế khi sử dụng ít nguồn tư liệu. Riêng *Giáo trình Phân tích tác phẩm âm nhạc* và *Thể loại âm nhạc* của Nguyễn Thị Nhung là 2 cuốn sách có khá nhiều dẫn chứng về tác phẩm khí nhạc Việt Nam, tuy nhiên như vừa nêu là GV thường chỉ kể thêm tên tác phẩm khí nhạc Việt Nam mà không cho SV phân tích hay nhận diện hình thức của tác phẩm. Hiện nay còn có một số cuốn sách có viết về khí nhạc Việt Nam, tuy không thật sâu về một tác giả nhưng cũng là nguồn tư liệu rất tốt cho giảng dạy như *Âm nhạc mới Việt Nam - tiến trình và thành tựu* trong đó nêu sự nghiệp và phân tích khá nhiều tác phẩm khí nhạc của các nhạc sĩ Việt Nam trong đó có nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, nếu như các GV có sử dụng thêm cuốn này thì có lẽ đã có GV sử dụng nhiều hơn tác phẩm khí nhạc Việt Nam và có thể có tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.

Việc rất ít sử dụng tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong dạy môn Phân tích tác phẩm cho thấy đánh giá về tầm quan trọng của tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong dạy cho SV Đại học SPAN chưa thật đầy đủ. Ngoài ra, còn chưa có nhiều sách phân tích chi tiết về các tác phẩm khí nhạc của các nhạc sĩ Việt Nam tiêu biểu khiến cho GV không thuận lợi trong giảng dạy.

### 3.3.1.2. Trong môn Âm nhạc Việt Nam/Lịch sử âm nhạc Việt Nam

Đối với môn Âm nhạc Việt Nam/Lịch sử âm nhạc Việt Nam, ở cả 3 trường, tư liệu về âm nhạc mới Việt Nam phần lớn là ca khúc, chưa có giáo trình cho môn này. Trong quá trình dạy, GV kết hợp lấy nguồn tư liệu từ cuốn *Lược sử âm nhạc Việt Nam* của Thuy Loan và *Âm nhạc mới Việt Nam tiến trình và thành tựu* của Tú Ngọc, Nguyễn Thị Nhung, Vũ Tự Lân, Nguyễn Ngọc Oánh, Thái Phiên. Việc kết hợp này giúp SV có cái nhìn khái quát về âm nhạc cổ truyền Việt Nam từ thời kỳ sơ khai cho đến nay.

Các tác phẩm khí nhạc Việt Nam thường được sử dụng để dạy ở nội dung âm nhạc Việt Nam giai đoạn từ đầu thế kỉ XX đến nay. Trong bài giảng về giai đoạn này, GV ngoài việc thuyết trình còn chuẩn bị những tư liệu âm nhạc, dẫn chứng với nội dung các tư liệu là các tác phẩm âm nhạc tương ứng về thể loại và nội dung tư tưởng của từng thời kì, giúp SV hiểu bài học rõ ràng hơn. Tuy nhiên, do thời lượng chương trình học, do việc lựa chọn tác phẩm để giới thiệu như thế nào không có quy định chung nên GV tự tìm hiểu và tự đưa vào trong từng bài học. Tìm hiểu thực trạng sử dụng tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong môn này thì thấy đa số GV có giới thiệu một số nhạc sĩ Việt Nam, kể tên một vài tác phẩm khí nhạc nổi tiếng của nhạc sĩ trong đó có nêu tên nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân ở giai đoạn sau 1975 nhưng không nêu vài nét về sự nghiệp hoặc nêu đặc điểm và giá trị nghệ thuật của tác phẩm nào đó.

Riêng có một GV là Lại Hồng Phong của trường ĐHSP Nghệ thuật TW khi dạy môn Âm nhạc Việt Nam có nêu khái quát thành tựu, đóng góp của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân và lấy dẫn chứng tác phẩm *Mở đất*. Đây là tác phẩm mang tính sử thi, khắc họa thành phố Sài Gòn từ những ngày đầu khai hoang cho đến nay là thành phố Hồ Chí Minh sôi động. GV đã cho SV biết đặc điểm khái quát của tác phẩm *Mở đất* là thể loại giao hưởng một chương nhưng có cấu trúc được phát triển rộng bao gồm nhiều đoạn, nhiều phần ở những nhịp điệu, tính chất khác nhau mang tính ngẫu hứng cao, là sự kết hợp của âm nhạc kinh điển bác học với những yếu tố mang đậm âm nhạc dân gian để tác phẩm đậm đà bản sắc dân tộc. GV đã cho SV nghiên cứu nội dung bài dạy trước khi đến lớp, trong

giờ dạy sử dụng thảo luận nhóm để SV trình bày ý kiến về đóng góp của một số nhạc sĩ Việt Nam giai đoạn sau năm 1975 trong đó có nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Riêng về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, GV có giới thiệu khái quát về sự nghiệp, những đóng góp trong sáng tác, hoạt động xã hội và còn giới thiệu thêm ông là con trai của cố nhạc sĩ Đỗ Nhuận, là người đã có đóng góp lớn cho nền âm nhạc hiện đại Việt Nam. Chúng tôi phỏng vấn GV Lại Hồng Phong về sự tiếp thu và hứng thú của SV khi được học về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. GV cho biết, SV hoàn toàn tiếp thu được, các em còn chăm chú khi nghe tác phẩm, nêu được ý nghĩa của tác phẩm.

Như thế có thể thấy, đa số GV có đưa tác phẩm khí nhạc Việt Nam vào dạy ở môn Âm nhạc Việt Nam/Lịch sử âm nhạc Việt Nam tuy nhiên còn chưa sâu. Đặc biệt, có 1 GV đã giới thiệu nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, có sử dụng tác phẩm *Mở đất* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để SV hiểu về đặc điểm ngôn ngữ trong sáng tác của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Chúng tôi cho rằng việc giới thiệu nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, sử dụng tác phẩm của ông cho SV Đại học SPAN trường ĐHSP Nghệ thuật TW là một minh chứng nói lên các sáng tác khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân hoàn toàn có thể được làm tư liệu để dạy học cho SV Đại học SPAN. Tuy nhiên, chưa có nhiều tư liệu, giáo trình phân tích về các tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong đó có sáng tác của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân là một vấn đề có ảnh hưởng nhất định đến việc dạy học tác phẩm khí nhạc Việt Nam.

### ***3.3.2. Khảo sát về nhận thức vai trò của dạy học tác phẩm khí nhạc Việt Nam***

Để thấy rõ hơn việc thực hiện theo mục tiêu đào tạo và nội dung chương trình dạy học tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong đó có nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, đồng thời tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng nêu trên, chúng tôi tiến hành khảo sát ý kiến của GV bộ môn kiến thức âm nhạc của 3 trường ĐHSP Nghệ thuật TW, ĐHSP Hà Nội, Đại học VHNT&DL Thanh Hoá.



*Bảng 3.1. Kết quả khảo sát ý kiến của GV với môn Phân tích tác phẩm*

Số thứ tự	Câu hỏi	Các phương án trả lời	Số GV (n=36)
1	Theo các thầy/cô có cần thiết sử dụng tác phẩm khí nhạc Việt Nam để dạy học môn Phân tích tác phẩm cho SV Đại học SPAN không?	Cần thiết	5/36 13,89%
		Có thể sử dụng hoặc không	22/36 61,11%
		Không cần thiết	9/36 25%
2	Theo các thầy/cô có cần thiết sử dụng tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để dạy học môn Phân tích tác phẩm cho SV ngành SPAN không?	Cần thiết	4/36 11,11%
		Có thể sử dụng hoặc không	22/36 61,11%
		Không cần thiết	10/36 27,78%

Kết quả khảo sát trên cho thấy, với môn Phân tích tác phẩm, ít GV được hỏi cho rằng tác phẩm khí nhạc Việt Nam và tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cần thiết được dạy trong môn học này cho SV Đại học SPAN; phần lớn GV cho rằng có thể sử dụng hoặc không, không ít GV cho rằng không cần thiết. Điều này đúng với thực trạng như chúng tôi đã mô tả là ít GV sử dụng tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong dạy học Phân tích tác phẩm.

*Bảng 3.2. Kết quả khảo sát ý kiến của GV với môn Âm nhạc Việt Nam/Lịch sử âm nhạc Việt Nam*

Số thứ tự	Câu hỏi	Các phương án trả lời	Số GV (n=36)
1	Theo các thầy cô có cần thiết sử dụng tác phẩm khí nhạc Việt Nam để dạy học môn Âm nhạc Việt Nam cho SV Đại học SPAN không?	Cần thiết	20/36 55,56%
		Có thể sử dụng hoặc không	12/36 33,33%
		Không cần thiết	4/36 11,11%
2	Theo các thầy cô có cần thiết sử dụng tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để dạy học môn Âm nhạc Việt Nam cho SV ngành SPAN không?	Cần thiết	19/36 52,78%
		Có thể sử dụng hoặc không	12/36 33,34%
		Không cần thiết	5/36 13,88%

Kết quả khảo sát trên với môn Âm nhạc Việt Nam/Lịch sử âm nhạc Việt Nam cho thấy hơn một nửa số GV được hỏi cho rằng cần thiết dạy học tác phẩm khí nhạc Việt Nam và tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho SV Đại học SPAN. Tuy vậy cũng vẫn có không ít GV cho rằng không cần thiết và khá nhiều GV cho rằng có thể sử dụng hoặc không. Điều này đúng với thực trạng như chúng tôi đã mô tả là GV có sử dụng tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong dạy học môn Âm nhạc Việt Nam/Lịch sử âm nhạc Việt Nam tuy nhiên chỉ ở mức giới thiệu về tác giả và điểm tên tác phẩm.

Từ điều tra thực trạng cũng như khảo sát, chúng tôi tiến hành phỏng vấn một số GV để thấy những nguyên nhân khách quan và chủ quan của thực trạng nêu trên. Qua phỏng vấn một số ý kiến GV với câu hỏi: Tại sao thầy/cô không hoặc rất ít cho SV phân tích tác phẩm Việt Nam? Với câu trả lời của GV và theo quan sát, chúng tôi thấy có một số lí do như sau:

*Thứ nhất*, về phía chủ quan của GV:

Nhiều GV nêu ý kiến rằng, dạy tác phẩm phương Tây SV dễ nhận biết hơn và như thế cũng đạt được yêu cầu. Mặt khác, GV trường ĐHSP Nghệ thuật TW còn nêu: trong các tài liệu, giáo trình của trường các tác phẩm nước ngoài nhiều hơn nên GV dựa vào đó để dạy, nếu dạy tác phẩm khí nhạc Việt Nam thì sẽ phải mất nhiều công tìm kiếm, phân tích. Như vậy, nguyên nhân này thuộc về quan điểm của GV vì sách của PGS.TS Nguyễn Thị Nhung có không ít tác phẩm khí nhạc Việt Nam.

Ngoài ra, GV chưa quan tâm một cách đúng mức đến vấn đề cho SV Đại học SPAN được tiếp cận và nhìn tổng phổ với tác phẩm khí nhạc. Nhiều GV cho rằng việc nhìn tổng phổ với SV SPAN là khó. Tuy vậy, khi phỏng vấn một GV dạy lâu năm môn Lịch sử âm nhạc thế giới thì GV này cho rằng: Vấn đề cho SV xem tổng phổ và dạy học tác phẩm khí nhạc có thể thực hiện được với SV Đại học SPAN. Cô cho biết khi dạy các tác phẩm sonate, giao hưởng hay concerto của lịch sử âm nhạc thế giới vẫn cho SV nghe kết hợp

nhìn bản nhạc, tổng phổ. Ban đầu với SV khá khó khăn nhưng qua thời gian các em quen và với sự hướng dẫn của GV, các em nhận dạng được các phần của hình thức sonate như chủ đề 1, chủ đề 2, phần trình bày, phần phát triển, phần tái hiện... SV còn nêu được cảm nhận về tính chất âm nhạc của các chủ đề, cách sử dụng dàn nhạc... Vì thế, dạy Phân tích tác phẩm và Âm nhạc Việt Nam hoàn toàn có thể sử dụng tác phẩm khí nhạc Việt Nam và của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, quan trọng là GV có cho SV được tiếp xúc nhiều với tổng phổ hay không.

Một vấn đề của nguyên nhân chủ quan nữa là:

Bên cạnh đó, yếu tố tự học của SV cũng do GV được quyền tự lựa chọn dạy nhạc sĩ nào, tác phẩm nào dẫn đến không thống nhất trong Bộ môn và việc dạy học nhạc sĩ và tác phẩm khí nhạc Việt Nam bị coi nhẹ. Đây là một vấn đề ít nhiều ảnh hưởng tới giáo dục kiến thức cũng như ý thức về âm nhạc Việt Nam cho SV Đại học SPAN. có ảnh hưởng nhất định, muốn cảm nhận và hiểu rõ được một tác phẩm khí nhạc, trước tiên SV phải được nghe nhiều tác phẩm đó, điều này hoàn toàn phụ thuộc vào sự tự giác của mỗi SV. Phỏng vấn Th.S N.T.H GV khoa SPAN trường ĐHSP Nghệ thuật TW cô cho biết: “Do quá trình học ở cấp học trước để lại nhiều khoảng trống về kiến thức âm nhạc, vậy nên SV thường dễ tiếp cận được với các tác phẩm độc tấu hoặc hoà tấu dân tộc hơn các tác phẩm thính phòng, giao hưởng”. ở đây cũng cần thấy rằng, việc tự học của SV rất cần có hướng dẫn của GV. Chúng tôi cho rằng, GV cũng chưa quan tâm nhiều đến hướng dẫn SV về nhà tự nghe nhạc, tìm hiểu tác phẩm khí nhạc của các nhạc sĩ nổi tiếng trên thế giới cũng như của Việt Nam. Việc học tác phẩm khí nhạc khó có thể diễn ra trọn vẹn trên lớp bởi hạn chế về thời gian mà GV cần có sự hướng dẫn để SV tự nghiên cứu thêm ở nhà, tìm nghe trên youtube...

*Thứ hai, về phía khách quan:*

Lịch sử âm nhạc Việt Nam cho thấy rằng, nước ta không phải là một quốc

gia có truyền thống về khí nhạc, âm nhạc phương Tây du nhập vào thời kì đầu phần lớn mang tính tự phát, vậy nên chỉ phát triển phong trào ca khúc là chính, đó là khó khăn mang tính lịch sử. Tiếp đến, tư duy âm nhạc của người Việt Nam mang tư duy giai điệu, điều này cũng gây khó khăn cho việc tiếp thu các tác phẩm khí nhạc nhất là các sáng tác theo phong cách phương Tây.

Có một yếu tố cũng phải bàn đến là các phương tiện truyền thông chưa thực sự quan tâm một cách thoả đáng đến nền khí nhạc nước nhà. Có thể thấy điều này qua thời lượng chương trình giới thiệu, biểu diễn ca khúc xuất hiện với tần suất lớn hơn so với sự xuất hiện của các tác phẩm khí nhạc Việt Nam rất nhiều. “Để hiểu và có thể thưởng thức được một tác phẩm khí nhạc cần phải có một quá trình từng bước, lâu dài. Tuy nhiên, chương trình giáo dục phổ thông chính là để tạo nguồn, định hướng đối tượng khán thính giả thưởng thức âm nhạc, nhưng gần như ít giới thiệu về các tác phẩm khí nhạc, nhất là các tác phẩm khí nhạc Việt Nam” (Phỏng vấn Th.S Nguyễn Tiến Thành GV phó trưởng bộ môn SPAN trường Đại học VHTT&DL Thanh Hoá).

### ***3.3.2. Khảo sát thực trạng học tác phẩm khí nhạc Việt Nam của sinh viên***

Để hiểu hơn về mức độ ảnh hưởng của các tư liệu nghe nhìn trong quá trình học môn Âm nhạc Việt Nam và Phân tích tác phẩm của sinh viên SPAN. Số lượng sinh viên tham gia khảo sát tại ĐHSP Nghệ thuật TW là 162 em, tại ĐHSP Hà Nội là 163 em và Đại học VHTT&DL Thanh Hoá là 91 em. Chúng tôi có đặt một số câu hỏi sau:

Câu hỏi 1: *Các em vui lòng cho biết ý kiến của mình đối với vai trò của tư liệu nghe nhìn trong dạy học âm nhạc?*

Kết quả đạt được như sau: Có thể thấy, đa số SV nhận thấy được sự quan trọng của các tư liệu nghe - nhìn của tư liệu trong việc học các môn âm nhạc. Trong câu hỏi số 1 đến 35 % SV thấy cần thiết, và 13% SV thấy rất cần thiết. Tương tự, câu 3 “tạo không khí tích cực cho lớp học”, số lượng SV thấy cần thiết là 32,7% và rất cần thiết là 22,8%.

**Bảng 3.2a: Trường ĐHSP Nghệ thuật TW**

<b>A. Vai trò của tư liệu nghe nhìn trong dạy học âm nhạc</b>	<b>Rất không cần thiết</b>	<b>Không cần thiết</b>	<b>Bình thường</b>	<b>Cần thiết</b>	<b>Rất cần thiết</b>
1. Đảm bảo truyền đạt kiến thức hiệu quả	18/162 11,1%	23/162 14,2%	43/162 26,5%	57/162 35,2%	21/162 13%
2. Minh họa cho bài giảng	4/162 2,5%	6/162 3,7%	47/162 29%	57/162 35,2%	48/162 29,6%
3. Tạo không khí tích cực cho lớp học	12/162 7,4%	15/162 9,3%	45/162 27,8%	53/162 32,7%	37/162 22,8%
4. Tăng hiệu quả dạy học	8/162 4,9%	11/162 6,8%	67/162 41,4%	35/162 21,6%	41/162 25,3%

Ngoài ra còn có câu 2 “Minh họa cho bài giảng” cũng như câu 4 “Tăng hiệu quả dạy học”, số lượng SV nhận thấy sự quan trọng của tư liệu dạy học là khá lớn.

**Bảng 3.2b: Trường ĐHSP Hà Nội**

<b>A. Vai trò của tư liệu nghe nhìn trong dạy học âm nhạc</b>	<b>Rất không cần</b>	<b>Không cần thiết</b>	<b>Bình thường</b>	<b>Cần thiết</b>	<b>Rất cần thiết</b>
1. Đảm bảo truyền đạt kiến thức hiệu quả	28/163 17,17%	31/163 19,01%	42/163 25,76%	48/163 29,44%	14/163 8,58%
2. Minh họa cho bài giảng	13/163 7,97%	27/163 16,56%	51/163 31,28%	35/163 21,47%	53/163 32,51%
3. Tạo không khí tích cực cho lớp học	24/163 14,72%	36/163 22,08%	47/163 28,83%	26/163 15,95%	30/163 16,04%
4. Tăng hiệu quả dạy học	16/163 9,81%	29/163 17,79%	41/163 25,15%	52/163 31,90%	25/163 15,33%

Cũng với câu hỏi đó, chúng tôi khảo sát với SV ngành SPAN tại ĐHSP Hà Nội và thu về tín hiệu khá tích cực. Các em SV tại trường lựa chọn với tỉ lệ cao ở “cần thiết” và rất cần thiết. Đặc biệt với câu hỏi 1 (đảm bảo truyền đạt kiến thức hiệu quả) có 29,44% SV thấy cần thiết; câu hỏi 2 (minh họa cho bài giảng) có 32,51% SV thấy rất cần thiết; câu hỏi 4 (tăng hiệu quả dạy học) có 31,9 SV thấy cần thiết,

Khác với hai điểm trường trên, sau khi nghe một số tác phẩm khí nhạc Việt Nam các SV tại trường Đại học VHNT&DL Thanh Hoá có mức độ quan

tâm khác nhau đến tư liệu nghe nhìn trong quá trình học tập các môn kiến thức âm nhạc.

Tại trường SPAN trường Đại học VH TT&DL Thanh Hoá, SV ngành SPAN chưa thật sự nhận thức về mức độ quan trọng và cần thiết của các tư liệu nghe nhìn trong quá trình dạy học. Có thể thấy, số lượng các em trả lời ‘rất không cần thiết’ ở lần lượt các câu hỏi là 21,91%; 19,78%; 15,38% và 14,28% và ở mức độ ‘Rất cần thiết’ với số lượng rất ít sinh viên lựa chọn (tương ứng 4 câu hỏi, sinh viên chọn lựa với tỉ lệ là 3,29%; 2,19%; 7,69% và 13,18%). Tuy nhiên, ở hai mức độ ‘Bình Thường’ và ‘Cần thiết’, cũng có khá nhiều SV lựa chọn.

**Bảng 3.2c: Trường Đại học VH TT&DL Thanh Hoá**

<b>A. Vai trò của tư liệu nghe nhìn trong dạy học âm nhạc</b>	<i>Rất không cần thiết</i>	<i>Không cần thiết</i>	<i>Bình thường</i>	<i>Cần thiết</i>	<i>Rất cần thiết</i>
1. Đảm bảo truyền đạt kiến thức hiệu quả	21/91 23,07%	16/91 17,58%	34/91 37,36%	17/91 18,68%	3 / 91 3,29%
2. Minh họa cho bài giảng	18/91 19,78%	23/91 25,27%	29/91 31,86	19/91 20,87 %	2/91 2,19%
3. Tạo không khí tích cực cho lớp học	14/91. 15,38%	18/91. 19,78%	28/91. 30,76%	24/91. 26,37%	7/91. 7,69%
4. Tăng hiệu quả dạy học	13/91 14,28%	11/91 12,08%	35/91 38,46%	20/91. 21,97%	12/91. 13,18%

Qua ba bảng trên có thể thấy rõ hơn tỉ lệ mức độ hứng thú và nhận thức được vai trò của các tư liệu nghe nhìn của SV ngành SPAN. Các em sinh viên đến từ nhiều vùng miền khác nhau, mỗi vùng miền đều có những nét văn hoá, âm nhạc tiếp cận theo cách khác nhau. Có lẽ cũng vì điều này nên các nhạc cụ dân tộc mang đến sự gần gũi thân quen, gần gũi hơn với các SV, dẫn đến tỉ lệ các em thích nghe khá nhiều. Ngoài ra, nhận thấy rằng đây cũng là tình trạng chung của thính giả Việt Nam, chưa quen với nghe nhạc thính phòng - giao hưởng.

**Câu hỏi 2: Các em có nghe tác phẩm khí nhạc Việt Nam không?**

Nhóm SV được khảo sát tại trường ĐHSP Nghệ thuật TW có nhiều sự quan tâm và yêu thích đến các tác phẩm khí nhạc. Trong đó có đến 37,7% số lượng các

em sinh viên “thường xuyên nghe” biểu diễn nhạc cụ dân tộc, 42% SV “có nghe” và 25,9% SV “rất thường xuyên nghe” các tác phẩm piano.

**Bảng 3.3a: Trường ĐHSP Nghệ thuật TW**

A. Tiếp xúc với các tác phẩm khí nhạc Việt Nam	Không bao giờ	Không thích	Có nghe	Thường xuyên	Rất thường xuyên
1. Biểu diễn nhạc cụ dân tộc	18/162 11,1%	23/162 14,2%	43/162 26,5%	57/162 35,2%	21/162 13%
2. Tác phẩm piano	4/162 2,5%	6/162 3,7%	47/162 29%	57/162 35,2%	48/162 29,6%
3. Tác phẩm thính phòng	12/162 7,4%	15/162 9,3%	45/162 27,8%	53/162 32,7%	37/162 22,8%
4. Tác phẩm dàn nhạc giao hưởng	8/162 4,9%	11/162 6,8%	67/162 41,4%	35/162 21,6%	41/162 25,3%

Còn tại Trường ĐHSP Hà Nội, các em SV ngành SPAN có mức độ tiếp xúc với tác phẩm khí nhạc khá cao. Tỷ lệ các em lựa chọn “có nghe” lần lượt ở các câu hỏi là 31,9%, 38,03%, 36,19%, 34,96%.

**Bảng 3.3b: Tại trường ĐHSP Hà Nội**

B. Tiếp xúc với các tác phẩm khí nhạc Việt Nam	Không bao giờ	Không thích	Có nghe	Thường xuyên	Rất thường xuyên
5. Biểu diễn nhạc cụ dân tộc	24/163 14,72%	36/163 22,08%	52/163 31,9%	31/163 19,01%	20/163 12,26%
6. Tác phẩm piano	32/163 19,63%	26/163 15,95%	62/163 38,03%	31/163 19,01%	12/163 7,36%
7. Tác phẩm thính phòng	29/163 17,79%	34/163 20,85%	59/163 36,19%	25/163 15,33%	16/163 9,81%
8. Tác phẩm dàn nhạc giao hưởng	33/163 20,24%	34/163 20,85%	57/163 34,96%	27/163 16,56%	12/163 7,36%

Như vậy, có thể thấy, SV trường Đại học VHNT&DL Thanh Hoá có sự quan tâm đến các tác phẩm thính phòng với tỷ lệ SV thường xuyên nghe chiếm

49,65%. Các tác phẩm piano và biểu diễn nhạc cụ dân tộc cũng được quan tâm rất nhiều với tỉ lệ SV “Có nghe” lần lượt là 34,06% và 32,96%.

**Bảng 3.3c: Tại trường Đại học VHNT&DL Thanh Hoá**

<b>B. Tiếp xúc với các tác phẩm khí nhạc Việt Nam</b>	<i>Không bao giờ</i>	<i>Không thích</i>	<i>Có nghe</i>	<i>Thường xuyên</i>	<i>Rất thường xuyên</i>
5. Biểu diễn nhạc cụ dân tộc	11/91 12,08%	12/91. 13,1%	30/91. 32,96%	15/91. 16,4%	23/91 25,27%
6. Tác phẩm piano	5/91 5,49%	14/91 15,388%	31/91 34,06%	23/91 25,27%	18/91. 19,78%
7. Tác phẩm thính phòng	11/91 12,08%	9/91. 9,89%	21/91 23,07%	37/91 40,65%	14/91 15,388%
8. Tác phẩm dàn nhạc giao hưởng	2/91 2,19%	19/91 20,87 %	16/91. 17,5%	30/91. 32,96%	24/91. 26,37%

Qua kết quả trên, có thể thấy rằng, về ý nghĩa của việc nghe/xem các tác phẩm khí nhạc Việt Nam, phần lớn sinh viên cho rằng đó là cần thiết. Phỏng vấn giảng viên trực tiếp giảng dạy, các thầy cô cũng đánh giá cao việc cho sinh viên được tiếp xúc với các tác phẩm khí nhạc Việt Nam. Trong thực tiễn, sinh viên dễ cảm nhận khí nhạc Việt Nam hơn so với tác phẩm nước ngoài bởi tính giai điệu rõ nét, âm hưởng quen thuộc... Tuy nhiên, trong môn Phân tích tác phẩm, các tiểu phẩm piano của phương Tây có phần mạch lạc hơn.

Câu hỏi 3: *Các em vui lòng cho biết cảm nhận của mình sau khi nghe một số tác phẩm khí nhạc Việt Nam*

**Bảng 3.4a: Tại ĐHSPT Nghệ thuật TW**

<b>C. Cảm nhận về tác phẩm khí nhạc Việt Nam</b>	<i>Không cảm nhận được</i>	<i>Không thích</i>	<i>Bình thường</i>	<i>Thích nghe</i>	<i>Rất thích nghe</i>
9. Khí nhạc dân tộc	7/162 4,3%	13/162 8%	36/162 22,2%	62/162 38,3	44/162 27,2%
10. Tác phẩm thính phòng - giao hưởng	42/162 25,9%	31/162 19,1%	38/162 23,5%	34/162 21%	17/162 10,5%
11. Tác phẩm có pha trộn nhạc khí Đông -Tây	25/162 15,4%	19/162 11,7%	49/162 30,2%	47/162 29%	22/162 13,6%
12. Tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân	16/162 9,9%	23/162 14,2%	47/162 29%	58/162 35,8%	18/162 11,1%



Như vậy, SV ngành SPAN trường **ĐHSP Nghệ thuật TW** có lựa chọn thích nghe tác phẩm khí nhạc với tỉ lệ SV thích nghe là 38,3% SV và 27,2% SV rất thích nghe. Các tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cũng được các em SV lựa chọn là thích nghe với tỉ lệ là 35,8% SV.

**Bảng 3.4b: Tại **ĐHSP Hà Nội****

C. Cảm nhận về tác phẩm khí nhạc Việt Nam	Không cảm nhận được	Không thích	Bình thường	Thích nghe	Rất thích nghe
9. Khí nhạc dân tộc	15/163 9,202%	25/163 15,33%	56/163 34,35%	48/163 29,44%	19/163 11,65%
10. Tác phẩm thính phòng - giao hưởng	37/163 22,69%	44/163 26,99%	51/163 31,28%	22/163 13,49%	9/163 5,52%
11. Tác phẩm có pha trộn nhạc khí Đông - Tây	21/163 12,88%	35/163 21,47%	46/163 28,22%	41/163 25,15%	20/163 12,26%
12. Tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân	23/263 14,11%	17/163 10,42%	55/163 33,74%	43/163 26,38%	25/163 15,33%

Khi nghe tác phẩm khí nhạc, đa phần các em SV đều có cảm nhận riêng và có xu hướng nghiêng về thích nghe khá nhiều. Tỉ lệ các em lựa chọn “bình thường” cao, (theo thứ tự từ câu 9 - 12 là 34,35%; 31,28%; 28,22%; 33,74%), tỉ lệ các em chọn thích nghe cũng rất cao, sắp xếp đầu tiên là các tác phẩm khí nhạc dân tộc với 29,44% các em chọn “thích nghe”. Tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cũng được các em đón nhận khá tốt (“bình thường” - 33,74%; “Thích nghe” - 26,38%).

Đối với mục khảo sát này, SV tại trường Đại học VHNT&DL Thanh Hoá cũng đã có những xu hướng thích nghe các tác phẩm pha trộn nhạc khí giữa Đông - Tây với 37,36% SV. Bên cạnh đó, các tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cũng được SV đón nhận khá tích cực với 43,95% SV thích nghe.

**Bảng 3.4c: Tại Đại học VHT&DL Thanh Hoá**

<b>C. Cảm nhận về tác phẩm khí nhạc Việt Nam</b>	<i>Không cảm nhận được</i>	<i>Không thích</i>	<i>Bình thường</i>	<i>Thích nghe</i>	<i>Rất thích nghe</i>
9. Khí nhạc dân tộc	3 / 91 3,29%	9/91. 9,89%	30/91. 32,96%	16/91 17, 58%	33/91 36,26%
10. Tác phẩm thính phòng - giao hưởng	15/91. 16,4%	14/91 15,388%	34/91 37,36%	21/91 23, 07%	7/91 7,69%
11. Tác phẩm có pha trộn nhạc khí Đông - Tây	8/91. 8,79%	5/91 5,49%	32/91. 35,16%	34/91 37,36%	12/91. 13,1%
12. Tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân	11/91 12,08%	7/91 7,69%	21/91 23, 07%	40/91. 43,95%	12/91. 13,18%

Có thể thấy, phần lớn sinh viên cho rằng ý nghĩa của việc nghe/xem các tác phẩm khí nhạc Việt Nam là cần thiết. Phỏng vấn giảng viên trực tiếp giảng dạy, các thầy cô cũng đánh giá cao việc cho sinh viên được tiếp xúc với các tác phẩm khí nhạc Việt Nam. Trong thực tiễn, sinh viên dễ cảm nhận khí nhạc Việt Nam hơn so với tác phẩm nước ngoài bởi tính giai điệu rõ nét, âm hưởng quen thuộc... Tuy nhiên, trong môn Phân tích tác phẩm, các tiểu phẩm piano của phương Tây có phần mạch lạc hơn.

Câu hỏi 4: *Các em cho biết tác dụng của nghe một số tác phẩm khí nhạc Việt Nam*

**Bảng 3.5:**

<b>Tên trường</b>	<i>ĐHSP Nghệ thuật TW</i>	<i>ĐHSP Hà Nội</i>	<i>Đại học VHTT&amp;DL Thanh Hóa</i>
13. Bổ sung thông tin về khí nhạc Việt Nam	125/163 76,68%	119/162 73,45%	60/91 65,93%
14. Giúp hiểu hơn về kiến thức của môn học	90/163 55,21%	85/162 52,46%	46/91 50,54%
15. Dễ cảm nhận tính chất và hình tượng âm nhạc	50/163 30,67%	49/162 30,24%	25/91 27,47%
16. Nuôi dưỡng tình yêu dân tộc qua tác phẩm khí nhạc Việt Nam	130/163 79,75%	121/162 74,69%	65/91 68,13%

Như vậy, phần lớn SV cả 3 trường đều nhận thức được cho rằng việc nghe/xem các tác phẩm khí nhạc Việt Nam có các tác dụng: bổ sung thông tin về khí nhạc Việt Nam, giúp hiểu hơn về kiến thức của môn học, nuôi dưỡng tình yêu dân tộc qua tác phẩm khí nhạc Việt Nam.

Chỉ riêng ý nghe tác phẩm khí nhạc Việt Nam dễ cảm nhận tính chất và hình tượng âm nhạc thì chưa đến 1/3 SV chọn, nói lên các em nhận thức rằng tác phẩm khí nhạc Việt Nam không dễ cảm nhận. Thực tiễn, nếu SV được nghe tác phẩm khí nhạc Việt Nam sẽ dễ cảm nhận hơn so với tác phẩm nước ngoài bởi trong nhiều tác phẩm, các nhạc sĩ sử dụng chủ đề ca khúc hoặc dân ca nên có âm hưởng quen thuộc...

Qua khảo sát, NCS thấy rằng, mặc dù còn có những khó khăn trong việc sưu tầm và thói quen sử dụng tư liệu. Các tác phẩm khí nhạc Việt Nam có thể sử dụng làm tư liệu dạy học được các em SV đón nhận khá tích cực. Khi sử dụng những sáng tạo của các nhạc sĩ trong việc xây dựng nên những hình tượng âm nhạc mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

### ***3.3.3. Đánh giá thực trạng dạy học một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên Sư phạm Âm nhạc***

Qua phần khảo sát ở mục 3.3.2 đối với cả GV và SV của khoa SPAN trường ĐHSP nghệ thuật TW, chúng tôi nhận thấy những thuận lợi và khó khăn trong việc dạy học các tác phẩm khí nhạc Việt Nam như sau.

**\*Thuận lợi:** Có nhiều mặt thuận lợi trong việc đưa tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân vào chương trình giảng dạy một số bộ môn kiến thức âm nhạc cơ bản tại trường ĐHSP nghệ thuật TW.

Về phía các GV dạy bộ môn, có xu hướng nhận xét tích cực về những tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân mà chúng tôi đưa ra trong luận án. Trước tiên, Đỗ Hồng Quân là nhạc sĩ có nhiều đóng góp lớn cho nền khí nhạc nước nhà. Bên cạnh đó, ông còn tham gia vào công tác giảng dạy, đào tạo nhiều thế hệ nhạc sĩ trẻ tại Học viện âm nhạc Quốc gia Việt Nam. Trong mỗi tác phẩm này

đều có sự linh hoạt kết hợp giữa các yếu tố dân tộc và khuôn mẫu âm nhạc phương Tây. Khi áp dụng vào việc dạy một số môn như: phân tích tác phẩm, âm nhạc Việt Nam... sẽ là tài liệu nghe/nhìn rất hiệu quả.

Sáng tác khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân thường chú trọng sử dụng chất liệu chủ đề rất đặc trưng cho từng tác phẩm để xây dựng hình tượng, cũng có tác phẩm ông đặt tên từng chương nhạc giúp người nghe dễ nắm bắt, tiếp thu. Có rất nhiều chương trình biểu diễn các tác phẩm của nhạc sĩ ở các phòng hoà nhạc lớn nhỏ trong và ngoài nước, điều này giúp SV rất dễ tiếp cận một cách trực quan.

Ngoài ra, những chất liệu từ âm nhạc dân tộc khai thác từ bài đồng ca, làn điệu chèo, quan họ Bắc Ninh, nhã nhạc cung đình... khi lồng ghép vào các tác phẩm khí nhạc của ông mang đến sự gần gũi, thân quen có thể giúp SV dễ tiếp cận với thể loại âm nhạc mang tính trừu tượng này.

**\* Khó khăn:** Bên cạnh những thuận lợi là nhiều những khó khăn trong việc dạy học các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.

Khi khảo sát trên cả 3 điểm trường, cả môn Phân tích tác phẩm và Âm nhạc Việt Nam chỉ điểm tên tác phẩm khí nhạc Việt Nam, chỉ có duy nhất 1 lớp Âm nhạc Việt Nam tại ĐHSP Nghệ thuật TW có dạy cụ thể tác phẩm *Mở đất* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.

Về vấn đề tự học, có nhiều SV ham học hỏi, luôn có ý thức tự trau dồi thêm những kiến thức về tác giả, tác phẩm cũng như nội dung xung quanh tác phẩm đó. Ngoài ra cũng có một số SV mang tinh thần học tập chưa tốt, không có sáng tạo cũng như tìm hiểu về bài học, dẫn đến không hiểu rõ nội dung tác phẩm, ảnh hưởng đến kết quả học tập. Muốn nghe và hiểu một tác phẩm khí nhạc cần phải có sự hiểu biết sâu về các kiến thức âm nhạc và rất cần tự học, tự nghiên cứu ngoài giờ lên lớp. Nhiều SV Đại học SPAN chưa có ý thức tốt tự học ở nhà, GV cũng chưa quan tâm nhiều đến hướng dẫn SV về nhà tự nghe nhạc, tìm hiểu tác phẩm âm nhạc chuyên nghiệp nói chung cũng như tác phẩm

khí nhạc.

Tiếp đến, lịch sử âm nhạc Việt Nam cho thấy rằng, ngay từ thời kì đầu khi âm nhạc Phương Tây du nhập vào Việt Nam phần lớn là mang tính phong trào và phát triển ca khúc là chính. Cũng chính vì vậy, tư duy âm nhạc của người Việt Nam thông thường mang tư duy giai điệu, điều này cũng gây khó khăn cho việc tiếp thu các tác phẩm khí nhạc (nhất là các sáng tác theo phong cách Phương Tây). Tuy nhiên, đối với tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân mà chúng tôi đưa ra trong luận án lại có thể giải quyết được vấn đề này. Những tác phẩm khí nhạc của Đỗ Hồng Quân mà NCS phân tích sẽ dễ tiếp cận hơn đối với sinh viên vì: tư duy âm nhạc mạch lạc, chủ đề rõ ràng gần gũi với người nghe - có nhiều tác phẩm tác giả còn đặt luôn tiêu đề cho từng chương, lấy chất liệu âm nhạc dân gian gần gũi thân thuộc.

Về thực tế thời lượng dành cho giảng dạy các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân còn rất ít. Môn phân tích tác phẩm khi giới thiệu về thể loại âm nhạc, GV còn sử dụng nhiều tác phẩm khí nhạc nước ngoài, ít khi lồng ghép các tư liệu về tác phẩm khí nhạc Việt Nam cũng như tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong quá trình dạy học. Ở môn Âm nhạc Việt Nam, cũng có một số GV đưa tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân vào quá trình giảng dạy, tuy nhiên ở mức độ giới thiệu qua về tác giả tác phẩm.

### ***Tiểu kết chương 3***

Với sự đa dạng về hình thức và thể loại, tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân hoàn toàn có thể đủ điều kiện để sử dụng làm tư liệu dạy học cho một số học phần trong chương trình đào tạo sư phạm âm nhạc.

Các kết quả khảo sát thực nghiệm tại 3 trường đại học đào tạo mã ngành SPAN đó là: ĐHSP Nghệ thuật TW, ĐHSP Hà Nội, Đại học VHNT&DL Thanh Hoá, cho thấy SV có thể tiếp thu được các tác phẩm khí nhạc Việt nam. Đồng thời, SV cũng nhận thức được vai trò cũng như ý nghĩa của việc nghe/xem các tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong học tập. Đó là các dấu hiệu khả quan để có những

vận dụng hợp lý về việc sử dụng các tác phẩm Việt Nam trong nội dung dạy học cho sinh viên đại học sư phạm âm nhạc.

Trong chương trình đào tạo Đại học SPAN, nội dung gắn liền với âm nhạc Việt Nam chủ yếu mang tính lịch sử. Tuy nhiên, với thời lượng hiện nay không đủ để cung cấp đầy đủ các thông tin về âm nhạc mới Việt Nam, đặc biệt là phần khí nhạc. Bên cạnh đó, trong nhiều môn học khác như Hòa thanh, Phân tích tác phẩm, Giới thiệu nhạc cụ, Keyboard /Guitar, Hòa tấu cho thấy nhiều tư liệu nghe nhìn có thể thay thế bằng các tác phẩm khí nhạc Việt Nam.

Việc dạy học các tác phẩm khí nhạc Việt Nam nói chung, cũng như tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân nói riêng không chỉ có ý nghĩa làm phong phú cho tư liệu giảng dạy mà còn tăng cường hiểu biết của sinh viên về âm nhạc của Việt Nam, giúp SV thấy được những sáng tạo của các nhạc sĩ trong việc xây dựng nên những hình tượng âm nhạc mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam. Tuy nhiên, các tác phẩm khí nhạc Việt Nam nói chung, của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân nói riêng còn xuất hiện ít trong quá trình dạy học, phần lớn chỉ là điểm qua, kể tên. Chỉ có duy nhất 1 trường dạy học tác phẩm *Mở đất* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân một cách cụ thể. Điều này có nhiều nguyên nhân: do không thống nhất trong Bộ môn về nội dung lựa chọn nhạc sĩ và tác phẩm khí nhạc, việc tài liệu phân tích cụ thể về nhạc sĩ Việt Nam và về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân còn thiếu, việc thu thập tư liệu nghe nhìn trong quá trình dạy vẫn còn chưa thuận lợi, do quan điểm của GV về dạy học tác phẩm khí nhạc, vấn đề tự học của SV và hướng dẫn SV tự học của GV...

Qua nghiên cứu chúng tôi thấy rằng cần có sự thay đổi của nhóm giảng viên dạy các môn Âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm trong việc sử dụng tư liệu dạy học, tư liệu nghe nhìn. Mặc dù việc sưu tầm tư liệu cũng có những khó khăn, nhưng rất cần sự ủng hộ từ phía lãnh đạo khoa, bộ môn cho đến giảng viên để nội dung dạy học cho sinh viên sư phạm âm nhạc được thiết thực, gắn liền với thực tiễn hơn.

## Chương 4

### BIỆN PHÁP DẠY HỌC TÁC PHẨM KHÍ NHẠC CỦA NHẠC SĨ ĐỖ HỒNG QUÂN CHO SINH VIÊN NGÀNH SƯ PHẠM ÂM NHẠC

#### 4.1. Nguyên tắc đề xuất

Dựa vào chương 3 của luận án, thực trạng nghiên cứu, chúng tôi đã khảo sát thực trạng việc dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho SV ngành SPAN tại 3 điểm trường là ĐHSP Nghệ thuật TW ; ĐHSP Hà Nội; ĐHVHTT & DL Thanh Hoá.

Căn cứ theo Luật giáo dục của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam năm 2005, điều 5 cũng cho thấy rõ: “Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên” [63].

Thực hiện theo định hướng của *Chương trình giáo dục phổ thông* chương trình các môn đã được biên soạn và ban hành năm 2018 (thông tư 32/2018/TT BGDĐT), trong đó có *Chương trình môn Âm nhạc* (tháng 4.2018), đưa ra mục tiêu giáo dục âm nhạc cho giai đoạn đổi mới là giúp cho học sinh:

Nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ và tình yêu âm nhạc, có đời sống tinh thần phong phú, hình thành và phát triển những phẩm chất cao đẹp; Hình thành và phát triển các năng lực âm nhạc đặc thù dựa trên nền tảng kiến thức và kỹ năng âm nhạc phổ thông, qua đó phát triển năng lực tự chủ và tự học [5].

Ngoài ra, trong thông tư cũng nêu rõ về việc:

Chương trình môn Âm nhạc giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực âm nhạc dựa trên nền tảng kiến thức âm nhạc phổ thông và các hoạt động học tập đa dạng để trải nghiệm và khám phá nghệ thuật âm nhạc; nuôi dưỡng cảm xúc thẩm mỹ và tình yêu âm nhạc, nhận thức

được sự đa dạng của thể giới âm nhạc và mối liên hệ giữa âm nhạc với văn hoá, lịch sử, xã hội cùng các loại hình nghệ thuật khác, hình thành ý thức bảo vệ và phổ biến các giá trị âm nhạc truyền thống [5].

Như vậy, theo Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018 của Bộ GDĐT, bên cạnh bổ sung kiến thức âm nhạc, các yếu tố giá trị âm nhạc truyền thống được cũng như liên hệ với mối liên hệ giữa âm nhạc, văn hoá, lịch sử, xã hội được đề cập đến một cách rõ ràng và có tính định hướng. SV ngành SPAN trong tương lai sẽ là những giáo viên dạy âm nhạc tại các nhà trường phổ thông, truyền dạy lại kiến thức cho các thế hệ học sinh sau này.

Các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, đáp ứng đủ tiêu chí về yếu tố học thuật, khai thác chất liệu âm nhạc truyền thống kết hợp với các khuôn mẫu âm nhạc phương Tây, nội dung tư tưởng đề cập đến tình yêu đất nước con người Việt Nam. Như vậy các sáng tác khí nhạc của Đỗ Hồng Quân rất phù hợp với tiêu chí đào tạo của Bộ GDĐT định hướng.

Sau đây, chúng tôi đề xuất dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên ngành đại học SPAN, dựa vào một số những nguyên tắc sau:

#### ***4.1.1. Đảm bảo tính mục tiêu***

Dựa trên cơ sở mục tiêu đào tạo ngành Đại học SPAN đó là đào tạo cử nhân Sư phạm Âm nhạc có trình độ lý luận và thực hành để dạy học âm nhạc ở các cấp học phổ thông, các trường sư phạm, các trường văn hoá - nghệ thuật và các cơ sở đào tạo nghệ thuật, góp phần giáo dục thẩm mỹ cho học sinh, sinh viên đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo trong nước và hội nhập quốc tế. Đồng thời, có thể tự học, học tiếp lên bậc cao hơn để hoàn thiện và nâng cao năng lực làm việc.

Bên cạnh đó, chương trình còn đi sâu vào việc giúp SV lĩnh hội kiến thức trong lĩnh vực âm nhạc và khoa học giáo dục, có năng lực sư phạm để giải quyết nhiệm vụ giáo dục nghệ thuật, đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo



dục, đào tạo trong xu thế hội nhập. Cung cấp cho người học các kiến thức về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm và kiến thức bổ trợ khác, cụ thể là: khối kiến thức chung, khối kiến thức cơ bản chung của nhóm ngành, khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức chuyên ngành, kiến thức nghiệp vụ sư phạm, kiến thức tốt nghiệp.

Đối với khối kiến thức cơ sở ngành, SV cần nắm vững kiến thức khoa học cơ bản về âm nhạc ở trình độ đại học sư phạm để vận dụng vào học tập, nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc cũng như quản lý công tác giáo dục âm nhạc ở các cơ sở.

Như vậy, để thực hiện các mục tiêu trên, các biện pháp dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho SV Đại học SPAN gắn với mục tiêu của chương trình đào tạo ngành Đại học SPAN với chuẩn đầu ra là nắm vững kiến thức kiến thức về lý luận âm nhạc và thực hành để vận dụng vào công tác giáo dục tại các cơ sở sau khi tốt nghiệp.

#### ***4.1.2. Đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ***

Các biện pháp đề xuất cần phải có sự liên kết chặt chẽ, bổ sung và tương tác với nhau. Ngoài ra, luôn có sự độc lập và tính đặc thù giữa các biện pháp, vẫn tồn tại những ưu và nhược điểm cho từng biện pháp. Chính vì vậy, các biện pháp luôn có tính tương hỗ chặt chẽ lẫn nhau, mang tính thống nhất và hệ thống.

Mối tương quan của các biện pháp được dựa trên các phương diện như: nội dung, phương pháp giảng dạy, hình thức dạy và học, phương tiện truyền tải kiến thức, hoàn cảnh môi trường thực hiện, năng lực của người dạy và người học. Ngoài ra cũng còn những yếu tố khách quan đến từ các cấp quản lý, ban ngành tổ chức trong và ngoài nhà trường, chất lượng dạy học với chất lượng giáo dục của nhà trường. Tất cả nhằm đi đến mục tiêu là nâng cao chất lượng dạy và học để đáp ứng được nhu cầu đổi mới trong giáo dục cả nước.

Những biện pháp chúng tôi đề ra dạy học tác phẩm khí nhạc của Đỗ Hồng Quân cho SV ngành Đại học SPAN phải phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ cũng

như chiến lược phát triển của nhà trường và ngành giáo dục. Như vậy, quá trình dạy học sẽ được tiến hành toàn bộ và hoàn chỉnh từ nội dung, phương pháp dạy học, hình thức dạy học và phương thức kiểm tra đánh giá.

#### ***4.1.3. Đảm bảo tính kế thừa, phát triển và khả thi***

Hoạt động dạy học luôn là hoạt động chủ đạo và được đón nhận sự quan tâm từ tất cả các bộ máy hành chính trong các nhà trường. Có nhiều cơ sở đào tạo đã áp dụng một cách linh hoạt và sáng tạo các phương thức dạy học khác nhau để triển khai các hoạt động dạy học được hiệu quả nhất. Vậy nên, kế thừa các phương pháp dạy học đã được các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước thực hiện sẽ giúp chúng ta không mất thời gian tìm hướng nghiên cứu. Hơn thế nữa, việc đề xuất các biện pháp dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân sẽ giúp cho SV ngành Đại học SPAN hiểu sâu hơn về chân dung một nhạc sĩ - nhà giáo có rất nhiều đóng góp cho nền âm nhạc nước nhà, thay đổi quan điểm thẩm mỹ của SV và định hướng các em tìm hiểu về những giá trị cốt lõi truyền thống bên cạnh những yếu tố âm nhạc theo khuôn mẫu của nước ngoài.

Chúng tôi lựa chọn những biện pháp phù hợp với năng lực của người dạy và người học. Các biện pháp đưa ra phải phù hợp với nội dung thực trạng ở chương 3 đã khảo sát.

### **4.2. Biện pháp dạy tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên Đại học Sư phạm âm nhạc**

#### ***4.2.1. Đề xuất lựa chọn một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân vào nội dung một số môn học***

Trong chương 3 đã nêu, do GV được quyền tự lựa chọn dạy nhạc sĩ nào, tác phẩm nào dẫn đến không thống nhất trong Bộ môn và việc dạy học nhạc sĩ và tác phẩm khí nhạc Việt Nam bị coi nhẹ. Vì vậy, trong phần này, NCS đề xuất với Tổ Bộ môn lựa chọn một số tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân vào nội dung một số môn học như Âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm. Việc

giới thiệu nhạc sĩ nào, sử dụng tác phẩm khí nhạc nào cho 2 môn học nêu trên cần được thảo luận trong Tổ Bộ môn để có sự thống nhất giữa các GV về nội dung dạy học, các GV sẽ họp và đưa ra một danh sách gồm nhiều nhạc sĩ Việt Nam và những tác phẩm khí nhạc tiêu biểu trong đó có nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để khi dạy học 2 môn nói trên GV dựa vào đó để lựa chọn.

#### *4.2.1.1. Căn cứ lựa chọn*

Việc lựa chọn tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân vào nội dung dạy học cho SV Đại học SPAN trong các môn như Âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm, được dựa trên một số căn cứ sau:

- Mục tiêu đào tạo: Nhằm trang bị cho SV ngành Đại học SPAN các kiến thức cơ bản về khí nhạc Việt Nam giai đoạn sau 1975 đến nay; nắm được một số thể loại âm nhạc, hiểu về tính năng, âm sắc của các nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng - dàn nhạc dân tộc.

- Năng lực của cơ sở đào tạo: Đội ngũ GV yêu nghề, tâm huyết, có trình độ chuyên môn cao, phù hợp với môn học. Cơ sở vật chất khang trang, tương đối đầy đủ với phòng học được trang bị máy chiếu, tivi, hệ thống âm thanh... SV có ý thức trong học tập, có năng lực, yêu thích tìm hiểu và nghiên cứu âm nhạc, nhiều em ban đầu chưa thực sự quan tâm đến tác khí nhạc, nhưng sau một thời gian học tập thì lại bị thuyết phục hoàn toàn. Tổ Bộ môn có sinh hoạt chuyên môn thường xuyên để thống nhất nội dung giảng dạy.

- Nhu cầu và tình hình thực tiễn giảng dạy tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân: Hiện nay, việc nâng cao những kỹ năng, kiến thức về âm nhạc cho SV SPAN là tất yếu, phù hợp với xu thế đổi mới giáo dục phổ thông, môn Âm nhạc được đưa vào nhà trường THPT với định hướng nghề nghiệp. Các SV chính là thế hệ giáo viên tương lai, truyền dạy lại kiến thức, tư tưởng, tình yêu quê hương, đất nước, dân tộc và định hướng xu thế âm nhạc cho các em học sinh sau này. Để đạt được sự phát triển đó, trước tiên mỗi GV cần phải không ngừng sáng tạo, biên soạn giáo án, sáng tạo trong phương thức dạy học giúp

SV có thể lĩnh hội và phát triển kiến thức một cách hiệu quả nhất. Các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân là sự kết hợp của các khuôn mẫu âm nhạc phương Tây với yếu tố dân tộc. Hình tượng âm nhạc rõ ràng, nội dung hướng về tình yêu quê hương - đất nước - con người Việt Nam, chất liệu xây dựng chủ đề, thang âm, điệu thức... (như chúng tôi đã phân tích ở chương 2). Đây là sự lựa chọn về mặt tư liệu âm nhạc, rất thích hợp trong việc giảng dạy môn Âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm cho SV Đại học SPAN, SV sẽ không chỉ được truyền dạy về kiến thức, mà còn được bồi đắp thêm những giá trị truyền thống của đất nước từ bao đời nay. Tuy nhiên, như chúng tôi đã nêu trong phần thực trạng, các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân chưa được quan tâm một cách đúng mực, gần như rất ít được sử dụng trong chương trình giảng dạy. Với những lợi ích mà tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đem lại, cùng với sự thiếu hụt trong giáo trình, tài liệu giảng dạy, thì việc lựa chọn đưa các tác phẩm khí nhạc của Đỗ Hồng Quân vào nội dung dạy học là cần thiết và phù hợp để đáp ứng nhu cầu thực tiễn trong việc dạy học SV ngành SPAN tại Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, ĐHSP Hà Nội, Đại học VHTT&DL Thanh Hoá.

#### *4.2.1.2. Tiêu chí lựa chọn*

Các tác phẩm khí nhạc được đưa vào nội dung dạy học cho SV Đại học SPAN phải phù hợp với nội dung bài học, môn học và năng lực của SV. Ngoài ra, việc đáp ứng yêu cầu về tính nghệ thuật, nội dung tư tưởng cũng là những yếu tố quan trọng trong việc chọn lựa tác phẩm.

Các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân thích hợp để được đưa vào những môn học như: Phân tích tác phẩm, Âm nhạc Việt Nam/Lịch sử âm nhạc Việt Nam. Tuy nhiên, trong mỗi môn học, yêu cầu về mức độ kiến thức cần lĩnh hội của SV và cách đánh giá kiểm tra sẽ khác nhau, vậy nên với mỗi môn học cần có tiêu chí chọn lựa tác phẩm riêng.

Với môn Phân tích tác phẩm, việc sử dụng các tác phẩm khí nhạc nhất là dạng viết cho dàn nhạc vào để phân tích là hơi nặng so với SV ngành SPAN.

Tuy nhiên, nếu dùng để làm dẫn chứng giới thiệu để SV nhận diện hình thức tác phẩm với phương pháp GV hướng dẫn xem tổng phổ kết hợp với nghe và cho SV biết hình thức của tác phẩm thì SV Đại học SPAN có thể đáp ứng được yêu cầu. Bên cạnh đó, trong nội dung học phân tích tác phẩm có các phần: Giới thiệu các thể loại giao hưởng, sonate, concerto... để SV có thêm điều kiện nghiên cứu về những đặc điểm sáng tác của tác phẩm khí nhạc. Qua quá trình tìm hiểu, SV sẽ biết thêm được nhiều giá trị về yếu tố truyền thống khi kết hợp với các thể loại âm nhạc du nhập từ phương Tây. Ở nội dung này, có một số tác phẩm giao hưởng của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, với chủ đề rõ ràng, chất liệu quen thuộc (lấy từ chất liệu âm nhạc truyền thống) sẽ giúp SV tiếp cận những thể loại âm nhạc lớn một cách dễ dàng hơn.

Với môn Âm nhạc Việt Nam/Lịch sử âm nhạc Việt Nam, dạy học các tác phẩm khí nhạc đáp ứng tiêu chí để SV sẽ nắm bắt thông tin về quá trình hình thành và phát triển của nền âm nhạc Việt Nam. Trong nội dung luận án, chúng tôi chú trọng đến phần dạy học ở nội dung “âm nhạc Việt Nam giai đoạn 1975 đến nay”. Ở giai đoạn này, nền khí nhạc Việt Nam thực sự phát triển mạnh cả về chất lượng số lượng và đội ngũ nhạc sĩ. Đỗ Hồng Quân là một trong số những nhạc sĩ trưởng thành trong giai đoạn lịch sử này, hầu hết các sáng tác khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đều phù hợp với nội dung học này (xét về yếu tố nội dung tư tưởng, những thành công của tác phẩm, thời điểm và thể loại sáng tác).

#### 4.2.1.3. Dự kiến tác phẩm khí nhạc được lựa chọn

Căn cứ vào những nội dung sau đây: thực trạng giảng dạy, nội dung kiến thức trong từng môn học, năng lực học tập của SV, tham khảo ý kiến quản lý bộ môn, GV tổ Kiến thức âm nhạc, chúng tôi đề xuất lựa chọn một số tác phẩm, trích đoạn tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho 2 môn học Phân tích tác phẩm và Âm nhạc Việt Nam. Đó là các tác phẩm: Giao hưởng *Rhapsodie Việt Nam*, tổ khúc giao hưởng *Dáng rồng lên*, nocturne giao hưởng *Tiếng vọng*, giao hưởng *Trở một* và *Sắc xuân*. Cụ thể như sau:

- Môn Âm nhạc Việt Nam:

Ngoài tác phẩm *Mở đất* đã từng được GV sử dụng, một số tác phẩm đề xuất lựa chọn là: Chương 1 - Giao hưởng *Rhapsodie Việt Nam*; phần mở đầu - *Cảnh đêm trăng* của tổ khúc giao hưởng *Dáng rồng lên*; phần 1 của tác phẩm *Sắc xuân*.

- *Môn Phân tích tác phẩm:*

Cho phần phân tích: Chương 1 của tác phẩm *Dáng rồng lên*, phần 1 của tác phẩm *Sắc xuân*, Chương 2 của tác phẩm *Rhapsodie Việt Nam*, nocturne giao hưởng *Tiếng vọng*

Cho phần giới thiệu thể loại tổ khúc là tác phẩm Tổ khúc giao hưởng *Dáng rồng lên*; giới thiệu các thể loại giao hưởng, concerto là chương 1 và chương 2 của giao hưởng *Trở một*, tác phẩm *Sắc xuân*

Qua phần thống kê trên thấy rằng, ngoài môn Âm nhạc Việt Nam, có GV đã sử dụng một tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đó là tác phẩm *Mở đất*, chúng tôi đã đề xuất đưa 5 tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân vào nội dung giảng dạy cho SV Đại học SPAN. Cần nhấn mạnh rằng, việc đề xuất một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân vào nội dung giảng dạy không phải để GV bắt buộc phải dạy về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân mà là tổ chuyên môn sẽ có một danh mục các nhạc sĩ, các tác phẩm (trong đó có nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân) mang tính phù hợp với môn học và GV có căn cứ lựa chọn nhạc sĩ cũng như tác phẩm nào đó phù hợp với bài dạy của mình.

#### **4.2.2. Phương pháp dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong một số môn học**

##### **4.2.2.1. Phương pháp dạy cho môn Phân tích tác phẩm**

Đặc điểm sáng tác trong tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân luôn tiếp thu khuôn mẫu của âm nhạc phương Tây với tư duy âm nhạc logic. Tuy nhiên, những yếu tố âm nhạc truyền thống luôn được nhạc sĩ lồng ghép một cách rất khéo léo và tài tình vào các tác phẩm của mình. Hơn thế nữa, nội dung tư tưởng trong các tác phẩm khí nhạc này thể hiện những trăn trở về nỗi đau, những sự hi sinh mất mát do chiến tranh để lại, những chiến tích oai hùng của

những dấu tích lịch sử xưa, hay tình yêu quê hương, đất nước, con người Việt Nam... ngoài vấn đề về học thuật thì những tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân mang tính giáo dục tư tưởng cao.

Thông qua quá trình thực hiện khảo sát môn Phân tích tác phẩm âm nhạc, chúng tôi nhận thấy những sáng tác của các tác giả Việt Nam còn chưa được giới thiệu đến trong giáo trình học, để SV được tiếp cận, tìm hiểu và phân tích. Tuy nhiên, với khuôn khổ của nội dung học đào tạo SV ngành SPAN, các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân sẽ được giới thiệu phù hợp với nội dung học cuối cùng của học phần phân tích tác phẩm 2. Phương pháp dạy học chủ yếu là lấy các tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để làm dẫn chứng giới thiệu về hình thức và thể loại, có thể lấy tác phẩm piano cho SV thực hành tự phân tích với những tác phẩm có hình thức dễ nhận biết, còn với tác phẩm viết cho dàn nhạc thì không nên cho thực hành phân tích.

GV có thể lấy dẫn chứng giới thiệu cho SV những chương nhạc có cấu trúc 3 phần có trong một số tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân như sau:

a. Chương 1 của giao hưởng *Rhapsodie Việt Nam*

Tác phẩm *Rhapsodie Việt Nam* là thể loại giao hưởng nhưng chương 1 của ông không viết ở hình thức sonata như giao hưởng mẫu cổ điển mà ở dạng 3 phần theo hình thức ba đoạn phức những cũng không phải là ba đoạn phức khuôn mẫu. Khi dạy về hình thức 3 đoạn phức, ngoài cho SV biết những tác phẩm mẫu chuẩn của hình thức, GV giới thiệu thêm một số biến đổi của hình thức 3 đoạn phức như chương 1 giao hưởng *Rhapsodie Việt Nam* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Chương này có 3 phần như hình thức 3 đoạn phức nhưng phần giữa B chỉ như một đoạn chen gồm 10 nhịp.

**Bảng 4.1: Sơ đồ chương 1 giao hưởng *Rhapsodie Việt Nam***

Mở đầu	A		B	A	Coda
Nhịp 1 - 6	Nhịp 7 - 15	Nhịp 16 - 37	Nhịp 38 - 48	Nhịp 49 - 74	Nhịp 75 - 79
Cor + Trombone	Trombone + Tuba = thủ pháp canon	Cor + Trombone + trống ngũ liên	Bộ dây + bộ gõ	Bộ dây + Flute	Bộ đồng
	Hiệu triệu, kêu gọi	Hiệu triệu, kêu gọi	Suy tư, tự sự		Mang âm hưởng phần mở đầu

b. Phần A của Nocturne *Tiếng vọng*:

Khi giới thiệu hình thức 3 đoạn đơn trong các tác phẩm khí nhạc Việt Nam, GV có thể lựa chọn phần A bản Nocturne *Tiếng vọng* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để làm dẫn chứng cho cấu trúc điển hình của dạng 3 đoạn đơn có tái hiện.

GV cho SV nghe tác phẩm kết hợp xem bản nhạc và hướng dẫn SV nhận biết các phần: mở đầu (gồm 30 nhịp), chỗ bắt đầu vào đoạn a, kết đoạn a (đoạn a từ nhịp 31-50), sang đoạn b (từ nhịp 51-64) và phần tái hiện a' (từ nhịp 65 đến 79), nhận biết được giai điệu có sự thay đổi của a' đặc biệt là sự thay đổi là a' không viết ở As-dur như đoạn a nữa mà là A-dur. Từ đó, kết luận là tác phẩm ở dạng 3 đoạn có tái hiện không nguyên vẹn.

Ngoài ra, khi đi sâu phân tích cho SV nhận biết được một vài đặc điểm như tính chất âm nhạc là tính trữ tình, sâu lắng, chủ đề mở đầu của tác phẩm do bè Violoncello và Contrebasse đảm nhiệm...

Ví dụ 14: Nhịp 1- 6, *Tiếng vọng*



Hướng dẫn SV nhận biết được giai điệu của chủ đề trong đoạn a được viết ở giọng As-dur.

Ví dụ 15: Nhịp 31 - 34 *Tiếng vọng*



GV hướng dẫn SV nhận biết được cao trào trong đoạn a và ở nhịp 64 và cao trào được đẩy lên đến đỉnh điểm khi chủ đề được chuyển từ điệu tính a-moll ở đoạn b, sau đó, với âm sắc ff đến dần chuyển về đoạn nhạc tái hiện.

**Bảng 4.2: Phần A của Nocture Tiếng vọng**

Phần A- <i>Trăng tình yêu</i>		
<i>Đoạn a</i>	<i>Đoạn b</i>	<i>Đoạn a'</i>
nhịp 31 – 50	nhịp 51 – 64	nhịp 65 – 79
giọng <i>As</i> – dur Violoncello Clarinet chơi giai điệu.	giọng a – moll Violoncello chơi giai điệu, Cor và bộ đồng đệm	A – dur Flute, Oboe, Clarinette, Violon, Viola chơi giai điệu, bộ đồng và bộ gõ đệm

#### c. Chương 2 của giao hưởng *Trở một*

Ngoài 2 tác phẩm nêu trên, có thể sử dụng chương 2 của giao hưởng *Trở một* để dạy cho SV ĐHSP Âm nhạc khi học phân tích hình thức 3 đoạn phức. *Trở một* cũng có cấu trúc 3 phần là A - B - A', ngoài ra có thêm phần mở đầu và coda.

Do khuôn khổ của luận án, phần này chúng tôi không giới thiệu sâu về nội dung và biện pháp dạy học mà chỉ đưa sơ đồ. Ngoài việc giới thiệu, cho SV phân tích các yếu tố về hoà thanh, chất liệu xây dựng chủ đề, các nội dung cụ thể tham khảo ở chương 2 của luận án.

**Bảng 4.3: Sơ đồ chương 2 của giao hưởng *Trở một***

Phần mở đầu	Phần A			Phần B			Phần A'	Coda
	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Giai đoạn 3	Giai đoạn 1	Giai đoạn 2	Giai đoạn 3		
Nhịp 1-12	Nhịp 13 – 35	Nhịp 36 – 53	Nhịp 54 – 78	Nhịp 78 – 127	Nhịp 128 – 252	Nhịp 252 – 278	Nhịp 278 – 351	Nhịp 325 – 351

#### 4.2.2.2. Phương pháp dạy cho môn Âm nhạc Việt Nam

Môn Âm nhạc Việt Nam trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Sư

phạm âm nhạc là một trong những học phần quan trọng trong hệ thống các môn cơ sở ngành, đây là môn học bắt buộc. Môn Âm nhạc Việt Nam với nội dung học về sơ lược diễn trình lịch sử của các thể loại “Âm nhạc mới” Việt Nam (ca khúc, nhạc sân khấu, khí nhạc tiếp thu âm nhạc châu Âu...) từ đầu thế kỷ XX đến nay: Giai đoạn từ đầu thế kỷ XX đến trước cách mạng Tháng Tám; giai đoạn 1945-1954; giai đoạn 1954-1975; từ 1975 đến nay.

Đỗ Hồng Quân là nhạc sĩ tiêu biểu với nhiều đóng góp cho nền âm nhạc nước nhà ở giai đoạn âm nhạc 1975 đến nay cho nên khi giới thiệu về các nhạc sĩ Việt Nam ở giai đoạn này cần có nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Qua đó, SV sẽ biết về chân dung một nhạc sĩ tiêu biểu của giai đoạn này. Hơn thế nữa, nội dung tư tưởng trong tác phẩm của ông rất mạch lạc, hướng về tình yêu đất nước, con người, có tính giáo dục cao, sự sáng tạo trong sáng tác, cũng như những chất liệu xây dựng chủ đề trong mỗi tác phẩm của ông thấm nhuần tính dân tộc, thông qua dạy tác phẩm, SV được giáo dục về tình yêu đối với âm nhạc dân tộc Việt Nam.

Khi giới thiệu về thân thế của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, GV cần lựa chọn thật ngắn gọn mang tính chất lọc những vấn đề liên quan đến âm nhạc như ông là con trai của nhạc sĩ Đỗ Nhuận, người có nhiều công lao với nền âm nhạc Việt Nam), ông tốt nghiệp âm nhạc chính quy tại Paris, ông không chỉ sáng tác, chỉ huy mà còn là giảng viên giảng dạy (Phó Chủ nhiệm Khoa Lý luận - Sáng tác - Chỉ huy của Nhạc viện Hà Nội), tham gia nhiều hoạt động xã hội như nhiều năm là Chủ tịch Hội nhạc sĩ Việt Nam và lãnh đạo nhiều đơn vị nghệ thuật...

Về sự nghiệp của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, giới thiệu tổng quát những lĩnh vực ông sáng tác như khí nhạc, opera... Cần lựa chọn một hoặc vài trong số tác phẩm khí nhạc tiêu biểu xuất sắc nhất của ông để giới thiệu sâu hơn cho SV như *Tứ tấu đàn dây*, *Tiếng vọng*, *Rhapsodie Việt Nam*, *Dáng rồng lên*, *Trở một, Sắc xuân* ...

Lựa chọn một vài chủ đề để SV nghe, nhận biết đặc điểm chủ đề về màu sắc, điệu tính và đặc biệt nên chọn những chủ đề được xây dựng từ dân ca để khẳng định tính dân tộc và cũng phù hợp với khả năng của SV sư phạm Âm nhạc. Chẳng hạn như, chủ đề mở đầu của *Dáng rồng lên* có chất liệu bài đồng dao *Rồng rắn lên mây*, *Rhapsodie Việt Nam* có chất liệu dân ca Mông, *Tứ tấu đàn dây* có âm điệu của Trống quân, *Trở một* có chủ đề lấy từ *Ba sáu thứ chim* - dân ca Quan họ Bắc Ninh, *Sắc xuân* có âm hưởng từ bài dân ca *Xe chỉ luôn kim* dân ca Quan họ Bắc Ninh. Nên tổ chức dạy theo phương thức cho SV nghe, để SV thảo luận và tự nhận ra chất liệu bài dân ca trong các chủ đề được nghe, sau đó GV chốt lại kiến thức.

Ngoài ra các yếu tố về chất liệu xây dựng chủ đề như chúng tôi đã đề cập ở chương 2, tất cả nội dung đó sẽ giúp cho SV thêm hiểu hơn về kiến thức môn học Âm nhạc Việt Nam cần truyền tải.

#### **4.2.3. Sử dụng phương pháp tích cực trong dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân**

Phương pháp dạy học là hoạt động giữa người dạy (GV) và người học (SV) trong những điều kiện xác định để cùng hướng tới mục đích dạy học. Nội dung của phương pháp dạy học gồm: Mục tiêu đề ra, hệ thống những hoạt động, các phương tiện phục vụ cho mục đích dạy học như: Cơ sở vật chất, phương tiện thực hành, tri thức, môi trường... Phương pháp dạy học phải qua một quá trình chuyển giao giữa GV và SV. Khi quá trình này hoàn thành việc thay đổi đối tượng (SV) về mặt tri thức thì lúc đó mục tiêu dạy học sẽ được hoàn thành. Tại thời điểm hiện nay, PPDH được rất được quan tâm và coi trọng trong quá trình dạy học các môn kiến thức âm nhạc tại các trường đại học nói chung, các trường đào tạo ngành SPAN nói riêng. Các nhà trường luôn khuyến khích GV không ngừng tìm tòi và sáng tạo trong quá trình dạy học để nâng cao chất lượng dạy và học.

Trong quá trình dạy môn Âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm các phương pháp dạy học truyền thống như: phương pháp dùng lời, phương pháp trực quan, phương pháp sử dụng phương tiện dạy học được sử dụng khá rộng rãi. Tuy nhiên, bên cạnh các PPDH truyền thống còn có phương pháp dạy học tích cực lấy người học là trung tâm (PPDH này còn gọi là PPDH hiện đại).

Nếu như theo cách dạy cũ, những môn học trên thường được dạy theo cách GV thuyết trình còn SV sẽ ghi bài học theo một cách thụ động, thì thời điểm hiện này, phương pháp dạy học tích cực đã phát huy tính chủ động, sáng tạo của SV. SV sẽ tham gia các hoạt động học dưới sự tổ chức, định hướng của GV. SV sẽ chủ động tham gia, nghiên cứu, phát hiện để chiếm lĩnh kiến thức. Hơn thế nữa, từ việc phát hiện, vận dụng kiến thức, SV biết mở rộng, sáng tạo, phát triển phẩm chất, năng lực cho bản thân. SV được coi là chủ thể của quá trình học và lúc này, các môn về kiến thức âm nhạc trở nên hiệu quả hơn.

Với đặc thù là đào tạo SV ngành SPAN phải có kiến thức về mặt lý luận sâu và rộng để phục vụ công việc truyền thụ kiến thức cho các thế hệ học sinh trong tương lai, thì việc nâng cao khả năng hiểu biết của các em về các nền khí nhạc nước nhà là điều rất cần thiết. Thông thường, một cơ cấu lớp các môn cơ sở ngành sẽ có từ 25 - 40 SV, được học 4 tiết trong 1 buổi, thì bên cạnh phương pháp dạy học truyền thống, áp dụng thêm một số phương pháp dạy học tích cực sẽ tạo nên hiệu quả tốt cho chất lượng dạy và học.

#### *4.2.3.1. Phương pháp dạy học giải quyết vấn đề*

Đây là PPDH mà GV sẽ tạo ra những tình huống có vấn đề, SV sẽ phát hiện và giải quyết tình huống đó dưới sự điều khiển của GV. Thông qua quá trình giải quyết vấn đề, SV sẽ lĩnh hội được tri thức và có phương pháp nhận thức sáng tạo.

Trong dạy học các môn kiến thức âm nhạc nói chung hay dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong nhóm môn Âm nhạc Việt Nam,

Phân tích tác phẩm nói riêng, PPDH giải quyết vấn đề sẽ giúp SV tiếp thu kiến thức một cách tích cực nhất, tránh lối mòn rập khuôn của PPDH truyền thống. Chẳng hạn khi dạy tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân như tác phẩm: *Dáng rồng lên, Tiếng vọng, Sắc xuân...* GV tạo tình huống bằng cách đặt câu hỏi như trong môn Âm nhạc Việt Nam câu hỏi sẽ là: Tác phẩm được sáng tác năm nào? Thuộc thời điểm sáng tác nào của tác giả? Nội dung của tác phẩm là gì?...; Trong môn Phân tích tác phẩm câu hỏi được đặt ra sẽ là: Nhạc cụ nào chơi giai điệu chủ đề? Tốc độ và tính chất của mỗi chương nhạc có thay đổi và có khác nhau không? Chỉ ra điểm khác nhau... Với mỗi câu hỏi GV đưa ra thì SV sẽ phải suy nghĩ để giải quyết vấn đề đó. Khi SV hoàn thiện việc trả lời câu hỏi thì cũng sẽ nhớ bài nhanh hơn, chủ động và sáng tạo hơn trong việc tìm hiểu những nội dung học tiếp theo.

#### 4.2.3.2. Phương pháp thảo luận nhóm

Đây là phương pháp phát huy cao nhất khả năng tư duy, thu thập, trao đổi, hệ thống các thông tin, tư duy phân tích tổng hợp, từ đó tìm ra phương án tốt nhất cho vấn đề đang được tìm hiểu, nghiên cứu. Đây là một trong những phương pháp dạy học tích cực, đòi hỏi sự tham gia thảo luận, xử lý vấn đề của tất cả thành viên trong nhóm. Trong quá trình sử dụng phương pháp dạy học này, GV cần nắm vững nội dung chương trình trong từng bài dạy để dẫn dắt SV thảo luận đúng trọng tâm của nội dung cần nghiên cứu. GV thay vì nói chung chung một số vấn đề, cần linh hoạt phân tích sâu một vài chương nhạc, phân nhạc về mặt thủ pháp sáng tác hoặc chỉ ra một số tính năng của nhạc cụ phương Tây, nhạc cụ dân tộc trong tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Điều này sẽ giúp buổi thảo luận sẽ sinh động, sôi nổi và đi đúng trọng tâm hơn.

Trong phương pháp này, GV chia lớp ra thành từng nhóm, có thể giao cho mỗi nhóm một vấn đề liên quan đến bài học để tìm hiểu, sau đó từng nhóm sẽ đứng lên thuyết trình.

Chẳng hạn như đối với môn Âm nhạc Việt Nam, với tính chất là một bộ môn lịch sử, nếu như cách dạy chỉ đơn thuần là việc thuyết trình từ GV thì sẽ không tránh khỏi sự nhàm chán, khó vận động được tính tích cực từ người học. Trong bộ môn này, khi dạy học tác phẩm của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân - nhạc sĩ ở giai đoạn 1975 đến nay. GV sẽ chia lớp thành 3 nhóm, mỗi nhóm sẽ có nội dung như sau: Nhóm 1 thảo luận về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân và tác phẩm *Dáng rồng lên*; Nhóm 2 thảo luận về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân và *Nocture Tiếng vọng*; Nhóm 3 thảo luận về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân và *Trở một*. Sau khi thảo luận, mỗi nhóm sẽ tiến hành thuyết trình về mỗi nội dung được giao.

Hay như trong môn Phân tích tác phẩm, GV cần giao cho từng nhóm SV tìm hiểu và thuyết trình về chất liệu xây dựng chủ đề của từng phần nhạc có trong bài (nhóm 1: phần A; nhóm 2: Phần B; nhóm 3: phần A'). Tuy nhiên, đối với đối tượng SV Đại học SPAN, các em chỉ tìm ra một vài chất liệu chính, có liên quan đến những giai điệu quen thuộc như chất liệu lấy từ làn điệu chèo, dân ca Nam Bộ...

#### 4.2.3.3. Ứng dụng phương tiện nghe nhìn và công nghệ thông tin

Ứng dụng các phương tiện nghe nhìn và công nghệ thông tin trong quá trình dạy học tác phẩm khí nhạc cho nói chung cho SV Đại học SPAN là việc rất cần thiết, hỗ trợ tích cực cho quá trình học tập của SV, giúp SV dễ dàng tiếp cận kiến thức, nhận biết được các nội dung học hiệu quả hơn.

Ngoài việc thuyết trình kết hợp sử dụng ứng dụng powerpoint, các GV còn sử dụng những tư liệu nghe nhìn tương ứng với nội dung học như: các video về cách sử dụng bộ nhạc cụ trong dàn nhạc giao hưởng, các phần âm thanh về tác phẩm khí nhạc... Việc sử dụng những tư liệu nghe/nhìn này giúp SV dễ hiểu hơn về thể loại âm nhạc mang tính trừu tượng này.

Ngày nay, khi công nghệ thông tin càng phát triển thì việc học tập nói chung và học về âm nhạc, nhất là các môn cần nhiều đến tư liệu nghe nhìn như Âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm, ngày càng trở nên thuận lợi hơn. Khi

mà các em chưa có điều kiện về thời gian và các điều kiện khác để tham gia được những buổi hoà nhạc thực tế, thì những tư liệu do công nghệ mang lại sẽ hỗ trợ một cách tích cực.

Trong quá trình dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, những hướng dẫn của GV sẽ được cụ thể hoá thông qua các tư liệu nghe nhìn. Hơn thế nữa, việc sử dụng phương tiện trực quan sẽ khiến giờ học thêm sinh động và tạo hứng thú trong học tập, kích thích tư duy sáng tạo của SV. Chẳng hạn như, trong môn Âm nhạc Việt Nam, khi nói đến sự đồng nhất của bộ dây, tư liệu nghe nhìn về tác phẩm *Tứ tấu đàn dây* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân sẽ giúp các em hiểu thế nào là âm thanh đồng nhất, xen kẽ vào đó là các kĩ thuật như glissando, pizzicato... được tác giả khai thác và sử dụng trong tác phẩm cũng được cụ thể hoá hơn.

Bên cạnh đó, ngoài những giờ học trên lớp, các em cũng có thể tìm được những tác phẩm của cùng nhạc sĩ, hoặc tác phẩm cùng thể loại nhưng của nhạc sĩ khác để nghe và so sánh. Điều này sẽ giúp các em tăng khả năng sáng tạo của mình trong việc học tập.

#### 4.2.3.4. Phương pháp dạy học theo dự án

Dạy học theo dự án là một trong những PP của dạy học tích cực, dạy học phát triển năng lực người học, thường được sử dụng nhiều trong các trường đại học nhưng dạy học hiện đại từ thế kỷ XX đến nay.

Đây là PPDH trong đó người học thực hiện một nhiệm vụ học tập phức tạp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành nhằm tạo ra một sản phẩm cụ thể. Mục tiêu cơ bản của phương pháp này là hình thành ở người học năng lực tự phát hiện, tự học, tự giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, làm việc nhóm. Các dự án có chiều sâu, có giai đoạn và có tính phức tạp sẽ thúc đẩy người học xây dựng kiến thức.

Đặc điểm cơ bản của dạy học theo dự án là người học được thực hiện nhiệm vụ học tập với tính tự lực cao, từ việc xác định mục đích, xây dựng kế hoạch đến thực hiện dự án, kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện...

Khi bắt đầu dự án, người học có nhu cầu khám phá để lựa chọn một chủ đề, một vấn đề nghiên cứu tạo ra sự gợi mở. Chủ đề, vấn đề được khám phá qua hoạt động học tập theo dự án chỉ mới mang tính gợi mở, định hướng. Thông qua khám phá, tìm hiểu tự hoạt động học tập theo dự án, HS sẽ tiếp thu nhận được rất nhiều kiến thức, kỹ năng... PPDH theo dự án tạo ra cơ hội cho người học được tự do lựa chọn các chiến lược và các cách tiếp cận khác nhau, được khuyến khích khám phá các chủ đề mà họ quan tâm, phát huy sở trường, từ đó người học có được những kiến thức chuyên sâu.

Học theo dự án chỉ đúng ý nghĩa khi SV thực sự quan tâm, nghĩa là SV được chọn lựa vấn đề mà các em quan tâm và hứng thú. Tuy vậy, GV vẫn có thể hướng SV theo chủ đề của mình gợi ý, quan trọng là cần quan sát, tìm hiểu để biết được sở trường, hứng thú của SV. Học theo dự án tựa như cách thức thực hiện một dự án trong thực tiễn, đòi hỏi năng lực lập kế hoạch, tổ chức làm việc...

#### ***4.2.4. Phát triển năng lực cảm thụ âm nhạc cho sinh viên***

Cảm thụ là một hình thức nhận thức thẩm mỹ, cũng là quá trình chủ thể vận dụng tích cực mọi hiểu biết của mình để lĩnh hội những cái hay cái đẹp. Cảm thụ thường được nói đến trong văn học, hội hoạ, âm nhạc và một số môn nghệ thuật khác.

Vậy cảm thụ âm nhạc chính là sự kết hợp giữa việc hiểu và quá trình cảm nhận được những đặc điểm, giá trị nổi bật, cảm nhận được cái hay, cái đẹp mà tác phẩm âm nhạc đó mang lại cho người nghe.

Sức mạnh của âm nhạc có ảnh hưởng rất lớn đến tư tưởng và tình cảm của con người thông qua những nét đẹp của các yếu tố tạo thành tác phẩm như: giai điệu, hình tượng âm nhạc, hoà thanh... Cảm thụ được một tác phẩm âm nhạc có nghĩa là người nghe biết cảm nhận, phân tích và đánh giá được những cái đẹp có trong tác phẩm, đây cũng là chu trình của việc hình thành năng lực thẩm mỹ.



Khi dạy học tác phẩm khí nhạc, GV mang đến cho SV những xúc cảm thẩm mỹ đúng đắn, trong sáng, giúp SV phát triển, cảm thụ và lĩnh hội được những cái đẹp trong nghệ thuật, trong tự nhiên, trong các mối quan hệ xã hội. Biểu hiện của năng lực thẩm mỹ là khả năng đánh giá, nhận xét về hình thức tác phẩm, hoà thanh, phối khí, khả năng chọn lọc tác phẩm âm nhạc để nghe hình thành thị hiếu âm nhạc...

Chính vì vậy, khi sử dụng tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong quá trình dạy học, GV cần cung cấp cho SV những nội dung liên quan đến tác phẩm. Sau đó sẽ sử dụng các phương tiện nghe/ nhìn để giúp SV tiếp cận trực quan, hiểu và cảm nhận tác phẩm.

Đối với môn Phân tích tác phẩm, chủ đề *Lý ngựa ô* được sử dụng nhiều trong tác phẩm khí nhạc của ông. GV có thể cho SV nghe những bản gốc của bài *Lý ngựa ô*, sau đó sẽ cho các em những trích đoạn chủ đề triển khai từ *Lý ngựa ô* có trong tác phẩm: *Sắc xuân*, *Dáng rồng lên*, *Rhapsodie Việt Nam* (Tham khảo chương 2), rồi cho các em SV nhận xét sự giống và khác của những cách phát triển chất liệu đó so với bài bản gốc.

Với môn Âm nhạc Việt Nam khi dạy tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, trước hết GV cần giới thiệu tác phẩm khí nhạc thuộc giai đoạn từ 1975 - nay, khái quát chung (nội dung tư tưởng, các thể loại, đặc điểm sáng tác) của các nhạc sĩ cùng giai đoạn. Sau đó, SV sẽ được nghe chương II - Dòng sông hát và chương III - Thần tốc trong tác phẩm giao hưởng *Dáng rồng lên*, đây là hai chương nhạc có tính đối lập nhau về tính chất. Nếu như chương II gợi tả hình ảnh dòng sông hồng chảy nặng phù sa, yên bình của đất Thăng Long, thì chương III lại miêu tả về cuộc chiến hào hùng đánh đuổi giặc xâm lăng của người anh hùng áo vải vua Quang Trung. Cuối cùng là đặt câu hỏi về cảm nhận của SV về hai chương nhạc vừa nghe.

#### **4.2.5. Dạy học về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân dưới dạng bài giảng chuyên đề**

Việc dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho sinh viên Sư phạm âm nhạc có thể được GV lựa chọn một vài tác phẩm hay một phần trích đoạn của tác phẩm nào đó để thực hiện ở một số môn như đã nêu. Những phân biện pháp dạy chúng tôi nêu ra để nếu GV nào lựa chọn dạy về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân thì có tài liệu tham khảo. Tuy vậy, thực tế cho thấy nội dung chương trình Đại học SPAN có yêu cầu dạy học tác phẩm khí nhạc của các nhạc sĩ Việt Nam và nước ngoài ở một số môn với thời lượng không nhiều mà lại có nhiều nội dung khác nữa. Do đó, để có thể cho SV biết thêm về nhạc sĩ Việt Nam nói chung, nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân nói riêng, chúng tôi đề xuất biện pháp dạy học về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân dưới dạng bài giảng chuyên đề và tổ chức thực hiện trong chương trình ngoại khóa.

*Mục tiêu của chuyên đề* nhằm cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, về sự nghiệp, những đóng góp cho nền âm nhạc Việt Nam, đặc điểm tác phẩm, một số tác phẩm tiêu biểu và giá trị nghệ thuật. Từ đó, sinh viên hiểu rõ thêm về lịch sử âm nhạc Việt Nam, các nhạc sĩ hiện đại Việt Nam sau năm 1975.

*Thời lượng:* Chuyên đề được thực hiện trong các tiết học ngoại khóa, có thời lượng là 04 tiết.

*Nội dung chính của chuyên đề:*

Vấn đề thứ nhất: Giới thiệu sơ lược về tiểu sử của của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong bối cảnh lịch sử âm nhạc Việt Nam giai đoạn sau năm 1975.

Vấn đề thứ hai: Những đóng góp của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho nền âm nhạc hiện đại Việt Nam trong các lĩnh vực sáng tác, chỉ huy, đào tạo và hoạt động xã hội

Vấn đề thứ ba: Giới thiệu khái quát lĩnh vực sáng tác thanh nhạc, khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.

Vấn đề thứ tư: Đi sâu giới thiệu cụ thể một số tác phẩm khí nhạc tiêu biểu là tác phẩm giao hưởng *Nocture Tiếng Vọng* trên các phương diện cấu trúc,

cách xây dựng chủ đề, điệu thức, sử dụng dàn nhạc, giá trị nghệ thuật và rút ra đặc điểm trong sáng tác của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân vừa mang tính hiện đại vừa mang tính dân tộc. Trong phần giới thiệu tác phẩm, cho SV nghe một số trích đoạn minh họa (tham khảo đặc điểm âm nhạc ở chương 2 luận án).

Chuẩn bị và PPDH: Trước khi tổ chức nói chuyện chuyên đề, cho SV làm bài tập nhỏ tìm hiểu nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Trong buổi học sử dụng phương pháp thuyết trình xen kẽ thảo luận nhóm, phát tài liệu để SV xem và trình bày những vấn đề cần được thảo luận, Cuối cùng, cho SV rút ra bài học về giá trị của các tác phẩm được học, tác dụng của chuyên đề.

#### ***4.2.6. Một số biện pháp khác***

##### ***4.2.6.1. Quy trình chuẩn bị của giảng viên để dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân***

Để việc dạy và học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong các môn Âm nhạc Việt Nam/Lịch sử âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm, cho SV ngành SPAN một cách hiệu quả thì ngoài những giờ học trên lớp, SV còn cần phải có ý thức tìm hiểu và tự học. Thời lượng một buổi học các môn học trên sẽ là 4 tiết (tương đương 200 phút/ buổi học) đối với môn Phân tích tác phẩm và 3 tiết (150 phút/buổi học) với môn Âm nhạc Việt Nam. Với khối lượng kiến thức lớn cần truyền tải trong mỗi buổi học, thì SV phải thực sự nghiêm túc và tích cực học tập thì mới có thể hiểu và đáp ứng chất lượng của buổi học.

Như vậy, để tập trung được nhiều hơn vào việc dạy kiến thức và chỉ ra được những yếu tố đặc điểm trong mỗi tác phẩm (đặc điểm tương ứng nội dung học) một cách kỹ lưỡng hơn, tránh tình trạng GV mất quá nhiều thời gian vào việc phải đọc lại các nội dung có trong giáo trình, chúng tôi thiết lập quy trình dạy học để SV có thể kết hợp một cách hợp lý nhất giữa việc học ở trên lớp với việc tự học và nghiên cứu ngoài giờ lên lớp, quy trình thực hiện như sau:

##### ***Bước 1: Lựa chọn các tác phẩm cần được học***

- GV lựa chọn tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để dạy một số môn kiến thức âm nhạc như: Âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm

- Cần chọn đĩa băng có chất lượng về âm thanh và hình ảnh

- Chuẩn bị tổng phổ của các tác phẩm

*Bước 2: Tìm hiểu nội dung bài dạy và thu thập thêm tư liệu về tác phẩm*

- Tổng hợp kiến thức về tác giả Đỗ Hồng Quân, về các tác phẩm khí nhạc của ông được sử dụng trong từng môn học như Âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm. Phân nhóm thể loại, phân tích đặc điểm âm nhạc của tác phẩm để áp dụng vào việc dạy học các môn học. Trước khi muốn nghe và hiểu một tác phẩm khí nhạc ở bất kì môn học nào như: Âm nhạc Việt Nam, Phân tích tác phẩm, điều kiện đầu tiên là phải biết về nhạc sĩ và sơ lược về đặc điểm sáng tác của nhạc sĩ, nội dung tư tưởng của tác phẩm. Ở bước này, vai trò của GV rất quan trọng, GV cần chú trọng vào việc trang bị kiến thức cho SV, nhất là đối với SV SPAN, năng lực của các em là chưa thực sự đồng đều, vậy nên vai trò của GV trong bước này rất quan trọng.

- Tìm hiểu về thời điểm sáng tác và đặc điểm giai đoạn âm nhạc 1975 - nay để thuận lợi cho việc giúp SV định hướng, so sánh những tác phẩm được học có phù hợp với giai đoạn lịch sử tương ứng.

*Bước 3: Nghe và phân tích tác phẩm*

- Phân tích đặc điểm sáng tác (chất liệu chủ đề, hoà thanh, phức điệu, phối khí...) một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.

- Tuy nội dung chương trình học của SV SPAN không có môn phức điệu, hoà thanh vẫn còn hạn chế ở nội dung chuyển điệu cấp 1, nhưng GV vẫn tiếp tục phân tích những yếu tố đó để giới thiệu mở rộng thêm cho các em khi lên lớp lớp, tạo năng lực tích cực cho việc nghiên cứu và tìm hiểu của SV.

- *Bước 4: Hướng dẫn SV nghe và xem tác phẩm khí nhạc được trình tấu qua tư liệu nghe nhìn*

- Thực hiện quan sát và đọc tổng phổ những tác phẩm khí nhạc được học. kết hợp việc nghe tác phẩm. Thông qua các tác phẩm khí nhạc và nội dung bài học đã chuẩn bị trước giờ lên lớp, kết hợp với bài giảng và hướng dẫn của GV, SV sẽ tìm ra được những điểm tương đồng, nổi bật của tác phẩm với nội dung bài học. Từ đó, sẽ dễ dàng hơn trong việc hình thành và chiếm lĩnh kiến thức của SV. Hướng dẫn cho SV tính chất, tình cảm âm nhạc, thường dùng các tính từ để miêu tả. GV chỉ nên gợi mở cảm xúc, gợi tưởng tượng, nên dùng các từ: như là, như vẽ nên, khiến ta hình dung... mà không nên nói một cách chính xác vì âm nhạc là nghệ thuật biểu hiện, người nghe có thể hình dung tưởng tượng khác nhau, tuy nhiên cần nêu âm nhạc không cho ta sự tưởng tượng theo chủ quan song không phải muốn hiểu thế nào cũng được. Cần dựa vào các sách tài liệu để có những nhận xét đánh giá đúng đắn.

- Thêm vào đó GV hướng dẫn SV theo dõi bản nhạc. Đối với SV SPAN điều này không dễ dàng vì trình độ không chuyên sâu. Cần hướng dẫn tỉ mỉ các phương pháp đập phách, các chỗ xuống dòng. Có thể dừng lại giữa chừng để kiểm tra SV xem có theo dõi được không Qua phần theo dõi bản nhạc kết hợp nghe để phân tích tác phẩm theo yêu cầu nội dung của môn học. Được nghe kết hợp theo dõi bản nhạc nhiều, SV dần dần có kỹ năng và sẽ nhanh nhậy hơn, thậm chí sau này không cần hướng dẫn tỉ mỉ cũng tự theo dõi được.

#### *Bước 5: Thực hiện nội dung bài học và kết luận*

- Sau khi nắm chắc kiến thức, GV hướng dẫn SV thực hiện tìm hiểu những nội dung bài học trong nhiều các tác phẩm khác, nhằm củng cố lại kiến thức bài học một cách rõ ràng, rành mạch.

#### *4.2.6.2. Nâng cao nhận thức và năng lực chuyên môn cho đội ngũ giảng viên dạy học khí nhạc Việt Nam*

- Trước tiên, GV cần được trao đổi để có nhận thức đúng đắn về vai trò của dạy học tác phẩm Việt nam bao gồm cả ca khúc và tác phẩm khí nhạc.

- Tổ chuyên môn khi dự giờ góp ý cần chú trọng cả về PPDH lẫn nội dung dạy học tác phẩm khí nhạc Việt Nam,
- GV cần có sự trao đổi cho nhau về tài liệu giảng dạy
- Trong sinh hoạt chuyên môn cần bàn chi tiết về các tác phẩm khí nhạc Việt Nam
- Tổ chức seminar, chuyên đề về âm nhạc Việt Nam trong đó có khí nhạc. Các GV có nhiệm vụ chuẩn bị bài tham luận, như thế buộc GV phải nghiên cứu thêm mở rộng kiến thức hiểu biết về khí nhạc Việt Nam.
- Tổ chức tọa đàm nhỏ của SV hiểu biết về âm nhạc Việt Nam trong đó có khí nhạc

### **4.3. Thực nghiệm sư phạm**

#### **4.3.1. Mục đích thực nghiệm sư phạm**

Để đánh giá tính khả thi và hiệu quả của biện pháp đề xuất dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong một số môn học cho sinh viên ngành Đại học SPAN, trên cơ sở phân tích khách quan, khoa học với các kết quả rõ ràng được số hoá, định lượng, định tính.

Kiểm nghiệm tính khoa học, tính khả thi của giả thuyết khoa học, phương pháp dạy học và quy trình dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân đã đề ra trong luận án. Ngoài ra, kịp thời phát hiện những điểm còn bất cập đưa ra hướng khắc phục, hoàn thiện cho các biện pháp để nâng cao chất lượng dạy học.

Nhiệm vụ của việc thực nghiệm là chúng tôi sẽ lựa chọn đối tượng và địa bàn để tổ chức thực nghiệm. Bên cạnh đó, sẽ trình bày nội dung và phương pháp thực nghiệm sư phạm, thiết kế bài giảng và trao đổi với GV trực tiếp dạy thực nghiệm về cách thức tiến hành bài dạy trên lớp cũng như cách kiểm tra đánh giá kết quả.

### **4.3.2. Đối tượng, thời gian và địa điểm thực nghiệm sư phạm**

Được sự đồng ý của Trưởng khoa và tổ chuyên môn khoa Sư phạm Âm nhạc, trường ĐHSP Nghệ thuật TW, chúng tôi đã tiến hành thực nghiệm Sư phạm với lớp 1070051.22.03 là lớp SV năm thứ 2.

#### **4.3.2.1. Đối tượng thực nghiệm**

- Thực nghiệm dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong môn Phân tích tác phẩm

- Lớp thực nghiệm lớp: 1070051.22.03 - gồm 40 SV- Giảng viên T.T.H

-Người dạy nhóm thực nghiệm: giảng viên T.T.H - bộ môn Kiến thức âm nhạc khoa Sư phạm Âm nhạc, trường ĐHSP Nghệ thuật TW

#### **4.3.2.2. Thời gian thực nghiệm**

- Học kì 1 năm học 2022 - 2023 ngày 16/9/2022. Thời gian: 04 tiết

#### **4.3.2.3. Địa điểm thực nghiệm**

- Lớp 1070051.22.03: phòng 404 nhà D, khoa Sư phạm Âm nhạc, trường ĐHSP Nghệ thuật TW.

### **4.3.3. Nội dung và hình thức thực nghiệm**

#### **4.3.3.1. Nội dung thực nghiệm**

- Căn cứ vào nội dung chương trình giảng dạy và khả năng thực tế của SV. Với những đề xuất dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân mà chúng tôi đã trình bày, kết hợp với một số PPDH mà luận án đề ra như chú trọng sử dụng PPDH tích cực, phát triển năng lực cảm thụ âm nhạc, quy trình chuẩn bị của bài dạy của GV..., chúng tôi lựa chọn nội dung thực nghiệm như sau:

- Bài dạy *Hình thức 3 đoạn đơn*: Trong nội dung dạy học, ngoài những tác phẩm nước ngoài, ca khúc Việt Nam mang tính mẫu mực làm dẫn chứng và SV được thực hành tự phân tích 1 ca khúc có hình thức 3 đoạn đơn, nội dung bài thực nghiệm dạy học phần A tác phẩm *Nocture Tiếng vọng* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân là một phần trong bài *Hình thức 3 đoạn đơn*. Phương thức dạy tác phẩm này là cho SV nghe âm nhạc kết hợp xem tổng phổ và nhận dạng hình

thức 3 đoạn đơn của tác phẩm khí nhạc dưới sự hướng dẫn của GV. Mục đích để SV hiểu biết thêm các dạng phong phú của hình thức 3 đoạn đơn.

*Nocture Tiếng vọng* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân là tác phẩm viết cho dàn nhạc giao hưởng nên với năng lực của SV Đại học SPAN mục đích của bài dạy chỉ ở mức độ là SV được nghe phần A là phần có hình thức 3 đoạn đơn, kết hợp được GV hướng dẫn xem tổng phổ để nhận ra chủ đề, đến đâu là hết đoạn a, đoạn b và nhận diện được đoạn tái hiện (a').

#### 4.3.3.2. Hình thức thực nghiệm

Chúng tôi không thực hiện thực nghiệm đối chứng mà sử dụng hình thức thực nghiệm kiểm chứng kết quả trước và sau thực nghiệm với cùng một đối tượng SV.

Trước khi tiến hành thực nghiệm, chúng tôi có đưa 1 số câu hỏi điều tra khảo sát cho 40 SV và phỏng vấn một số SV của lớp thực nghiệm.

- Câu hỏi 1:

Câu hỏi	Các phương án trả lời	Số SV (n=40)
Các em có biết nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân?	Có biết	4/40 10%
	Chưa biết	36/40 90%

Như vậy, đa số SV chưa biết đến nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Khi phỏng vấn 4 SV biết nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân qua kênh thông tin nào thì các em trả lời biết ông từng là Chủ tịch Hội Nhạc sĩ Việt Nam, tác giả của nhạc kịch *Lá đỏ*; có SV biết do nghe một số thầy cô dạy môn học khác như Lịch sử âm nhạc thế giới có mở rộng kiến thức liên hệ đến âm nhạc Việt Nam, nhắc đến tên nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân và tác phẩm nhạc kịch *Lá đỏ* khi dạy học về thể loại nhạc kịch vì có mối liên quan đến nhạc sĩ Đỗ Nhuận là người viết nhạc kịch đầu tiên của Việt Nam và là cha đẻ của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Cá biệt có SV lại biết đến nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân qua vai thẳng Cuội trong phim *Thằng Cuội*, từ bộ phim đó mà quan tâm đến ông với tư cách là nhạc sĩ. Những SV biết về nhạc sĩ Đỗ



Hồng Quân là những em học giỏi của lớp và thường tự học, tự nghiên cứu nhiều hơn.

- Câu hỏi 2:

Câu hỏi	Các phương án trả lời	Số SV (n=40)
Các em đã nghe tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân bao giờ chưa?	Đã nghe	1/40 2,5%
	Chưa từng nghe	39/40 97,5%

Đây là lớp SV chưa được học môn Âm nhạc Việt Nam nên hầu như SV chưa được nghe tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cũng là điều dễ hiểu, hơn nữa môn Phân tích tác phẩm đến giai đoạn này mới chỉ dạy đến hình thức 3 đoạn đơn; ở các hình thức 1, 2 đoạn đơn chủ yếu SV được phân tích ca khúc. Mặt khác, như đã nêu ở thực trạng là kể cả đến năm thứ ba, khi dạy các thể loại có hình thức lớn, đa số GV ít cho nghe tác phẩm khí nhạc Việt Nam. Điều này hoàn toàn trùng khớp với thực trạng chúng tôi đã điều tra ở chương 3.

- Câu hỏi 3:

Câu hỏi	Các phương án trả lời	Số SV (n=40)
Em nghĩ rằng mình có thể phân tích được tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân hay không?	Có thể làm được	3/40 7,5%
	Không tự tin lắm	15/40 37,5%
	Không thể làm được	22/40 55%

Như vậy, tỉ lệ SV tự tin làm được bài phân tích tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân là rất thấp, số không tự tin lắm cũng chỉ đến 37,5%, còn hơn một nửa nghĩ rằng không thể làm được.

#### 4.3.4. Tiến hành thực nghiệm

Các bước lên lớp dạy học bài Hình thức ba đoạn đơn trong đó có tác phẩm khí nhạc *Nocture Tiếng vọng* của Đỗ Hồng Quân trong môn phân tích tác phẩm được tiến hành như sau:

Ở nội dung này, SV được học về cách phân tích tác phẩm ở hình thức 3 đoạn đơn dựa trên các nguyên tắc và kỹ năng đã được học, rèn luyện từ những bài học trước đó là: nguyên tắc phân tích các phương tiện biểu hiện âm nhạc, nguyên tắc xây dựng tác phẩm âm nhạc, nguyên tắc cấu trúc trong tác phẩm âm nhạc, sự hiểu biết và kỹ năng phân tích hình thức 1 đoạn, hình thức hai đoạn. Chúng tôi tiến hành theo trình tự:

Nội dung 1: GV giới thiệu khái niệm về hình thức ba đoạn đơn; các dạng thường gặp của hình thức 3 đoạn đơn; ứng dụng của hình thức 3 đoạn đơn. GV đưa một số mẫu dẫn chứng tác phẩm có hình thức 3 đoạn đơn chuẩn mực bao gồm cả ca khúc Việt Nam và khí nhạc nước ngoài (bản piano) để SV nhận dạng, thảo luận về các dạng của hình thức này.

Về ca khúc Việt Nam, GV lấy ví dụ bài *Biết ơn Võ Thị Sáu* của nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn để chứng minh cho hình thức 3 đoạn đơn có tái hiện dạng phát triển, bài *Tuổi đời mênh mông* của nhạc sĩ Trịnh Công Sơn để chứng minh dạng 3 đoạn có tái hiện y nguyên, dạng tương phản và đoạn b tương đối đặc biệt vì chỉ có 1 câu.

Về tác phẩm khí nhạc nước ngoài GV lấy dẫn chứng 1 tiểu phẩm piano trong *Album Trẻ thơ* của nhạc sĩ R. Schumann là phần A bản số 11 là hình thức 3 đoạn đơn phát triển có tái hiện y nguyên. Phương pháp dạy ở nội dung này là GV kết hợp giữa gợi ý và để SV tự tìm ra hình thức của ca khúc hay tác phẩm khí nhạc.

Nội dung 2: SV thực hành tự phân tích 1 ca khúc có hình thức 3 đoạn đơn dạng tái hiện có thay đổi là *Trời Hà Nội xanh* của Văn Ký. Với phần này, GV để SV hoàn toàn độc lập làm bài tập trọn vẹn. Sau đó, GV cho một số SV trình bày kết

quả và các SV khác nhận xét, cuối cùng GV rút ra kết luận về hình thức của bài *Trời Hà Nội xanh*.

*Nội dung 3* (Nội dung chính phần thực nghiệm của luận án): Nghe và nhận diện hình thức 3 đoạn đơn qua phần A tác phẩm *Nocture Tiếng vọng* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.

SV được thực hành nghe kết hợp xem tổng phổ viết cho dàn nhạc. Dưới sự hướng dẫn cả nghe lẫn xem tổng phổ của GV, SV nhận dạng được hình thức 3 đoạn đơn qua phần A của giao hưởng *Nocture Tiếng vọng* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Qua đó, SV nắm được phần A thuộc hình thức 3 đoạn đơn tái hiện có thay đổi và ở dạng tương phản (a - b - a'). Ngoài ra, SV còn được biết thêm phần A của tác phẩm có đoạn b không chia câu mà chỉ có 1 câu.

Dưới đây là trình tự phân nghe và nhận diện phần A giao hưởng *Nocture Tiếng vọng* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân.

*Bước 1:* GV giới thiệu một đôi nét về tác giả Đỗ Hồng Quân và tác phẩm *Nocture Tiếng vọng*. *Nocture Tiếng vọng* (viết cho dàn nhạc giao hưởng). Đây là tác phẩm viết theo thể loại Nocture giao hưởng (Nocture symphonic). Bản giao hưởng này được ra đời xuất phát từ sự xúc động sâu sắc của nhạc sĩ với bài thơ “Kính tặng các bà mẹ Việt Nam anh hùng” của nhà thơ Trương Quang Được: “*Một nếp nhà tranh bên sông vắng/ Một chiếc thuyền nan chở đầy trăng/ Ai đó chờ ai trong im ắng/ Đã mấy xuân rồi, dứt chiến tranh*”. Tác phẩm miêu tả hình ảnh thiên nhiên và những xúc cảm riêng của nhạc sĩ khi nhìn lại quá khứ tàn khốc, biệt li do chiến tranh mang lại. Đồng thời, qua đó tác giả gửi gắm sự tôn vinh, ngợi ca và tình cảm thiêng liêng, sâu nặng đến các bà mẹ Việt Nam anh hùng.

*Bước 2:* GV phát tổng phổ của tác phẩm để các em SV theo dõi, cho SV nghe toàn bộ phần A. Sau đó đặt câu hỏi: “Nêu cảm nhận của em về chương nhạc vừa nghe?” (Gợi ý: vui, buồn, rộn ràng, bi thương...)

*Bước 3:* Nhận biết hình thức của tác phẩm

*Nocture Tiếng vọng* gồm có phần mở đầu, coda và bốn phần chính là A B C' A.

Phần A của *Nocture Tiếng vọng* có nhịp độ Adagio (rất chậm) mang tiêu đề *Trăng tình yêu*. Phần nhạc này có cấu trúc 3 đoạn đơn dạng tương phản (a - b - a').

Đoạn a (nhịp 31-50) giọng As-dur gồm 2 câu không cân phương. Câu 1 (nhịp 31-39) là câu chủ đề với tính chất uyển chuyển, trữ tình và ám áp do Violoncello diễn tấu kết hợp với phần đệm âm hình rải của bè Clarinette và bè contrebass trì tục âm la giáng (as) nhằm củng cố điệu tính chính. Câu 2 (nhịp 39-50) tác giả sử dụng violoncello chơi giai điệu chính, các nhạc cụ khác của dàn dây, kết hợp với kèn cor và bộ đồng đệm.

Ví dụ: Nhịp 31 – 50, *Nocture Tiếng vọng*

Để SV có thể nhận biết được chủ đề và khắc sâu tính chất âm nhạc của đoạn a cũng như nhận diện được 2 câu của đoạn a, GV cho SV nhìn tổng phổ, nhận diện giai điệu ở 4 ô nhịp đầu là chủ đề, cho nghe âm nhạc riêng câu thứ nhất. Tiếp đến, GV cho SV nhận diện câu nhạc thứ 2 của a trên bản nhạc, nghe riêng câu 2. Khi SV đã nhận diện được cả đoạn a, GV cho nghe lại a và tiếp ngay sang b.

Đoạn b (nhịp 51 - 64) được viết giọng a-moll, chỉ có 13 nhịp và không chia câu mà chỉ có 1 câu. Ở đây tác giả sử dụng nhạc cụ Capanelli chơi giai điệu và bè Piano đệm. Đến nhịp 64, cao trào được đẩy lên đến đỉnh điểm khi

chủ đề được chơi trên giọng a-moll với cường độ âm thanh ff (fortissimo: Rất mạnh) để dẫn đưa đoạn nhạc về tái hiện.

Với đoạn b, GV tiếp tục cho nghe kết hợp xem tổng phổ và hỏi SV: phần âm nhạc đoạn b bắt đầu từ chỗ nào? Tại sao em nhận biết được? GV hướng dẫn SV nhận biết đoạn b qua sự thay đổi âm hình tiết tấu và giai điệu, điệu tính trưởng (As-dur) ở đoạn a chuyển sang b là thứ (a-moll) tạo sự tương phản màu sắc. Đoạn b tương phản với a cả về cường độ, phát triển cao trào ở đoạn b... tạo cảm xúc mạnh mẽ trào dâng. Cho SV nghe vài lần đoạn b để thấu hiểu và ghi nhớ.

Ví dụ: Giai điệu chính của đoạn b do nhạc cụ Capenneli chơi.



GV phân tích và nhấn mạnh đoạn b chỉ có 1 câu là một dạng đặc biệt của hình thức 3 đoạn đơn mà trong ca khúc có bài *Tuổi đời mênh mông* và trong thực tế cũng có một số tác phẩm khác cũng được viết như vậy. Để phát huy tính tích cực tư duy của SV, GV đưa ra vấn đề với câu hỏi: Tại sao kết luận đoạn b chỉ có 1 câu? SV phát hiện bằng yếu tố âm nhạc phát triển liên tục, không thể phân ngắt và chỉ có 13 nhịp.

Trên cơ sở SV nhận biết được giai điệu, cách xây dựng của hai đoạn a và b, tiếp tục cho SV nhận biết đoạn a' tái hiện.

*Đoạn a'* (nhịp 65-79): tái hiện rút gọn có thay đổi, về mặt điệu tính có nâng cao hơn đoạn a 1/2 cung không ở giọng As-dur mà là giọng A-dur, tạo tính tương phản rõ rệt với đoạn b cả về mặt điệu tính cũng như tính chất âm nhạc, giai điệu do Flute, Oboa, Clarinette, Violon, Viola chơi, bộ đồng và bộ gõ đệm. Trong phần nhạc này, tác giả đã diễn tả được sự vươn lên mạnh mẽ, sâu lắng, man mác buồn bên những mất mát khổ đau trong chiến tranh, tình yêu bất diệt với quê hương đất nước.

Ví dụ: Nhịp 65 - 79, chủ đề *Trăng tình yêu*- giao hưởng *Tiếng vọng*



Với đoạn a', GV cho SV nghe tác phẩm và hướng dẫn SV theo dõi tổng phổ, yêu cầu SV nhận được đến đâu là đoạn a'. Tuy nhiên, nhìn trên tổng phổ khó nhận biết hơn vì chủ đề có thay đổi. SV nhận biết được a' chính là nhờ nghe giai điệu gần giống với a. GV có thể mở lại đoạn a để SV so sánh và nhận ra.

**Bước 4:** Khẳng định giá trị nghệ thuật của tác phẩm

GV tổng kết và rút ra đặc điểm chung về hình thức 3 đoạn đơn, nhấn mạnh lại ý nghĩa nội dung và hình tượng của tác phẩm.

**Bước 5:** Vận dụng và củng cố kiến thức

Sau khi đã hoàn thiện phần dạy học Phần A của *Nocture Tiếng vọng* của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, GV cho 1 bài kiểm tra ngắn là nghe tách rời từng đoạn (không nghe liền mạch theo thứ tự) của tác phẩm để SV nhận ra các đoạn a', đoạn b, đoạn a và yêu cầu tất cả SV trả lời ra giấy theo thứ tự được nghe; nêu tính chất âm nhạc của từng đoạn. Sau đó, yêu cầu 1 SV tự nguyện trình bày tổng thể về phần A sau khi đã được hướng dẫn nhận dạng chi tiết qua bài học.

#### 4.3.5. Kết quả thực nghiệm

Sau khi áp dụng từng bước của quá trình thực nghiệm vào giảng dạy, chúng tôi nhận thấy như sau:

Kết quả của việc kiểm tra, đánh giá, bằng cách cho SV nghe tách rời từng đoạn không theo thứ tự, có 34 SV (tương đương 85% số SV tham gia thực nghiệm) nhận diện được các đoạn một cách chính xác. Số lượng các em SV nêu được sự thay đổi trong tính chất âm nhạc của từng đoạn là 26 SV (tương đương 65% số SV tham gia thực nghiệm).

Khi hỏi SV về sự tự tin rằng mình sẽ phân tích được một tác phẩm khi

nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, có 24 SV (tương đương 60%) trả lời “có thể làm được. So với kết quả trước thực nghiệm, số SV trả lời “có thể làm được” tăng 52,5%. Đặc biệt, khi được hỏi về lời tổng thể nội dung đã học, có 1 SV đã xung phong và gần như nêu được tất cả các vấn đề GV đã giảng trong quá trình thực nghiệm.

Bảng 4.

Câu hỏi	Các phương án trả lời	Số SV trước thực nghiệm (n=40)	Số SV sau thực nghiệm (n = 40)
Em nghĩ rằng mình có thể phân tích được tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân hay không?	Có thể làm được	3/40 7,5%	24/40 60%
	Không tự tin lắm	15/40 37,5%	9/40 22,5%
	Không thể làm được	22/40 55%	7/40 17,5%

Như vậy, các tác phẩm chúng tôi lựa chọn phù hợp với bộ môn Phân tích tác phẩm đối tượng là SV đại học SPAN.

#### 4.3.6. *Đánh giá quá trình thực nghiệm sư phạm*

Sau khi tiến hành thực nghiệm sử dụng các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân làm tư liệu nghe nhìn trong việc dạy học môn Phân tích tác phẩm, thông qua kết quả thực nghiệm ở những phần tư liệu mà chúng tôi biên soạn trong đề tài và sử dụng trong giáo trình giảng dạy môn học, chúng tôi có một số những nhận xét như sau:

- Về phần tác phẩm chọn để thực nghiệm: chúng tôi mạnh dạn đưa vào phần giảng dạy môn *Phân tích tác phẩm* một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cụ thể là *Nocture Tiếng vọng*. Một mặt, giới thiệu cho học sinh một chân dung nhạc sĩ trong giai đoạn âm nhạc từ 1975 đến nay, chuẩn bị một bước tiền đề cho môn Âm nhạc Việt Nam mà các em sẽ học ở năm học tiếp theo. Đồng thời, các tác phẩm khí nhạc được nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân triển khai rất sáng tạo, giúp SV vừa hiểu được hình thức, cấu trúc của tác phẩm, bên cạnh đó là ý nghĩa của tác phẩm.

- Về thái độ học tập: Với các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng

Quân, khi chúng tôi biên soạn và đưa vào chương trình giảng dạy môn Phân tích tác phẩm để dạy học bộ môn đã đón nhận được sự ủng hộ từ các GV và các em SV. Đa phần các em thấy hứng thú với các tác phẩm khí nhạc mà chúng tôi đưa ra, hơn thế nữa, nhóm tác phẩm này giúp các em hiểu rõ hơn về tính năng nhạc cụ của từng bộ nhạc cụ, nắm được thêm một số thông tin hữu ích về nền âm nhạc nước nhà.

Như vậy, các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân phù hợp với nội dung chương trình học môn *Phân tích tác phẩm* đặc biệt với các phần dẫn chứng về hình thức hoặc nhận diện thể loại. Đồng thời, các em SV cũng rất yêu thích và đón nhận tích cực với các tác phẩm này. Chính vì vậy, chúng tôi đề xuất nên đưa thêm một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân để làm đa dạng cho việc học môn *Phân tích tác phẩm*, cũng như giúp SV hiểu rõ hơn về những yếu tố dân tộc có trong những tác phẩm khí nhạc có chất nghệ thuật cao của nền âm nhạc Việt Nam.

#### ***Tiểu kết chương 4***

Trong chương này, chúng tôi đã đề xuất để dạy học một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân vào dạy học các môn như: Phân tích tác phẩm và Lịch sử âm nhạc Việt Nam. Bên cạnh đó, chúng tôi còn đưa ra những phương pháp dạy học tích cực, phương pháp dạy học theo năng lực, quy trình chuẩn bị của GV... để nâng cải thiện và cao chất lượng dạy học cho SV Đại học SPAN.

Nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân là một nhạc sĩ có rất nhiều đóng góp cho nền âm nhạc nước nhà. Theo dòng chảy của lịch sử âm nhạc Việt Nam, ông đã kế thừa và phát huy những truyền thống quý báu từ các thế hệ cha anh. Các tác phẩm của ông luôn có sự xử lý lồng ghép linh hoạt giữa các yếu tố truyền thống vào những tác phẩm có khuôn mẫu phương Tây. Chính từ những đặc điểm đó, khi đưa tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân vào giảng dạy thực nghiệm cho SV Đại học SPAN. SV đều rất hứng thú với các tác phẩm này, các em thảo luận sôi nổi và kết quả kiểm tra cũng có tín hiệu tốt.

SV Đại học SPAN sau này sẽ là những thầy/cô giáo trong tương lai, sẽ truyền thụ lại kiến thức về âm nhạc cho các em học sinh phổ thông. Được tiếp



nhận thêm kiến thức về khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân, SV sẽ tiếp nhận thêm về chân dung của một nhạc sĩ - nhà giáo có nhiều đóng góp cho nền âm nhạc nước nhà. Ngoài ra, SV còn được tiếp nhận thêm tình yêu tổ quốc qua những tác phẩm có nội dung tư tưởng luôn thể hiện một tình yêu và sự tự hào về đất nước - con người Việt Nam của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân. Như vậy, đề xuất dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cho SV Đại học SPAN của chúng tôi mang tính khả thi.

## KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

### 1. Kết luận

Ngành đại học SPAN đào tạo cử nhân SPAN có trình độ lý luận và thực hành để dạy học âm nhạc ở các cấp học phổ thông, các trường sư phạm, các trường văn hoá - nghệ thuật và các cơ sở đào tạo nghệ thuật, góp phần giáo dục thẩm mỹ cho học sinh, sinh viên đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới giáo dục, đào tạo trong nước và hội nhập quốc tế. Đồng thời, có thể tự học, học tiếp lên bậc cao hơn để hoàn thiện và nâng cao năng lực làm việc.

Đỗ Hồng Quân là nhạc sĩ tiêu biểu cho nền khí nhạc Việt Nam, chúng tôi nhận thấy rằng tác phẩm khí nhạc của ông rất đa dạng, phong phú trong cách thể hiện. Trong mỗi tác phẩm đều có màu sắc riêng, mang tính ngẫu hứng cao, tạo cho người nghe một sự cảm nhận về phong cách trình diễn tự nhiên mang đậm màu sắc dân gian. Những tác phẩm của ông dù được viết dưới bút pháp mới mẻ, hiện đại nhưng vẫn luôn mang âm hưởng và bản sắc Việt Nam với nội dung tư tưởng thấm nhuần tình yêu đất nước - con người, ngợi ca - tự hào những lịch chiến công lịch sử hào hùng của dân tộc. Điều này cũng là một trong những yếu tố tạo nên sự thành công trong các sáng tác của nhạc sĩ.

**Về cấu trúc tác phẩm** tác phẩm và một số chương nhạc được nhạc sĩ đặt tiêu đề riêng. Điều này giúp cho người nghe dễ tiếp cận, nắm rõ hình tượng và nội dung dễ dàng hơn, tạo nên sự đồng cảm giữa tác giả và thính giả.

**Về chất liệu xây dựng chủ đề**, tác giả đã sử dụng chất liệu khá phong phú. Tác giả đã vận dụng cũng như khai thác các nguồn chất liệu (từ bài đồng dao, điệu Lý, nhã nhạc, làn điệu chèo...cho đến các ca khúc) một cách linh hoạt, khiến cho các chủ đề trong tác phẩm của ông luôn được diễn tấu với nhiều màu sắc.

**Về hoà thanh** Đỗ Hồng Quân thường đan xen các dạng điệu thức khác nhau thay vì việc sử dụng một điệu tính xuyên suốt tác phẩm. Kết hợp hài hoà giữa yếu tố cổ điển và dân tộc, tạo nên những đặc điểm riêng về màu sắc âm nhạc trong các tác phẩm của ông.

Trong luận án, chúng tôi đã giới thiệu về nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân cũng như 6 tác phẩm khí nhạc của ông về phương diện cấu trúc, chất liệu xây dựng chủ

đề, hoà thanh, phối khí... Bên cạnh đó, chúng tôi cũng phân tích khá kĩ và có những nhận định riêng về việc sử dụng các tác phẩm đó vào việc học một số các môn thuộc khối kiến thức âm nhạc như: Âm nhạc Việt Nam; Phân tích tác phẩm. Chúng tôi nhận thấy, việc phân tích này là mang tính khoa học và rất cần thiết, SV thông qua các tác phẩm trên, hiểu rõ nội dung kiến thức GV truyền đạt, có thêm hiểu biết sâu rộng về tác giả, tác phẩm, đạt hiệu quả cao nhất trong môn học.

Từ những giá trị mà tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân mang đến cho người học, chúng tôi đã nghiên cứu và đề xuất dạy học một số tác phẩm khí nhạc của ông cho SV ngành Đại học SPAN. Chúng tôi đã tiến hành khảo sát và thực nghiệm ở ba ngôi trường có đào tạo ngành học SPAN đó là trường: ĐHSP Nghệ thuật TW, ĐHSP Hà Nội và Đại học VHTT&DL Thanh Hoá. Có thể thấy, trong các môn chúng tôi đề xuất giảng dạy, giáo trình gần như ít có các tác phẩm khí nhạc của Việt Nam để làm dẫn chứng (môn phân tích tác phẩm), hoặc như trong môn âm nhạc Việt Nam thì các ca khúc sẽ chiếm phần ưu thế hơn so với các tác phẩm khí nhạc trong phần tư liệu minh hoạ cho các thời kì âm nhạc.

Chính vì vậy, chúng tôi đã đề xuất đưa tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân vào chương trình học nhằm nâng cao chất lượng và trình độ cho SV ngành Đại học SPAN. Đáp ứng việc đổi mới giáo dục phổ thông, môn âm nhạc lần đầu tiên được đưa vào chương trình học của bậc THPT với mục tiêu định hướng nghề nghiệp. SV ngành SPAN, những thầy cô giáo tương lai sẽ là người trực tiếp truyền dạy lại kiến thức về âm nhạc cho em học sinh.

Từ sự kế thừa những phương pháp dạy học của các thế hệ đi trước, qua phần khảo sát thực trạng, chúng tôi đề xuất một số biện pháp mang tính khoa học để góp phần vào nâng cao chất lượng dạy và học một số môn kiến thức âm nhạc cơ bản cho SV ngành Đại học SPAN tại trường ĐHSP Nghệ thuật TW , ĐHSP Hà Nội và Đại học VHTT&DL Thanh Hoá.

Chúng tôi mong rằng, kết quả nghiên cứu của luận án sẽ góp phần vào việc nâng cao chất lượng dạy và học, từng bước Việt Nam hoá giáo trình giảng dạy, đưa những tác phẩm khí nhạc - thành tựu âm nhạc của nhạc sĩ - nhà giáo Đỗ

Hồng Quân cho SV ngành Đại học SPAN. Hi vọng luận án sẽ trở thành nguồn tài liệu tham khảo hữu ích, đóng góp một phần nghiên cứu vào công tác giảng dạy, học tập, sáng tạo nghệ thuật của GV - SV ngành Đại học SPAN, cũng như xu thế phát triển chung của giáo dục nghệ thuật nước nhà.

## **2. Khuyến nghị**

Giá trị mà tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân mang lại cho sự nâng cao và phát triển kiến thức của SV ngành Đại học SPAN là không thể phủ nhận. Vậy nên, việc sử dụng các tác phẩm khí nhạc này khi dạy học một số môn học về kiến thức âm nhạc cần được chú trọng và thực hiện một cách hệ thống, khoa học.

- Đối với các cơ sở đào tạo ngành SPAN (ĐHSP Nghệ thuật TW ; ĐHSP Hà Nội; Đại học VHNT&DL Thanh Hoá): cần đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị đầy đủ để việc tiến dạy học tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong một số môn kiến thức âm nhạc được thuận lợi. Bổ sung thêm những tác phẩm khí nhạc này vào vào giáo trình giảng dạy bộ môn để triển khai, áp dụng các biện pháp của luận án trong đào tạo ngành Đại học SPAN.

- Đối với khoa và tổ chuyên môn: Cần nghiên cứu bổ sung, sắp xếp lại các tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân trong nội dung giảng dạy các môn Phân tích tác phẩm và Âm nhạc Việt nam cho hợp lý, khoa học. Tổ chức thêm các lớp học ngoại khoá, tăng cường tạo điều kiện cho SV tham gia các buổi hoà nhạc tại các nhà hát của các nhạc sĩ trong và ngoài nước, giúp các em nâng cao thị hiếu thẩm mỹ và hiểu biết về âm nhạc.

- Đối với SV: Các em cần ý thức được việc tự học để tăng cường khả năng tự nghiên cứu, trau dồi kiến thức của bản thân về âm nhạc và để phát triển nghề nghiệp sau này. SV cần lên kế hoạch học tập nghiêm túc, khoa học.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ CÔNG BỐ

### \* Bài báo khoa học:

1. Dương Vũ Bình Minh (2016), “Chất liệu âm nhạc truyền thống trong giao hưởng Trỗi một của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân”, *Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật*, số 18, tr. 42 - 46.
2. Dương Vũ Bình Minh (2023), “Sử dụng tác phẩm khí nhạc Việt Nam trong dạy học cho sinh viên Đại học Sư phạm âm nhạc”, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học thường niên cho nghiên cứu sinh và học viên năm 2023*, Khoa sau đại học, trường ĐHSP Nghệ thuật TW.
3. Dương Vũ Bình Minh (2023), “Chất liệu chủ đề từ âm nhạc truyền thống trong một số tác phẩm khí nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân”, *Tạp chí văn hoá nghệ thuật*, số 542, tr. 67 – 69.
4. Dương Vũ Bình Minh (2023), “Một vài nét về tác phẩm Sắc xuân của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân”, *Tạp chí Giáo dục Nghệ thuật*, số 45, tr. 78 -81.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đồng Lan Anh (2010), *Hình thức Rondo trong một số tác phẩm khí nhạc Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ nghệ thuật học, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.
2. Nguyễn Trọng Ánh (2011), “Chức năng, nhiệm vụ của giảng viên dạy các môn kiến thức âm nhạc trong quá trình đào tạo tài năng”, *Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc tế: Đào tạo âm nhạc chuyên nghiệp trong thế kỉ XXI và một số vấn đề về âm nhạc dân tộc học*, Học viện âm nhạc Quốc gia Việt Nam.
3. Đặng Tự Ân (2017), *Mô hình trường học mới Việt Nam - Phương pháp giáo dục*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
4. Nguyễn Bách (2021), *Từ điển giải thích thuật ngữ âm nhạc*, Nxb tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
5. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông - Môn Âm nhạc*.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), *Tài liệu Hội nghị “Nâng cao chất lượng giáo dục nghệ thuật trong trường học”*.
7. Vũ Tú Cầu (2018), *Thủ pháp hoà âm trong giao hưởng Việt Nam sau năm 1975*, Luận án tiến sĩ, Học viện âm nhạc Quốc gia Việt Nam.
8. Nguyễn Thị Minh Châu (2007), *Âm nhạc Việt Nam Tác giả tác phẩm (tập III)*, Viện âm nhạc, Hà Nội.
9. Đào Thị Khánh Chi (tháng 2 năm 2023), *Dạy học hát Aria của W.A.Mozart cho sinh viên thanh nhạc giọng soprano Trường Đại học Sư phạm Nghệ thuật TW*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và PPDH Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.
10. Nguyễn Văn Cường, Prof. Bernd Meier, (2012), *Lý luận dạy học hiện đại, một số vấn đề về đổi mới phương pháp dạy học*, Trường Đại học sư phạm Hà Nội, Hà Nội.
11. Hồng Đăng (1972), *Các khí nhạc trong dàn nhạc giao hưởng*, Nxb Văn hoá.

12. Hồng Đăng, Tân Huyền, Vũ Tự Lân (1997), *Nhạc sĩ Việt Nam hiện đại*, Nxb Hội nhạc sĩ.
13. Nguyễn Đại Đồng (2017), “Đổi mới dạy và học môn lịch sử âm nhạc phương Tây”, *Giáo dục âm nhạc - Music education- Tập 3*, Học viện âm nhạc quốc gia Việt Nam.
14. Trần Khánh Đức (2020), *Lý luận và phương pháp dạy học*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
15. Đỗ Hương Giang (2022), *Dạy học hát ca khúc trữ tình của Franz Schubert cho sinh viên Đại học Thanh nhạc ở Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và PPDH Âm nhạc, Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.
16. Trần Văn Giàu (1980), *Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Phó Đức Hòa (2020), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
18. Phạm Lê Hòa (2013), “Nghệ thuật âm nhạc và con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa”, *Nội san Đại học sư phạm Nghệ thuật Trung ương*.
19. Đặng Vũ Hoạt, Hà Thị Đức (2009), *Lí luận dạy học đại học*, Nxb Đại học Sư phạm
20. Lan Hương (2002), *Các thể loại âm nhạc*, Nxb Văn hoá thông tin
21. Phạm Tú Hương (1998), *Sách giáo khoa phức điệu*. Nhạc viện Hà Nội.
22. Phạm Tú Hương (2007), *Âm nhạc Việt Nam, tác giả, tác phẩm (Tập IV)*, Hà Nội -Viện âm nhạc.
23. Phạm Tú Hương (2010), *Tổng tập âm nhạc Việt Nam tác giả và tác phẩm tập 1*, Nxb văn hoá dân tộc, Viện âm nhạc.
24. Minh Khang (1987), “Vai trò quảng bốn trong âm nhạc”. Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật (2)*
25. Phạm Minh Khang (2005), *Giáo trình hòa thanh*, Nhạc viện Hà Nội

26. Đặng Thị Lan (2020), *Dạy học hát Chèo và Quan họ cho sinh viên Đại học Sư phạm Âm nhạc*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Lí luận và PPDH Âm nhạc, Trường DHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.
27. Vũ Tự Lân (2015), *Từ điển âm nhạc*, Nxb Hà Nội.
28. Nguyễn Phúc Linh (2017), “Đổi mới chương trình đào tạo các môn kiến thức âm nhạc tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam”, *Giáo dục âm nhạc - Music education-Tập 3*, Học viện âm nhạc quốc gia Việt Nam.
29. Lê Thuỳ Linh (2016), *Đưa hai tác phẩm viết cho đàn Bầu với dàn nhạc của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân vào chương trình giảng dạy bậc Đại học tại Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ nghệ thuật học, chuyên ngành: giảng dạy chuyên ngành Đàn bầu, Học viện Âm nhạc quốc gia Việt Nam.
30. Nguyễn Thị Loan (2019), *Bổ sung một số đặc điểm hòa âm thế kỷ XX vào chương trình giảng dạy tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Âm nhạc học, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.
31. Nguyễn Thụy Loan (1978, 1979), “Thử dẫn giải về một số lý thuyết điệu thức của người Việt qua bài bản tài tử cải lương”, *Tạp chí Nghiên cứu nghệ thuật* (5, 6).
32. Nguyễn Thụy Loan (1980), “Suy nghĩ về sức sống Việt Nam qua những chặng đường sử nhạc”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (1), (3), (4).
33. Nguyễn Thụy Loan (1992), “Việt Nam, một tụ điểm của thế giới ngũ cung phong phú”, *Tạp chí Nghiên cứu nghệ thuật* (1).
34. Nguyễn Thụy Loan (1993), *Lược sử âm nhạc Việt Nam*, Nhạc viện Hà Nội, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
35. Nguyễn Thụy Loan (2006), *Âm nhạc cổ truyền Việt Nam*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
36. Hoàng Long, Hoàng Lân (2005), *Phương pháp dạy học âm nhạc*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.



37. Phan Thanh Long (chủ biên), Lê Trảng Định (2011), *Những vấn đề chung của giáo dục học*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
38. Nguyễn Thị Tố Mai (2014), *Lịch sử âm nhạc thế giới phần châu Âu từ khởi đầu đến thế kỷ XIX cho hệ ĐHSP Âm nhạc*, Giáo trình nội bộ Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.
39. Nguyễn Thị Tố Mai (chủ nhiệm) nhóm giảng viên Trường ĐHSP Nghệ thuật TW (2019), *Nghiên cứu nội dung và phương pháp dạy học mới cho sinh viên Sư phạm Âm nhạc đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông ở Việt Nam*, đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ.
40. Nguyễn Thị Tố Mai (2020), *Phương pháp dạy học âm nhạc theo phát triển năng lực*, Tài liệu lưu hành nội bộ Trường ĐHSP Nghệ thuật TW, Hà Nội.
41. Hồ Chí Minh (1971), *Về văn hóa nghệ thuật*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
42. Phạm Phúc Minh (1991), *Tìm hiểu dân ca Việt Nam*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
43. Lưu Xuân Mới (2000), *Lý luận dạy học Đại học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
44. Ngô Thị Nam (2001), *Phương pháp dạy học âm nhạc*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
45. Phan Ngọc (1998), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin Hà Nội.
46. Tú Ngọc (chủ nhiệm), Nguyễn Thị Nhung, Vũ Tự Lân, Nguyễn Ngọc Oánh, Thái Phiên (2000), *Âm nhạc mới Việt Nam tiến trình và thành tựu*, Viện Âm nhạc.
47. Tú Ngọc (1978), “Kế thừa truyền thống dân tộc hấp thu tinh hoa thế giới sáng tạo cái mới trong âm nhạc”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, (4), (5).
48. Tú Ngọc (1991), *Trích giảng âm nhạc thế giới thế kỷ XX*, Nxb Nhạc viện Hà Nội.
49. Tú Ngọc (1994), *Dân ca Người Việt*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.

50. Tú Ngọc, Nguyễn Thị Nhung, Vũ Tự Lân, Nguyễn Ngọc Oánh, Thái Phiên (2000), *Âm nhạc mới Việt Nam tiến trình và thành tựu*, Hà Nội- Viện âm nhạc.
51. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt (1988), *Giáo dục học*, tập 1, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
52. Nguyễn Thanh Nhã (2011), *Phân tích bản Symphonic Fantasy Mở đầu của nhạc sĩ Đỗ Hồng Quân*, Khoá luận tốt nghiệp Đại học chính quy, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.
53. Nhiều tác giả (2003), *Hợp tuyển Nghiên cứu lý luận phê bình âm nhạc Việt Nam thế kỷ XX tập 1, tập 5*, Viện âm nhạc, Hà Nội.
54. Doãn Nho (1981), “Những đặc điểm của điệu thức dân ca người Việt”, *Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật*, (1).
55. Nguyễn Thị Nhung (1996), *Thể loại âm nhạc*, Nhạc viện Hà Nội, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
56. Nguyễn Thị Nhung (2001), *Âm nhạc thánh phòng - giao hưởng Việt Nam*, Viện Âm Nhạc.
57. Nguyễn Thị Nhung (2005), *Phân tích tác phẩm âm nhạc*, Hà Nội: Nhạc viện Hà Nội.
58. Nguyễn Thị Nhung (2006), *Âm nhạc Việt Nam Tác giả, tác phẩm tập 1*, Hà Nội - Viện âm nhạc.
59. Nguyễn Thị Nhung (2006), *Phân tích tác phẩm âm nhạc quyển 2*, Hà Nội - Nhạc viện Hà Nội.
60. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), Nguyễn Thị Thanh Hồng, Trịnh Thuý Giang, Nguyễn Nam Phương, Nguyễn Thị Thanh, Tạ Quang Tuấn (2019), *Năng lực dạy học của giảng viên đại học sư phạm*, Nxb khoa học và kỹ thuật.
61. Hoàng Phê (chủ biên, 1998), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
62. Dương Minh Quang (chủ biên), Nguyễn Thị Hào, Nguyễn Hồng Phan (2018), *Hiệu quả giảng dạy của giảng viên lý luận và thực tiễn*, Nxb Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

63. Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2005), *Luật Giáo dục*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
64. Lã Minh Tâm (2017), *Hình thức ba đoạn phức trong các tác phẩm khí nhạc Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện âm nhạc Quốc gia Việt Nam.
65. Lê Thị Thơ (2022), *Giảng dạy các ca khúc mang âm hưởng dân ca miền Trung trong đào tạo Thanh nhạc tại Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam*, Luận án Tiến sĩ chuyên ngành Âm nhạc học của Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.
66. Trịnh Hoài Thu (2010), *Nghiên cứu ảnh hưởng của âm nhạc dân gian trong tác phẩm khí nhạc mới Việt Nam thế kỷ XX*, Luận án tiến sĩ Văn hoá học, Viện văn hoá nghệ thuật Việt Nam.
67. Trương Quỳnh Thư (2004), *Vận dụng cách viết giao hưởng nhiều chương của Phương Tây trong giao hưởng nhiều chương của Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ âm nhạc học, Nhạc viện Hà Nội.
68. Lê Văn Toàn (2006), *Âm nhạc Việt Nam Tác giả, tác phẩm* (Tập II), Hà Nội - Viện âm nhạc.
69. Lê Văn Toàn (chủ biên), Tô Ngọc Thanh, Nguyễn Trọng Ánh, Bùi Huyền Nga, Nguyễn Bình Định, Đỗ Thị Thanh Nhân (2016), *Vấn đề nghiên cứu và đào tạo Âm nhạc dân tộc học Việt Nam*, NXB Thanh niên, Học viện Âm nhạc Quốc gia Việt Nam.
70. Nguyễn Thu Trang (2012), *Đặc điểm âm nhạc trong bốn tác phẩm giao hưởng giai đoạn 1995-2010 của Đỗ Hồng Quân*, Luận văn thạc sĩ âm nhạc học, Học viện âm nhạc Quốc gia Việt Nam
71. Lê Công Triêm (chủ biên), Nguyễn Đức Vũ, Trần Thị Tú Anh (2022), *Một số vấn đề hiện nay của phương pháp dạy học đại học*, Nxb Giáo dục
72. Nguyễn Thế Tuấn (2002), “Vận dụng chất liệu âm nhạc dân gian trong một số tác phẩm giao hưởng Việt Nam”, Tạp chí *Văn hoá Nghệ thuật* (5).
73. Nguyễn Thế Tuấn (2006), *Giao hưởng Việt Nam - một tiến trình lịch sử*, Luận án tiến sĩ Nghệ thuật học, Nhạc viện Hà Nội.

74. Lê Anh Tuấn (2010), *Phương pháp dạy học âm nhạc ở trường Tiểu học và THCS*, Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội.
75. Nguyễn Viêm (1981), “Âm nhạc dân gian với tác phẩm chuyên nghiệp”, *Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật*, số 5 năm 1981.
76. Viện Âm nhạc (2006), *Âm nhạc Việt Nam tác giả - tác phẩm tập 1, tập 2*, Bộ văn hoá thông tin, Nhạc viện Hà Nội, Hà Nội.
77. Viện Âm nhạc (2007), *Âm nhạc Việt Nam tác giả - tác phẩm tập 3, tập 4*, Bộ văn hoá thông tin, Nhạc viện Hà Nội, Hà Nội.
78. Viện Âm nhạc (2005), *Những tác phẩm giao hưởng Việt Nam tập 1*, Bộ Văn hoá Thông tin, Nhạc viện Hà Nội, Nxb Dân tộc, Hà Nội.
79. Viện Âm nhạc (2005), *Những tác phẩm giao hưởng Việt Nam tập 2*, Bộ Văn hoá Thông tin, Nhạc viện Hà Nội, Nxb Dân tộc, Hà Nội.
80. Viện Âm nhạc (2005), *Những tác phẩm giao hưởng Việt Nam tập 3*, Bộ Văn hoá Thông tin, Nhạc viện Hà Nội, Nxb Dân tộc, Hà Nội.
81. Viện Âm nhạc (2005), *Những tác phẩm giao hưởng Việt Nam tập 4*, Bộ Văn hoá Thông tin, Nhạc viện Hà Nội, Nxb Dân tộc, Hà Nội.
82. Nguyễn Anh Việt (2023), *Ảnh hưởng của âm nhạc phương Tây trong các tác phẩm viết cho nhạc cụ dân tộc của các nhạc sĩ Việt Nam*, Luận án tiến sĩ, Học viện âm nhạc Quốc gia Việt Nam.
83. Thế Vinh, Nguyễn Thị Nhung (1985), *Lịch sử âm nhạc thế giới tập 2*, Nhạc viện Hà Nội.
84. Tô Vũ (1973), “Nhạc khí với tính dân tộc trong âm nhạc”, *Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật*, (1).
85. Tô Vũ (1974), “Nhạc khí với tính hiện đại trong âm nhạc”, *Tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật*, (2).
86. Tô Vũ (1996), *Sức sống của nền âm nhạc truyền thống Việt Nam*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
87. Tô Vũ (2002), *Âm nhạc Việt Nam truyền thống và hiện đại*, Viện Âm nhạc, Hà Nội.
88. Nguyễn Xinh (1983), *Lịch sử âm nhạc thế giới tập 1*, Nhạc viện Hà Nội.

89. James H. Stronge (2007), dịch giả: Lê Văn Canh (2011), *Những phẩm chất của người giáo viên hiệu quả (Qualities of effective teacher)*, Beauregard Street, Alexandria, Virginia USA.
90. Robert J. Marzano (1992), *A Different Kind of Classroom: Teaching with Dimensions for Learning (Dạy học theo những định hướng của người học)*, Alexandria, Virginia (học viện Quản Lý và Giáo dục Alexandria), USA.
91. M.B. Khraptenko (1984), *Sáng tạo nghệ thuật, hiện thực, con người*, Nxb Khoa học xã hội.
92. Marin Goleminop do Tô Hải dịch (1972), *Nghệ thuật phối dàn nhạc*, Nxb Văn hoá
93. Michael Shayer and Phillip Adey (2002), *Learning Intelligence (Học tập một cách thông minh)*, Open University press, Buckingham, Philadelphia.
94. Robert J. Marzano, Debra J. Pickering, Jane E. Pollock, dịch giả: Nguyễn Hồng Vân (2001), *Các phương pháp dạy học hiệu quả (Classroom instruction that works)*, Beauregard Street, Alexandria, USA.
95. Shirley Fletcher (1995), *Competence - Based Assessment Techniques (Các kỹ thuật đánh giá dựa trên năng lực thực hiện)*, Kogan Page Ltd, London.
96. Thomas Armstrong (2000), dịch giả: Lê Quang Long, *Đa trí tuệ trong lớp học (Multiple Intelligences in the Classroom)*, Beauregard Street, Alexandria, Virginia USA.
97. V.A. Vakhromêep (1985) Nguyễn Xinh dịch, *Nhạc lý cơ bản*, , Nhạc viện Hà Nội.
98. Willi Apel (1969), *Từ điển âm nhạc của Havard (quyển 3)*, Đại học Havard.
99. [Http://nguvan.hnue.edu.vn/Nghiencuu/Phuongphap/tabid/106/newstab/271/Default.aspx](http://nguvan.hnue.edu.vn/Nghiencuu/Phuongphap/tabid/106/newstab/271/Default.aspx). Bài *Triết lý giáo dục của John Dewey với giáo dục và dạy học ở Việt Nam* của TS. Nguyễn Ái Học đăng trên trang của Khoa Ngữ văn Trường ĐHSP Hà Nội (ngày 28.3.2014).
100. [https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BA%A1c\\_th%C3%ADnh\\_ph%C3%B2ng](https://vi.wikipedia.org/wiki/Nh%E1%BA%A1c_th%C3%ADnh_ph%C3%B2ng) âm nhạc thính phòng